

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở “CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM”

ĐỊA ĐIỂM: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở “CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM”

ĐỊA ĐIỂM: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CP DV TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
Giám đốc
THÁI LÊ NGUYÊN

CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM
Tổng giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
GUNZE
(VIỆT NAM) SHIMOJO

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
MỞ ĐẦU	vii
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1 Tên chủ cơ sở.....	1
1.2 Tên cơ sở:	1
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	4
1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:	4
1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	5
1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:	9
1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	9
1.4.1 Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu.....	9
1.4.2 Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị của cơ sở	11
1.4.3 Hóa chất sử dụng	12
1.4.4 Nhu cầu sử dụng điện nước	12
1.4.5 Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở.....	18
1.4.6 Nhu cầu lao động	18
1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	18Z
1.5.1 Vị trí địa lý của cơ sở.....	18
1.5.2 Vị trí tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội	20
1.5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở:.....	20
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	25
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	25
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	26
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	31
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	31
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	31
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	33
3.1.3. Xử lý nước thải.....	36

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	42
3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi bông phát sinh từ quá trình dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận	43
3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi bông phát sinh từ quá trình dệt tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận	45
3.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu hơi nóng phát sinh tại nhà xưởng may Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận	47
3.2.4. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng.....	48
3.2.5. Lò hơi sử dụng gas để đốt (sử dụng gas để đốt nên cơ bản tương đối đốt cháy hoàn toàn, ít phát sinh khí thải)	49
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải	50
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	51
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	53
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)	54
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	56
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	57
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải.....	57
3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi.....	58
3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....	58
3.6.4. Biện pháp ứng phó, xử lý sự cố hóa chất	59
3.6.5. Phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ.....	59
3.6.6. Đối với sự cố cháy nổ do chập điện:	60
3.6.7. An toàn lao động	61
3.6.8. Phòng ngừa và ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm.....	61
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	62
3.7.1. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	62
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	63
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	63
4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép	63
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	63
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	66
4.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải	66
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:.....	66
4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:	68
4.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:	68

4.2.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	69
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	69
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	69
4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	69
4.3.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:.....	70
4.3.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	70
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với Chất thải rắn, Chất thải nguy hại.....	71
4.4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:	71
4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	72
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2021, 2022 VÀ 2023 ...	73
5.1. Kết quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	73
5.2. Kết quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	74
CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....	75
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở.....	75
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	75
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	75
6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	75
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	76
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	76
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	77
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	77
CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ.....	78

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Việt
KCX	Khu chế xuất
HTXL	Hệ thống xử lý nước thải
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
MTV	Một thành viên
PCCC&CNCH	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
CTBVMT	Công trình bảo vệ môi trường
LPG	Khí hóa lỏng
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
XLNT	Xử lý nước thải
BTCT	Bê tông cốt thép

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1-1 Công suất hoạt động của cơ sở	4
Bảng 1-2 Sản phẩm của cơ sở	9
Bảng 1-3 Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu tại nhà máy	10
Bảng 1-4 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại nhà máy	11
Bảng 1-5 Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị của cơ sở.....	11
Bảng 1-6 Hóa chất sử dụng cho HTXLNT	12
Bảng 1-7 Nhu cầu sử dụng điện	13
Bảng 1-8 Nhu cầu sử dụng nước thực tế.....	14
Bảng 1-9 Nhu cầu sử dụng nước cơ sở tại nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 và Lô số M.25a-27b	17
Bảng 1-10 Tọa độ ranh giới khu vực của Công ty (Tọa độ VN2000) và vị trí tiếp giáp	19
Bảng 1-11 Các hạng mục công trình của nhà máy.....	21
Bảng 2-1 Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải của KCX.....	29
Bảng 3-1 Thông số hệ thống hút bụi xưởng dệt khu A.....	44
Bảng 3-2 Thông số hệ thống hút bụi xưởng dệt Lô số M.25a-27b	47
Bảng 3-3 Thống kê lượng CTRCNTT tại nhà máy	53
Bảng 3-4 Thống kê lượng phát sinh CTNH tại Nhà máy	55
Bảng 4-1 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đề nghị cấp phép	70
Bảng 4-2 Giá trị giới hạn đối với độ rung đề nghị cấp phép.....	70
Bảng 6-1 Thời gian vận hành thử nghiệm.....	75
Bảng 6-2 Kế hoạch lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định	75

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1-1 Quy trình sản xuất vải dệt không nhuộm tại Lô M.25a-27b.....	6
Hình 1-2 Quy trình sản xuất vải dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.	7
Hình 1-3 Quy trình sản xuất hàng may mặc.....	8
Hình 1-4 Vị trí các cơ sở hoạt động của Công ty.....	19
Hình 2-1 Quy trình công nghệ xử lý nước thải hiện hữu (sinh hóa) của KCX Tân Thuận ..	27
Hình 3-1 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom và thoát nước mưa	32
Hình 3-2 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom và thoát nước thải tại nhà máy	35
Hình 3-3 Hồ ga đầu nối nước thải của nhà máy trên đường số 10.....	36
Hình 3-4 Bể tự hoại 3 ngăn	36
Hình 3-5 Bể tách dầu mỡ 4 ngăn.....	37
Hình 3-6 Quy trình xử lý nước thải.....	38
Hình 3-7 Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy	40
Hình 3-8 Quy trình hút bụi phân xưởng dệt khu A.....	43
Hình 3-9 Hệ thống hút bụi phân xưởng dệt khu A.....	45
Hình 3-10 Quy trình hút bụi phân xưởng dệt Lô số M.25a-27b	46
Hình 3-11 Hệ thống hút bụi phân xưởng dệt Lô số M.25a-27b.....	47
Hình 3-12 Quy trình hút hơi nóng phân xưởng cắt (công đoạn hoàn tất vải).....	48
Hình 3-13 Hệ thống thu gom thoát hơi nóng công đoạn hoàn tất vải.....	48
Hình 3-14 Phễu hút mái và quạt hút của hệ thống thông gió nhà xưởng.....	49
Hình 3-15 Lò hơi tại nhà máy	50
Hình 3-16 Ống thoát khí lò hơi tại nhà máy	50
Hình 3-17 Khu vực lưu trữ và thùng thu gom chất thải sinh hoạt tại nhà máy.....	52
Hình 3-18 Thùng Container lưu chứa rác thải công nghiệp thông thường	54
Hình 3-19 Kho chứa chất thải nguy hại	56
Hình 3-20 Bên trong kho chứa chất thải nguy hại	56

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) bắt đầu hoạt động từ năm 1995 theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1022746845 chứng nhận lần đầu ngày 18/03/1995, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 17/5/2021 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ năm ngày 31/10/2023.

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam), hoạt động tại 2 vị trí thực hiện trong Khu chế xuất Tân Thuận. Cụ thể như sau:

- Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích đất sử dụng: 15.000 m²:

+ Sản xuất hàng may mặc (dệt – dệt kim – hoàn tất – cắt may) quy mô 11.000.000 sản phẩm/năm.

+ Dịch vụ cung cấp hàng hóa cho các Doanh nghiệp trong khu chế xuất Tân Thuận từ các nguồn trong nước và nước ngoài để phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp này; mua hàng hóa ở nước ngoài để bán tại nước thứ ba; thu mua, bảo quản, gia công tái chế, đóng gói các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

- Lô số M.25a-27b, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc Quốc Miên): sản xuất vải dệt không nhuộm quy mô 1.080 tấn sản phẩm/năm.

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đã được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0300666030 chứng nhận lần đầu ngày 18/03/1995, thay đổi lần thứ 6, ngày 24/10/2023, chuyên hoạt động sản xuất hàng may mặc, dịch vụ cung cấp hàng hóa.

- Ngày 17/03/2005, Công ty được Ban Quản lý Các khu chế xuất và Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh cấp *Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường* số 453/2005/CNMT-KCX-HCM của dự án “Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc của công ty TNHH Gunze (Việt Nam)” tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10.

- Công ty đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải KCX Tân Thuận theo hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải giữa Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) và Công ty TNHH Tân Thuận (Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCX Tân Thuận và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) theo hợp đồng số 149/TTC-CV-10 ngày 06/05/2010.

- Công ty đã được Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Giấy xác nhận đăng ký *Bản cam kết bảo vệ môi trường* số 1998/GXN-BQL-KCN-HCM-QLMT của Dự án “Xây dựng nhà kho của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)” ngày 06/09/2010.

- Công ty được cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng dệt không nhuộm công suất 1.080 tấn vải/năm” số 12/GXN-UBND được UBND Quận 7 ngày 03 tháng 08 năm 2020 tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

Căn cứ theo Hướng dẫn hồ sơ pháp lý môi trường và quan trắc khí thải lò hơi dùng LPG số 4291/BQL-MT của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty Gunze được miễn quan trắc khí thải đối với lò hơi sử dụng nhiên liệu là LPG.

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) có mức đầu tư là 241.914.000.000 (Hai trăm bốn mươi một tỷ chín trăm mười bốn triệu đồng) đồng thuộc lĩnh vực sản xuất hàng may mặc có tiêu chí như dự án nhóm B (Quy định tại Khoản 3, Điều 9 của Luật đầu tư công Số 39/2019/QH14) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Căn cứ quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường Số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thẩm định, giám sát và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Công ty. Đồng thời báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường còn là cơ sở khoa học để Công ty triển khai các giải pháp hạn chế tác động tiêu cực

đến môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Do đó, Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

- Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp HCM.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông TAKASHI SHIMOJO
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- CMND số: TZ2012787 Cấp ngày 03/03/2020 tại Việt Nam
- Đăng ký hộ khẩu thường trú: 388-4 Tenma Ootsuku, Himejishi, Hyogo, Nhật Bản
- Chỗ ở hiện tại: G1006 – The Manor Officetel, 91 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1022746845 chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 1995, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 31 tháng 10 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0300666030 chứng nhận lần đầu ngày 18/03/1995, thay đổi lần thứ 6, ngày 24/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Tên cơ sở:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

 Địa điểm cơ sở:

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

 Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Hợp đồng thuê đất số 096/TTC-NV và Phụ lục hợp đồng thuê đất số 110/TTC-NV.13 thời hạn thuê đất từ ngày 18/03/1995 đến hết ngày 23/09/2041.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829164, được cấp vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00124/1a/QSDĐ/1100/UB ngày 25/03/2022 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Hợp đồng thuê đất số 03QM.GUNZE giữa Công ty TNHH Gunze Việt Nam và Công ty TNHH May mặc Quốc Miên ngày 30/12/2022.
- Giấy phép xây dựng số 45/GPXD do Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam) được phép xây dựng Xí nghiệp may mặc Gunze (Việt Nam) ngày 15/09/1995.
- Giấy phép xây dựng số 101/GPXD-GĐ8 do Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam) ngày 13/11/2014.
- Giấy phép xây dựng số 63/GPXD-GĐ10 do Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam) ngày 03/06/2019.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy số 1285/GCN-PCCC ngày 02/05/1996 do Phòng cảnh sát PCCC – Công An Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 1154/TD-PCCC(HĐPC) ngày 13/08/2010 do Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 2320/CN-PCCC ngày 04/11/2014 do Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 438/TD-PCCC ngày 04/11/2014 do Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 32/TD-PCCC ngày 10/01/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 999/TD-PCCC ngày 08/09/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

 **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc của công ty TNHH Gunze (Việt Nam)” số 453/2005/CNMT-KCX-HCM được Ban Quản lý Các khu chế xuất và Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 17/03/2005.

- Giấy xác nhận đăng ký *Bản cam kết bảo vệ môi trường* của Dự án “ Xây dựng nhà kho của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)” số 1998/GXN-BQL-KCN-HCM-QLMT ngày 06/09/2010 được Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “ Nhà xưởng dệt không nhuộm công suất 1.080 tấn vải/năm” số 12/GXN-UBND được UBND Quận 7 cấp ngày 03 tháng 08 năm 2020.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000002.T ngày 04/05/2007 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải giữa Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) và Công ty TNHH Tân Thuận (Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCX Tân Thuận và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) theo hợp đồng số 149/TTC-CV-10 ngày 06/05/2010.

Quy mô của cơ sở

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): là 241.914.000.000 (Hai trăm bốn mươi một tỷ chín trăm mười bốn triệu đồng) đồng thuộc lĩnh vực sản xuất hàng may mặc thuộc dự án nhóm B mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng (Quy định tại Khoản 3, Điều 9 của Luật đầu tư công Số 39/2019/QH14).

- Dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm II (thuộc khoản 2, mục I, phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ). Căn cứ khoản 1, Điều 39 Luật bảo vệ môi trường, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

- Căn cứ Điều c, Khoản 3, Điều 41 – Luật Bảo vệ môi trường 2020 cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường: Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nội dung và cấu trúc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án tuân thủ theo hướng dẫn tại mẫu Phụ lục X của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Bảng 1-1 Công suất hoạt động của cơ sở

Sản phẩm	Đơn vị	Công suất sản xuất theo HSMT	Công suất thực tế		Công suất sản xuất theo GPMT	Vị trí	Ghi chú
			2022	2023			
Hàng may mặc	Sản phẩm /năm	11.000.000	10.164.561	8,770,051	11.000.000	Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không thay đổi so với hồ sơ môi trường ban đầu.
Vải dệt không nhuộm	Tấn sản phẩm /năm	1.080	1.075	745	1.080	Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không thay đổi so với hồ sơ môi trường ban đầu.

1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam), hoạt động tại 2 vị trí thực hiện trong Khu chế xuất Tân Thuận. Cụ thể như sau:

- **Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10**, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích đất sử dụng: 15.000 m²:

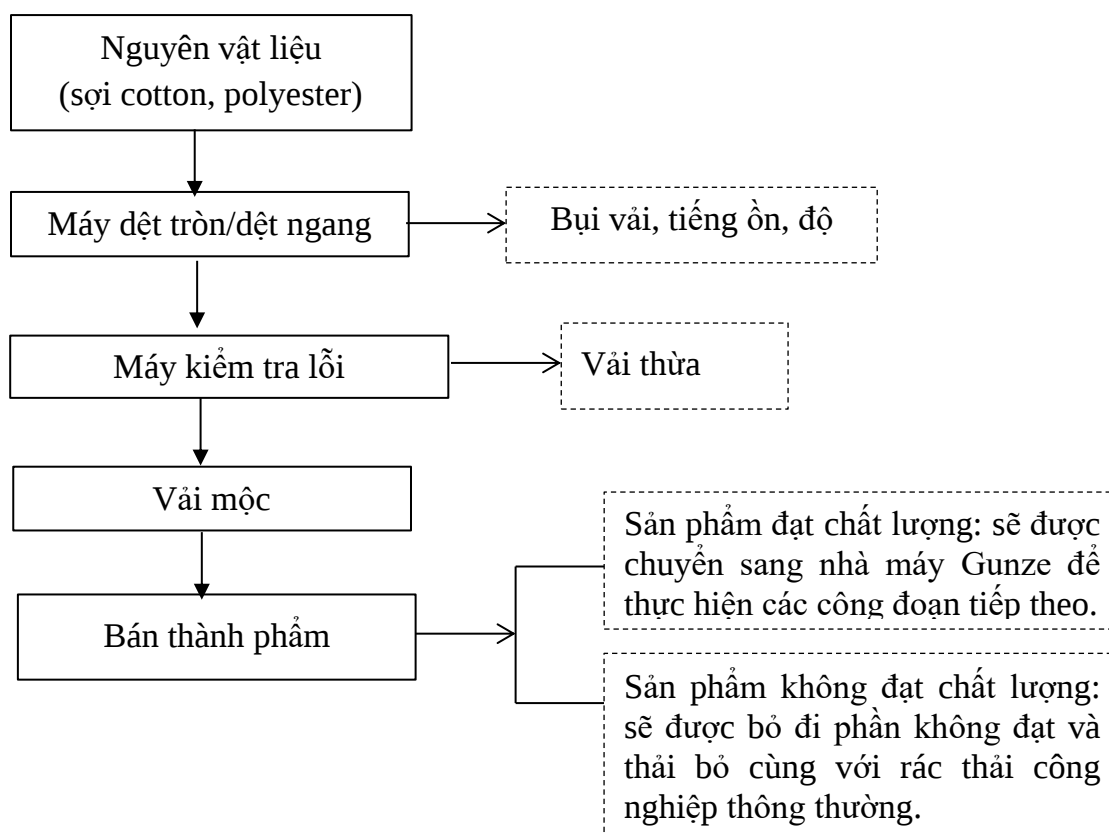
+ Sản xuất hàng may mặc (dệt – dệt kim – hoàn tất – cắt may) quy mô 11.000.000 sản phẩm/năm.

+ Dịch vụ cung cấp hàng hóa cho các Doanh nghiệp trong khu chế xuất Tân Thuận từ các nguồn trong nước và nước ngoài để phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp này; mua hàng hóa ở nước ngoài để bán tại nước thứ ba; thu mua, bảo quản, gia công tái chế, đóng gói các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

- **Lô số M.25a-27b, đường số 10**, khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc Quốc Miên): sản xuất vải dệt không nhuộm quy mô 1.080 tấn sản phẩm/năm.

Quy trình sản xuất cụ thể của công ty được trình bày như sau:

a. Quy trình sản xuất vải dệt tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, KCX Tân Thuận



Hình 1-1 Quy trình sản xuất vải dệt không nhuộm tại Lô M.25a-27b

Thuyết minh quy trình

- Nguyên vật liệu từ sợi cotton và polyester được nhập vào kho xưởng sau khi kiểm tra chất lượng.

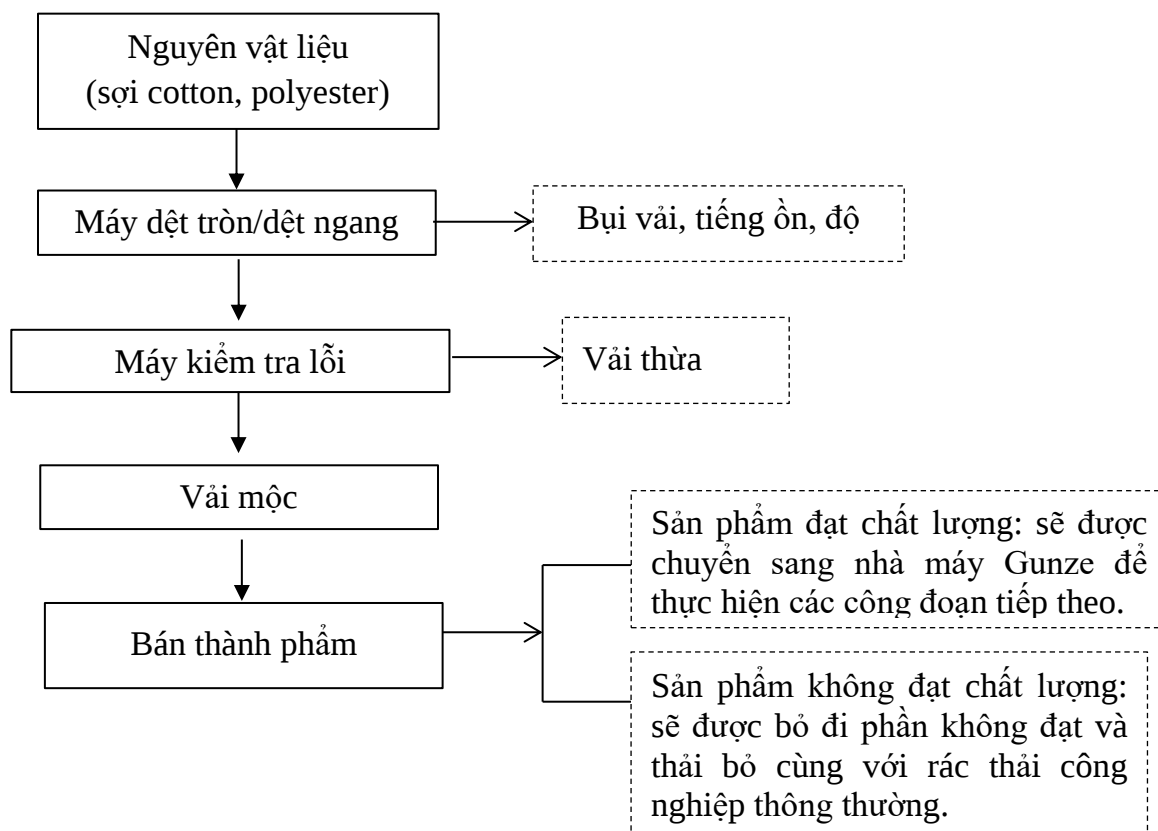
- Nguyên vật liệu sẽ được đưa vào máy dệt tròn/dệt ngang để tiến hành dệt vải, hoạt động này làm phát sinh tiếng ồn, bụi và độ rung. Trung bình 1 máy dệt chạy được 6,4 cuộn vải/ngày với kích thước 0,432 x 133 m.

- Sau khi máy dệt đã dệt thành các tấm vải được gọi là vải mộc, các tấm vải mộc này sẽ qua máy kiểm tra lỗi phát hiện lỗi như bung chỉ, dệt chông sợi chỉ, sản phẩm lỗi sẽ được chuyển đến kho lưu chứa và thu gom cùng chất thải công nghiệp thông thường.

Bán thành phẩm đạt chất lượng sẽ được chuyển sang nhà máy Gunze để thực hiện các công đoạn tiếp theo.

Các công đoạn tẩy trắng/ nhuộm màu sẽ được công ty gửi ra bên thứ 3 để gia công.

b. Quy trình sản xuất vải dệt và hàng may mặc tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.



Hình 1-2 Quy trình sản xuất vải dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

Thuyết minh quy trình

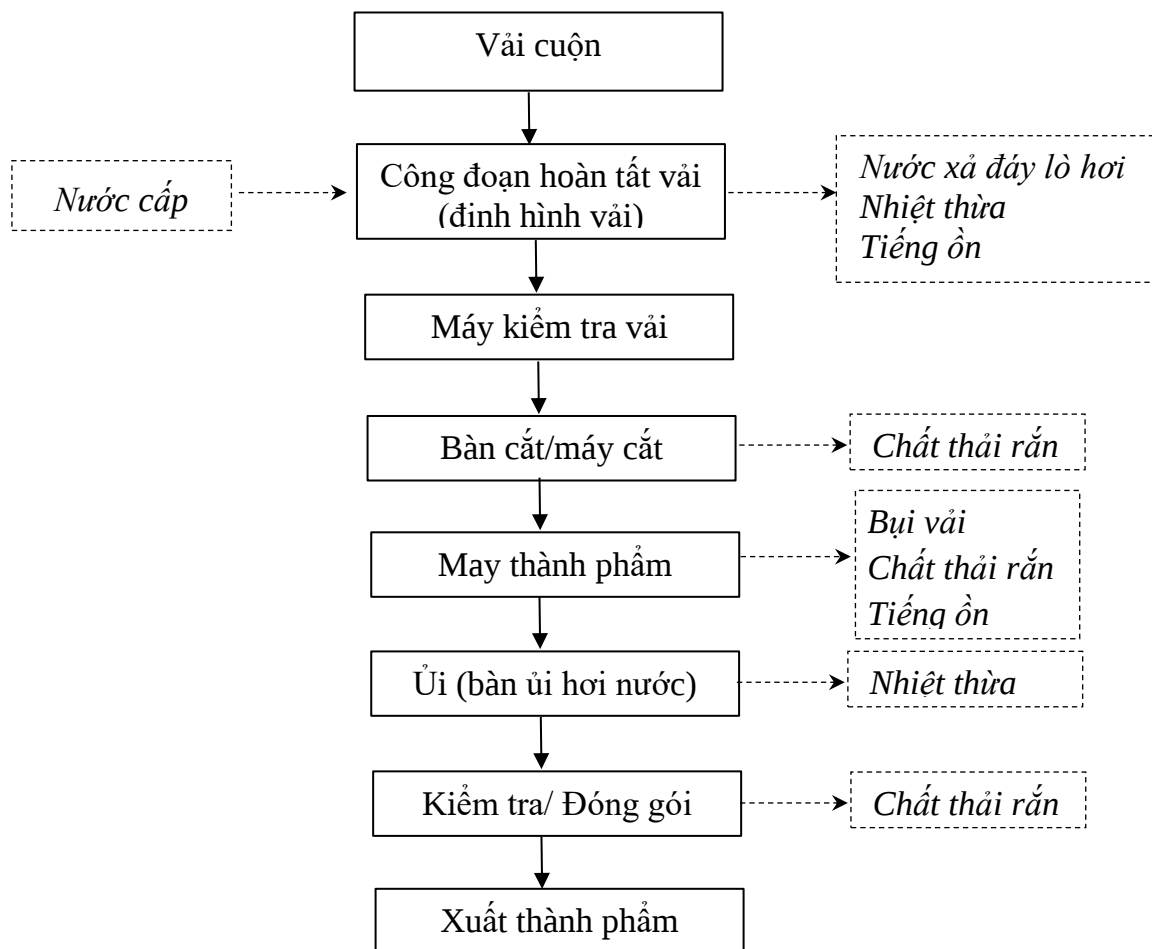
- Nguyên vật liệu từ sợi cotton và polyester được nhập vào kho xưởng sau khi kiểm tra chất lượng.

- Nguyên vật liệu sẽ được đưa vào máy dệt tròn/dệt ngang để tiến hành dệt vải, hoạt động này làm phát sinh tiếng ồn, bụi và độ rung.

- Sau khi máy dệt đã dệt thành các tấm vải được gọi là vải mộc, các tấm vải mộc này sẽ qua máy kiểm tra lỗi phát hiện lỗi như bung chỉ, dệt chồng sợi chỉ, sản phẩm lỗi sẽ được chuyển đến kho lưu chứa và thu gom cùng chất thải công nghiệp thông thường.

Bán thành phẩm đạt chất lượng sẽ được chuyển sang nhà máy Gunze để thực hiện các công đoạn tiếp theo.

Các công đoạn tẩy trắng/ nhuộm màu sẽ được công ty gửi ra bên thứ 3 để gia công.



Hình 1-3 Quy trình sản xuất hàng may mặc

Thuyết minh quy trình

Vải cuộn sau khi gia công được gửi về công ty sẽ đến công đoạn hoàn tất, định hình vải.

Vải sau khi đã được kiểm tra và xả cuộn thành tấm sẽ được đưa đến máy cắt. Công đoạn cắt được công nhân điều khiển máy thực hiện rập khuôn theo mẫu. Vải đã được cắt sẽ đưa đến bộ phận vắt sổ và may. Công nhân thao tác thực hiện thủ công trên máy vắt sổ và máy may để lắp ráp tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Sản phẩm sẽ được đưa đến bộ phận ủi, công nhân sử dụng bàn ủi hơi nước (hơi nước được lấy trực tiếp từ nồi đun bằng điện đi kèm theo mỗi bàn ủi) và bàn ủi điện thực hiện là phẳng sản phẩm. Tiếp theo sản phẩm sẽ được thực hiện kiểm phẩm, sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được công nhân đóng gói lưu kho chờ xuất hàng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Công nghệ sản xuất của cơ sở là một trong những công nghệ sản xuất sạch, do đó các công đoạn sản xuất chỉ phát sinh chủ yếu chất thải rắn công nghiệp thông thường, bụi vải, bụi bông, tiếng ồn và nhiệt thừa.

Năng suất tối đa 1 ngày công ty may được 18.400 cái áo và 10.100 cái quần (đồ lót).

1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở theo KHBVMT/CKBVMT là không thay đổi, sản phẩm của cơ sở như sau:

Bảng 1-2 Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm	Đơn vị	Công suất thực tế		Công suất theo GPMT
		2022	2023	
Hàng may mặc	Sản phẩm/năm	10.164.561	8,770,051	11.000.000
Vải dệt không nhuộm	Tấn/năm	1.075	998	1.080

1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1 Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu

Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1-3 Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu tại nhà máy

Stt	Tên nguyên liệu chính	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng hiện hữu	Khối lượng xin cấp phép	Xuất xứ
I	Nguyên liệu dệt				
1	Sợi cotton	Tấn/ năm	2.500	3.000	Việt Nam/ nhập khẩu
2	Sợi polyester	Tấn/ năm	60	100	Việt Nam/ nhập khẩu
3	Sợi PU	Tấn/ năm	8,8	12	Việt Nam/ nhập khẩu
4	Sợi tổng hợp	Tấn/ năm	75	120	Việt Nam/ nhập khẩu
II	Nguyên liệu may				
5	Chỉ may polyester	Tấn/ năm	100	150	Việt Nam/ nhập khẩu
6	Nút	Tấn/ năm	0,5	0,5	Việt Nam/ nhập khẩu
7	Chỉ cuộn	Tấn/ năm	10	10	Việt Nam/ nhập khẩu
8	Đệm lót	Tấn/ năm	12	15	Việt Nam/ nhập khẩu
9	Chỉ cotton	Tấn/ năm	8	8	Việt Nam/ nhập khẩu
III	Bao bì phụ liệu				
10	Bao bì	Cái/năm	32.510.000	33.000.000	Việt Nam/ nhập khẩu
11	Ống giấy quấn sợi	Tấn/ năm	2.200	2.500	Việt Nam/ nhập khẩu
12	Ống giấy cuộn vải	Tấn/ năm	44,5	50	Việt Nam/ nhập khẩu
13	Thùng carton	Cái/năm	352.000	400.000	Việt Nam/ nhập khẩu

(Nguồn: Công ty TNHH Gunze Việt Nam)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1-4 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại nhà máy

Stt	Tên nguyên liệu chính	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu nhớt	Lít/ năm	60	Bôi trơn cho máy móc, thiết bị
2	Gas LPG	Tấn/ năm	233	Nấu ăn, lò hơi

(Nguồn: Công ty TNHH Gunze Việt Nam)

1.4.2 Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị của cơ sở

Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị của Công ty được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1-5 Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị của cơ sở

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ/Năm sản xuất	Tình trạng
A	Phân xưởng dệt				
1	Xưởng 1 (Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận)				
1.1	Máy dệt kim tròn	Cái	101	Nhật và TQ	85%
2	Xưởng 2 (Lô M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận)				
2.1	Máy dệt kim tròn	Cái	63	Nhật và TQ	85%
B	Phân xưởng cắt, may				
1	Phân xưởng cắt				
1.1	Máy hoàn tất vải	Cái	5	Nhật (1996 và 2001)	80%
1.2	Máy kiểm tra vải	Cái	12	Nhật (1996, 2001, 2004, 2007)	80 – 85 %
1.3	Máy cắt	Cái	23	Nhật (1996, 2000 đến 2009)	80 – 85 %
2	Phân xưởng may				
2.1	Máy may	Cái	165	Nhật và TQ	80 – 85 %
2.2	Máy vắt sổ	Cái	78	Nhật và TQ	80 – 85 %
2.3	Máy kiểm kim loại	Cái	8	Nhật và TQ	80 – 85 %

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3	Phụ trợ khác				
3.1	Lò hơi 350kg/giờ , sử dụng gas LPG	Cái	04	Nhật (2011, 2012)	100 %
3.2	Xe nâng hàng	Chiếc	02	Nhật (2011)	100 %

Nguồn: Công ty TNHH Gunze Việt Nam,2024)

1.4.3 Hóa chất sử dụng

Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải:

Bảng 1-6 Hóa chất sử dụng cho HTXLNT

STT	Tên hóa chất	Nồng độ sử dụng	Khối lượng (kg/tháng)	Định mức sử dụng cho 1m ³ nước thải (kg/ngày)
1	Methanol 40%	10%	255	0,17
2	NaOH 45%	45%	360	0,24
3	FeCl ₃ 40%	5%	48	0,032

1.4.4 Nhu cầu sử dụng điện nước

1.4.4.1 Nhu cầu điện và nguồn cung cấp

- Nguồn cấp điện: nguồn điện cung cấp cho công ty được lấy từ nguồn điện của KCX cung cấp trực tiếp từ Công ty Điện lực Tân Thuận. Công ty không sử dụng máy phát điện trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng: năng lượng điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động của nhà máy, ngoài ra còn được dùng với mục đích xử lý nước thải, hệ thống máy lạnh làm mát trung tâm, thắp sáng khu vực hoạt động của công ty,...

Theo hóa đơn điện sử dụng của nhà máy, lượng điện tiêu thụ của nhà máy:

Bảng 1-7 Nhu cầu sử dụng điện

TT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
1.	Tháng 09/2023	kWh/tháng	316.419
2.	Tháng 10/2023	kWh/tháng	407.058
3.	Tháng 11/2023	kWh/tháng	402.221
4.	Tháng 12/2023	kWh/tháng	400.025
5.	Tháng 01/2024	kWh/tháng	420.737
6.	Tháng 02/2024	kWh/tháng	263.598
7.	Tháng 03/2024	kWh/tháng	455.289
8.	Tháng 04/2024	kWh/tháng	422.786
9.	Tháng 05/2024	kWh/tháng	278.415
10.	Tháng 06/2024	kWh/tháng	386.112
Điện tiêu thụ trung bình tháng		kWh/tháng	375.266

1.4.4.2 Nhu cầu sử dụng nước**a. Nguồn cấp nước**

Nước cấp cho cơ sở chủ yếu để phục vụ các nhu cầu: Cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên và nước cho hoạt động sản xuất.

Nước được cấp từ đơn vị hạ tầng của Khu chế xuất Tân Thuận.

b. Nhu cầu sử dụng nước thời điểm hiện tại

Nhu cầu sử dụng nước trung bình của tại nhà xưởng chính tại Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10 và Nhà xưởng dệt tại Lô số M.25a-27b, đường số 10 là 1.304 m³, cơ sở hoạt động 26 ngày/ tháng tương đương trung bình mỗi ngày cơ sở sử dụng khoảng 50,15 m³ nước.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1-8 Nhu cầu sử dụng nước thực tế

TT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
			Nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 và Lô số M.25a-27b
1.	Tháng 9 (22/08/2023 - 14/09/2023)	m ³ /tháng	1.314
2.	Tháng 10 (15/09/2023-14/10/2023)	m ³ /tháng	1.394
3.	Tháng 11 (15/10/2023-14/11/2023)	m ³ /tháng	1.314
4.	Tháng 12 (15/11/2023-08/12/2023)	m ³ /tháng	1.292
5.	Tháng 01 (09/12/2023-08/01/2024)	m ³ /tháng	1.156
6.	Tháng 02 (09/01/2024-07/02/2024)	m ³ /tháng	1.539
7.	Tháng 03 (08/02/2024-08/03/2024)	m ³ /tháng	1.231
8.	Tháng 04 (09/03/2024-08/04/2024)	m ³ /tháng	1.619
9.	Tháng 05 (09/04/2024-08/05/2024)	m ³ /tháng	1.267
10.	Tháng 06 (09/05/2024-08/06/2024)	m ³ /tháng	1.228
	Nước tiêu thụ trung bình tháng	m³/tháng	1.304

Nguồn: Công ty TNHH Gunze Việt Nam

c. Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nước:

➤ Nước cấp cho sinh hoạt

Công ty có sử dụng nước cho mục đích sản xuất và sinh hoạt của công nhân viên, số lượng công nhân viên vào khoảng 643 người. Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023, lượng nước dùng cho nhu cầu sinh hoạt (tính theo 3 ca làm việc) của cơ sở khoảng 45 lít/ca/người.

$$Q_{sh} = (643 \text{ người} \times 45 \text{ lít/ca/người}) / 1000 = 28,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- Tiêu chuẩn dùng nước bếp ăn cho mỗi nhân viên tại cơ sở theo TCVN 4513:1988 là 25 lít/ người/ca.

$$Q_{bếp \text{ ăn}} = (643 \text{ người} \times 25 \text{ lít/ người}) / 1000 = 16,08 \text{ m}^3/\text{ngày.}$$

➤ Nước cấp cho hoạt động sản xuất

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nước cấp cho 04 lò hơi 350kg/giờ được xử lý qua hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi công suất 1,8 m³/giờ trước khi đi vào lò hơi. Nhà máy hoạt động luân phiên 2 lò hơi/lần sử dụng, lượng nước cấp sử dụng cho lò hơi khoảng 16,8 m³ nước/ngày.

- Nước làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39 cấp lần đầu 5,5 m³, cấp bổ sung mỗi ngày 10% tương đương 0,55 m³/ngày.

- Nước làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b cấp lần đầu 3 m³, cấp bổ sung mỗi ngày 10% tương đương 0,3 m³/ngày.

- Nước vệ sinh nhà xưởng khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39 (khoảng 8.800 m²): tiêu chuẩn 0,4 lít/m² tương đương 3,52 m³/lần, tần suất vệ sinh nhà xưởng khoảng 2 lần/tuần.

- Nước vệ sinh nhà xưởng Lô số M.25a-27b (khoảng 1.440 m²): tiêu chuẩn 0,4 lít/m² tương đương 0,58 m³/lần, tần suất vệ sinh nhà xưởng khoảng 2 lần/tuần.

- Diện tích cây xanh, thảm cỏ là 3.000 m². Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn nước tưới cây là 3 lít/m². Vậy lượng nước cần để tưới cây là 9 m³, tần suất khoảng 2 lần/tuần, trung bình khoảng 2,57 m³/ngày.

- Nước cấp cho rửa sân đường, nội bộ nhà xưởng (1.200 m²). Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn nước rửa đường là 0,4 lít/m². Ước tính lượng nước cho rửa đường là 0,48 m³.

→ Tổng lượng nước cấp cho hoạt động của cơ sở: 78,28 m³/ngày.

Nhu cầu xả nước thải:

➤ Nước cấp cho sinh hoạt

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa tại cơ sở là 44,98 m³/ngày.đêm thì lượng nước thải phát sinh là 44,98 m³/ngày.đêm (tính nước thải bằng 100% nước cấp theo Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải).

➤ Nước thải sản xuất

- Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39 khoảng 1,17 m³/ngày.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng Lô số M.25a-27b khoảng 0,2 m³/ngày.

- Nước từ lò hơi sử dụng trong công đoạn định hình vải, được xem là nước sạch, một phần bốc hơi và được hệ thống chụp hút thu hơi nước tái tuần hoàn sử dụng. Định kỳ nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ra hệ thống ống dẫn chảy vào hệ thống xử lý nước thải và xử lý cùng nước thải sinh hoạt của nhà xưởng. Trung bình xả đáy khoảng 150 lít/ngày.

- Nước thải từ quá trình làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39 với lưu lượng $5,5 \text{ m}^3$ xả 1 lần/ tháng,

- Nước thải từ quá trình làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b với lưu lượng 3 m^3 , xả 1 lần/ tháng.

Với lưu lượng nước thải tối đa khoảng $57,73 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ thì hệ thống xử lý nước thải công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở là phù hợp.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1-9 Nhu cầu sử dụng nước cơ sở tại nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 và Lô số M.25a-27b

STT	Công đoạn có sử dụng nước		Đơn vị	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng nước (m³/ngày.đêm)	Nhu cầu xả nước thải (m³/ngày.đêm)
I	Nước sinh hoạt					
1	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân viên		m³/ngày	45 lít/người/ngày	28,9	28,9
2	Nhà cấp cho nhà bếp		m³/ngày	25 lít/người/ngày	16,08	16,08
II	Nước cấp sản xuất					
4	Nước cấp lò hơi 350kg/giờ (04 cái)		m³/ngày	1,8 m³/giờ (4 máy hoạt động luân phiên, 2 máy/lần)	16,8	0,15
5	Nước làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39	Cấp ban đầu	m³/ngày	Xả nước làm mát hệ thống lọc bụi 1 lần/tháng	5,5	5,5
		Cấp bổ sung (10%)	m³/ngày		0,55	
6	Nước làm mát hệ thống lọc bụi nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b	Cấp ban đầu	m³/ngày	Xả nước làm mát hệ thống lọc bụi 1 lần/tháng	3	3,0
		Cấp bổ sung (10%)	m³/ngày		0,3	
7	Nước vệ sinh nhà xưởng dệt + may tại khu A Lô 27a-29-31-33-35-37-39		m³/ngày	0,4 lít/m² 02 lần/tuần	3,52	3,52
8	Nước vệ sinh nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b		m³/ngày	0,4 lít/m² 02 lần/tuần	0,58	0,58
III	Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích khác					
6	Nước tưới cây		m³/ngày	2 lần/tuần 3 lít/m²	2,57	--
7	Nước rửa sân, đường nội bộ		m³/ngày	0,4 lít/m²	0,48	--
8	Nước cấp dự phòng cho PCCC		m³/đám cháy	15 lít/s		--
Tổng cộng					78,28	57,73

1.4.5 Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở**1.4.6 Nhu cầu lao động****❖ Số Lao động:**

- Số lượng người lao động của công ty tại nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 và Lô số M.25a-27b: 643 người

❖ Chế độ làm việc:

- Số ngày làm việc trong năm: 300 ngày/năm hoặc theo đúng với Luật Việt Nam; 03 ca/ngày, 8 giờ/ca, 26 ngày/tháng.

1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**1.5.1 Vị trí địa lý của cơ sở**

Công ty TNHH Gunze Việt Nam đã hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Tân Thuận tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM có diện tích 15.000 m² (theo Hợp đồng thuê đất số 096/TTC-NV và Phụ lục hợp đồng thuê đất số 110/TTC-NV.13 thời hạn thuê đất từ ngày 18/03/1995 đến hết ngày 23/09/2041).

Công ty TNHH Gunze Việt Nam đã hợp đồng thuê nhà xưởng với Công ty TNHH May mặc Quốc Miên tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp HCM có diện tích 1.440 m² (theo Hợp đồng thuê đất số 03QM.GUNZE giữa Công ty TNHH Gunze Việt Nam và Công ty TNHH May mặc Quốc Miên ngày 30/12/2022)

❖ Nhà xưởng và kho hoạt động của cơ sở được xác định bởi các mốc tọa độ như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



Hình 1-4 Vị trí các cơ sở hoạt động của Công ty

Bảng 1-10 Tọa độ ranh giới khu vực của Công ty (Tọa độ VN2000) và vị trí tiếp giáp

Tên điểm	Tọa độ		Vị trí tiếp giáp
	X	Y	
Nhà xưởng, kho chính (Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10)			
A	1189793	608133	Phía Đông giáp: : Công ty Sài Gòn Benz. Phía Tây giáp: Công ty Gunze (Lô số M.25a-27b, đường số 10) Phía Nam giáp: đường số 10 KCX Tân Thuận. Phía Bắc giáp: Công ty Kyoshin, Nagata, Nissey.
B	1189786	608148	
C	1189730	608105	
D	1189744	608087	
Nhà xưởng (Lô số M.25a-27b, đường số 10)			
A	1189687	608279	Phía Đông giáp: Công ty Gunze (Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39) Phía Tây giáp: Công ty Mekong Star Phía Nam giáp: Đường số 10 Phía Bắc giáp: Công ty găng tay toàn mỹ
B	1189783	608155	
C	1189714	608099	
D	1189614	608222	

1.5.2 Vị trí tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội

Khu vực hoạt động của cơ sở không có hệ thống đồi núi và các khu bảo tồn. Cơ sở nằm trong KCX Tân Thuận nên xung quanh khu vực hoạt động của cơ sở hiện nay là các Công ty và nhà máy sản xuất. Không có công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử nào.

+ Cơ sở hạ tầng: đường giao thông tại cơ sở đã được bê tông hóa và còn được xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh. Hệ thống cung cấp điện đã được đầu nối tới nhà máy.

+ Về giao thông có các trục giao thông chính trong khu vực như: đường Tân Thuận và các đường số 10, đường số 12, đường số 15. Cách KCX khoảng 500 m là đường Huỳnh Tấn Phát, khoảng 1.000 m là đường Nguyễn Văn Linh và khoảng 2.000 m là đường Nguyễn Thị Thập, khoảng 2.000 m về hướng cầu Tân Thuận... giao thông nội bộ nên rất thuận thuận lợi trong việc thu mua và vận chuyển nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa.

+ Nguồn lao động rất dồi dào, từ lao động phổ thông đến lao động kỹ thuật cao.

Vị trí nhà máy không gần với khu dân cư nào trong khu vực lân cận, hầu như cách biệt với nhà dân.

1.5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở:

 **Các hạng mục công trình chính:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1-11 Các hạng mục công trình của nhà máy

TT	Hạng mục	GPXD	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
Nhà xưởng, kho chính			15.000		100	
Diện tích sử dụng đất			9.594,25	14.191,11		
1	Khu vực văn phòng và hành lang	45/GPXD	630	630	4,2	
2	Kho bán thành phẩm	63/GPXD-GĐ10	1.103,45	1.103,45	7,36	Xây dựng dựa trên nền nhà xe cũ
3	Phòng sửa hàng		42,9	42,9	0,29	
4	Xưởng cắt 2	101/GPXD-GĐ8	265,35	265,35	1,77	Kho nguyên vật liệu chuyên công năng thành xưởng cắt 2
5	Xưởng dệt 1	66/GPXD	2.424,57	2.424,57	16,16	
6	Nâng sàn (Kho vải lâu 2, kho LC)	126/2001/QĐ-BQL-KCN		2.337,36		
7	Khu vực xuất hàng, phòng máy	34/2001/QĐ-BQL-KCN	716,1	716,1	4,77	Xưởng dệt cũ
8	Nhà bếp		100	100	0,67	
9	Căn tin		329	329	2,19	
10	Kho 61		414	414	2,76	
11	Khu vực hoàn tất vải		434,5	434,5	2,9	
12	Khu vực may	45/GPXD	1.290,00	3.549,50	8,6	Căn tin cũ chuyển đổi mục đích sử dụng
13	Phòng Locker	101/GPXD-GĐ8	100,1	100,1	0,67	
14	Kho vải 51		198	198	1,32	
15	Kho vải khổ dài + Kho rác + Kho đồng phục	50/2005/QĐ-BQL-KCN	100	100	0,67	
16	Khu vực sửa hàng lỗi	89/GPXD	99	99	0,66	
17	Kho sợi		511,08	511,08	3,41	Chuyển đổi công năng 1 phần tầng trệt kho LC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

18	Nhà xe ca 1	25/GPXD	366,6	366,6	2,44	Mở rộng mái che nhà xe (+114,60 m2)
19	Nhà xe mới		219,6	219,6	1,46	
20	Phòng bảo vệ, Khu vực HTXL nước thải	126/2001/QĐ-BQL-KCN	250	250	1,67	Nhà xe ô tô cũ
21	Cây xanh	--	3.000,00	--	20	
22	Đường giao thông, sân bãi	--	1.200,00	--	8	
23	Đất dự phòng	--	1.205,75	--	8,04	
Nhà xưởng dệt		--	1.440,00	1.440,00	100	
1	Khu vực sản xuất		1.424,00	1.424,00	98,89	
2	Khu vực chứa các tủ điện		8	8	0,56	
3	Khu vực bố trí chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại		8	8	0,56	

Các hạng mục công trình phụ trợ:

Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông bên ngoài:

Công ty TNHH Gunze Việt Nam nằm trong KCX Tân Thuận nên sử dụng hệ thống giao thông của khu chế xuất đã được xây dựng hoàn chỉnh để phục vụ cho nhu cầu vận chuyển.

Hệ thống đường giao thông của khu chế xuất tương đối hoàn chỉnh, đã được trải nhựa. Trang bị các biển báo và chỉ dẫn đầy đủ, rõ ràng.

- Hệ thống trục chính: rộng 30m, số làn xe là 6 làn;
- Hệ thống giao thông trục nội bộ: rộng: 12 - 20m, số làn xe: 4 làn.

Bên cạnh giao thông bộ, KCX Tân Thuận thuận tiện trong cả việc giao thông thủy do việc gần các cảng lớn như Cảng Tân Thuận, cảng Khánh Hội, Cảng Rau Quả,...

Hệ thống giao thông bên trong:

Hệ thống đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Công ty được bê tông hoàn toàn, thuận tiện cho việc vận chuyển đi lại của cán bộ, nhân viên và vận chuyển nguyên vật liệu vào nhà máy.

Hệ thống thông tin liên lạc

KCX Tân Thuận hiện có tổng cộng 2.000 đường dây điện thoại (và có khả năng tăng thêm theo nhu cầu), Dịch vụ bưu điện riêng (DHL, Federal Express). Đường truyền internet 2 Mbps. Hệ thống cáp quang của FPT và VNPT sẵn sàng cung cấp cho toàn khu một đường truyền Internet ổn định và tốc độ cao.

Công ty TNHH Gunze Việt Nam sử dụng các hệ thống thông tin liên lạc như điện thoại, fax, mạng internet.

Hệ thống điện năng

Nguồn cung cấp điện cho nhà máy được lấy từ tuyến điện trên lưới điện Quốc Gia thông qua trạm biến áp tại KCX Tân Thuận có công suất 110/15KV.

Hệ thống cấp nước

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động của Công ty được cấp từ tuyến cấp nước chung của KCX Tân Thuận. KCX Tân Thuận được cấp nước từ Công ty Cấp nước Nhà Bè công suất 14.000 m³/ngày và từ trạm bơm tăng áp phụ trợ với công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.

**CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG****2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh,
phân vùng môi trường**

Công ty TNHH Gunze Việt Nam tại cả 2 vị trí đều nằm trong KCX Tân Thuận đã được quy hoạch hoàn thiện các hệ thống, công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải cùng với hệ thống đường giao thông và cây xanh cảnh quan đảm bảo theo quy định của pháp luật nên không ảnh hưởng gì đến quy hoạch chung của khu vực. Vị trí nhà máy phù hợp với quy hoạch ngành nghề thu hút đầu tư của KCX Tân Thuận.

Công ty TNHH Tân Thuận đã được Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6585368421 lần đầu ngày 24/09/1991, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 05/07/2016 cho dự án đầu tư “Dự án khu chế xuất và khu chế xuất Tân Thuận”. Theo giấy phép thì KCX Tân Thuận được hoạt động với các mục tiêu là cho thuê đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xây dựng nhà xưởng, văn phòng, nhà kho để bán hoặc cho thuê,... Đồng thời, KCX Tân Thuận cũng đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 theo Quyết định số 5973/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 với tổng quy mô 300ha, trong đó có 196,32 ha là đất quy hoạch dành cho công trình chế xuất và 8,13ha là đất quy hoạch dành cho công trình công nghiệp,... Nơi định vị xây dựng của nhà máy là công trình được xây dựng trong phạm vi 196,32 ha đất quy hoạch dành cho công trình chế xuất.

KCX Tân Thuận là khu công nghiệp đa ngành tập trung vào các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt ưu tiên các loại hình công nghệ cao sử dụng lao động có tay nghề cao, công nghiệp phục vụ cho hoạt động của sân bay, kho tàng bến bãi, gắn với hoạt động logistic. Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-MTg ngày 11/01/1997 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 2508/QĐ-BTNMT ngày 08/08/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ngành nghề thu hút đầu tư của khu chế xuất Tân Thuận gồm: Công nghiệp cơ khí, điện - điện tử viễn thông, máy móc thiết bị, hóa chất,

được mỹ phẩm; hàng tiêu dùng, giày dép, thiết kế may mặc, sành sứ, thủy tinh, nhựa và cao su,...

Từ những nội dung trên cho thấy cùng với ngành nghề là may mặc của Công ty TNHH Gunze Việt Nam là một trong các ngành nghề được phép thu hút đầu tư của KCX Tân Thuận.

→ Vì vậy, địa điểm hoạt động của cơ sở là phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của Khu chế xuất Tân Thuận.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn tiếp nhận nước thải

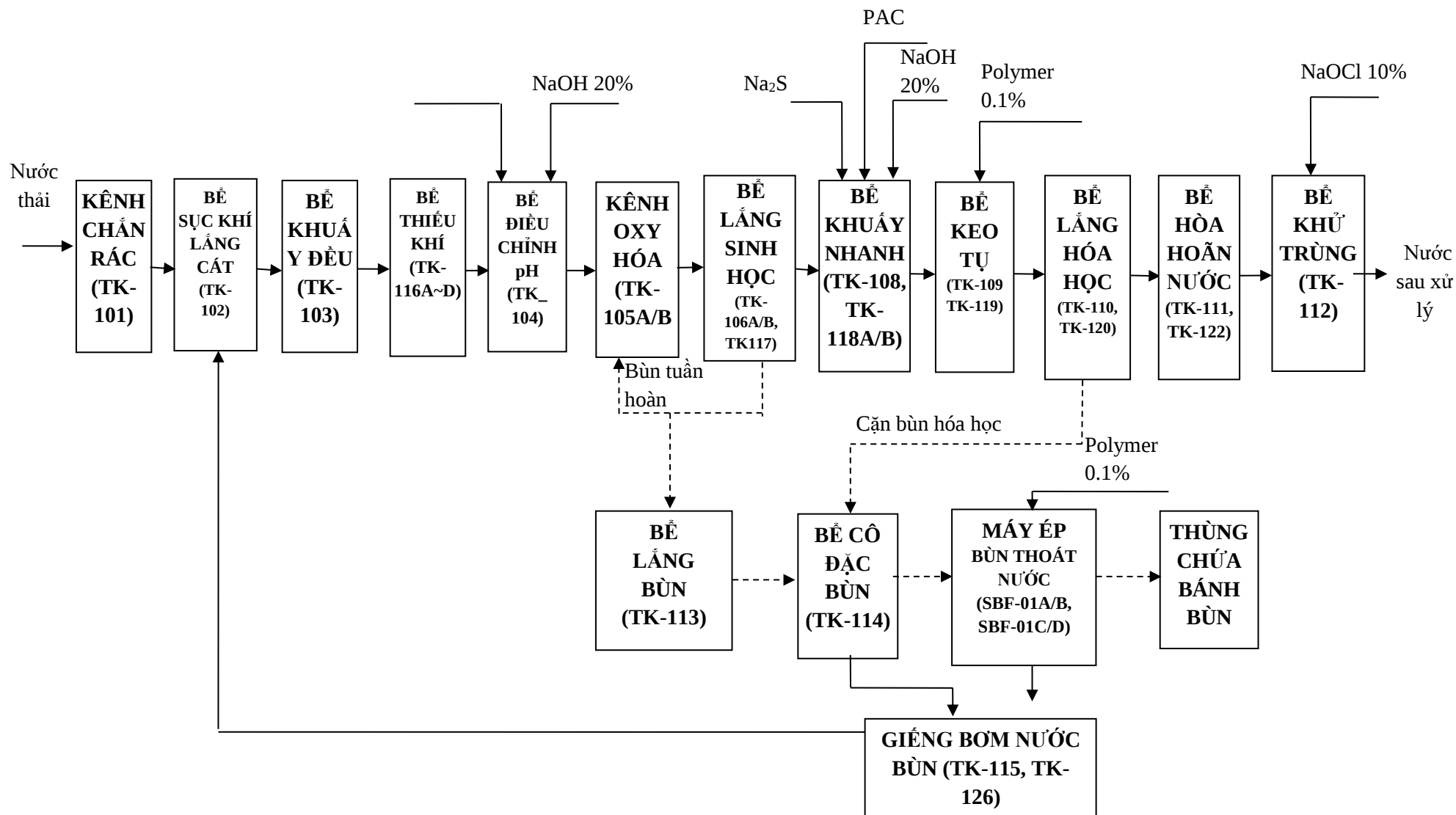
Nước thải phát sinh từ Nhà máy sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm sẽ được thu gom và đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCX Tân Thuận tại 01 điểm trên đường số để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCX Tân Thuận công suất 15.000 m³/ngày.đêm xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột B, Kq=Kf=0,9 sau đó thải vào Rạch Tắc Rối rồi đổ ra sông Sài Gòn. Hệ thống xử lý nước thải của KCX được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2739/GP-BTNMT ngày 26/10/2015.

Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục 24/24 cùng với đội ngũ cán bộ 17 nhân viên chuyên trách làm công tác bảo vệ môi trường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra. Chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi xả ra môi trường tiếp nhận là rạch Tắc Rối.

Hiện tại trạm XLNT KCX Tân Thuận có công suất 15.000 m³/ngày.đêm nhưng mới tiếp nhận xử lý khoảng 11.000 m³/ngày.đêm. Lưu lượng phát sinh nước thải từ nhà máy tối đa là 70 m³/ngày.đêm. Vì thế trạm xử lý nước thải tập trung của KCX vẫn đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận nước thải từ nhà máy.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



Hình 2-1 Quy trình công nghệ xử lý nước thải hiện hữu (sinh hóa) của KCTX Tân Thuận

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Thuyết minh kỹ thuật quy trình công nghệ xử lý nước thải hiện áp dụng của Trạm xử lý nước thải tập trung :

Nước thải được các trạm bơm và hệ thống đường ống tự chảy đưa về bể chứa TK-001. Nước thải từ bể chứa được bơm (4 bơm) đến mương chắn rác (TK-101) có đặt 2 lưới chắn rác: lưới chắn rác thô (FS-101A) rộng 1m, khoảng cách các song chắn 2cm và lưới chắn rác tinh (FS-101B) cũng rộng 1m, khoảng cách các song chắn 0,5 cm. Sau khi loại các hạt rắn lớn, nước thải sẽ chảy qua máng chữ V trên có đặt máy đo lưu lượng siêu âm mương hở (FIR-101) sử dụng mực nước vào của đập tam giác để tính toán và theo dõi sự thay đổi của lượng nước chảy vào bể sục khí lắng cát (TK-102). Trong bể lắng cát, máy bơm gió (B-01A/B) đưa vào bể một lượng không khí thích hợp để những hạt cát có kích thước tương đối lớn qua dòng xoáy phân ly rồi lắng xuống, mà không cho thành phần hữu cơ lơ lửng lắng xuống phân giải tạo ra mùi hôi do thiếu oxy. Những hạt cát lắng đọng trong bể (TK-102) sẽ được máy bơm cát (AP-102A~D) hút lên khu chứa cát lắng (Z-101) và định kỳ chuyển ra ngoài bằng xe. Ngoài ra, trong bể lắng cát còn đặt máy đo độ pH (pHIR-102) để kiểm tra sự thay đổi của chất lượng nước thải chảy vào. Sau khi qua bể sục khí lắng cát, nước thải chảy vào bể điều hòa (TK-103) có dung tích khoảng 2.100 m³, có thể điều hòa lưu lượng nước thải tăng nhanh và tránh chất lượng nước thay đổi đột ngột, nhằm nâng cao tính ổn định và an toàn cho các thao tác của các đơn nguyên tiếp theo. Để cho chất lượng nước trong bể được đồng đều, đồng thời tránh sự yếm khí hóa và chất rắn lơ lửng lắng đọng; máy bơm gió (B-01A/B) đưa gió vào đường ống sục khí và đĩa phun khí trong bể điều hòa nhằm duy trì chất lượng nước trong bể được trộn đều và ở trạng thái đủ oxy. Trong bể điều hòa đặt 01 máy đo pH (pHI-103) để kiểm tra chất lượng nước thải của hệ thống xử lý. Nước thải trong bể điều hòa được 3 bơm chìm (P-103A~C) đặt dưới đáy cuối bể, trên đường ống có đặt đồng hồ đo lưu lượng điện từ (FIR-103) để đo lượng.

Nước thải được đưa sang công đoạn xử lý sinh học. Nước thải đi qua bể thiếu khí (TK-116A~D), bể này dùng để khử nitơ, tỉ lệ khử theo thiết kế là 50%, tại đây có máy đo pH (pHI-116) khống chế độ pH bằng cách châm NaOH 20%. Nước thải sau đó chảy tràn đến bể điều chỉnh pH (TK-104). Tại bể điều chỉnh pH (TK-104) có máy đo pH (pHIC-104) khống chế độ pH nằm trong giới hạn cho phép thường trong khoảng 6 – 8,5 (tốt nhất là 7,2 – 7,4) bằng cách châm H₂SO₄ hoặc châm NaOH 20% (*hiện nay không dùng H₂SO₄ để điều chỉnh pH*) rồi trộn bằng máy khuấy (MIX-104) qua đập phân thủy (V-01) để điều hòa lượng nước vào mương oxy hóa (TK-105A/B) hình thành 2 nhóm đơn nguyên xử lý sinh học độc lập. Trong mỗi mương oxy hóa lắp đặt: 4 tổ thiết bị sục khí kiểu phun (JET-105 và P-105 A₁~A₄, B₁~B₄), 2 máy khuấy chìm (MIX-105A₁~A₂, B₁~B₂) và 1 bơm hồi lưu hỗn hợp bùn hoạt tính về TK-116 (P-105C/D), máy bơm gió (B-02 A~C) sẽ cung cấp cho mương oxy hóa lượng không khí cần thiết

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

để trong bể có đủ liều lượng oxy hòa tan và lực khuấy trộn. Trong mỗi bể có đặt máy phân tích oxy hòa tan (DOIR-105A/B), đo độ pH (pHIR-105 A/B) và nhiệt kế (TIR-105 A/B) liên tục quan trắc. Hỗn hợp nước bùn chảy theo phương thức trọng lực vào bể lắng sinh học kiểu ly tâm (TK-106 A/B, TK-117), cặn bùn trong bể được các bơm bùn sinh học (P-106A/B/C/D, P-117A/B) bơm tuần hoàn về bể TK-116 hoặc xả bùn dư về bể chứa bùn (TK-113), phần cặn nổi trên mặt thoáng bể lắng sinh học được thu vào Bể thu cặn nổi (TK-107, TK-121) rồi bơm về bể TK-113.

Nước thải sau khi qua công đoạn xử lý sinh học được đưa qua công đoạn xử lý hóa học. Trong bể khuấy nhanh (TK-108, TK-118A/B) dùng máy đo pH để không chế dung dịch axit H_2SO_4 hoặc dung dịch kiềm NaOH 20% châm vào (*hiện nay không dùng H_2SO_4 để điều chỉnh pH*); sau khi điều chỉnh độ pH đến phạm vi thích hợp (pH= 6~9), châm thêm dung dịch keo tụ P.A.C 10% (Polyaluminum Chloride) rồi châm tiếp Na_2S 60%, tiến hành xử lý trộn bằng máy khuấy (MIX-108, MIX-118A/B) rồi cho nước thải chảy qua bể tạo bông kiểu thủy lực (TK-109, TK-119). Tại đây nước thải được châm thêm chất trợ keo Polymer (Loại Anion của Polyacrylamide). Bể keo tụ được thiết kế kiểu vách ngăn, nước chảy tuần tự giữa các vách thúc đẩy sự hình thành bông kết tủa mà không cần động lực, tiết kiệm được giá thành, đồng thời việc duy tu bảo dưỡng cũng đơn giản. Nước thải keo tụ được đưa vào bể lắng hóa lý (TK-110, TK-120) tiến hành phân ly lắng đọng bông kết tủa, bùn hóa học sau khi được máy cạo bùn quay xung quanh (MIX-110, MIX-120) tập trung lại ở giữa rồi dùng 2 bơm bùn hóa học (P-110 A/B, P-120A/B) bơm đến bể cô đặc bùn (TK-114) theo một thời gian nhất định. Nước trong bên trên sẽ chảy tràn đến bể trung gian (TK-111). Khi đến công đoạn ở bể trung gian (TK-111, TK-122) dẫn nước tràn đến bể khử trùng (TK-112) để khử trùng trước khi xả thải.

Tiêu chuẩn cho phép đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCX

Bảng 2-1 Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải của KCX

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN XẢ THẢI	GIỚI HẠN TIẾP NHẬN
1	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	100	500
2	COD	mg/l	400	800
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200	500
4	Amoniac	mg/l	15	45
5	Tổng Nito	mg/l	60	90
6	Tổng photpho	mg/l	8	16

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

7	pH	-	5-9	3-11
8	Nhiệt độ	°C	45	60
9	Độ màu	-	150	500
10	Asen	mg/l	0,1	0,1
11	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,01
12	Chì	mg/l	0,5	0,5
13	Cadimi	mg/l	0,1	0,1
14	Crom (III)	mg/l	1	1
15	Crom (VI)	mg/l	0,1	0,1
16	Đồng	mg/l	2	2
17	Kẽm	mg/l	3	3
18	Niken	mg/l	0,5	0,5
19	Mangan	mg/l	1	1
20	Sắt	mg/l	5	5
21	Cyanua	mg/l	0,1	0,1
22	Phenol	mg/l	0,5	0,5
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10
24	Dầu động thực vật	mg/l	30	30
25	Clo dư	mg/l	2	2
26	Tổng PCB	mg/l	0,01	0,01
27	Sulfua	mg/l	0,5	0,5
28	Florua	mg/l	10	10
29	Clorua	mg/l	1000	1000

Nguồn tiếp nhận khí thải của cơ sở

Loại hình sản xuất của Cơ sở là sản xuất hàng may mặc không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở chủ yếu phát sinh bụi, không phát sinh khí thải.

CHƯƠNG 3.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa .

Hệ thống thu gom thoát nước mưa tại 02 địa điểm hoạt động của công ty đã được hoàn thiện:

 Nhà xưởng dệt (Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân)

- Nhà xưởng sản xuất đã được Công ty TNHH May mặc Quốc Miên xây dựng sẵn do đó các hạng mục về hệ thống thu gom nước mưa đã được hoàn thiện. Nước mưa chảy tràn chảy qua hành lang thoát nước mưa (đường hầm thu nước 1m³ dài 120m) bố trí xung quanh khu vực của nhà máy đặt cách nhau từ 5m đến 10m, thiết kế dọc bên hông vách nhà xưởng và tường bao công ty. Các ống dẫn nước mưa với kích thước $\phi 90$ kết nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCX Tân Thuận.

- Vị trí: Tại 2 vị trí có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰45’):

+ Tại khu vực cổng chính nhà máy: X (m) = 1.189.726; Y (m) = 608.081

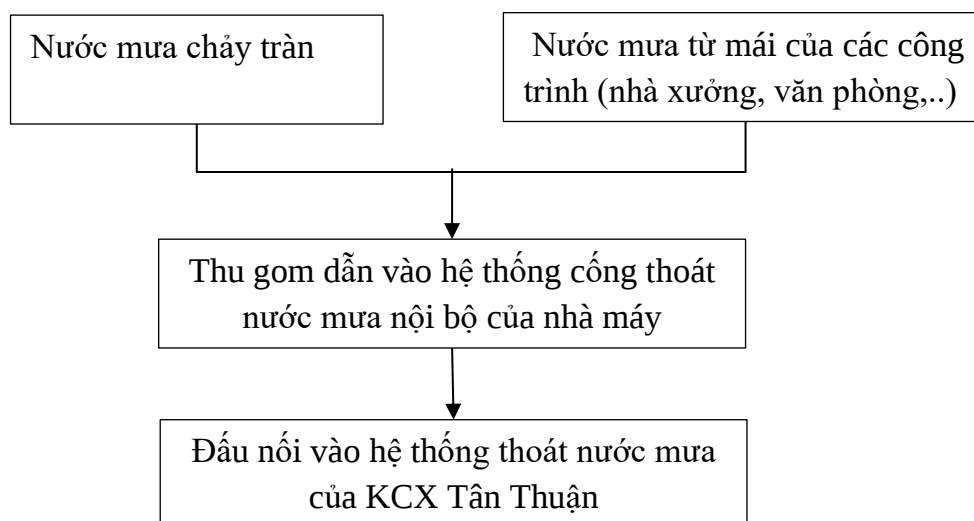
+ Khu vực bên hông nhà máy: X (m) = 1.189.719; Y (m) = 608.099

 Nhà xưởng may, nhà kho chính (Tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận)

- Hệ thống thoát nước mưa của nhà máy được thiết kế và xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải.

- Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa từ dự án:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



Hình 3-1 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom và thoát nước mưa

- Nước mưa phát sinh trên mái và khu vực khuôn viên nhà xưởng được thu gom bằng hệ thống đường ống thoát nước mưa chạy xung quanh xưởng, các công trình phụ qua các hố ga sau khi qua song chắn rác sẽ giữ lại các loại rác có kích thước lớn như lá cây, bao bì giấy, ...

- Độ dốc cống đảm bảo tự chảy đồng thời thỏa mãn các điều kiện về thủy lực, kích thước mặt cắt cống đủ khả năng tiêu thoát hết lưu lượng nước tính toán.

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm:

+ Ống bê tông cốt thép (BTCT): Ø200, dài 30 m, kết nối với 3 hố ga.

+ Ống bê tông cốt thép (BTCT): Ø300, dài 51 m, kết nối với 3 hố ga.

+ Ống bê tông cốt thép (BTCT): Ø400, dài 58 m, kết nối với 3 hố ga.

- Hố ga đầu nối: 3 hố ga BTCT kích thước 600 x 600 mm, cao độ đáy ống -1,874.

- Vị trí: Nước mưa sẽ được thoát vào hệ thống cống thoát nước mưa chung của KCX Tân Thuận dọc theo đường số 10, tại 3 vị trí có tọa độ (*Hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰45'*) lần lượt là:

+ X (m) = 1.189.701; Y (m) = 608.113

+ X (m) = 1.189.655; Y (m) = 608.173

+ X (m) = 1.189.617; Y (m) = 608.218

- Đường ống BTCT thoát nước mưa vào mạng lưới thoát nước mưa của KCX: kích thước D500, độ dốc 3,2%, dài 2,42m.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh

Nước thải từ nhà xưởng dệt (Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân)

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi tại Khu A, Lô số M.25a-27b, đường số 10

- Nguồn số 02: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b, đường số 10

Nhà xưởng may, nhà kho chính (Tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận)

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng dệt

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng cắt may

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng

- Nguồn số 06: Nước thải nhà ăn

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi phân xưởng dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10

- Nguồn số 08: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10

- Nguồn số 09: Nước xả đáy lò hơi

b. Mạng lưới thu gom

Nhà xưởng dệt (Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân)

- Nước thải phát sinh từ phân xưởng dệt theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy Tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

+ Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi tại Khu A, Lô số M.25a-27b, đường số 10 với lưu lượng 3 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b, đường số 10 với lưu lượng 0,58 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

 **Nhà xưởng may, nhà kho chính (Tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận)**

Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy được tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, gồm các nguồn sau:

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng dệt được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 13,76 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng cắt may được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 63 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 12,32 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 06: Nước thải nhà ăn với lưu lượng 17,5 m³/ngày qua bể tách dầu mỡ 8,4 m³ sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi phân xưởng dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10 thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 08: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10 với lưu lượng 3,52 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

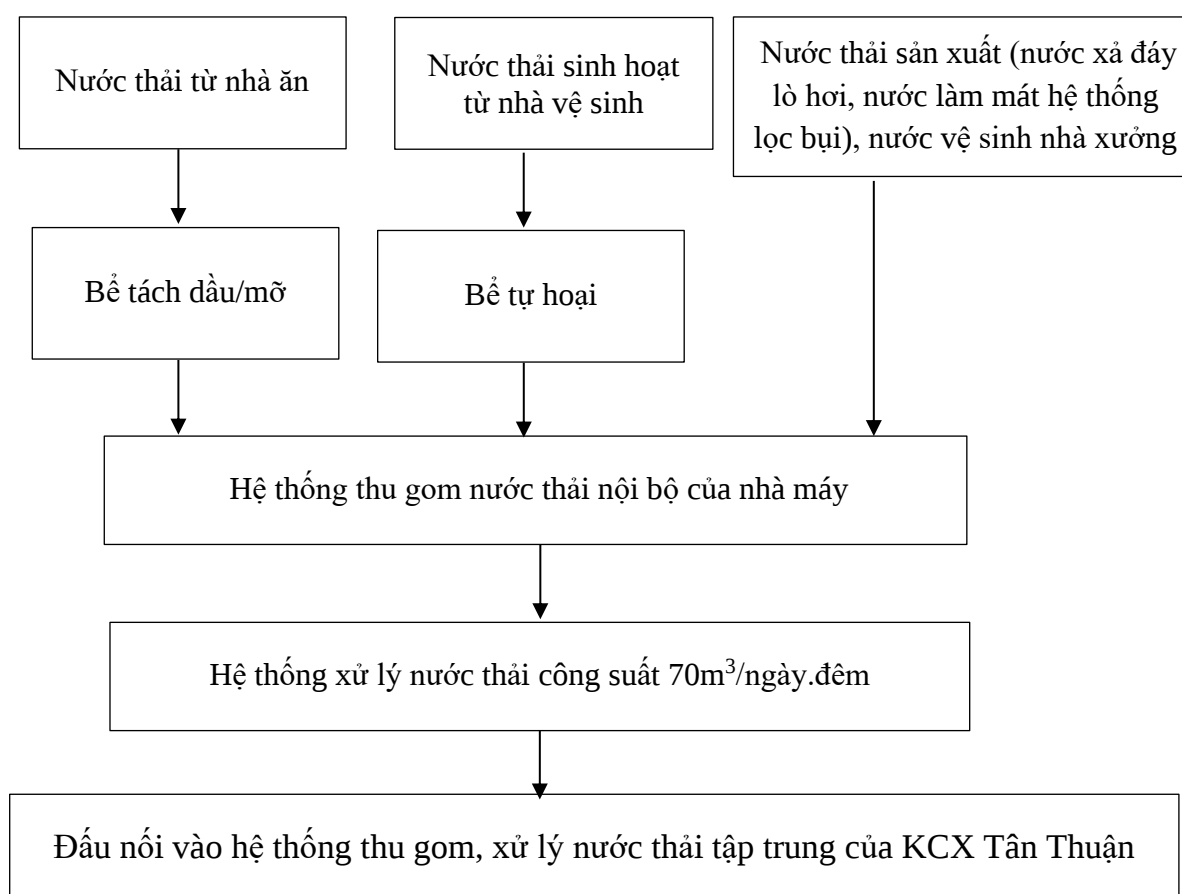
+ Nguồn số 09: Nước xả đáy lò hơi với lưu lượng 0,15 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Toàn bộ nước thải (sau xử lý) của nhà máy được dẫn vào ống BTCT ngầm D300, độ dốc $i=0,5\%$ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCX Tân Thuận tại hố ga số 151 trên đường số 10. Đường ống thoát nước thải sau xử lý của nhà máy đến điểm đầu nối KCX là ống BTCT ngầm D300, độ dốc $i=0,5\%$, chiều dài khoảng 6 mét.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy theo đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn vào Hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu chế xuất Tân Thuận tại 1 điểm đầu nối trên đường số 10. Theo Hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải trong Khu chế xuất Tân Thuận số 149/TTC-CV-10 ngày 06/05/2010 (được đính kèm trong phần phụ lục của báo cáo).

- Tại vị trí có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $105^045'$): $X(m) = 1.189.633$; $Y(m) = 608.202$



Hình 3-2 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom và thoát nước thải tại nhà máy



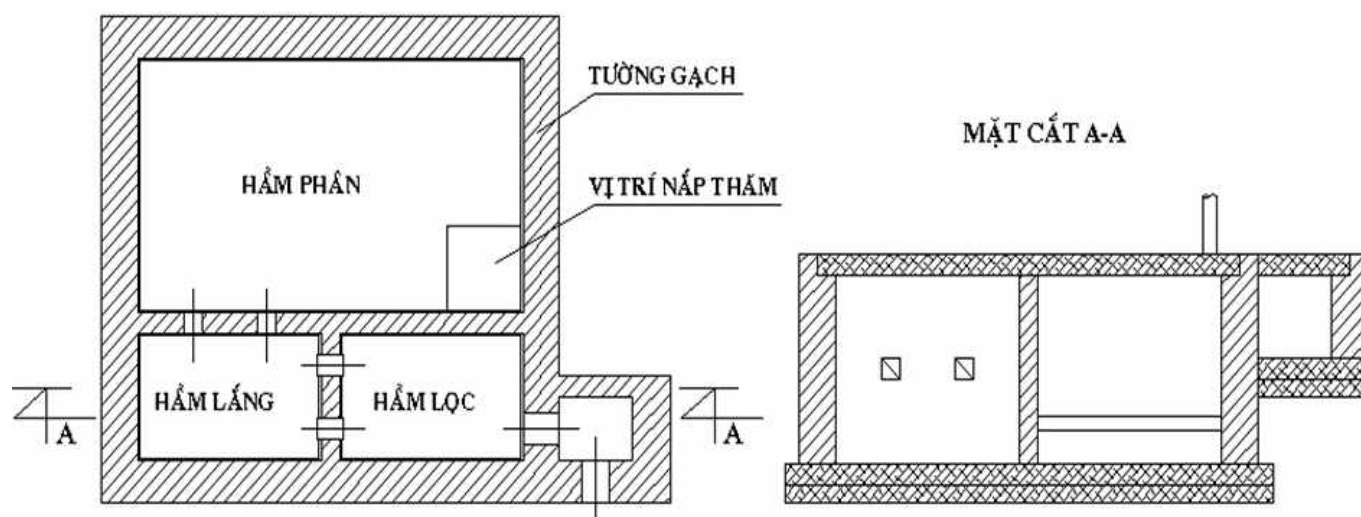
Hình 3-3 Hố ga đầu nổi nước thải của nhà máy trên đường số 10

3.1.3. Xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải tại nhà máy bao gồm:

✚ Xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ:

❖ *Nước thải sinh hoạt*: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.



Hình 3-4 Bể tự hoại 3 ngăn

Hiện nay nhà xưởng đã có 3 bể tự hoại sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của công ty. Kích thước mỗi bể tự hoại như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Bể 1 (xử lý nước thải sinh hoạt của phân xưởng Dệt): Dài 4.3m x Rộng 1.6m x Cao 2m. Thể tích là 13.76 m³.

- Bể 2 (xử lý nước thải sinh hoạt của phân xưởng Cắt & May): Dài 9m x Rộng 3.5m x Cao 2m. Thể tích là 63 m³.

- Bể 3 (xử lý nước thải sinh hoạt của Văn phòng): Dài 4.4m x Rộng 1.4m x Cao 2m. Thể tích là 12.32 m³.

Như vậy, tổng thể tích 3 bể tự hoại là 89.08 m³, đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý sơ bộ trước khi kết nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của công ty.

Lượng nước thải này cùng với nước thải sản xuất sẽ được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

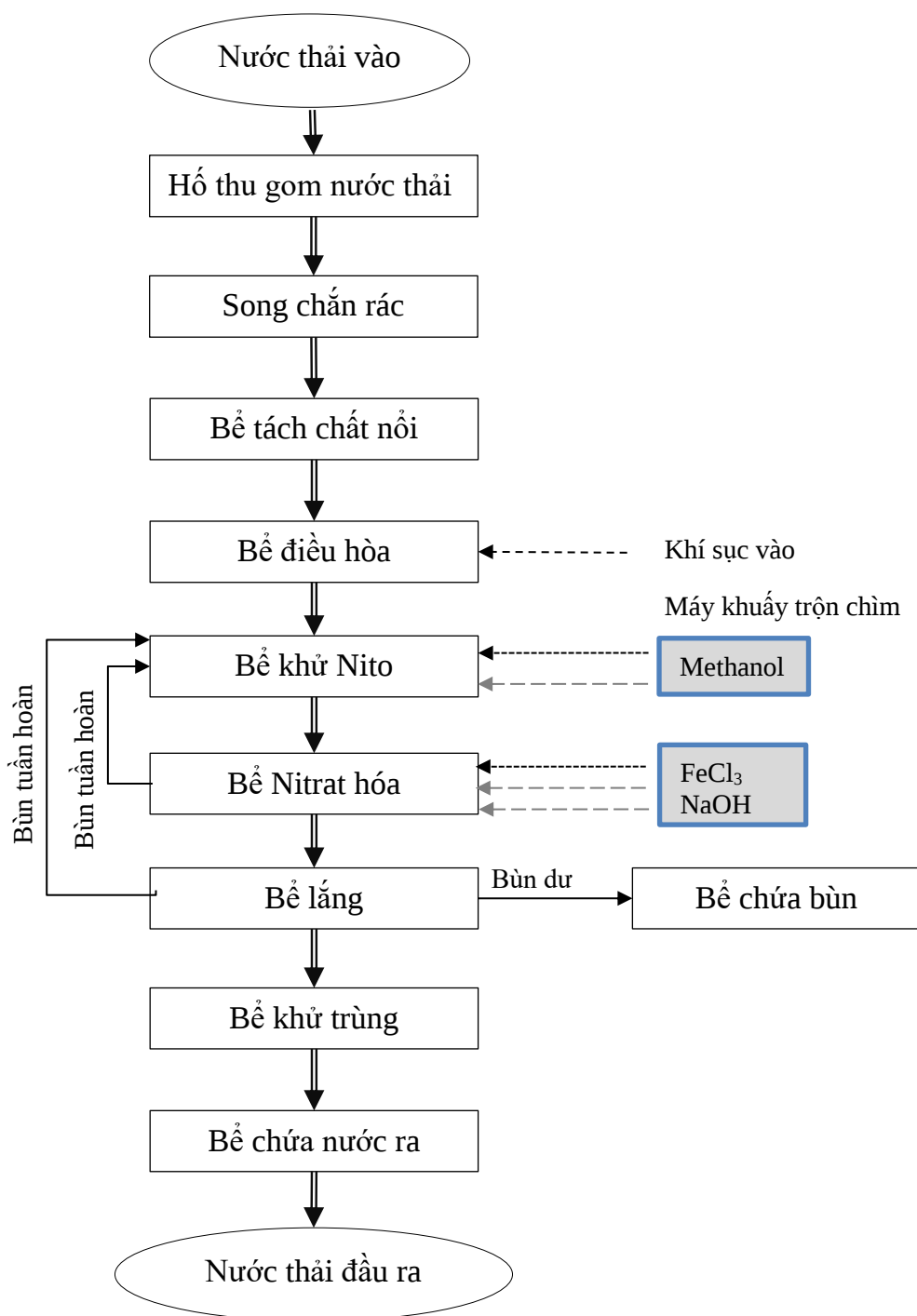
❖ *Nước thải nhà ăn*: được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu/mỡ



Hình 3-5 Bể tách dầu mỡ 4 ngăn

Nước thải nhà ăn của nhà máy được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có kích thước như sau: Dài 2.0m x Rộng 2.1m x Cao 2.0m. Thể tích là 8,4 m³. Lượng nước thải này cùng với nước thải sản xuất sẽ được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

✚ Hệ thống xử lý nước thải:



Hình 3-6 Quy trình xử lý nước thải

✚ Thuyết minh quy trình:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nước thải từ nhà xưởng dệt và nhà máy (bao gồm nước thải sinh hoạt, nước xả cặn lò hơi và nước từ hệ thống điều hòa không khí) được thu gom vào hố ga tập trung, từ đây nước thải được bơm đến bể tách chất nổi.

Song chắn rác được thiết kế để giữ lại những vật rắn có kích thước lớn và ngăn không cho những vật này đi vào hệ thống. Song chắn rác này được định kỳ vệ sinh (nên làm ít nhất mỗi ca 1 lần hoặc khi nào song chắn bị nghẹt rác).

Nước thải sau khi qua song chắn rác được cho đi qua bể này, bể này được thiết kế để tách những vật nổi ra khỏi dòng nước thải, những vật nổi sẽ được giữ lại và tích tụ trên bề mặt của bể, nước sẽ đi qua bể tiếp theo từ phía dưới. Những vật nổi tích tụ trên bề mặt bể phải được định kỳ vớt bằng tay và chuyển qua bể chứa bùn (nên làm ít nhất mỗi tuần 1 lần hoặc khi nào trên bề mặt bể tích tụ nhiều chất nổi tràn qua bể điều hòa).

Nước thải sau khi qua bể tách chất nổi chảy tràn vào bể này. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và chất lượng dòng vào. Máy thổi khí cấp khí vào để điều hoà chất lượng nước thải và tránh mùi hôi sinh ra từ bể này. Từ bể này, nước thải được chuyển đến hộp điều chỉnh lưu lượng để cố định lưu lượng đi vào bể Khử Nitơ bằng bơm chìm. Đồng thời bể này cũng có vai trò làm bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì.

Bể này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa Nitơ có trong nước thải. Bởi vì hàm lượng Nitơ tổng (T-N) và Ammonia ($\text{NH}_3\text{-N}$) của nước thải đầu vào cao vì thế Methanol được châm vào liên tục với liều lượng xác định và Máy khuấy trộn chìm được thiết kế để tăng hiệu quả của quá trình xử lý Nitơ tổng và Ammonia.

Tại bể này, chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sinh sống và phát triển. FeCl_3 được châm vào liên tục với liều lượng xác định để xử lý Phốt pho tổng (T-P) và pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bởi bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được đầu điều khiển pH đặt trong bể này. Bùn được tuần hoàn lại về bể Khử Nitơ để đảm bảo quá trình xử lý hợp chất chứa Nitơ trong nước thải đạt hiệu quả cao.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Sau khi qua bể xử lý Nitrat hóa nước được nhận vào bể này, trong bể này diễn ra quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể khử trùng, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về bể khử Nitơ và bùn dư định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

NaOCl được châm vào để khử trùng nước sau xử lý trước khi thải vào cống của khu chế xuất Tân Thuận. Nước sau khi được châm hóa chất khử trùng, chảy tràn qua bể chứa nước ra.

Nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định của KCX Tân Thuận, cột B, TCVN 5945-2005.

Bùn nổi từ bể tách chất nổi và bùn dư từ bể lắng được xả về và chứa trong bể này. Bùn sẽ được hút ra bằng xe tải khi bể này đầy. Máy thổi khí cấp khí vào để chứa bùn để tránh mùi hôi sinh ra từ bể này.



Hình 3-7 Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy

Thông số kỹ thuật cơ bản các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Bể		

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1.	Hố thu gom nước thải Thể tích: 2 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
2.	Bơm chuyển nước thải Loại: chìm Công suất: 7 m ³ /giờ x 13mH	2	cái
3.	Song chắn rác Vật liệu: SUS304	1	cái
4.	Bể tách chất nổi Thể tích: 10 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
5.	Bể điều hòa Thể tích: 45 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
6.	Bơm nước thải bể điều hòa Loại: chìm Công suất: 3 m ³ /giờ x 7mH	2	cái
7.	Công tác mực nước Loại: phao nổi	1	cái
8.	Hộp chỉnh lưu lượng Loại: chảy tràn Vật liệu: PVC	1	cái
9.	Bể khử nito Thể tích: 15 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
10.	Máy khuấy trộn chìm Điện năng: 1,3kW	1	cái
11.	Bể nitrat hóa Thể tích: 50 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
12.	Bể điều khiển pH Khoảng đo: 0-14 Điều khiển bơm NaOH	1	cái
13.	Bể khử trùng Thể tích: 5 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
14.	Bể chứa nước ra Thể tích: 5 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
15.	Bể chứa bùn Thể tích: 45 m ³ Vật liệu: bê tông	1	cái
II	Thiết bị		

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

16.	Bơm nước thải bể điều hòa Loại: chìm Công suất: 6 m ³ /giờ x 10mH	1	cái
17.	Bộ phân phối khí Loại: đĩa, bọt khí mịn	1	bộ
18.	Bể lắng Thể tích: vuông, cạnh 2,5m Vật liệu: bê tông	1	cái
19.	Bơm tuần hoàn bùn Loại: chìm Công suất: 3 m ³ /giờ x 7mH	1	cái
20.	Hộp tuần hoàn bùn số 1/2 Loại: chảy tràn Vật liệu: PVC	2	cái
21.	Bơm nước ra Loại: chìm Công suất: 6 m ³ /giờ x 10mH	2	cái
22.	Máy thổi khí khuấy trộn Công suất: 2.24 m ³ /min x 4mAq	1	cái
23.	Máy thổi khí Công suất: 3.33 m ³ /min x 4mAq	2	cái
24.	Bồn Methanol Thể tích: 500 L Vật liệu: PE	1	cái
25.	Bồn FeCl₃/NaOH/NaOCl Thể tích: 200 L Vật liệu: PE	3	cái
26.	Bơm FeCl₃ Công suất: 38 cc/min x 16W	1	cái
27.	Bơm Methanol Công suất: 200 cc/min x 16W	1	cái
28.	Bơm NaOH Công suất: 100cc/min x 16W	1	cái
29.	Bơm NaOCl Công suất: 38 cc/min x 16W	1	cái

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

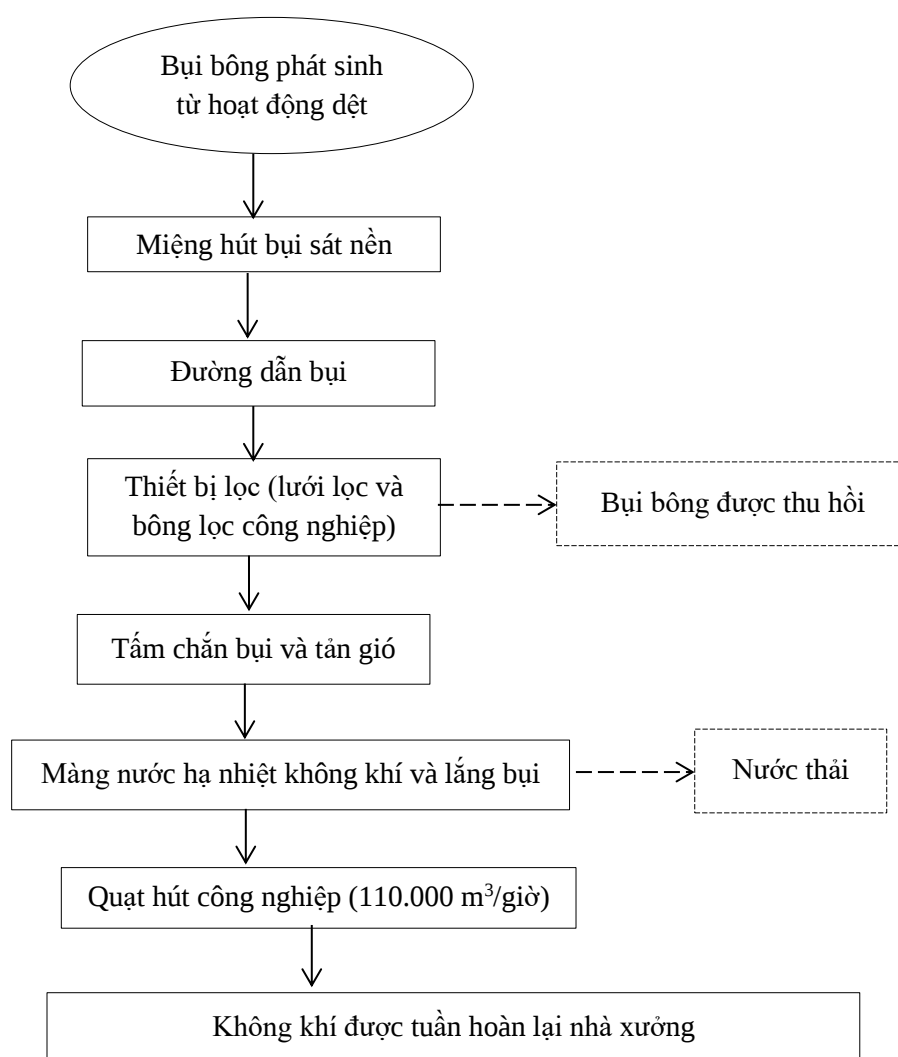
Quá trình hoạt động của nhà máy không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên sẽ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn:

- + Bụi bông phát sinh từ quá trình dệt sử dụng hệ thống hút bụi xưởng dệt.
- + Lò hơi sử dụng gas LPG (ít phát sinh khí thải)

3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi bông phát sinh từ quá trình dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận

Trong quá trình dệt có phát sinh bụi, tuy nhiên lượng bụi này có kích thước nhỏ và phát sinh không đáng kể. Dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

Nhà xưởng dệt tại khu A bố trí 101 máy dệt, mỗi máy dệt được lắp đặt thêm một bộ phận bổ sung để hút bụi và thu gom bụi vải từ quá trình gia công. Thiết bị này được vận hành bởi van hút chân không có công suất là 110.000 m³/giờ. Bụi vải thừa trong hoạt động sản xuất sẽ được thiết bị hút chân không hút vào miệng ống hút, sau đó dẫn về lưu trữ vào túi vải có nắp kéo gắn liền với thiết bị và được thu gom vào cuối mỗi ngày sản xuất; phần bụi sau khi được thu gom sẽ được thu gom theo dạng chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại.



Hình 3-8 Quy trình hút bụi phân xưởng dệt khu A

 **Thuyết minh quy trình:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bụi bông phát sinh từ hoạt động dệt được hút vào các miệng hút được bố trí sát nền nhà xưởng và các đường ống thu gom bụi tại máy dệt, sau đó sẽ theo đường hầm được bố trí chạy dài dưới nền nhà xưởng.

Bụi bông được quạt hút hút về buồng lọc, tại đây không khí có bụi bông được các phin lọc bụi lọc sạch và bụi sẽ được giữ lại để thu gom và mang xử lý cùng chất thải công nghiệp thông thường.

Sau đó, lượng không khí sau khi được lọc tại buồng tiếp tục qua tấm lọc bụi đến tấm chắn bụi và tản gió. Tiếp đến, lượng không khí này đi qua màng nước tuần hoàn để hạ nhiệt không khí và lắng bụi với bể chứa nước tuần hoàn có thể tích 5,5 m³. Quạt đẩy không khí sạch và mát theo đường ống đi vào khu vực sản xuất từ các miệng gió trên trần xuống. Công ty cam kết thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ hàng năm theo quy định và đảm bảo đạt điều kiện an toàn môi trường lao động cho người lao động tại nhà máy.

Trang bị khẩu trang chuyên dụng cho công nhân khi thao tác ở các công đoạn này.

Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn xưởng sản xuất, thu dọn bụi vải rơi vãi để không phát tán vào môi trường không khí.

Trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng.

Bảng 3-1 Thông số hệ thống hút bụi xưởng dệt khu A

STT	Hạng mục	Thông số	Chất liệu, cấu tạo
1	Quạt hút	110.000 m ³ /giờ	Quạt hút dạng con sò, vật liệu bọc là thép GI được sơn Epoxy
2	Thùng chứa/túi vải	Dung tích 10-15 lít	Vải PE/ thùng nhựa PVC

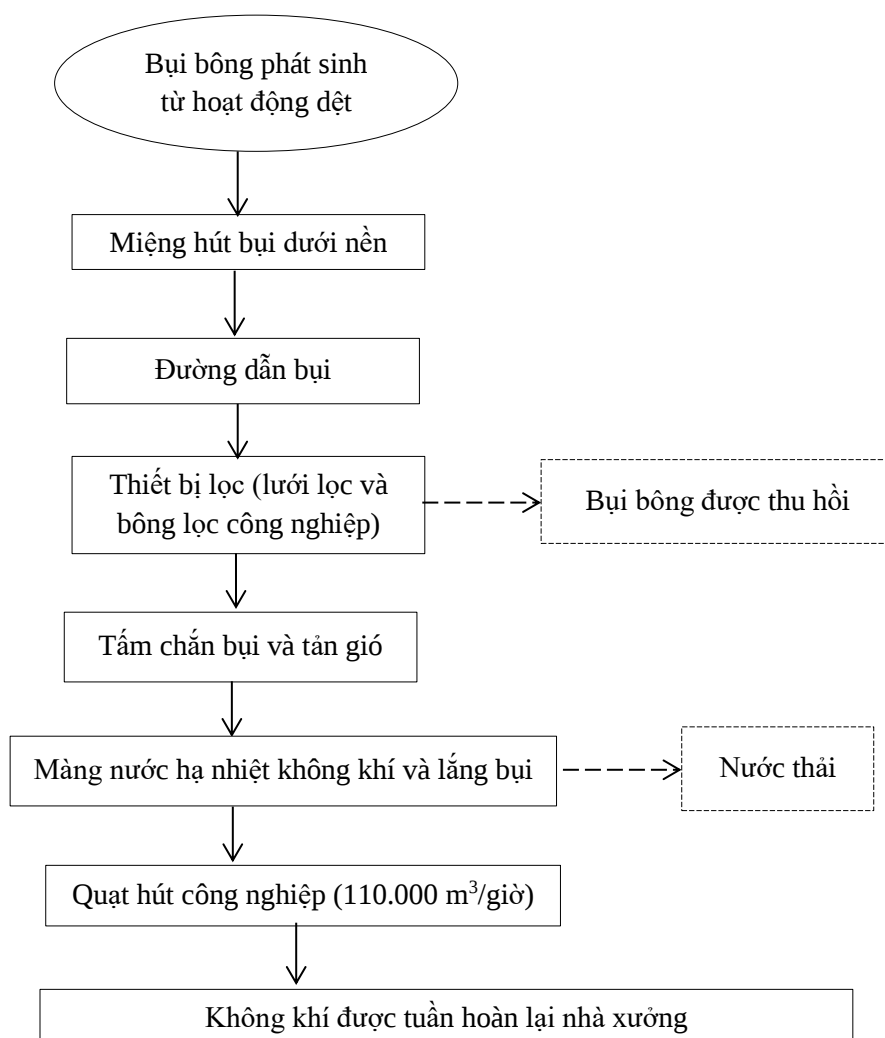


Hình 3-9 Hệ thống hút bụi phân xưởng dệt khu A

3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi bông phát sinh từ quá trình dệt tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận

Trong quá trình dệt có phát sinh bụi, tuy nhiên lượng bụi này có kích thước nhỏ và phát sinh không đáng kể. Dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

Nhà xưởng dệt tại Lô số M.25a-27b bố trí 63 máy dệt, mỗi máy dệt được lắp đặt thêm một bộ phận bổ sung để hút bụi và thu gom bụi vải từ quá trình gia công. Thiết bị này được vận hành bởi van hút chân không có công suất là 110.000 m³/giờ. Bụi vải thừa trong hoạt động sản xuất sẽ được thiết bị hút chân không hút vào miệng ống hút, sau đó dẫn về lưu trữ vào túi vải có nắp kéo gắn liền với thiết bị và được thu gom vào cuối mỗi ngày sản xuất; phần bụi sau khi được thu gom sẽ được thu gom theo dạng chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại.



Hình 3-10 Quy trình hút bụi phân xưởng dệt Lô số M.25a-27b

Thuyết minh quy trình:

Bụi bông phát sinh từ hoạt động dệt được hút vào các miệng hút được bố trí đặt dưới nền và các đường ống thu gom bụi tại máy dệt, sau đó sẽ theo đường hầm được bố trí chạy dài dưới nền nhà xưởng.

Bụi bông được quạt hút hút về buồng lọc, tại đây không khí có bụi bông được các phin lọc bụi lọc sạch và bụi sẽ được giữ lại để thu gom và mang xử lý cùng chất thải công nghiệp thông thường.

Sau đó, lượng không khí sau khi được lọc tại buồng tiếp tục qua tấm lọc bụi đến tấm chắn bụi và tản gió. Tiếp đến, lượng không khí này đi qua màng nước tuần hoàn để hạ nhiệt không khí và lắng bụi với bể chứa nước tuần hoàn có thể tích 3,0 m³. Quạt đẩy không khí sạch và mát theo đường ống đi vào khu vực sản xuất từ các miệng gió trên trần xưởng. Công ty cam kết

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ hàng năm theo quy định và đảm bảo đạt điều kiện an toàn môi trường lao động cho người lao động tại nhà máy.

Trang bị khẩu trang chuyên dụng cho công nhân khi thao tác ở các công đoạn này.

Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn xưởng sản xuất, thu dọn bụi vải rơi vãi để không phát tán vào môi trường không khí.

Trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng.

Bảng 3-2 Thông số hệ thống hút bụi xưởng dệt Lô số M.25a-27b

STT	Hạng mục	Thông số	Chất liệu, cấu tạo
1	Quạt hút	110.000 m ³ /giờ	Quạt hút dạng con sò, vật liệu bọc là thép GI được sơn Epoxy
2	Thùng chứa/túi vải	Dung tích 10-15 lít	Vải PE/ thùng nhựa PVC

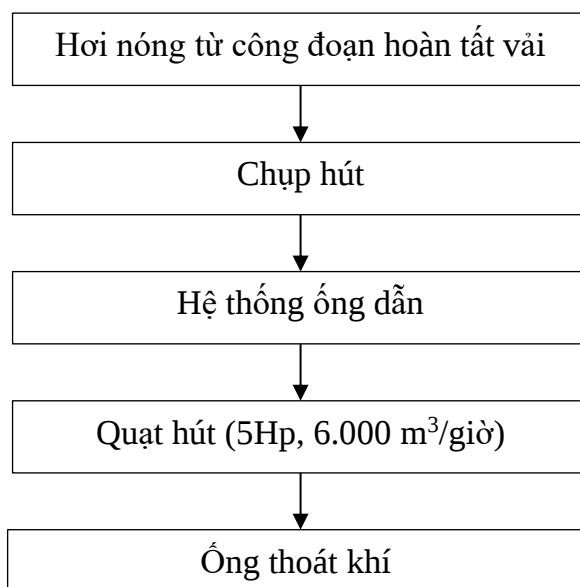


Hình 3-11 Hệ thống hút bụi phân xưởng dệt Lô số M.25a-27b

3.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu hơi nóng phát sinh tại nhà xưởng cắt Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận

Công đoạn hoàn tất vải sẽ phát sinh hơi nóng, công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom, đường ống dẫn, quạt hút và ống thoát khí để giảm thiểu hơi nóng bên trong nhà xưởng nhằm đảm bảo an toàn môi trường lao động cho công nhân.

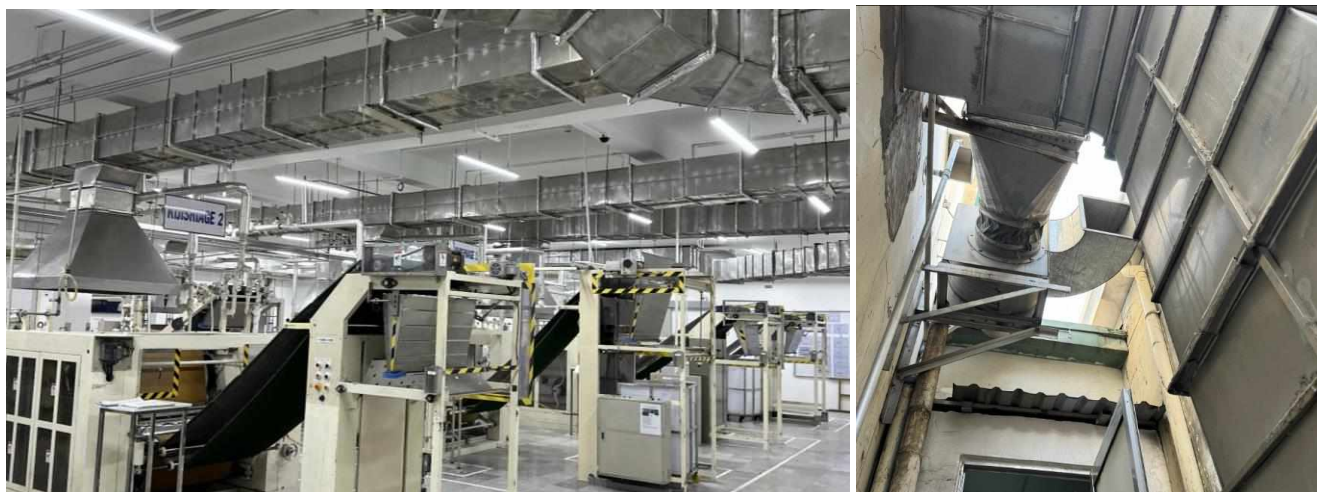
Quy trình hệ thống thu gom, thoát hơi nóng tại công đoạn hoàn tất vải như sau:



Hình 3-12 Quy trình hút hơi nóng phân xưởng cắt (công đoạn hoàn tất vải)

Thuyết minh

Hơi nóng phát sinh tại công đoạn hoàn tất vải được thu gom toàn bộ nhờ hệ thống 10 chụp hút và đường ống dẫn. Hơi nóng được quạt hút công suất 6.000 m³/giờ di chuyển sang ống thoát khí cao 3 m so với mặt đất, có kích thước 40x50 cm thoát ra môi trường.



Hình 3-13 Hệ thống thu gom thoát hơi nóng công đoạn hoàn tất vải

3.2.4. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng

Nhà xưởng cắt là khu vực có nhiều người lao động, máy móc, ẩm mốc,...ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Do đó, công ty đã lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng thông qua hệ gồm 4 phễu hút mái nằm trên la phong theo hệ thống ống về quạt hút 2.000 m³/giờ thoát ra môi trường nhằm duy trì không khí trong lành và hút hơi ẩm.



Hình 3-14 Phễu hút mái và quạt hút của hệ thống thông gió nhà xưởng

3.2.5. Lò hơi sử dụng gas để đốt (sử dụng gas để đốt nên cơ bản tương đối đốt cháy hoàn toàn, ít phát sinh khí thải)

Căn cứ theo Hướng dẫn hồ sơ pháp lý môi trường và quan trắc khí thải lò hơi dùng LPG số 4291/BQL-MT của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty Gunze được ***miễn quan trắc khí thải đối với lò hơi sử dụng nhiên liệu là LPG.***

Nhà máy sử dụng 4 lò hơi đốt bằng gas LPG (công suất cấp hơi 350 kg/giờ), hoạt động luân phiên 2 máy/lần.

Một số nghiên cứu cho thấy đây là loại nhiên liệu đốt cháy hoàn toàn và được khuyến khích sử dụng, do quá trình đốt cháy ít ô nhiễm hơn các nhiên liệu khác. Lò hơi được nhà máy kiểm tra nồng độ khí thải, điều chỉnh nồng độ với tần suất 06 tháng/lần.

Ngoài ra, Nhà máy còn áp dụng các biện pháp an toàn phòng chống rò rỉ khí gas và an toàn cháy nổ tại khu vực này để đảm bảo an toàn cho người lao động.

Lò hơi sử dụng gas để đốt nên cơ bản tương đối đốt cháy hoàn toàn, ít phát sinh khí thải. Lưu lượng phát sinh hơi nước của lò hơi khoảng 350 kg/giờ sử dụng trong công đoạn định hình vải.



Hình 3-15 Lò hơi tại nhà máy



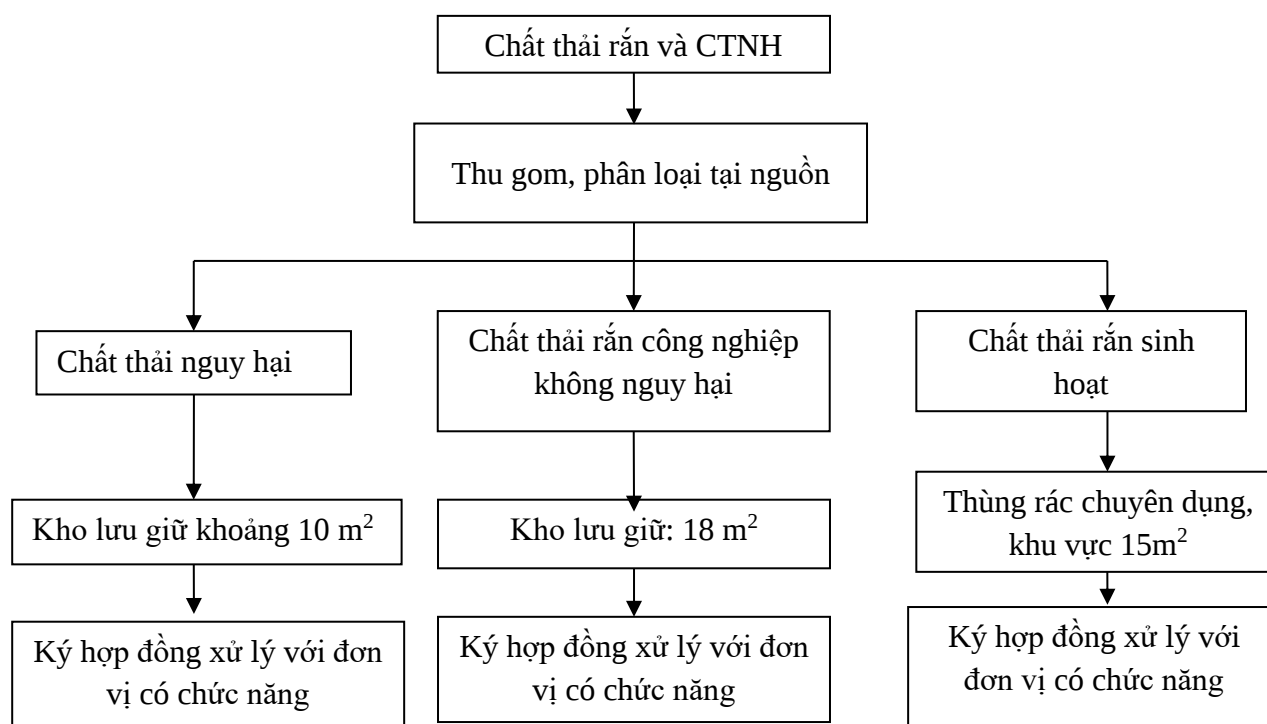
Hình 3-16 Ống thoát khí lò hơi tại nhà máy

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Sơ đồ thu gom chất thải tại nhà máy như sau:



3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Chất thải sinh hoạt (CTRSH) phát sinh từ hoạt động của nhân viên và từ khu vực nhà ăn (chủ yếu là các loại giấy, bọc nilong, thực phẩm thừa, vỏ trái cây, khăn giấy đã qua sử dụng, lon nước),...và chất thải rắn văn phòng (giấy, bìa, bọc nilong,...).

* Biện pháp thu gom

CTRSH được thu gom vào các thùng chứa rác đặt tại các khu vực sinh hoạt của nhân viên như văn phòng, khu nhà ăn, các khu vực sản xuất và dọc các hành lang nội bộ. CTRSH được nhân viên thu gom và vận chuyển về khu tập kết chất thải khi lượng phát sinh đầy sức chứa của thùng rác. Công ty TNHH Tân Thuận đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 7 (Hợp đồng số 98/2024.KCX ký ngày 29/12/2023) để thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày từ 8h00 – 17h00.

* Công trình lưu giữ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CTRSH được phân loại rác và chứa trong các thùng rác loại 240L (khoảng 20 cái) có nắp, bố trí tại các khu vực nhà ăn, hành lang khu văn phòng, khu vệ sinh,..., số lượng thùng chứa rác sinh hoạt tập kết tại đây là các thùng loại 120-200L.

Vị trí tập kết các thùng rác sinh hoạt có diện tích khoảng 15 m² được bố trí cạnh nhà máy có mái che, cách xa khu vực nhà ăn và văn phòng, thuận tiện cho xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển chất thải đi xử lý có.



Hình 3-17 Khu vực lưu trữ và thùng thu gom chất thải sinh hoạt tại nhà máy

- Căn cứ theo mục 2.12 QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy hoạch xây dựng thì CTR sinh hoạt phát sinh tại Quận 7 tối thiểu là 1,3 kg/người/ngày.đêm. Với số lượng là công nhân viên làm việc tại nhà máy là 643 người nên lượng CTR sinh hoạt phát sinh là:
$$NRSH = 643 \text{ người} \times 1,3 \text{ kg/người/ngày.đêm} = 835,9 \text{ kg/ngày.đêm}$$
 tương đương khoảng 270 tấn/năm.

- Chất thải hữu cơ: gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy như thức ăn thừa, rau, củ quả, hạt,...
- Chất thải vô cơ gồm: các loại rác có khả năng tái sử dụng, tái chế: bao gồm các loại giấy, túi nilon, các loại đồ nhựa, lon, chai nước,... Công ty khuyến khích nhân viên sử dụng loại túi bao bì có thể tái sử dụng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCONTT) bao gồm các loại phế liệu như: giấy, thùng giấy, dây buộc, vải vụn, bao nylon,...

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường tại nhà máy được thống kê được như sau:

Bảng 3-3 Thống kê lượng CTRCONTT tại nhà máy

STT	Tên chất thải	Mã ký hiệu	Ký hiệu phân loại	ĐVT	Lượng phát sinh			Khối lượng xin cấp phép
					2021	2022	2023	
1	Rìa vải vụn phế thải (Rìa mộc, rìa trắng, rìa màu, rìa rêu)	19 12 08	TT-R	kg	317.294	409.292	353.607	450.000
2	Carton phế thải (carton, lõi)	19 12 01	TT-R	kg	49.248	66.964	62.3737	80.000
3	Ống chỉ	18 01 05	TT-R	kg	10.428	13.622	10.231	15.000
4	Bọc nylon phế thải	18 01 06	TT-R	kg	1.841	2.380	1.942	3.000
5	Rác khác (Bụi bông)	10 02 10	TT-R	kg	1.936	2.080	3.877	4.000
6	Loại khác: Giẻ lau chùi vệ sinh (không dính dầu)	15 02 03	TT	kg	3.351	4.459	4.679	5.000
7	Bùn công nghiệp thải không chứa thành phần nguy hại (của bể chứa bùn thải hệ thống xử lý nước thải)	12 06 10	TT	kg	--	--	100.000	120.000
Tổng cộng				kg	384.098	498.797	536.71	677.000

Bùn công nghiệp thải không chứa thành phần nguy hại (của bể chứa bùn thải hệ thống xử lý nước thải) dựa vào chứng từ thu gom năm 2023, lượng phát thải trung bình năm khoảng 100.000 kg, tối đa khoảng 120.000 kg.

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải gồm nước thải sinh hoạt và nước thải đập bụi từ hệ thống lọc bụi nên có tính chất tương tự như bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

đô thị, mã ký hiệu 12 06 10 (theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ký hiệu phân loại TT là chất thải thông thường).

* **Biện pháp thu gom**

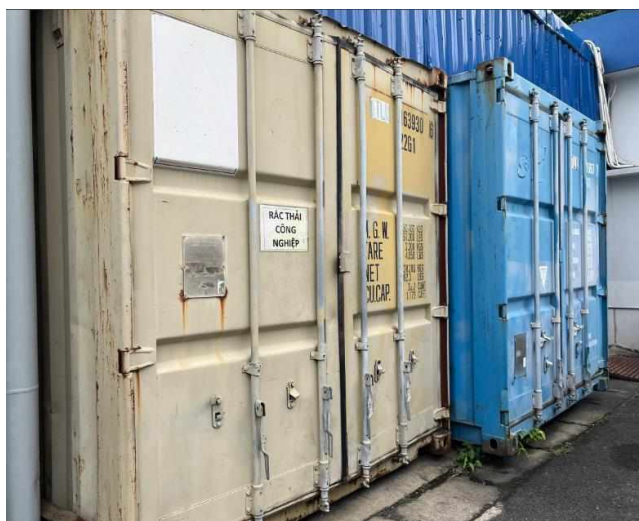
Bố trí các thùng rác loại 90 - 100L có nắp tại khu vực nhà kho và thu gom vào cuối giờ sản xuất sau đó tích trữ vào tạm thời vào thùng chứa có nắp đậy với dung tích 120 -200 lít. Ngoài ra, những nơi phát sinh rác chủ yếu sẽ tăng cường có thùng rác từ 200- 300L.

Đơn vị thu gom, vận chuyển chuyên giao chất thải công nghiệp – chất thải công nghiệp nguy hại (*Hợp đồng số 23HĐ.TPHCM/VAE-2024 ký ngày 04/01/2024 giữa Công ty CP Môi trường Việt Úc và Công ty TNHH Gunze Việt Nam*).

Đơn vị thu gom, vận chuyển Bùn thải công nghiệp của bể chứa bùn hệ thống xử lý nước thải (*Hợp đồng số 165-2024/giờĐ.XLCT ký ngày 04/01/2024 giữa Công ty CP TM DV Thuận Thiên Hà và Công ty TNHH Gunze Việt Nam*). Tần suất thu gom theo Hợp đồng là **04 lần/năm**.

* **Công trình lưu giữ**

CTRCNTT của nhà máy được tập kết tạm bên cạnh khu vực sản xuất của Nhà máy và được nhân viên chuyển về thùng container 20 feet có diện tích khoảng 18 m² để lưu chứa rác thải sau mỗi ca làm việc.



Hình 3-18 Thùng Container lưu chứa rác thải công nghiệp thông thường

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Công ty đã tiến hành đăng ký Sổ chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 79.000002.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp lần đầu ngày 04/05/2007, đăng ký điều chỉnh lần 01 ngày 01/06/2010).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Tính đến thời điểm hiện tại, nhà máy vẫn còn đủ 5 loại chất thải và không phát sinh danh mục chất thải mới. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy theo thực tế (dựa trên báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021, 2022 và chứng từ thu gom CTNH năm 2023):

Bảng 3-4 Thống kê lượng phát sinh CTNH tại Nhà máy

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng phát sinh thực tế			Khối lượng theo Sổ chủ nguồn thải	Khối lượng xin cấp phép
				2021	2022	2023		
1	Pin - acquy thải	16 01 12	kg/năm	35	27	14	48	50
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg/năm	45	143	125	96	200
3	Dầu nhớt thải	07 03 05	kg/năm	298	268	280	60	400
4	Bao bì dính dầu, sơn	18 01 01	kg/năm	298	532	449	120	600
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	18 02 01	kg/năm	607	1.382	1205	1.680	1.800
Tổng cộng				1.283	2.352	2.073	2.004	3.080

CTNH được phân loại và thu gom vào các thùng chứa riêng biệt (có dán nhãn tên, mã số CTNH đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT), sau đó được thu gom, vận chuyển về kho lưu chứa CTNH di động của Nhà máy. Kho lưu chứa di động CTNH được bố trí phía sau nhà máy, có mái che, có **diện tích khoảng 10m²**. Nhà máy đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc (theo Hợp đồng số 36 HĐ.TP HCM/VAE-2023 ký ngày 04/01/2023) để thu gom và chuyển chất thải đi xử lý định kỳ **theo thỏa thuận**.

Bên ngoài kho có dán tiêu ngữ “Chất thải nguy hại” kèm biển cảnh báo, biểu tượng và mã số các loại CTNH lưu chứa trong từng kho. Kho được xây trên nền bê tông chắc chắn, có cửa khóa. Trong mỗi kho có bố trí các thùng nhựa chứa CTNH đều có nắp đậy kín, có dán nhãn tên phân loại và mã số CTNH riêng biệt trên từng thùng, mặt sàn được lót kê cao đảm bảo không bị ngập. Có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Dụng cụ lưu chứa CTNH tại từng khu vực phát sinh được phân loại bằng nhãn tên, biểu tượng, mã số từng loại CTNH, có và có nắp đậy an toàn theo đúng quy định. Tại khu vực lưu chứa Dầu nhớt thải trong kho CTNH, Nhà máy có bố trí khu vực để cát dưới các thùng chứa Dầu nhớt thải để tránh tràn đổ dầu.



Hình 3-19 Kho chứa chất thải nguy hại



Hình 3-20 Bên trong kho chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nhà máy đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các thiết bị có tiếng ồn, độ rung lớn.

- Định kỳ bảo trì máy móc thiết bị và các thiết bị phụ trợ, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, tra dầu mỡ để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của nhà máy:

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải

- Trong quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thường xuyên có nhân viên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống. Các vấn đề như các thiết bị trong hệ thống bị hư không hoạt động, quá trình hóa lý chưa hiệu quả hay bằng điều khiển không hoạt động,... sẽ liên lạc ngay lập tức cho cơ quan bảo trì chuyên môn đến để sửa chữa hệ thống để luôn đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố tiến hành thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn sau:

- Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành kiểm tra rà soát nguyên nhân và thiết bị bị sự cố. Nếu sự cố ảnh hưởng lớn thì tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra; khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý. Nếu chỉ một vài thiết bị gặp sự cố và đánh giá tình hình là không gây ảnh hưởng lớn có thể vẫn để hệ thống hoạt động, tuy nhiên phải sửa chữa ngay thiết bị hư hỏng để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Thông báo cho nhân viên tại Công ty giảm thiểu hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục hoàn toàn sự cố.

- Chuyển chế độ vận hành sang chế độ tay (man), chỉ sử dụng các thiết bị hoạt động tốt, tránh sử dụng các thiết bị gặp sự cố.

- Thường xuyên theo dõi vận hành và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nước thải sau xử lý luôn phải đảm bảo đạt quy chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi

Các biện pháp phòng ngừa khắc phục sự cố xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi:

- Niêm yết bảng nội quy an toàn vận hành lò hơi và các biện pháp an toàn, biện pháp xử lý sự cố lò hơi tại nhà máy. Bảng nội quy an toàn đặt tại khu vực nhà đặt lò hơi.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thay thế các bộ phận chi tiết bị hư hỏng.

- Bố trí công nhân được đào tạo, có chuyên môn để theo dõi thông số hoạt động của lò hơi. Khi hệ thống gặp sự cố, Công ty cam kết sẽ dừng toàn bộ hoạt động của quy trình sản xuất để tiến hành kiểm tra và sửa chữa.

3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

- Hóa chất được lưu trữ trong những khu vực riêng

- Nguyên liệu của thùng hóa chất làm bằng nhựa chuyên biệt.

- Bên ngoài thùng được dán nhãn hóa chất với nội dung thông tin bao gồm tên hóa chất sử dụng, đặc tính lý hóa, cách phòng chống và biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố, hình đồ cảnh báo nguy hiểm.

- Các thùng hóa chất được ràng buộc bằng 1 sợi dây xích với nhau.

- Thường xuyên kiểm tra kho lưu trữ nhằm phát hiện sớm nếu có rò rỉ hóa chất tránh rủi ro;

- Giữa các cụm thùng chứa bố trí lối đi thông thoáng, dễ phát hiện nếu có sự cố rò rỉ

- Tất cả nhân viên tiếp xúc với hóa chất đều được trang bị đồ bảo hộ như khẩu trang, găng tay, mắt kính, giày bảo hộ,...;

- Tập huấn, hướng dẫn công nhân nắm rõ các thành phần hóa chất và tính chất hóa lý của hóa chất, các biện pháp đề phòng và giải quyết khi gặp sự cố với hóa chất;

- Bố trí lắp đặt các dụng cụ sơ cứu như dụng cụ rửa mắt, tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu được đặt gần khu vực nhà máy tiện cho công việc sơ cứu;

- Tổ chức nơi làm việc hợp lý đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động;

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Lắp đặt biển báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết;
- Dán thông báo địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết;
- Bố trí kho chứa hóa chất và sản phẩm hợp lý, an toàn, độ cao vừa phải để tránh tình trạng hóa chất rơi đổ hàng loạt và rò rỉ ra ngoài môi trường;
- Các hóa chất sử dụng cho quá trình sản xuất được sắp xếp, lưu trữ theo nguyên tắc phân thành nhóm loại, che chắn, cô lập các loại hóa chất có tính tương tác với nhau để tránh tình trạng phản ứng cháy nổ.

3.6.4. Biện pháp ứng phó, xử lý sự cố hóa chất

STT	Các nguy cơ có thể xảy ra	Xử lý sự cố
1	Hóa chất đổ tràn ra sàn tại nơi lưu trữ thùng hóa chất	Cho cát vào bể mặt sàn nơi lưu trữ các thùng hóa chất. Thay thế cát mới khi có hóa chất đổ ra. Sử dụng dây xích ràng buộc các thùng hóa chất lại với nhau. Trường hợp hóa chất đổ tràn ra ngoài nền nhà, dùng cát để thấm. Cát sau khi thấm hóa chất bỏ vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại để xử lý.
2	Hóa chất dính vào da, mắt hoặc hít phải hóa chất trong quá trình đổ hóa chất vào hệ thống	Yêu cầu sử dụng đồ bảo hộ chuyên dụng như kính, găng tay, khẩu trang, tạp dề trước khi thao tác. Ngay lập tức rửa bằng nước liên tục trong 5 phút tại vị trí dính hóa chất. Trường hợp nặng, lập tức đi đến phòng khám đa khoa để cấp cứu kịp thời.

3.6.5. Phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Trang bị phương tiện, thiết bị PCCC đồng bộ theo hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về PCCC, trang bị bể chứa nước PCCC 65m³.
- Đặt các bình chữa cháy gần khu vực có hóa chất.
- Kịp thời sửa chữa, thay thế, lắp đặt mới các thiết bị khi có dấu hiệu bị hư hại, xuống cấp.
- Gắn các bảng cấm hút thuốc gần khu vực có hóa chất.
- Đối với hàng hóa dễ cháy được lưu giữ tại các khu cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, phổ biến kiến thức và định kỳ kiểm tra các hiểu biết về PCCC, các vấn đề về an toàn sức khỏe và môi trường đầy đủ cho tất cả các nhân viên đặc biệt là các nhân viên tham gia trực tiếp vào quá trình vận hành nhà máy.

- Giáo dục nâng cao ý thức cho cán bộ cũng như công nhân vận hành thực hiện nghiêm túc các quy định về PCCC, trong đó nghiêm cấm hút thuốc, đốt lửa tại khu vực xử lý trong bất kỳ thời gian nào.

- Xây dựng kế hoạch sơ tán người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

- Định kỳ kiểm tra các hệ thống điện, các máy móc thiết bị, các thiết bị chữa cháy... kịp thời sửa chữa những sự cố hư hỏng.

- Tất cả các thành viên làm việc tại khu vực cơ sở được trang bị các kiến thức về sơ cứu nạn nhân, để hạn chế các thiệt hại về người khi xảy ra sự cố.

- Giám sát chặt chẽ công tác vận hành để hạn chế đến mức thấp nhất các lỗi vận hành, từ đó có thể hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố xảy ra

- Người phát hiện sự cố cháy đầu tiên, sử dụng ngay bình chữa cháy.

- Liên lạc ngay với người quản lý chung hoạt bảo vệ Nhà máy, báo cáo cho BGD.

3.6.6. Đối với sự cố cháy nổ do chập điện:

- Lắp đặt thiết bị đóng ngắt tự động khi có sự cố xảy ra tại hệ thống điện.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ hệ thống điện bao gồm các thiết bị điện, hộp cảm biến, dây cáp...

- Kịp thời sửa chữa, thay thế, lắp đặt mới các thiết bị điện trên hệ thống khi có dấu hiệu bị hư hại, xuống cấp.

- Khi có sự cố về điện, xác định ngay nguyên nhân, mức độ của sự cố, nhanh chóng tiến hành các biện pháp ứng phó, khắc phục.

- Ngay khi phát hiện cháy, cần báo ngay cho cơ quan chức năng để phối hợp trong công tác chữa cháy, sau đó chủ dự án sẽ cùng cơ quan chức năng tiến hành điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra chủ dự án sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định hư hại và lên kế hoạch khắc phục cụ thể những hư hại của dự án.

3.6.7. An toàn lao động

- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân về các quy tắc an toàn trong sản xuất và khi tham gia giao thông.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động nhân.
- Sắp xếp khu vực chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, máy móc, thiết bị gọn gàng, phù hợp với công năng sử dụng. Tùy theo từng loại hàng hóa khác nhau mà có thể bố trí chiều cao khác nhau.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho, xưởng: yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải.
- Tại các khu vực có nguồn nhiệt cao, nguồn điện, tại khu vực có khả năng đổ ngã,... dễ gây tai nạn lao động thì sẽ đặt biển báo hướng dẫn vận hành và đề phòng sự cố, tai nạn.
- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.
- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc, dây chuyền sản xuất tại Nhà máy.
- Có chế tài phù hợp đối với người lao động không tuân thủ các quy định về ATLĐ trong sản xuất công nghiệp

3.6.8. Phòng ngừa và ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

❖ Phòng ngừa

- Nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.
- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm;

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt quy chuẩn quy định;
- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.
- Thực hiện theo hướng dẫn tại điều 7 thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 1 năm 2011 về hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.
- Thành lập tổ y tế của nhà máy và các biện pháp sơ cứu khi xảy ra sự cố.
- Khi có sự cố ngộ độc xảy ra đối với hàng loạt công nhân, liên hệ đưa công nhân đến trung tâm y tế gần nhất để cấp cứu và xác định nguyên nhân.

❖ Biện pháp ứng cứu khi ngộ độc thực phẩm:

- Khi nhận thấy các dấu hiệu của ngộ độc như: đau bụng quằn quại, nôn nhiều, tiêu chảy,... các công nhân bị ngộ độc thực phẩm sẽ được đưa đến các dự án y tế gần dự án để tiến hành chữa trị và các bệnh viện tuyến trên nếu cần thiết. Trong trường hợp tất cả các công nhân viên tại dự án đều bị ngộ độc thực phẩm thì sẽ tiến hành chuyển từng nhóm bệnh nhân đến các dự án này để đảm bảo đủ giường bệnh và chữa trị kịp thời.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Không có

3.7.1. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Các hạng mục công trình và công suất hoạt động của công ty không thay đổi so với hồ sơ môi trường ban đầu công ty đã được cấp:

Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 1998/GXN-BQL-KCN-HCM-QLMT của Dự án “ Xây dựng nhà kho của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)” ngày 06/09/2010.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “ Nhà xưởng dệt không nhuộm công suất 1.080 tấn vải/năm” số 12/GXN-UBND được UBND Quận 7 ngày 03 tháng 08 năm 2020 tại Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

CHƯƠNG 4.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14 (do nước thải sau xử lý của Công ty được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCX Tân Thuận, không xả trực tiếp ra môi trường).

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

❖ Mạng lưới thu gom nước thải:

📍 Lô số M.25a-27b, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi tại Khu A, Lô số M.25a-27b, đường số 10 với lưu lượng 3 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Lô số M.25a-27b, đường số 10 với lưu lượng 0,58 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

📍 Tại khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng dệt được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 13,76 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phân xưởng cắt may được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 63 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom bằng ống HDPE đường kính D49mm về bể tự hoại với thể tích 12,32 m³/bể, sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý

- Nguồn số 06: Nước thải nhà ăn với lưu lượng 17,5 m³/ngày qua bể tách dầu mỡ 8,4 m³ sau đó thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình làm mát tuần hoàn xả từ hệ thống lọc bụi phân xưởng dệt tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10 thu gom bằng đường ống BTCT đường kính D300 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

Nguồn số 08: Nước vệ sinh nhà xưởng tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10 với lưu lượng 3,52 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

Nguồn số 09: Nước xả đáy lò hơi với lưu lượng 0,15 m³/lần theo đường ống D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý

Nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 10, có tọa độ: X (m) = 1.189.633; Y (m) = 608.202 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

❖ Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất (nguồn số 01 đến 02 và nguồn số 07 đến 09) → (1)

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 03 đến 05) → Bể tự hoại → (2)

Nước thải nhà ăn (nguồn số 06) → Bể tách dầu → (3)

Nước thải từ các dòng (1), (2), (3) → Hố thu gom nước thải → Song chắn rác → Bể tách chất nổi → Bể điều hòa → Bể khử nito → Bể Nitrat hóa → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước ra → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận. Bùn phát sinh trong quá trình xử lý nước thải một phần tuần hoàn về bể khử Nito, phần còn lại được bơm về bể chứa bùn.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Chế độ vận hành: liên tục, 24 giờ/ngày
- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm
- Hóa chất sử dụng: Methanol, NaOH, NaOCl, FeCl₃

❖ **Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

b) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục;

Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp;

Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời;

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất;

Bổ trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý vận hành hệ thống có đủ trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.

Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó nhà máy sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ Công ty TNHH Tân Thuận để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

c) Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của khu chế xuất Tân Thuận và biện pháp kiểm soát, giám sát nước

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

thải theo thỏa thuận giữa Công ty và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chế xuất Tân Thuận, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu chế xuất Tân Thuận để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu chế xuất Tân Thuận và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư khu chế xuất Tân Thuận về việc đầu nối nước thải sau xử lý tại dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu chế xuất Tân Thuận đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Lò hơi số 01 công suất 350 kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu LPG
- Nguồn số 02: Lò hơi số 02 công suất 350 kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu LPG
- Nguồn số 03: Lò hơi số 03 công suất 350 kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu LPG
- Nguồn số 04: Lò hơi số 04 công suất 350 kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu LPG
- Nguồn số 05 - 105: Bụi phát sinh từ 101 máy dệt của khu vực xưởng dệt tại phòng máy hút bụi tại nhà xưởng dệt 01 tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10.
- Nguồn số 106 - 168: Bụi phát sinh từ 63 máy dệt của khu vực xưởng dệt tại phòng máy hút bụi tại nhà xưởng dệt 02 tại Lô số M.25a-27b, đường số 10.
- Nguồn số 169: Hơi nóng phát sinh từ phân xưởng cắt (công đoạn hoàn tất vải Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

❖ Vị trí xả khí thải:

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°)
-----	---------------	----------------	--

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1	Dòng khí thải số 1	Ổng thải 04 lò hơi 350kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu LPG (nguồn số 01 - 04)	X (m) = 1.189.708; Y (m) = 608.199.
2	Dòng khí thải số 2	Ổng thoát hơi nóng công đoạn hoàn tất vải (nguồn số 169)	X (m) = 1.189.710; Y (m) = 608.212.

Vị trí xả khí thải của nhà máy tại: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận.

❖ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 70 m³/giờ.

❖ Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải từ lò hơi được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo ca sản xuất.

❖ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường của các dòng khí thải phải đáp ứng yêu cầu tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 0,8, Kv = 1,0) trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	SO ₂	mg/Nm ³	400	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NO ₂	mg/Nm ³	680		
3	CO	mg/Nm ³	800		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	--	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm ³	160		

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:**❖ Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01- 04: Khí thải, nhiệt thừa từ 04 lò hơi công suất 350 kg/giờ sử dụng nhiên liệu LPG được thu gom và thoát qua 04 ống thải cao 8m;

+ Nguồn số 05 - 105 và 106 - 168: Quy trình hút bụi phân xưởng dệt: Bụi bông phát sinh từ máy dệt → Ống dẫn → Thiết bị lọc (lưới lọc và bông lọc công nghiệp) → Quạt hút → Không khí tuần hoàn lại xưởng dệt; công suất quạt hút 110.000 m³/giờ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lưới lọc và bông lọc công nghiệp

+ Nguồn số 169: Hơi nóng từ công đoạn hoàn tất vải → Chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (6.000 m³/giờ) → Ống thoát khí.

4.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

4.2.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Công ty thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ hệ thống, đảm bảo chất lượng khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Đối với các nguồn khí thải từ 04 lò hơi sử dụng nhiên liệu LPG công suất 350 kg hơi/giờ không phải kiểm soát, do thiết bị sử dụng nhiên liệu là LPG, không thuộc đối tượng yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải và quan trắc môi trường. Tuy nhiên, yêu cầu Công ty phải đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu sạch trong mọi trường hợp.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực xưởng dệt 01
- + Nguồn số 02: Phát sinh tại khu vực xưởng dệt 02
- + Nguồn số 03: Phát sinh tại khu vực mắc sợi
- + Nguồn số 04: Phát sinh tại khu vực sấy vải, sấy sợi
- + Nguồn số 05: Phát sinh tại khu vực may
- + Nguồn số 06: Phát sinh tại khu vực lò hơi chạy bằng gas LPG
- + Nguồn số 07: Phát sinh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 1.189.726; Y (m) = 608.158.
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 1.189.737; Y (m) = 608.108.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- + Nguồn số 03: Tọa độ: X (m) = 1.189.733; Y (m) = 608.159.
- + Nguồn số 04: Tọa độ: X (m) = 1.189.732; Y (m) = 608.224.
- + Nguồn số 05: Tọa độ: X (m) = 1.189.742; Y (m) = 608.181.
- + Nguồn số 06: Tọa độ: X (m) = 1.189.708; Y (m) = 608.199.
- + Nguồn số 07: Tọa độ: X (m) = 1.189.627; Y (m) = 608.218.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

4.3.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn

Bảng 4-1 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đề nghị cấp phép

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung:

Bảng 4-2 Giá trị giới hạn đối với độ rung đề nghị cấp phép

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

4.3.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

❖ Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; sửa chữa thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

❖ Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của nhà máy, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của quy định.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với Chất thải rắn, Chất thải nguy hại

4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.4.1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin - acquy thải	16 01 12	Rắn	50
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	200
3	Dầu nhớt thải	07 03 05	Lỏng	400
4	Bao bì dính dầu, sơn	18 01 01	Rắn	600
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	18 02 01	Rắn	1.800
Tổng cộng				3.080

4.4.1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Mã ký hiệu	Ký hiệu phân loại	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)
1	Rìu vải vụn phế thải (Rìu mộc, rìu trắng, rìu màu, rìu rêu)	19 12 08	TT-R	kg	450.000
2	Carton phế thải (carton, lõi)	19 12 01	TT-R	kg	80.000
3	Ống chỉ	18 01 05	TT-R	kg	15.000
4	Bọc nylon phế thải	18 01 06	TT-R	kg	3.000
5	Rác khác (Bụi bông)	10 02 10	TT-R	kg	3.000
6	Loại khác: Giẻ lau chùi vệ sinh (không dính dầu)	15 02 03	TT	kg	5.000
7	Bùn công nghiệp thải không chứa thành phần nguy hại (của bể chứa bùn thải hệ thống xử lý nước thải)	12 06 10	TT	kg	120.000

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

STT	Tên chất thải	Mã ký hiệu	Ký hiệu phân loại	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)
	Tổng cộng			kg	676.000

4.4.1.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng tối đa (tấn/năm)
1	Rác hữu cơ và vô cơ	300
Tổng khối lượng		300

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

❖ Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy kín, có dán mã phân loại CTNH tại khu vực lưu chứa.

❖ Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: khoảng 10m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa CTNH được bố trí phía sau nhà máy, có mái che. Trong kho có bố trí các thùng nhựa chứa CTNH đều có nắp đậy kín, có dán nhãn tên phân loại và mã số CTNH riêng biệt trên từng thùng, mặt sàn được lót kệ cao đảm bảo không bị ngập. Có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

❖ Phương thức thu gom, xử lý: Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn và hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.

4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

❖ Thiết bị lưu chứa: Thùng container 20 feet, có diện tích khoảng 18 m²

❖ Thiết kế, cấu tạo của thiết bị lưu chứa chất thải: Thùng container được làm từ thép có khả năng chống nước và chống ăn mòn, cửa được thiết kế để có thể khóa được.

4.4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

❖ Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực văn phòng, khu nhà ăn, các khu vực sản xuất và dọc các hành lang nội bộ.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- ❖ Thiết bị lưu chứa: Thùng rác loại 240L có nắp
- ❖ Khu vực lưu chứa:
 - Diện tích: 15m²
 - Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa bên cạnh nhà máy có mái che cách xa khu vực nhà ăn và văn phòng, thuận tiện cho xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển chất thải đi xử lý có.

CHƯƠNG 5.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2021, 2022 VÀ 2023

5.1. Kết quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ tại Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) năm 2021, 2022 và 2023:

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm
- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải
- Vị trí: Nước thải sau HTXL tại hố ga tập trung trên đường số 10

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCX Tân Thuận
			2021	2022	2023	
1	pH	--	6,65	6,52	7,06	5 – 9
2	TSS	mg/L	92	21	8	200
3	BOD ₅ (20°C)	mgO ₂ /L	144	47	26	100
4	COD	mgO ₂ /L	68	24	11	400
5	Tổng Nito	mg/L	18,4	1,59	33,3	60

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/L	7,51	1,69	3,81	8
7	NH ₄	mg/L	KPH	0,10	KPH	15

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc, nước thải của Công ty đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải theo quy định của KCX Tân Thuận.

5.2. Kết quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Không có

CHƯƠNG 6.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày.đêm của Nhà máy như sau:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm là 3 tháng kể từ ngày giấy phép môi trường được cấp.

Bảng 6-1 Thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m ³ /ngày.đêm	Tháng 10/2024	Tháng 01/2025

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Số lần đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu: 3 lần trong 3 thời điểm khác nhau trong ngày tại đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý (tối thiểu 15 ngày/lần).

Bảng 6-2 Kế hoạch lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định

Loại mẫu	Lần lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời gian tiến hành lấy mẫu	Vị trí	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
Nước thải	3 lần	15 ngày/ lần	8h-12h-16h	Mẫu nước thải đầu ra HTXLNT	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Tổng Nito, Tổng Phospho, NH ₄	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCX Tân Thuận

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu theo kiểu mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 3 thời điểm khác nhau được trình bày cụ thể tại **Bảng 6-2** sau đó trộn đều 3 mẫu lấy tại 3 thời điểm khác nhau và tiến hành gửi mẫu phân tích đối với nước thải.

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) dự kiến sẽ phối hợp với Công ty CP DV Tư vấn Môi trường Hải Âu hoặc đơn vị có chức năng tương đương để tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu và đánh giá chất lượng nước thải.

Thông tin đơn vị phối hợp thực hiện lấy mẫu và phân tích mẫu: CÔNG TY CP DV TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU

- Giám đốc: Ông THÁI LÊ NGUYỄN

- Địa chỉ: Số 3, Đường Tân Thới Nhất 20, Khu phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại : 08. 38164421

Fax: 08. 38164437

- Cơ sở pháp lý của đơn vị:

+ Phòng thí nghiệm của Công ty CP DV TV MT Hải Âu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu: VIMCERTS 117 cấp ngày 13/11/2023.

+ Phòng thí nghiệm của Công ty CP DV TV MT Hải Âu đã được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam – Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng cấp Chứng chỉ công nhận về việc công nhận năng lực phòng thí nghiệm cho “Phòng thử nghiệm Hải Âu - Công ty CP DV TV MT Hải Âu” mã số VLAT – 1.0444.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Điểm b Khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện việc quan trắc nước thải 01 năm/lần để theo dõi chất lượng nước thải phát sinh xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi thoát

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

vào hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận (*Theo quy định tại Khoản 6 Điều 111 Luật Bảo vệ Môi trường 2020*).

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga thoát nước thải trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường số 10 KCX Tân Thuận
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, NH₄
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm
- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCX Tân Thuận

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Vị trí giám sát: Khu vực chứa rác.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần.
- Tần suất: Giám sát thường xuyên liên tục
- Quy chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT – Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật bảo vệ môi trường.

c. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ CTNH.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần.
- Tần suất: Giám sát thường xuyên liên tục
- Quy chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT – Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật bảo vệ môi trường.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí giám sát môi trường dự kiến trong giai đoạn hoạt động là 20.000.000 đồng/năm.

Việc giám sát môi trường trong nhà máy được Chủ đầu tư thực hiện định kỳ theo chương trình đã đề ra và đột xuất khi có xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) cam kết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã trình bày là hoàn toàn chính xác, trung thực với thực tế của cơ sở. Trong quá trình hoạt động nếu có tác động xấu, hoặc xảy ra sự cố môi trường, Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) sẽ dừng ngay và báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước để được hướng dẫn và giúp đỡ. Trường hợp nếu làm thiệt hại đến sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng, chủ đầu tư sẽ khắc phục kịp thời và bồi thường thích hợp cho nhân dân địa phương.

Chúng tôi cam kết thực hiện một cách nghiêm túc chương trình quản lý môi trường cho nhà máy trong suốt quá trình hoạt động như đã trình bày trong nội dung của báo cáo.

Chúng tôi cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam khi để xảy ra sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động của Nhà máy.

Các nguồn thải sẽ được kiểm soát chặt chẽ và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đạt giới hạn quy định cho phép xả thải vào môi trường:

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được tách riêng. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX Tân Thuận.

- CTR sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

- CTNH sẽ được thu gom và xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện tuân thủ quy định liên quan đến việc xây dựng phương án phòng chống cháy nổ và kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như chương trình giám sát môi trường khi dự án đi vào hoạt động.

Cam kết Chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các quy chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC 1.
PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



MÃ SỐ DỰ ÁN: 1022746845

NGÀY CẤP: 31/10/2023

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1022746845

Chứng nhận lần đầu: ngày 18 tháng 3 năm 1995

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 31 tháng 10 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1022746845 chứng nhận lần đầu ngày 18/3/1995, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 17/5/2021 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam);

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam) nộp ngày 26/10/2023,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1022746845 chứng nhận lần đầu ngày 18/3/1995, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 17/5/2021 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



Dăng ký điều chỉnh nội dung như sau: thông tin nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án, thời hạn hoạt động dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Chủ đầu tư

Gunze Limited; thành lập ngày 10/8/1896; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300-01-041734, nơi cấp Nhật Bản;

Địa chỉ trụ sở chính: 1 Zeze, Aonochō, Ayabe-shi, Kyoto, Japan; số điện thoại: 06-6348-1300;

Đại diện bởi: Ông Saguchi Toshiyasu; chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 14/11/1961; quốc tịch: Nhật Bản; hộ chiếu số TS4566302, cấp ngày 09/10/2019, nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản; địa chỉ thường trú tại: 611 Dia Palace Chishirodai II, 2-39-1 Chishirodaihigashi, Wakaba, Chiba, Japan; số điện thoại: 043-237-0062.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300666030, đăng ký lần đầu ngày 18/3/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Địa chỉ trụ sở chính: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 028.37700248.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

2. Địa điểm thực hiện dự án:

- Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích đất sử dụng: 15.000 m²;

- Lô số M.25a-27b, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc Quốc Miên); Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.440 m².



- Lô số BF 21-23-25-27-29, đường Tân Thuận, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Việt Hưng); Diện tích nhà xưởng sử dụng: 2.053 m².

3. Mục tiêu và quy mô dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam) được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất và thực hiện các mục tiêu sau:

- Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh:

+ Sản xuất hàng may mặc (dệt – dệt kim – hoàn tất – cắt may) quy mô 11.000.000 sản phẩm/năm.

+ Dịch vụ cung cấp hàng hóa cho các Doanh nghiệp trong khu chế xuất Tân Thuận từ các nguồn trong nước và nước ngoài để phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp này; mua hàng hóa ở nước ngoài để bán tại nước thứ ba; thu mua, bảo quản, gia công tái chế, đóng gói các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

- Lô số M.25a-27b, đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc Quốc Miên): sản xuất vải dệt không nhuộm quy mô 1.080 tấn sản phẩm/năm.

- Lô số BF 21-23-25-27-29, đường Tân Thuận, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Việt Hưng): Kho phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty, diện tích: 2.053 m², quy mô 110 tấn sản phẩm.

4. Tổng vốn đầu tư: 241.914.000.000 (Hai trăm bốn mươi một tỷ chín trăm mười bốn triệu) đồng Việt Nam tương đương 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm ngàn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 136.734.000.000 (Một trăm ba mươi sáu tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu) đồng Việt Nam tương đương 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền, chiếm 56,52% tổng vốn đầu tư.

Tiến độ góp vốn: đến tháng 8/2011.

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

* Tại Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10 và Lô số M.25a-27b, đường số 10: đến ngày 23/9/2041.

* Tại Lô số BF 21-23-25-27-29, đường Tân Thuận: đến hết ngày 28/02/2026.

6. Tiến độ thực hiện dự án:

* Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39:



- Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 9/1995 đến tháng 4/1996;
- Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 4/1996 đến tháng 6/1996;
- Sản xuất chính thức : từ tháng 6/1996.
- * Lô số M.25a-27b, đường số 10:
- Cải tạo nhà xưởng : từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2020;
- Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2020;
- Sản xuất chính thức : từ tháng 8/2020.
- * Lô số BF 21-23-25-27-29, đường Tân Thuận:
- Hoạt động chính thức : từ tháng 5/2021.
- * Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 8/2011.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án tại khu chế xuất theo nguyên tắc tiếp tục kế thừa các ưu đãi đã quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp trước đây và phù hợp với các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án;

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- Đối với nội dung thuê nhà xưởng dự thừa:



+ Việc thuê nhà xưởng của doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan; Bên cho thuê và Bên thuê nhà xưởng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của Hợp đồng thuê nhà xưởng được ký giữa các Bên.

+ Nhà đầu tư có trách nhiệm di dời địa điểm thực hiện dự án trong trường hợp các điều kiện liên quan đến hoạt động thuê lại nhà xưởng không được duy trì và đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; hoặc hợp đồng thuê nhà xưởng không được gia hạn khi hết hạn hợp đồng.

+ Bên cho thuê và Bên thuê nhà xưởng có trách nhiệm liên hệ Công ty TNHH Tân Thuận để thỏa thuận về các vấn đề phát sinh có liên quan đến quản lý điều hành của khu chế xuất Tân Thuận.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1022746845 chứng nhận lần đầu ngày 18/3/1995, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 17/5/2021 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gunze (Việt Nam), 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống Thông tin Quốc gia về Đầu tư.



Hứa Quốc Hưng

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0300666030

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 03 năm 1995

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 24 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GUNZE (VIET NAM) CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 Đường số 10, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3770 0248

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 136.734.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY GUNZE LIMITED (NHẬT BẢN)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .1300-01-041734

Ngày cấp: 10/08/1896 Nơi cấp: *Nhật Bản*

Địa chỉ trụ sở chính: *1 Zeze, Aonochō, Ayabe-shi, Kyoto, Nhật Bản*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TAKASHI SHIMOJO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/02/1972 Dân tộc: *Quốc tịch: Nhật Bản*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TZ2012787*

Ngày cấp: 03/03/2020 Nơi cấp: *Việt Nam*

Địa chỉ thường trú: *388-4 Tenma Ootsuku, Himejishi, Hyogo, Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *G1006, The Manor Officetel, 91 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



Võ Thành Thơ

096/ TTC - NV

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT
CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH
KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM),
 (dưới đây gọi tắt là **Bên thuê**).

nay thuê của Công ty Liên doanh xây dựng và kinh doanh Khu chế xuất Tân Thuận (dưới đây gọi tắt là **Bên cho thuê**) ^{MỘT} thửa đất của Khu chế xuất Tân Thuận và ký kết Hợp đồng thuê đất với nội dung như sau :

1/. Ký hiệu đất (như sơ đồ đính kèm) và tiền thuê đất :

Ký hiệu đất			Diện tích đất thuê (m ²)	Tổng số tiền thuê phải nộp (USD)	Phí xây dựng công cộng phải nộp hàng tháng (USD)	Ghi chú
Khu	Lô	Số hiệu của thửa đất đăng ký				
A	M	27a-29-31 33-35-37-39	15,000	1,500,000	3,300	
Tổng cộng			15,000	1.500,000	3,300	

2/. Thời gian thuê đất là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 03 năm 1995 đến hết ngày 17 tháng 03 năm 2045. Trong thời gian thuê, nếu không được **Bên cho thuê** đồng ý, thì **Bên thuê** không được đình chỉ hợp đồng này.

3/. Đất cho thuê trong hợp đồng này chỉ giới hạn trong phạm vi cung cấp cho các xí nghiệp Khu chế xuất đã được phê chuẩn dùng để xây nhà xưởng, kho tàng hoặc làm nơi bốc dỡ, vận chuyển, đóng gói và sửa chữa lắp ráp v.v... Các xí nghiệp Khu chế xuất nếu do mua nhà xưởng tiêu chuẩn trong Khu chế xuất mà thuê đất khuôn viên của những nhà xưởng đó, thì lấy diện tích đất phải thuê mà diện tích nhà xưởng đó được phân bổ làm căn cứ.

4/. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng này, **Bên thuê** phải nộp đủ một số tiền bằng 50% tổng số tiền thuê đất trong 50 năm của số diện tích đã được duyệt cho thuê như trong hợp đồng đã quy định (tiền đặt cọc và tiền bảo đảm có thể tính gộp cả trong đó). Nếu quá hạn coi như **Bên thuê** tự bỏ mất quyền lợi của mình, **Bên cho thuê** có thể căn cứ vào tờ giao ước đặt cọc ký ngày 28 tháng 12 năm 1994 tịch thu tiền đặt cọc và tiền bảo đảm đã nộp.

5/. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, *Bên cho thuê* phải bắt đầu việc san lấp, đồng thời bàn giao đất cho thuê cho *Bên thuê*. Sau khi *Bên cho thuê* đã bàn giao đất, trong vòng 10 ngày *Bên thuê* phải nộp tiếp số tiền thuê còn lại bằng 50% tổng số tiền thuê đất. Trong vòng 3 tháng tính từ ngày bàn giao đất, *Bên thuê* phải tiến hành khởi công đúng kỳ hạn theo kế hoạch thi công xây dựng v.v... đã được duyệt. Nếu không khởi công và cũng không xin phép *Bên cho thuê* cho gia hạn, hay nội dung thi công khác với kế hoạch thi công xây dựng đã duyệt v.v... thì *Bên cho thuê* có quyền đình chỉ hợp đồng này và thu hồi đất lại, *Bên thuê* chỉ được yêu cầu trả lại một nửa số tiền thuê chưa tới hạn (Cách tính như sau : Tổng số tiền thuê đất trong 50 năm ÷ 600 tháng x số tháng chưa tới hạn ÷ 2).

6/. *Bên thuê* nếu cần phải phân kỳ sử dụng đất để xây dựng có thể xin thuê đất ngay 1 lần luôn. Nhưng thời hạn đưa đất vào sử dụng không được vượt quá 3 năm, hơn nữa phải ghi rõ tình hình sử dụng đất của từng thời kỳ vào trong kế hoạch đầu tư. Nếu quá thời hạn mà *Bên thuê* vẫn chưa sử dụng, thì *Bên cho thuê* có quyền bất cứ lúc nào thông báo bằng văn bản cho người sử dụng biết việc đình chỉ hợp đồng này và thu hồi đất chưa sử dụng. *Bên thuê* chỉ được yêu cầu trả lại một nửa số tiền thuê chưa tới hạn phần đất bị thu hồi, còn phí xây dựng công trình công cộng đã nộp thì không được trả lại. Nhưng nếu có khó khăn thực sự mà không thể sử dụng đúng hạn theo kế hoạch, thì trước khi hết hạn phải xin *Bên cho thuê* cho gia hạn thêm.

7/. *Bên thuê* thuê đất tự xây dựng nhà xưởng hoặc các kiến trúc khác phải chừa lại một khoảng đất trống tương đối rộng xung quanh Khu đất thuê để trồng cây xanh, làm lối đi, hẻm phòng cháy chữa cháy và lối cống hậu. Chiều rộng của khoảng đất trống phải chừa lại đó như sau : ở phía tiếp giáp đất thuê của xí nghiệp bên cạnh và phía sau phải chừa 3m, phía giáp với đường trục chính mỗi bên phải chừa 6m, phía giáp với đường vành đai trong Khu chế xuất và đường phụ thì mỗi bên chừa 5m, phía giáp với đường nhánh mỗi bên chừa 4m. Mọi chi phí chỉnh lý sửa sang và trồng cây xanh ở khoảng đất trống đó do *Bên thuê* chịu. Nhà máy hoặc các vật kiến trúc khác của *Bên thuê* tự xây đều phải tuân thủ những quy định về xây dựng nhà máy trong Khu chế xuất, nước thải từ xí nghiệp trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung các xí nghiệp phải xây 1 bể chứa, kích thước tối thiểu là 2m x 2m x 1,5m cho đơn vị thuê tối thiểu 2500 m² để quan trắc nước thải, đồng thời dùng làm bể nước cứu hỏa.

8/. *Bên thuê* thuê đất để tự xây nhà xưởng hoặc các kiến trúc khác trên nguyên tắc phải xây nhà cao tầng. Diện tích mặt bằng xây dựng của nhà xưởng không được ít hơn 50% và nhiều hơn 70% diện tích đất khuôn viên đã thuê, đồng thời phải làm theo các nguyên tắc sau đây:

(1) khoảng đất trống, đất chừa lại theo quy định xung quanh đất khuôn viên để đáp ứng nhu cầu phòng cháy chữa cháy, đảm bảo ánh sáng, lối giải tỏa nhanh làm đẹp môi trường, được liệt vào đất cấm xây dựng.

(2) Đất khuôn viên sau khi trừ đi đất cấm xây dựng, đất còn lại phải dành ít nhất 20% để làm đất trống.

9/. Ngoài việc phải nộp tiền thuê đất, Bên thuê còn phải nộp lệ phí xây dựng công trình công cộng theo diện tích đất thuê cứ 1m² mỗi tháng tính theo đôla là 0,22 USD (mỗi thửa đất thuê đủ trong thời hạn 10 năm, và nộp lệ phí khai thác, bảo quản hạ tầng cơ sở bằng 0,3% kim ngạch xuất khẩu. Bên thuê nộp cho Ban quản lý lệ phí xin cấp giấy phép nhập khẩu (không quá 0,15%) và các lệ phí xin phép khác.

10/. Bên thuê do nhu cầu xây nhà xưởng hoặc các công trình xây dựng phụ khác cần phải đào đường ống cấp thoát nước hoặc các công trình công cộng khác, thì trước khi làm phải xin phép Bên cho thuê và phải nộp tiền bảo đảm theo quy định của biện pháp quản lý của Khu chế xuất.

Khi thi công xong thì phải phục hồi lại như tình trạng cũ và được đòi trả lại số tiền bảo đảm (không có lãi). Nếu Bên thuê vi phạm nghĩa vụ không phục hồi lại như tình trạng cũ thì Bên cho thuê được phép tịch thu số tiền bảo đảm mà Bên thuê đã nộp.

11/. Bên thuê phải có trách nhiệm bảo dưỡng với những công trình công cộng nằm ở trên và ở dưới mặt đất thuộc phạm vi đất mình thuê, nếu bị hư hỏng, mất mát thì phải chịu trách nhiệm sửa chữa và bồi thường thiệt hại.

12/. Để giữ gìn an toàn công cộng cho Khu chế xuất Tân Thuận và hạ giá thành bảo hiểm cho tất cả Bên thuê, Ban quản lý Khu chế xuất định ra kế hoạch bảo hiểm và quản lý rủi ro một cách hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn quốc tế và đã được Công ty Bảo hiểm Việt Nam đồng ý. Khi Bên thuê thuê đất xây dựng nhà xưởng kinh doanh thì việc quản lý rủi ro và việc bảo hiểm của họ phải phối hợp với kế hoạch này. Quá trình làm việc đó do Công ty tư vấn chuyên nghiệp về quản lý rủi ro và bảo hiểm trong Khu chế xuất thực hiện miễn phí, Bên thuê phải chịu phí bảo hiểm trên toàn bộ giá trị xin bảo hiểm.

13/. Đối với việc xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn, phế liệu, Bên thuê phải chấp hành theo các tiêu chuẩn quy định hiện hành của Việt Nam. Nếu không chấp hành thì khi xảy ra nguy hiểm Bên thuê phải chịu trách nhiệm bồi thường.

14/. Bên thuê nếu muốn chuyển cho người khác thuê đất phải được sự đồng ý trước của Bên cho thuê và Ban quản lý các Khu chế xuất Tp HCM. Nếu không, việc chuyển cho người khác thuê đất sẽ không có hiệu lực.

15/. Bên thuê trong việc sử dụng đất thuê nếu vi phạm các quy ước trong hợp đồng này, hoặc có tình trạng nguy hại đến an toàn, vệ sinh công cộng và những việc sử dụng không thỏa đáng khác, sau khi đã xác minh đúng với sự thật, Bên cho thuê có thể vào bất cứ lúc nào thông báo bằng văn bản cho Bên thuê biết thời hạn phải cải thiện. Nếu không thể cải thiện đúng hạn thì Bên cho thuê có quyền đình chỉ hợp đồng này và thu hồi lại đất. Bên thuê chỉ được yêu cầu trả lại một nửa tiền thuê chưa tới hạn (Cách tính như sau: Tổng số tiền thuê đất trong 50 năm ÷ 600 tháng x số tháng chưa tới hạn ÷ 2). Bên cho thuê cũng có thể xử lý bằng cách kiến nghị Ban quản lý ra lệnh đình chỉ công việc của Bên thuê.

16/. Khi bị đình chỉ hợp đồng và thu hồi đất lại như nói ở điều trên, đối với những vật kiến trúc không đúng theo kế hoạch đã xét duyệt và pháp lệnh xây dựng, Bên thuê phải lập tức tự tiến hành tháo dỡ, hoặc Bên cho thuê tháo dỡ hộ nhưng mọi chi phí cần thiết Bên thuê phải chịu; nếu Bên thuê cự tuyệt không chịu trả thì sẽ khấu trừ vào số tiền đã nộp.

17/ Mọi giấy báo và yêu cầu thanh toán mà hợp đồng này quy định được gửi bằng phương thức thư bảo đảm đến các địa chỉ sau đây, hoặc địa chỉ khác được chỉ định bằng văn bản, đều được coi là tổng đạt hợp lệ :

(1). Địa chỉ của *Bên cho thuê* : Xã Tân Thuận Đông, Huyện Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh

(2). Địa chỉ của *Bên thuê* : Khu chế xuất Tân Thuận

18/ *Bên thuê* phải tuân thủ Quy chế của Khu chế xuất Việt nam và các pháp lệnh liên quan đến đầu tư của người nước ngoài tại Việt nam, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp lệnh.

19/ Hợp đồng này phải lấy luật pháp Việt nam làm gốc và làm căn cứ để giải thích. Mọi tranh chấp hoặc tố tụng bắt nguồn từ hợp đồng này đôi bên đồng ý lấy tòa án địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh (Việt nam) làm tòa án quản lý xét xử đầu tiên.

20/ Hợp đồng này lập thành 6 bản, có hiệu lực kể từ ngày đôi bên ký, do *Bên cho thuê* và *Bên thuê* mỗi bên giữ 3 bản.

Ngày 12... tháng 6... năm 1995

Bên thuê :

CÔNG TY TNHH GUNZE(VN) .

Người đại diện

Địa chỉ : Xã Tân Thuận Đông, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh

Bên cho thuê

Công ty Liên doanh Xây dựng và Kinh doanh

Khu chế xuất Tân Thuận.

Người đại diện


Địa chỉ : Xã Tân Thuận Đông, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10./TTC-NV.13

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2013

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 096/TTC-NV ký ngày 12 tháng 06 năm 1995 ("**Hợp Đồng**") giữa Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "**Bên Thuê**") và Công ty Liên doanh Xây dựng và Kinh doanh khu chế xuất Tân Thuận (nay là Công ty TNHH Tân Thuận, sau đây gọi tắt là "**Bên Cho Thuê**");
- Căn cứ Công văn số 459/BQL ký ngày 25 tháng 07 năm 1996 của Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ kết luận số 2719/TTCP-V.II của ký ngày 14 tháng 9 năm 2010 do Thanh tra Chính phủ ban hành;
- Căn cứ Công văn số 17701/BTC-TCT ký ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành;
- Căn cứ Công văn số 107/QĐ-CT-KK KTT ký ngày 13 tháng 06 năm 2013 của Tổng cục thuế và Công ty TNHH Tân Thuận đã nhận được khoản tiền hoàn trả vào ngày 25 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Công văn số 357/BQL_KCN_HCM ký ngày 16 tháng 02 năm 2011 và số 1999/BQL-PQLDN ký ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ sự thỏa thuận giữa Bên Thuê và Bên Cho Thuê;

Hôm nay vào ngày tháng ghi trên, chúng tôi gồm:

Bên cho thuê: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN THUẬN

GCNĐT: Số 412022000188, chứng nhận lần đầu vào ngày 24 tháng 9 năm 1991, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất vào ngày 27 tháng 6 năm 2008 do Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 6 năm 2012

Địa chỉ: KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3770 1777, 3770 1888

Fax: (84-8) 3770 1999

Đại diện bởi: Ông **YOUNG YUN TI** Hộ chiếu số: 135054275

Có sự tham gia của phiên dịch là: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ân**, CMND số: 025149596

VÀ

Bên thuê: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

GCNĐT: Số 041X/GCND5/41/2 do Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 07 năm 2011

Địa chỉ: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 37701317-37701318

Fax: (84-8) 37701104

Đại diện bởi: Ông **KAZUHIKO FURUSAWA** Hộ chiếu số: TK3351164

(Signature)

(Signature)

(Signature)

Có sự tham gia của phiên dịch là: Bà Nguyễn Thị Diệu Thương, CMND số: 025585496.

Sau khi bàn bạc, Bên Thuê và Bên Cho Thuê cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục Hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Ngày kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh thành ngày 23 tháng 09 năm 2041.

Điều 2: HOÀN TRẢ PHÂN TIỀN THUÊ ĐẤT CHÊNH LỆCH

- 2.1 Về khoản tiền thuê đất của Hợp đồng này, căn cứ theo thời hạn thuê nêu tại điều 1 của Phụ lục này, sẽ điều chỉnh thành **1.395.608,61 USD**.
- 2.2 Khoản tiền chênh lệch giữa số tiền thuê đất mà Bên Thuê đã trả cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này và số tiền thuê đất đã điều chỉnh như nêu tại điều 2.1 của Phụ lục này lệch là **104.391,39 USD**, tương đương tức **2.174.263.871** đồng, và Bên Cho Thuê hoàn trả cho Bên Thuê trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký kết Phụ lục Hợp đồng này bằng hình thức chuyển khoản.
- 2.3 Nếu Bên Cho Thuê chưa tiến hành hoàn trả khoản tiền tiền lệch theo qui định tại điều 2.2 của Phụ lục này, kể từ ngày thứ ba mươi mốt (31) sau khi ký kết Phụ lục, sẽ phải trả lãi suất theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm định kỳ một năm theo như của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

Điều 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 3.1. Nếu Bên Thuê chưa điều chỉnh thời hạn hoạt động của mình kết thúc vào ngày 23 tháng 9 năm 2041 theo Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư thì trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày ký kết Phụ lục này phải đệ trình hồ sơ điều chỉnh giấy này lên Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để phê duyệt.
- 3.2. Bên Cho Thuê sẽ thực hiện hoàn trả số tiền chênh lệch như nêu tại điều 2.2 trên đây bằng tiền Việt Nam (VNĐ). Thông tin tài khoản của Bên Thuê:
Người thụ hưởng: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)
Số tài khoản: **018 100 001 041 9** tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nam Sài Gòn
Địa chỉ: 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
Swift Code: **BFTVNVX018**.
- 3.3. Phụ lục này được lập thành 07 (bảy) bản tiếng Việt gồm có 03 (ba) tờ và 03(ba) trang có giá trị pháp lý như nhau. Sau khi ký kết, Bên Thuê sẽ giữ 03 (ba) bản tiếng Việt và Bên Cho Thuê sẽ giữ 03 (ba) bản tiếng Việt; 01 (một) bản tiếng Việt sẽ được lưu tại Văn phòng Công chứng.

ĐỂ LÀM BẢNG CHỨNG, Các Bên đã ký Hợp Đồng này vào ngày tháng ghi ở trang đầu của Hợp Đồng.

Bên Cho Thuê:

CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN



Họ tên: **YOUNG YUN TI**
Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bên Thuê:

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)



Họ tên: **KAZUHIKO FURUSAWA**
Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Tôi đã dịch văn bản này sang tiếng Anh cho Ông Young Yun Ti hiểu rõ và đồng ý.

Nguyễn Thị Hồng Ân

Tôi đã dịch văn bản này sang tiếng Nhật cho Ông Kazuhiko Furusawa hiểu rõ và đồng ý.

Nguyễn Thị Diệu Thương

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 25/07/2013 (Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm hai ngàn mười ba)

Tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, số 215 Trần Bình Trọng, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi, **CAO HOÀNG LÂN**, Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, TP. Hồ Chí Minh.

Chứng nhận

Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thuê đất số 096/TTC-NV ký ngày 12 tháng 06 năm 1995 giữa Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) và Công ty Liên doanh Xây dựng và Kinh doanh khu chế xuất Tân Thuận (nay là Công ty TNHH Tân Thuận) có các bên tham gia là:

Bên cho thuê: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN THUẬN

GCNĐT: Số 412022000188, chứng nhận lần đầu vào ngày 24 tháng 9 năm 1991, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất vào ngày 27 tháng 6 năm 2008 do Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 6 năm 2012

Địa chỉ: KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện bởi: Ông **YOUNG YUN TI** Hộ chiếu số: 135054275

Có sự tham gia của phiên dịch là: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ân**, CMND số: 025149596

Bên thuê: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

GCNĐT: Số 041X/GCND/C5/41/2 do Ban Quản lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 07 năm 2011

Địa chỉ: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện bởi: Ông **KAZUHIKO FURUSAWA** Hộ chiếu số: TK3351164

Có sự tham gia của phiên dịch là: Bà **Nguyễn Thị Diệu Strong**, CMND số: 025585496.

- Tại thời điểm công chứng, các bên tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

- Các bên tham gia cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến việc công chứng hợp đồng, đồng thời cam đoan thực hiện công việc đã thoả thuận trong hợp đồng.

- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Chữ ký (dấu điểm chỉ/con dấu) trong hợp đồng là chữ ký (dấu điểm chỉ/con dấu) của các bên tham gia hợp đồng và của người phiên dịch.

- Tài sản đem giao dịch là đối tượng có thật vào thời điểm các bên tham gia hợp đồng ký kết hợp đồng và các bên không yêu cầu Công chứng viên xác minh hoặc giám định.

Văn bản công chứng này gồm 07 (bảy) bản chính (mỗi bản gồm 04 tờ 04 trang), cấp cho: Bên A: 03 (ba) bản; Bên B: 03 (ba) bản; Lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân 01 (một) bản.

Số công chứng **011045**

Quyển số : **07**
(Thang)



Cao Hoàng Lân

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHÂN

[illegible]

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SET 994095

ỦY BAN NHÂN DÂN

Thành phố Hồ Chí Minh

CHỨNG NHẬN

CTY TNHH GUNZE (V.N)

Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận
Được quyền sử dụng 15000 m² đất.

(Mười lăm ngàn mét vuông)

Tại: Khu chế xuất Tân Thuận

Thuê lại đất của Cty liên doanh XD & KD khu chế
xuất Tân Thuận. GCNQSDĐ đã cấp số: A829164

Theo bảng liệt kê dưới đây: ngày 02/4/1996 của UBND Thành phố

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
2 Xã Tân Thuận	357 29	15000	Xây dựng nhà máy sản xuất xuất khẩu	Thuê lại đất từ ngày 18/03/1995 đến ngày 23/09/2041	Hợp đồng thuê lại đất số: 096 / TTC.NV.95 ngày: 12/06/1995 Ghi chú : Giấy CNQSDĐ này thay thế giấy CNQSDĐ số 00013/1a/QSDĐ/61/UB ngày 08/01/2002 do UBND thành phố cấp và đã thu hồi.../...

Ngày 15 tháng 3 năm 2002

Chủ tịch UBND

PHÓ CHỦ TỊCH

Vào sổ cấp giấy chứng nhận

Quyền sử dụng đất

Số 00013/1a/QSDĐ/61/UB

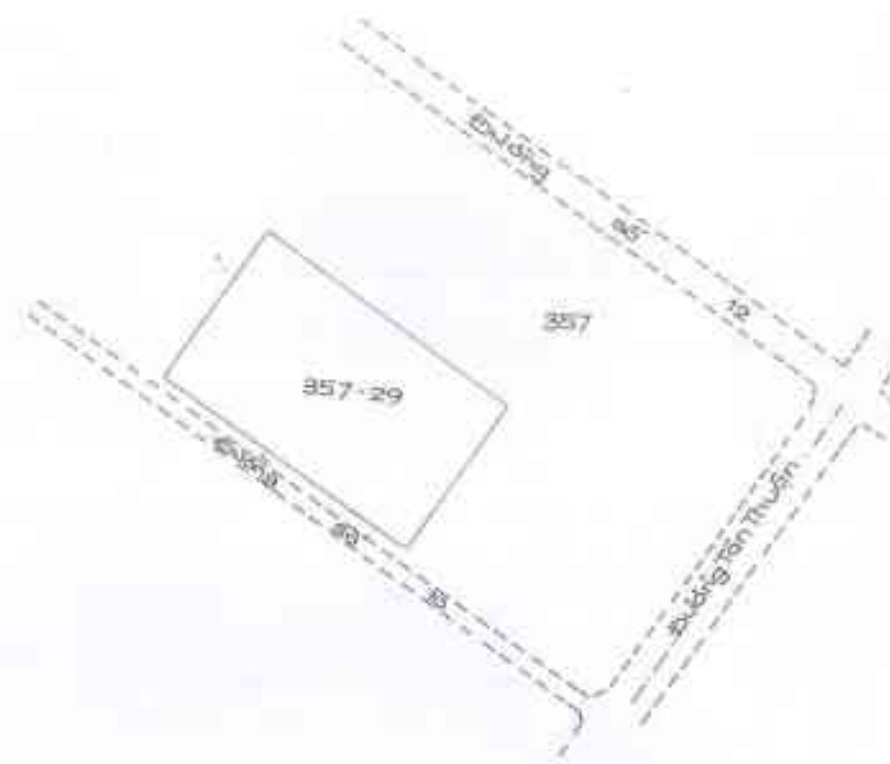


VŨ HÙNG VIỆT

TỶ LỆ : 1/ 4.000

GHI CHÚ: Phần chi tiết xem bản đồ Hiện trạng Vị trí số: 13738-31/ GD-ĐCND

Ngày 22 tháng 8 năm 2001 của Sở Địa Chính-Nhà Đất TP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ

Số: 03QM.GUNZE

Căn cứ vào thỏa thuận của cả hai bên, hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên cho thuê): CÔNG TY TNHH MAY MẶC QUỐC MIÊN

Địa chỉ: Lô số M.26-28a, đường số 12, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Do : TSAI YEN CHIU làm đại diện - Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B (Bên thuê): CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 Đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Do: TAKASHI SHIMOJO làm đại diện - Chức vụ: Tổng giám đốc

Cả Bên A và Bên B (gọi chung là “các Bên” và gọi riêng là “Bên”) đồng ý ký kết Hợp đồng cho thuê này với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: Hợp đồng cho thuê

1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê mặt bằng như mô tả dưới đây (“**Mặt bằng**”) (Việc cho thuê như vậy gọi là “Hợp đồng cho thuê”)

Địa điểm	Lô AM.25a-27b, đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Mặt bằng	Nhà xưởng và văn phòng 2500m2
Mục đích	Chỉ dùng làm xưởng sản xuất, văn phòng

2. Bên A bảo đảm với bên B rằng bên A là chủ sở hữu hợp pháp và có quyền hạn đối với mặt bằng đó, bên A có đủ quyền hợp pháp để cho bên B thuê mặt bằng.

ĐIỀU 2: Thời hạn

1. Hợp đồng cho thuê này có thời hạn từ 01/01/2023 (“ngày bắt đầu”). Việc thuê bắt đầu vào Ngày bắt đầu và kết thúc vào ngày 31/12/2025. (“**thời hạn ban đầu**”)

2. Tối thiểu 3 tháng trước khi hết thời hạn ban đầu hoặc trước khi gia hạn, Bên A và Bên B sẽ cần thảo luận và đưa ra quyết định về việc gia hạn hợp đồng. Việc gia hạn hợp đồng sẽ dựa trên các điều khoản hiện có và được sửa đổi dựa trên thảo luận bàn bạc.

3. Mặt bằng cho thuê chỉ dùng chứa các thiết bị sở hữu hợp pháp bởi Bên B, không chứa các hóa chất dễ cháy và hóa chất độc hại bị cấm. Tất cả các thiết bị và hàng hóa, tiện nghi và hoạt động tại mặt bằng và khu vực chung phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và quy định của HEPZA.

Điều 3: Tiền thuê

1. Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền thuê ("**tiền thuê**"), chi phí được liệt kê như sau:

Giá thuê	US\$1,981 trên một vuông trên tháng (" giá thuê ") trong vòng ba năm Giá thuê không bao gồm Thuế GTGT.
Tiền thuê hàng tháng và chi phí	Tính theo mặt bằng 2.500 mét vuông và giá thuê, tiền thuê hằng tháng như sau: US\$4.952,50 / 1 tháng
Thanh toán	Bên A phát hành hóa đơn vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi tháng cho thuê. Bên B sẽ thanh toán tiền thuê cho bên A vào ngày 10 hàng tháng.

2. Bên A phải cung cấp cho Bên B hóa đơn GTGT đúng và có giá trị ("**hóa đơn GTGT**") được tính toán theo quy định địa phương.

3. Bên B phải thanh toán tiền thuê hàng tháng bằng đô la Mỹ hoặc đồng Việt Nam như đã nêu vào tài khoản ngân hàng của Bên A sau đây:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH MAY MẶC QUỐC MIÊN

- Tên ngân hàng: VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN

- Tài khoản ngân hàng : 0181370008917 – USD
: 0181000008929 – VND

- Địa chỉ ngân hàng: Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐIỀU 4: Tiền đặt cọc

1. Chuyển tiếp số tiền đặt cọc 9.152,64 USD của bên B đã chuyển khoản cho bên A theo hợp đồng số 02QM.GUNZE ký ngày 30/12/2021 sang hợp đồng số 03QM.GUNZE ký ngày 30/12/2022 .
2. Bên A phải hoàn trả cho Bên B khoản tiền đặt cọc không tính lãi trong vòng 30 ngày kể từ ngày và sau khi Bên B hoàn thành bàn giao mặt bằng lại cho Bên A.

ĐIỀU 5: Chấm dứt

1. Một Bên có thể chấm dứt Hợp đồng thuê bất kỳ lúc nào trong Thời hạn hoặc hết kỳ khoản thời gian gia hạn nào, với điều kiện Bên yêu cầu phải (a) gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 3 tháng và (b) thanh toán cho bên kia tiền phạt vì việc chấm dứt sớm như vậy tương đương với 3 tháng tiền thuê mặt bằng.
2. Khi chấm dứt Hợp đồng cho thuê, Bên B phải giao lại mặt bằng cho Bên A trong vòng 7 ngày sau khi chấm dứt Hợp đồng cho thuê và Bên A phải hoàn trả cho Bên B khoản tiền cọc
3. Trường hợp cả hai bên A và B cùng đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn ngày 31/12/2023 thì xem như không có bên nào vi phạm hợp đồng . Khi chấm dứt ,hợp đồng cho thuê sẽ không còn hiệu lực .

ĐIỀU 6: Quyền và nghĩa vụ

1. Bên A

(1) Bên A phải thanh toán tất cả các khoản liên quan được áp dụng đối với mặt bằng và doanh thu cho thuê bao gồm cả tiền thuê theo bất kỳ luật pháp hiện hành nào của Việt Nam.

(2) Bên A phải cung cấp hồ sơ chứng từ liên quan tư cách pháp nhân. Phải có giấy chứng nhận cho thuê nhà xưởng hợp pháp.

2. Bên B

(1) Bên B phải mua hợp đồng bảo hiểm cho tất cả các tài sản của mình trong mặt bằng cho thuê. Bên B tự chịu trách nhiệm bảo đảm các tài sản của mình nằm trong mặt bằng cho thuê hoặc bất kỳ khu vực chung nào khác.

(2) Bên B thực hiện mọi cải tạo và sửa chữa cho mặt bằng bao gồm nhưng không giới hạn lắp đặt máy móc thiết bị, máy trạm điện, và bất kỳ thiết bị nào khác cần thiết cho hoạt động sản xuất của mình trong mặt bằng. Mọi chi phí sửa chữa cải tạo nhà máy do bên B chi trả.

(3) Bên B phải chuyển tất cả hàng hóa, thiết bị và tài sản của mình, không cần sửa chữa thành hiện trạng ban đầu và giao lại mặt bằng cho Bên A trong vòng 7 ngày sau khi hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng cho thuê.

(4) Bên B phải sử dụng mặt bằng tuân thủ với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và sẽ làm việc cùng với Bên A khi cơ quan có thẩm quyền đến kiểm tra nhà xưởng.

(5) Bên B được quyền sử dụng văn phòng, nhà xe của bên A. Trong thời hạn cho thuê nếu có hư hỏng bên B sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa.

ĐIỀU 7: Thỏa thuận khác

1. Hợp đồng cho thuê này cấu thành toàn bộ thỏa thuận của các Bên và thay thế bất kỳ và tất cả các thỏa thuận trước đây hoặc đương thời giữa các Bên. Mọi thay đổi hoặc sửa đổi đối với Hợp đồng cho thuê này chỉ có hiệu lực khi cả hai bên đều đồng ý bằng văn bản.

2. Hợp đồng cho thuê này được điều chỉnh và hiểu theo Luật pháp Việt Nam.

3. Cả hai Bên trước hết phải sử dụng những nỗ lực tương ứng của họ để hòa giải tranh chấp giữa các Bên phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng cho thuê này. Trong trường hợp không giải quyết được thì quyết định trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc các Bên.

4. Hợp đồng cho thuê này được lập thành hai (02) bản được ký kết bởi người được ủy quyền tương ứng của các Bên, có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản.

-Trang chữ ký theo sau-

BÊN A



Tên: **TSAI YEN CHU**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ngày : 30/12/2022

BÊN B



Tên: **TAKASHI SHIMOJO**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ngày : 30/12/2022

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ nội dung các văn bản:

- Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993 của nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 175-CP ngày 18/10/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao;
- Quyết định số 76/2002/QĐ-UB ngày 02/7/2002 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý Nhà nước về môi trường đối với các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 041/GPĐC4-KCX-HCM ngày 11/6/2004 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) tại KCX Tân Thuận, Quận 7, TP. HCM.

CHỨNG NHẬN

Điều 1: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đã giải trình nội dung Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc trên diện tích mặt bằng rộng 15.000m² tại Đường 10, KCX Tân Thuận, Quận 7.

Điều 2: Nhà máy sản xuất hàng lót xuất khẩu với công suất vào năm sản xuất ổn định: 11.000.000 sản phẩm/năm. Quy trình sản xuất qua các công đoạn:

- Dệt: Nguyên liệu sợi → Dệt → Vải mộc.

- May: Nguyên liệu (vải thành phẩm) → Hoàn tất vải → Cắt → May → Hoàn tất → Đóng gói xuất khẩu.

Điều 3: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường: nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn phải được thu gom tách rời với đường thoát nước mưa và đầu nối đúng vào hệ thống thoát nước của Khu chế xuất. Đồng thời có biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định.

Khi đi vào hoạt động, Công ty có trách nhiệm thông báo với Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh biết để tổ chức đo đạc nghiệm thu các hạng mục công trình bảo vệ môi trường có liên quan.

Điều 4: Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bổ sung là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và hoạt động của Dự án tại địa điểm nêu trên.

Điều 5: Giấy chứng nhận này không phải là cơ sở pháp lý công nhận Dự án Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đạt tiêu chuẩn môi trường.

**KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP.HCM
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



Ngô Hoàng Minh

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Gunze (Việt Nam),
- UBND Quận 7,
- Sở TN&MT,
- Công ty LD Tân Thuận (TTC),
- Lưu: PXD&MT, VP

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án: “Xây dựng nhà kho của Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam)”
– KCX Tân Thuận.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Văn bản 2460/UBND-TNMT ngày 16 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCX Tân Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH XÁC NHẬN**

Điều 1. Chủ dự án là Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam) đã có Văn bản số 18/09 ngày 09 tháng 8 năm 2010 về việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng nhà kho Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam)” tại Khu A, Lô 27a-29-31-35-37-39, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của kho phải được tách rời với hệ thống thoát nước mưa và thu gom về hệ thống thoát nước hiện hữu của Công ty để đầu nối với KCX Tân Thuận.
2. Đảm bảo thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

3. Thu gom và phân loại toàn bộ chất thải rắn phát sinh theo quy định. Đối với các loại chất thải nguy hại phải được thu gom, phân loại, khai báo và xử lý theo nội dung Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

4. Thực hiện chế độ giám sát chất lượng môi trường định kỳ theo nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận và báo cáo về Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh 02 lần/năm (tháng 6 và tháng 12); bố trí nhân sự phụ trách công tác quản lý và bảo vệ môi trường của Công ty trong suốt quá trình hoạt động tại KCX Tân Thuận.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH GUNZE (Việt Nam);
- Sở TNMT, P.TNMT quận 7 (kèm bản cam kết đã xác nhận);
- Công ty TNHH Tân Thuận (kèm bản cam kết đã xác nhận);
- Lưu VT, P. QLMT. N Mai (08).

**KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Ngô Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**của DỰ ÁN “XÂY DỰNG NHÀ KHO CÔNG TY
TNHH GUNZE VIỆT NAM”**

**Địa chỉ: Khu A, Lô 27a-29-31-35-37-39, Khu chế xuất Tân Thuận,
Quận 7, TP. HCM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GUNZE**



**KATSUMI TABUCHI
GENERAL DIRECTOR**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**



Handwritten signature in blue ink.
SAM ĐỒI
Nguyễn Mạnh Hùng

TP. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2010

**Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
xác nhận:**

Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án:

Xây dựng nhà kho của Công ty TNHH Gura (Việt Nam)
Khu A, lô 27a-29-31-33-35-37-39 KTX Tân Thuận
Quận 7, TP. HCM

được cấp Giấy xác nhận đăng ký số 1998/GXN-BQL-KCN-HCM-QLMT
ngày 06 tháng 9 năm 2010 của Trưởng Ban quản lý các khu chế xuất và
công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2010

1/ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ



PHÓ BAN

Ngô Anh Tuấn

Số: *12* /GXN-UBND

Quận 7, ngày *03* tháng *8* năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 XÁC NHẬN

Công ty TNHH Gunze Việt Nam đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng dệt không nhuộm công suất 1.080 tấn vải/năm” tại Lô M.25a – 27b, đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2020.

Công ty TNHH Gunze Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký như sau:

- Hoàn tất công trình thu gom nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

- Bố trí khu vực lưu trữ và trang bị đủ các thiết bị lưu chứa các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp với đơn vị có chức năng.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (*được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ*); Công ty TNHH Gunze Việt Nam phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải như:

- Nước thải phát sinh phải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

Nơi nhận:

- Đ/c Đào Gia Vượng - PCT UBND Q7;
- BQL các KCX và công nghiệp;
- UBND phường Tân Thuận Đông;
- Phòng TN&MT;
- Công ty TNHH Gunze VN;
- Lưu: VT, (D:\Cuc2020\1. HSHC
16 Cty Gunze\2.GXN Cty.doc).



Đào Gia Vượng

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 97 /GPXD

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: KCX: Tân Thuận

Thành phố : Hồ Chí Minh

2. Được phép xây dựng công trình: **Bể xử lý nước thải thuộc dự án Nhà máy sản xuất.** (Đặt ngầm dưới phần diện tích nhà xe ô tô hiện hữu).

Gồm các công trình :

- Bể xử lý : Dài 13,8m; rộng 5,7m; sâu 4,6m

- Hồ phụ : Dài 1,9m ; rộng 1,8m sâu 3,2m

Mật độ xây dựng công trình không thay đổi.

Tại: Lô M27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, TP. HCM.

Chỉ giới xây dựng : Theo bản vẽ mặt bằng tổng thể ký hiệu

GZ-AR-WWT-01-C1 đính kèm hồ sơ xin cấp GPXD

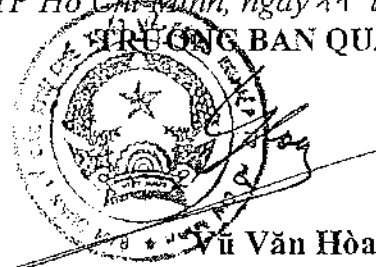
3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; trước thời hạn giấy phép hết hiệu lực thì phải xin gia hạn giấy phép.

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2010

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (01 bản chính)
- TTC (Bản sao)
- P. Đại diện (Bản sao)
- Lưu : VT - XD (Chi).



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải....)
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho Khu chế xuất Tân Thuận trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

Cty TNHH Gunze Việt Nam
Số: 04/ XD_GVN11

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng 01 năm 2011

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công trình bể xử lý nước thải nhà máy Gunze Việt Nam.
2. Địa điểm xây dựng: Lô số AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường Số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP Hồ Chí Minh.
3. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a)Phía chủ đầu tư: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Katsumi Tabuchi – Tổng Giám Đốc.
 - Người đại diện theo pháp luật nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: Chủ đầu tư tự giám sát.
 - b)Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty TNHH Quốc tế Liên Doanh Vinata
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Hùng - Giám đốc Chi nhánh
 - Người phụ trách thi công trực tiếp: Ông Trần Nam Trung - Kỹ sư xây dựng
 - c)Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân CC
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Trị – Phó tổng giám đốc.
 - Chủ nhiệm thiết kế: Huỳnh Thanh Sang – Trưởng nhóm kết cấu
4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu: ngày tháng 01 năm 2011
Kết thúc: ngày tháng 01 năm 2011
Tại: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam.
5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:
 - a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:
 - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
 - Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:
 - Tiêu chuẩn Tải trọng và tác động : TCVN 2737 – 1995.
 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT : TCXDVN 356 – 2005.
 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu thép : TCXDVN 338 – 2005.
 - Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc TCXD 205-1998
 - Tiêu chuẩn thiết kế điện: TCVN 46:1984, TCXD 16:1986, TCXD 25:1991.
 - Tiêu chuẩn thiết kế cấp thoát nước: TCVN 3989-1985, 4474-1987, 4513-1988
 - Tiêu chuẩn phòng cháy: TCVN 2622-1995
 - Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.



- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát công trường và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng giai đoạn thi công xây dựng.

- Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng.

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành theo quy định.

b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây: Phù hợp với thiết kế, đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt nam:

c) Các ý kiến khác: không có.

6. Kết luận :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác: không có.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.



HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ
Lê Thanh Trí



KATSUMI TABUCHI
GENERAL DIRECTOR

Nhà thầu thi công
xây dựng công trình



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Nguyễn Minh Hùng

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có;
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

Số: 149/TTC-CV-10

HỢP ĐỒNG ĐẦU NỐI VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Nghị định 88/2007/ND-CP của Chính phủ ngày 28/05/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.
- Căn cứ vào quyết định số 74/QĐ-MTg ngày 11/01/1997 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu Chế Xuất Tân Thuận, nước thải Trạm xử lý nước thải tập trung phải xử lý đạt tiêu chuẩn loại A, TCVN 5945-2005.
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 096/TTC-NV giữa Công ty TNHH Tân Thuận và Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) ngày 12/06/1995.
- Căn cứ vào quy định tiêu chuẩn xả nước thải cho các doanh nghiệp hoạt động trong Khu Chế Xuất Tân Thuận số 153/TTC CV-09 do Công ty TNHH Tân Thuận ban hành ngày 27/07/2009.
- Căn cứ nhu cầu được tiếp nhận xử lý nước thải của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Ngày6... tháng 5... năm 2010..., Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN A)

Ông Trần Chánh Hưng Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Đại diện đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN (TTC)**

Địa chỉ : KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. HCM

Điện thoại : 37701777 - 37701888 Fax: 37701999

Số tài khoản : 0181000011413 Ngân hàng: Vietcombank Nam Sài Gòn

Mã số thuế : 0300783746

BÊN ĐƯỢC NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN B)

Ông/ Bà : KATSUMI TABUCHI Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện đơn vị: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

Địa chỉ : Đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. HCM

Điện thoại : 37701317 - 37701318 Fax: 37701104

Số tài khoản : 018.1.37.000515.3 Ngân hàng: Vietcombank Nam Sài Gòn

Mã số thuế : 0300666030

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Chất lượng nước thải của Bên B được tiếp nhận vào hệ thống thu gom:

Tải lượng ô nhiễm trong nước thải của Bên B khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Chế Xuất (KCX) không được vượt quá giới hạn quy định theo *Bảng tiêu chuẩn thỏa thuận tiếp nhận nước thải trong KCX Tân Thuận* kèm theo trong hợp đồng.

1.2. Vị trí tiếp nhận nước thải và điều kiện kỹ thuật khác:

- 1.2.1. Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B tại các hố ga thu gom nước thải do bên A đã cung cấp cho bên B nằm ngoài tường rào nhà máy và thuộc phạm vi lô đất của bên B.
- 1.2.2. Nếu bên B cần thay đổi vị trí hố ga hoặc xây dựng thêm hố ga mới thì phải thông báo cho bên A bằng văn bản và được bên A chấp thuận mới thực hiện theo đúng thiết kế và quy hoạch chung của KCX. Mọi chi phí phát sinh sẽ do bên B chi trả.
- 1.2.3. Bên B phải thực hiện việc tách rời nước mưa/nước thải bên trong tường rào nhà máy, không để tình trạng nước mưa hoặc rác lẫn vào nước thải.
- 1.2.4. Nếu Bên B để nước mưa và nước ngầm tràn vào hệ thống thu gom nước thải thì Bên A sẽ dừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho đến khi có sự xác nhận của Bên A về việc Bên B đã cải tạo mạng lưới thu gom nước thải đạt yêu cầu.
- 1.2.5. Sau khi thỏa mãn các điều kiện về tiếp nhận, Bên B sẽ đấu đường ống nước thải cục bộ vào hố ga thu gom của Bên A, được xác nhận bằng "Biên bản kiểm tra đấu nối hạ tầng kỹ thuật".

ĐIỀU 2: QUY ĐỊNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- 2.1. Nếu Bên B ký hợp đồng thuê đất từ ngày 01 tháng 08 năm 2009 trở về sau, khi đi vào hoạt động thì nước thải phát sinh bắt buộc phải xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn cột B TCVN 5945-2005.
- 2.2. Nếu bên B đã ký hợp đồng thuê đất (kể cả trường hợp thuê lại đất từ doanh nghiệp khác trong KCX) từ trước ngày 01 tháng 08 năm 2009 đang thực hiện xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn cột C TCVN 5945-1995 (nay là TCVN 5945-2005) theo công văn số 1241/BQL-KCN-HCM-XD&MT ngày 01/11/1999 của HEPZA quy định, được tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn cột C thêm hai năm nữa để cải tiến công nghệ và thiết bị. Đến ngày 01 tháng 08 năm 2011 thống nhất tiêu chuẩn xả nước thải của bên B phải đạt tiêu chuẩn cột B TCVN 5945-2005.
- 2.3. Nước thải trước khi đưa vào hệ thống thu gom chung của KCX đạt tiêu chuẩn cột B, TCVN 5945-2005 thì Bên B sẽ không phải trả thêm phí nước thải cho Bên A (Chi phí này Bên A sẽ trích từ phí khai thác bảo dưỡng cơ sở hạ tầng). Với Bên B được áp dụng theo Điều 2.2, nếu xử lý cục bộ đạt loại C cũng không phải trả thêm phí nước thải cho Bên A đến trước ngày 01 tháng 08 năm 2011.
- 2.4. Trong trường hợp đặc biệt tiêu chuẩn cụ thể có thể thấp hơn quy định nhưng Bên B phải có sự thỏa thuận cho phép của Bên A trong điều kiện Trạm XLNT tập trung có thể tiếp nhận xử lý được. Bên B phải chịu chi phí bổ sung tăng thêm và mức chi phí sẽ do hai bên thỏa thuận bằng *Phụ lục Hợp đồng đấu nối và xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận*.
- 2.5. Bên A sẽ kiểm tra định kỳ, đột xuất chất lượng nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của KCX. Nếu chất lượng nước thải của Bên B vượt tiêu chuẩn thỏa thuận tiếp nhận của Bên A (theo *Bảng tiêu chuẩn thỏa thuận tiếp nhận nước thải* đính kèm hợp đồng) tính từ thời điểm Bên A phát hiện chất lượng nước thải của Bên B vượt tiêu chuẩn quy định đến khi có sự xác nhận của Bên A về việc nước thải của Bên B đã đạt tiêu chuẩn quy định thì Bên B sẽ phải nộp thêm phí xử lý nước thải. Mức phí xử lý nước thải sẽ được Bên A ấn định cụ thể bằng văn bản. Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% (tám mươi phần trăm) khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước sạch hàng tháng.
- 2.6. Trong trường hợp Bên B gây ra sự cố nước thải vượt quá khả năng xử lý của Trạm XLNT tập trung, Bên A có quyền tạm ngưng tiếp nhận nước thải và Bên B chịu mọi chi phí thiệt hại do khắc phục sự cố.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên B:

- 3.1.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết ghi tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng này.
- 3.1.2. Trường hợp Bên B được phép sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước sông, nước mưa, ...) thì phải báo cho Bên A biết để cùng thảo luận trước khi sử dụng. Bên B sẽ phải trả

đầy đủ mọi chi phí để giải quyết và khắc phục thiệt hại cho Bên A nếu Bên B sử dụng nguồn nước khác mà không được sự thỏa thuận của Bên A.

- 3.1.3. Nếu Bên B vi phạm các điểm nêu trong Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A chi phí phát sinh để giải quyết và khắc phục các thiệt hại đó.
 - 3.1.4. Bên B cam kết tách rời triệt để hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải, không để nước thải rò rỉ và thoát vào đường nước mưa. Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm nếu để nước thải thất thoát ra môi trường hoặc thoát vào hệ thống thoát nước mưa.
 - 3.1.5. Nếu Bên B vi phạm một trong các Quy định tại Điều 3.1, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và Bên B phải khắc phục trong thời gian quy định. Sau thời gian quy định mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B, đồng thời thông báo cho các cơ quan quản lý Nhà nước về Môi trường.
- 3.2. Trách nhiệm của Bên A:
- 3.2.1. Xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm các hố ga, đường ống thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 - 3.2.2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường thực hiện việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định đối với KCX Tân Thuận (tiêu chuẩn cột A, TCVN 5945-2005).
 - 3.2.3. Chịu trách nhiệm thanh toán phí bảo vệ môi trường cho cơ quan Nhà nước đối với nước thải đã ký Hợp đồng với Bên B.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Trường hợp vướng mắc, tranh chấp không thể giải quyết hai bên sẽ đưa ra phán quyết tại Tòa án Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh nếu cơ quan quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường phân xử nhưng không đồng thuận.
- 4.2. Các điều khoản không được quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo Các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- 4.3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.
- 4.4. Thỏa thuận được lập thành 06 (sáu) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM và Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Tp. HCM mỗi cơ quan 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Hồng



BẢNG TIÊU CHUẨN THỎA THUẬN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI TRONG KCX TÂN THUẬN

Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải này được xem là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận số 149 /TTC-CV-10 ngày 03 tháng 05 năm 2010, giữa Công ty TNHH Tân Thuận và Công ty TMNH.....
GUINZE (VN).....

Khi Doanh nghiệp (DN) xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCX Tân Thuận phải thấp hơn giá trị giới hạn quy định về các thông số theo bảng dưới đây:

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN TCVN 5945-2005		TIÊU CHUẨN TTC XỬ LÝ ĐẠT CỘT A, TCVN 5945-2005
			CỘT C	CỘT B	
1	Nhiệt độ	°C	45	40	40
2	pH		5 đến 9	5,5 đến 9	6 đến 9
3	Mùi		-	Không khó chịu	Không khó chịu
4	Màu sắc, Co-Pt ở pH=7			50	20
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	100	50	30
6	COD	mg/l	400	80	50
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200	100	50
8	Asen	mg/l	0,5	0,1	0,05
9	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,01	0,005
10	Chì	mg/l	1	0,5	0,1
11	Cadimi	mg/l	0,5	0,01	0,005
12	Crom (VI)	mg/l	0,5	0,1	0,05
13	Crom (III)	mg/l	2	1	0,2
14	Đồng	mg/l	5	2	2
15	Kẽm	mg/l	5	3	3
16	Niken	mg/l	2	0,5	0,2
17	Mangan	mg/l	5	1	0,5
18	Sắt	mg/l	10	5	1
19	Thiếc	mg/l	5	1	0,2
20	Xianua	mg/l	0,2	0,1	0,07
21	Phenol	mg/l	1	0,5	0,1

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN TCVN 5945-2005		TIÊU CHUẨN TTC XỬ LÝ ĐẠT CỘT A, TCVN 5945-2005
			CỘT C	CỘT B	
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10	5	5
23	Dầu động thực vật	mg/l	30	20	10
24	Clo dư	mg/l	-	2	1
25	PCBs	mg/l	0,05	0,01	0,003
26	Hóa chất bảo vệ thực vật: Lân hữu cơ	mg/l	-	1	0,3
27	Hóa chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	-	0,1	0,1
28	Sulfua	mg/l	1	0,5	0,2
29	Florua	mg/l	15	10	5
30	Clorua	mg/l	1000	600	500
31	Amoniac (tính theo Nito)	mg/l	15	10	5
32	Tổng Nito	mg/l	60	30	15
33	Tổng Photpho	mg/l	8	6	4
34	Coliform	MPN/100ml	-	5000	3000
35	Xét nghiệm sinh học (Bioassay)			90% cá sống sót sau 96 giờ trong 100% nước thải	
36	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	-	0,1	0,1
37	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	-	1,0	1,0

GHI CHÚ:

1. Tiêu chuẩn quy định Cột C áp dụng cho các Doanh nghiệp đã thuê đất hoạt động từ trước ngày 01/08/2009, quy định này có hiệu lực cho đến trước ngày 01/08/2011.
2. Tiêu chuẩn quy định Cột B áp dụng cho các Doanh nghiệp bắt đầu thuê đất hoạt động từ ngày 01/08/2009 trở về sau và áp dụng cho toàn thể các doanh nghiệp trong KCX kể từ ngày 01/08/2011.
3. Nếu Doanh nghiệp hiện xử lý không đạt hai loại tiêu chuẩn quy định: TTC sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể, thỏa thuận về giới hạn ô nhiễm mà Trạm XLNT tập trung có thể tiếp nhận được và mức phí DN phải trả theo Phụ lục II hợp đồng đầu nổi và xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận.

Số : 160 /TTC-MTN..20

PHỤ LỤC
HỢP ĐỒNG ĐÁU NỔI VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRONG KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN

Căn cứ Hợp đồng đấu nổi và xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận số 149/TTC-CV-10 giữa Công ty TNHH Tân Thuận và Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) ngày 06/5/2010.

Ngày .../... tháng ... năm 20... , Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN A)

Ông : Trần Chung Hưng Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN (TTC)**

Địa chỉ : KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. HCM.

Điện thoại : 37701777 - 37701888 Fax: 37701999

Số tài khoản : 0181000011413 Ngân hàng: Vietcombank Nam Sài Gòn

Mã số thuế : 0300783746

BÊN ĐƯỢC NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN B)

Ông/ Bà : Ông YUJI NAGATANI Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện đơn vị: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

Địa chỉ : Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận,
P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. HCM.

Điện thoại : 0283.7701318 Fax: 028.37701104

Số tài khoản : Ngân hàng:

Mã số thuế : 0300666030

Hai bên thỏa thuận ký kết Phụ lục hợp đồng đấu nổi và xử lý nước thải với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: CÔNG THỨC TÍNH PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ CƠ SỞ TÍNH

1.1. Công thức tính phí:

$$F = F_1 + F_2$$

Trong đó:

- **F:** Phí nước thải mà Bên B phải nộp hàng tháng (VNĐ/tháng).
- **F₁:** Phí xử lý hệ nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải quy định (VNĐ/tháng), được tính như sau:

$$F_1 = f_1 * V * K$$

- **V:** Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp theo hóa đơn tiền nước hàng tháng (m³/tháng).
- **f₁:** Mức phí tối thiểu tăng thêm khi Bên A xử lý 1 m³ nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải quy định của Bên B (VNĐ/ m³), **f₁ = 3.143 (VNĐ/ m³).**
- **K:** Hệ số ô nhiễm được xác định theo thông số không đạt có hệ số ô nhiễm cao nhất.

+ Cách xác định hệ số ô nhiễm của thông số không đạt:

$$K = \frac{\text{Giá trị đo đạc thực tế} - \text{Giá trị tiêu chuẩn xả thải}}$$

Giá trị tiêu chuẩn xả thải

(chọn hệ số ô nhiễm K có giá trị lớn nhất trong các thông số phân tích không đạt tiêu chuẩn xả thải quy định)

+ Ngoài lệ, hệ số K của chỉ tiêu pH được xác định như sau:

pH	$3 \leq \text{pH} < 4$	$4 \leq \text{pH} < 5$	Trong giới hạn tiêu chuẩn quy định $5 \leq \text{pH} \leq 9$	$9 < \text{pH} \leq 10$	$10 < \text{pH} \leq 11$
K	2	1	0	1	2

➤ F₂: Phí xả thải (thu theo định mức lượng nước xả thải, VNĐ/tháng), được tính như sau:

$$F_2 = f_2 \cdot k$$

▪ f₂: Mức phí cố định (theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND) là **1.500.000 VNĐ/năm** (tương đương **125.000 VNĐ/ tháng**) trên định mức **5 m³/ngày đêm** (tương đương **150 m³/tháng**);

▪ k: Hệ số lưu lượng nước xả thải, được xác định như sau:

+ Lượng nước thải $V \leq 150 \text{ m}^3/\text{tháng}$: $k = 0$ ($F_2 = 0$)

+ Lượng nước thải $V > 150 \text{ m}^3/\text{tháng}$: $k = (V - 150)/150$

1.2. Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% (tám mươi phần trăm) khối lượng nước sạch tiêu thụ theo từng kỳ hóa đơn tiền nước sạch hàng tháng.

1.3. Ngoài mức phí xả thải (F₂) được xác định theo mục 1.1 nêu trên, Bên A sẽ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất chất lượng nước thải của Bên B thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCX có sự xác nhận của đại diện Bên B để xác định mức phí xử lý hộ nước thải (F₁). Nếu chất lượng nước thải của Bên B vượt quá tiêu chuẩn xả thải quy định nêu trong bảng "**Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX Tân Thuận**" thì Bên A sử dụng kết quả xét nghiệm này để tính phí xử lý hộ nước thải (F₁) cho Bên B theo chu kỳ sử dụng nước tháng kiểm tra lấy mẫu và áp dụng cho đến kỳ kiểm tra tiếp theo. Trường hợp Bên B đã có biện pháp khắc phục và có nhu cầu được xét nghiệm lại chất lượng nước thải, đề nghị gửi văn bản thông báo đến Bên A. **Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo**, Bên A sẽ xem xét, mời đơn vị đo đạc có chức năng theo quy định nhà nước thực hiện lấy mẫu thẩm định lại, **mẫu nước thải thẩm định lại bao gồm tất cả các thông số trong đợt lấy mẫu xét nghiệm lần trước**. Thời gian lấy mẫu sẽ tiến hành đột xuất không thông báo trước để đảm bảo tính khách quan, khi lấy mẫu có sự chứng kiến, ký xác nhận niêm phong và biên bản lấy mẫu của đại diện hai Bên và các bộ phận quản lý liên quan khác (nếu có). **Chi phí lấy mẫu thẩm định lại do Bên B chi trả cho đơn vị đo đạc và nhận phiếu kết quả gửi 01 bản chính cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày lấy mẫu để cập nhật lại mức phí xử lý hộ trong thời gian tiếp theo.**

1.4. Vị trí lấy mẫu tại các hố ga thu gom nước thải mà Bên A đã cung cấp cho Bên B được xác nhận trong "Biên bản kiểm tra về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật". **Trường hợp lấy mẫu nước thải của Bên B từ hai vị trí hố ga thu gom trở lên thì Bên A chọn thông số ô nhiễm vượt chuẩn xả thải có giá trị K lớn nhất trong các mẫu để tính phí xử lý hộ.**

1.5. Hàng tháng sau khi phát hành Giấy báo tiền nước cấp sử dụng, Bên A sẽ tổng hợp mức phí nước thải và gửi "**Giấy báo phí nước thải**" đến Bên B. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký nhận

“Giấy báo phí nước thải” Bên B phải hoàn tất việc thanh toán cho Bên A.

ĐIỀU 2: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỂM 1.1, ĐIỀU 1 CỦA HỢP ĐỒNG ĐẦU NỔI VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRONG KCX TÂN THUẬN SỐ 149/TTC-CV-10 NGÀY 06/05/2010.

2.1. Chất lượng nước thải của Bên B khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCX Tân Thuận chứa các thông số có nồng độ ô nhiễm không được vượt quá giới hạn quy định theo bảng “*Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX Tân Thuận*” (áp dụng từ 01/5/2014 theo văn bản số 164/TTC-CV-14 ngày 08/4/2014) kèm theo trong Phụ lục này.

ĐIỀU 3: THAY THẾ ĐIỀU 2 CỦA HỢP ĐỒNG ĐẦU NỔI VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRONG KCX TÂN THUẬN SỐ 149/TTC-CV-10 NGÀY 06/05/2010.

3.1. Các doanh nghiệp có nước thải đầu nổi vào hệ thống thu gom của KCX Tân Thuận phải ký “*Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đầu nổi & xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận*” và tuân thủ các quy định thu phí nước thải như sau:

- Trường hợp 1:

Bên B sẽ không phải trả phí nước thải cho Bên A (chi phí này Bên A sẽ trích từ phí khai thác bảo dưỡng cơ sở hạ tầng) khi: nước thải Bên B đầu nổi vào hệ thống thu gom chung của KCX chứa các thông số có nồng độ ô nhiễm đạt tiêu chuẩn xả thải quy định nêu trong bảng “*Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX Tân Thuận*” và lưu lượng xả thải từ 150 m³/tháng trở xuống (tương đương ≤ 5 m³/ngày đêm).

- Trường hợp 2:

Bên B phải trả thêm phí nước thải cho Bên A khi:

+ Nước thải Bên B đầu nổi vào hệ thống thu gom chung của KCX chứa các thông số có nồng độ ô nhiễm không đạt tiêu chuẩn xả thải quy định (trả phí xử lý hộ F₁).

+ Nước thải Bên B khi đầu nổi vào hệ thống thu gom chung của KCX có lưu lượng xả thải lớn hơn 150 m³/tháng (trả phí xả thải F₂).

+ Nước thải Bên B khi đầu nổi vào hệ thống thu gom chung của KCX chứa các thông số có nồng độ ô nhiễm không đạt tiêu chuẩn xả thải quy định và lưu lượng xả thải lớn hơn 150 m³/tháng (trả phí F₁ và F₂).

3.2. Trong trường hợp Bên B có nước thải vượt quá giới hạn tiếp nhận nêu trong bảng “*Quy định tiêu chuẩn xả thải và giới hạn tiếp nhận nước thải cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX Tân Thuận*”, Bên B phải nhanh chóng có biện pháp cải tạo và xử lý nước thải cục bộ đạt chuẩn quy định của KCX. Nếu Bên B không có cải thiện, Bên A sẽ tạm ngưng cung cấp nước sạch, ngưng tiếp nhận nước thải cho Bên B, đồng thời xem xét báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường xử lý.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời với Hợp đồng đầu nổi và xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận số 149/TTC-CV-10 ngày 06/05/2010.

4.2. Các điều khoản không được quy định trong Phụ lục hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng đầu nổi & xử lý nước thải đã ký (trừ những nội dung đã chỉnh sửa tại phụ lục này) và theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

4.3. Mức phí tối thiểu tăng thêm khi Bên A xử lý hộ 1 m³ nước thải không đạt tiêu chuẩn quy định của Bên B (f₁), có thể được Bên A điều chỉnh tùy thuộc vào sự biến động về giá điện, nước, hóa chất, nhân công, phí đầu tư công nghệ, phí quản lý,... (tần suất điều chỉnh ít nhất 06 tháng/lần); Mức phí cố định (f₂) chỉ điều chỉnh khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật liên quan.

4.4. Bên B phải có trách nhiệm thanh toán phí nước thải cho Bên A đúng kỳ hạn.

4.5. Nếu Bên B vi phạm một trong các Điều khoản nêu trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng này, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và Bên B phải khắc phục trong thời gian quy

định. Sau thời gian quy định mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B, đồng thời thông báo cho các cơ quan quản lý Nhà nước về Môi trường. Ngoài ra nếu việc vi phạm của Bên B gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A chi phí phát sinh để giải quyết và khắc phục các thiệt hại đó.

- 4.6. Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt "**Hợp đồng đầu nối & xử lý nước thải trong KCX Tân Thuận**" phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia **trước 15 ngày** kể từ ngày chính thức ngưng tiếp nhận hoặc ngưng nhu cầu được tiếp nhận nước thải và hai Bên phải có trách nhiệm thực hiện việc quyết toán công nợ và hoàn tất ký kết văn bản thanh lý hợp đồng.
- 4.7. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực từ ngày **01/07/2020** cho đến khi có văn bản thỏa thuận mới từ hai bên.
- 4.8. Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.



Số: 999 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 14 / 8 / 2020 của: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)

Người đại diện là Ông/Bà: Takashi Shimojo Chức danh: Đại diện CPT.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH – CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo Văn phòng và xưởng dệt (NS) + Kho gas (May)

Địa điểm xây dựng: Lô M.25a-27b, đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận, Quận 7

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH XD Trang trí nội thất Công Danh; Cty TNHH DT XD và PCCC Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, khoảng cách PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy;

- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống hút bụi, thông gió tự nhiên;

- Hệ thống chống sét đánh thẳng;

- Hệ thống cung cấp LPG trung tâm (tại Lô M.27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10)

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh ngày 8 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư: C07-BCA;

- Công an Quận 7;

- Lưu VT, Đ2. A



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 860 /PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2020

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Theo đề nghị tại văn bản ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam); căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) lập ngày 30 tháng 11 năm 2020, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đối với công trình Cải tạo Văn phòng và xưởng dệt xây dựng tại Lô M.25a-27b đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, khoảng cách PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy, hệ thống hút bụi, thông gió tự nhiên;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng; hệ thống cung cấp LPG trung tâm (tại Lô M.27a-29-31-33-35-37-39, đường số 10).

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Cải tạo Văn phòng và xưởng dệt trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an Quận 7;
- Lưu: VT, Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

Số: 32 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 20/12/2019 của Công ty TNHH GUNZE (VIỆT NAM).....

Người đại diện là Ông/Bà: YUJINAGATANI..... Chức danh: Tổng giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo kho, xưởng LC.....

Địa điểm xây dựng: Lô AM27a-29-31-33-35-37-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH GUNZE (VIỆT NAM).....

Đơn vị lập dự án/thiết kế Công ty TNHH XD Trang trí nội thất Công Danh, Công ty TNHH ĐT XD và PCCC Sài Gòn.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy;

- Mặt bằng bố trí đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Mặt bằng bố trí họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy; hệ thống hút bụi;

- Hệ thống chống sét đánh thẳng;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2020.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư, C07-BCA;

- Công an Quận 7;

- Lưu: VT, ĐS.



Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Chủ đầu tư liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng theo quy định; thông báo bằng văn bản đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng./.

Nội dung cải tạo: Xây mới kho sợi 01 tầng và cải tạo, chuyển đổi công năng một phần tầng trệt từ kho thành xưởng LC

Bản vẽ đính kèm:

[illegible]

Số: 806 /PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2020

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Theo đề nghị tại văn bản ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam); căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) lập ngày 12 tháng 11 năm 2020, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đối với công trình **Cải tạo kho, xưởng LC** xây dựng tại Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Mặt bằng bố trí hòng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy, hệ thống hút bụi;
- Mặt bằng bố trí đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Cải tạo kho, xưởng LC trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an Quận 7;
- Lưu: VT, Đ2.



BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN CỨU HỘ
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 14 giờ 30 ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại công trình Cải tạo kho, xưởng LC.

Địa chỉ: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) – Công an TP Hồ Chí Minh

1. Ông: Trung tá Trần Thượng Hải – Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Công tác phòng cháy.

2. Ông: Đại úy Lý Kông Thái - Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy.

II. Đại diện Công an Quận 7

1. Ông: Thượng tá Võ Văn Sơn – Chức vụ: Phó Trưởng Công an Quận.

2. Ông: Trung tá Đào Hữu Ngạn – Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH.

3. Ông: Trung úy Phan Việt Hải – Chức vụ: Cán bộ Đội Cảnh sát PCCC&CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình Cải tạo kho, xưởng LC theo đề nghị của chủ đầu tư và kế hoạch số 493/KH-PC07-Đ2 ngày 04/11/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

III. Đại diện chủ đầu tư

1. Ông/bà: Takashi Shimojo – Chức vụ: Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Gunze Việt Nam.

IV. Đại diện đơn vị thi công xây dựng

1. Ông/bà: Bùi Văn Nhí Em – Chức vụ: Giám đốc, Công ty TNHH Trang trí Nội thất Công Danh.

V. Đại diện đơn vị thi công PCCC

1. Ông/bà: Phạm Doãn Bình – Chức vụ: Phó Giám đốc, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phòng cháy Chữa cháy Sài Gòn.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Báo cáo của chủ đầu tư về kết quả thi công

Công trình đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC theo quy định, hiện tại đã thi công cải tạo hoàn thiện phần xây mới kho sợi 01 tầng và cải tạo, chuyên đổi công năng một phần tầng trệt từ kho thành xưởng LC. Sử dụng họng nước chữa cháy trong nhà, đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, đầu báo cháy tự động hiện hữu tại khu vực chuyển đổi công năng, bổ sung họng nước chữa cháy trong nhà,

đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực xây mới.

Công trình thi công hoàn thành các hạng mục: Đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy, hệ thống hút bụi, hệ thống chống sét đánh thẳng.

Theo báo cáo của chủ đầu tư, trong quá trình thi công các hạng mục đã tuân thủ theo hồ sơ thiết kế đã duyệt về PCCC. Chủ đầu tư cam kết chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu có sự thay đổi so với thiết kế được duyệt. Chủ đầu tư và đơn vị thi công đã tiến hành nghiệm thu nội bộ, thử nghiệm thực tế toàn bộ các hạng mục PCCC được lắp đặt tại công trình theo quy định.

2. Hồ sơ nghiệm thu về PCCC

Qua kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, chủ đầu tư đã chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu gồm có:

- Văn bản yêu cầu nghiệm thu của chủ đầu tư;
- Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 32/TĐ-PCCC ngày 10/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hồ Chí Minh;
- Các biên bản thử nghiệm thực tế, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 10410/KĐ-PCCC-P7 ngày 30/7/2020, số 3468/KĐ-PCCC-P7 ngày 10/3/2020, số 13944/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/9/2020 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 1466/KĐ-PCCC ngày 26/10/2020, số 315/KĐ-PCCC ngày 04/11/2019, số 40/KĐ-PCCC ngày 03/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh; số 2142/KĐ-PCCC ngày 12/7/2018 của Cảnh sát PC&CC TP Hồ Chí Minh; số 148/KĐ-PCCC ngày 03/8/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định điện trở hệ thống chống sét số 00437/ĐCS/05/KĐ.KV2 ngày 31/10/2020 của Công ty Cổ phần Kiểm định An toàn KV2;
- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC của công trình;
- Bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;
- Biên bản hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về PCCC.

3. Hiện trạng công trình

Công trình đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC theo quy định, hiện tại đã thi công cải tạo hoàn thiện phần xây mới kho sợi 01 tầng và cải tạo, chuyển đổi công năng một phần tầng trệt từ kho thành xưởng I.C. Sử dụng họng nước chữa cháy trong nhà, đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, đầu báo cháy tự động hiện hữu tại khu vực chuyển đổi công năng, bổ sung họng nước chữa cháy trong nhà,

đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực xây mới.

Công trình thi công hoàn thành các hạng mục: Đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, hòng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy, hệ thống hút bụi, hệ thống chống sét đánh thẳng.

4. Kiểm tra thực tế tại công trình

4.1. Giao thông phục vụ chữa cháy

- Kiểm tra đường giao thông phục vụ chữa cháy trong công trình: đảm bảo theo thiết kế đã duyệt về PCCC.

4.2. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan

- Kiểm tra các bộ phận ngăn cháy lan theo chiều ngang và chiều đứng: đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã duyệt.

4.3. Hệ thống thoát nạn, bố trí tính chất sử dụng

- Kiểm tra số lối thoát nạn, chiều rộng và chiều rộng tổng cộng của lối thoát nạn, chiều dài của đường thoát nạn, việc bố trí các thiết bị trên đường thoát nạn.

- Kiểm tra việc bố trí buồng thang thoát nạn (chiều rộng của chiều nghỉ, bậc thang, cửa trên lối ra thoát nạn).

- Kiểm tra lối ra thoát trực tiếp ra ngoài từ buồng thang, kiểm tra hướng mở cửa thoát nạn;

- Kiểm tra việc bố trí và hoạt động của đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn.

Qua kiểm tra, chủ đầu tư thi công các điều kiện thoát nạn đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã duyệt.

4.4. Hệ thống hút bụi

- Kiểm tra hệ thống hút bụi theo hồ sơ thiết kế.

- Kiểm tra hoạt động của hệ thống hút bụi: đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

4.5. Hệ thống báo cháy tự động

- Kiểm tra việc bố trí, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại công trình theo thiết kế đã được duyệt.

- Thử hoạt động hệ thống báo cháy tại các khu vực trong công trình để kiểm tra: kết quả các thiết bị hoạt động đảm bảo yêu cầu.

4.6. Hệ thống chữa cháy

- Kiểm tra việc dự trữ nước chữa cháy trong bể nước theo thiết kế: chủ đầu tư thi công bể nước ngầm, đoàn chỉ tiến hành kiểm tra bản vẽ hoàn công do chủ đầu tư cung cấp.

- Kiểm tra nguồn điện chính cấp cho máy bơm chữa cháy: tách biệt từ tủ điện chính.

- Kiểm tra việc khởi động máy bơm chữa cháy ở chế độ tự động và bằng tay: máy bơm hoạt động đảm bảo yêu cầu.

- Thử nghiệm tại tầng hầm: thử 05 đầu chữa cháy tự động Sprinkler tầng 1, mở 02 hòng nước chữa cháy, kết quả áp lực đầu lăng đạt 4KG/cm², diện tích bảo vệ đầu phun Sprinkler đảm bảo.

4.7. Hệ thống điện và hệ thống kỹ thuật có liên quan

- Việc đảm bảo an toàn PCCC đối với hệ thống điện, chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm tra nghiệm thu theo đúng quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4.8. Hệ thống chống sét được kiểm tra theo Biên bản kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét của cơ quan chức năng.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Công trình thi công hoàn thiện các hạng mục: Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, mặt bằng bố trí đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, mặt bằng bố trí họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy, hệ thống hút bụi, hệ thống chống sét đánh thẳng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC số 32/TD-PCCC ngày 10/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hạng mục: Đầu báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống hút bụi tại thời điểm kiểm tra hoạt động đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định.

5.2. Kiến nghị

- Tiếp tục kiểm tra, hiệu chỉnh các hệ thống, thiết bị PCCC, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, chính xác, hiệu quả của các hệ thống, thiết bị này khi đưa công trình vào sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 50 phút cùng ngày, gồm 04 trang được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THI CÔNG XÂY DỰNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THI CÔNG PCCC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH**

Khai Trường Tài

Trưởng tá Võ Văn Sơn

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 63 /GPXD-GĐ10

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, đường 10 Phường: Tân Thuận Đông
Quận: 7 Thành phố: Hồ Chí Minh

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

- Theo bản vẽ thiết kế có ký hiệu: MBTT 02-04, XC (01÷04) - 14, K (01÷04) (09 bản).

- Do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tín lập.

A. Phân chuyển đổi công năng

- Chuyển đổi công năng kho nguyên phụ liệu (diện tích xây dựng $18,3\text{m} \times 14,5\text{m} = 265,35 \text{ m}^2$) tại Giấy phép xây dựng số 101/GPXD-GĐ8 ngày 13/11/2014 do Ban Quản lý cấp thành xưởng cắt; đồng thời mở rộng từ trục 1'' đến trục 1 theo bản vẽ ký hiệu XC 06-14 với diện tích xây dựng $1,7\text{m} \times 14,5\text{m} = 24,65 \text{ m}^2$

B. Phần xây dựng mới

- Tổng số công trình: 02 công trình

- Công trình số 1: Kho bán thành phẩm (trên nền nhà xe cũ đã được Ban Quản lý cấp Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 126/2001/QĐ-BQL-KCN ngày 18/7/2001)

+ Diện tích xây dựng tầng một : $23\text{m} \times 20\text{m} = 460 \text{ m}^2$

+ Chiều cao công trình : 6m Số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng : +0,60m so với tim đường số 10

- Công trình số 2: Phòng sửa hàng

+ Diện tích xây dựng tầng một : $11\text{m} \times 3,9\text{m} = 42,9 \text{ m}^2$

+ Chiều cao công trình : 4m Số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng : +0,60m so với tim đường số 10

- Chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ mặt bằng tổng thể trệt ký hiệu MBTT 02-04 được Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tín lập tháng 05 năm 2019 đính kèm hồ sơ xin phép xây dựng.

- Diện tích lô đất : 15.000,00 m²
- Diện tích đã xây dựng các giai đoạn trước : 8.555,62 m² (đã trừ phần diện tích 292,5m² đã tháo dỡ theo Công văn số 1757/BQL-QHXD ngày 23/4/2019 của Ban Quản lý)
- Diện tích xây dựng giai đoạn 10 : 527,55 m²
- Tổng diện tích xây dựng : 9.083,17 m²
- Mật độ xây dựng : 60,55%
- Công trình được xây dựng tại: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, đường 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải phải được thiết kế, thi công riêng biệt và đấu nối vào đúng hệ thống hồ ga của Khu chế xuất theo quy định.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 994095, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00124/1a QSDĐ/1100/UB ngày 25/3/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố cấp.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (Bản chính);
- Thanh tra Sở Xây dựng;
- Cty TNHH Tân Thuận;
- Trưởng Ban;
- Các phòng: HTGS, ĐT, DN, MT, LD;
- Lưu: VT; P.QHXD, TKQ(2)



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa Điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

Số: 438 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam);

Người đại diện là Ông/Bà: YUJINAGATANI Chức danh: Đại diện chủ đầu tư

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH - CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Điều chỉnh, mở rộng nhà xưởng, kho

Địa điểm xây dựng: Lô AM 27A-29-31-33-35-37-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TV TK XD Kiên Tín; Công ty TNHH DT XD và PCCC Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

....Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;.....

....Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy;.....

....Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư: C07 - BCA;

- Công an Quận 7;

- Lưu: VT, B3.

.....



Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 774 /PC07-Đ5

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2019

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Theo đề nghị tại Văn bản ngày 04/11/2019 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam); căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) lập ngày 18/11/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) đối với công trình Điều chỉnh, mở rộng nhà xưởng, kho xây dựng tại lô AM27A-29-31-33-35-37-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy;

- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Điều chỉnh, mở rộng nhà xưởng, kho trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

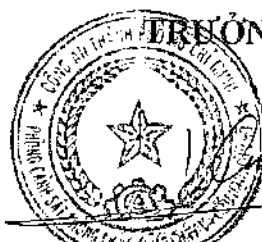
2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

4. Công trình chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an Quận 7;
- Lưu: VT, Đ5.



Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

Số 246.../KD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và PCCC Sài Gòn..... về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số, ngày 01... tháng 10... năm 2019..;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 11... tháng 10... năm 2019 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/ lô phương tiện Phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 02 của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và PCCC Sài Gòn, địa chỉ: Số 56, Đường 85, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.....

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 10 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

BẢNG THÔNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định số 346....., ngày 16/10/2019
của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
01	Trung tâm báo cháy 05 kênh	FAPN202-R-5L	Tủ	01	Nohmi Bosai/ Nhật	2018	Cấp 01 tem mẫu A số B2283765
02	Đầu báo cháy khói	AH-0311-4	Cái	30	Horing/ Đài Loan	2019	Cấp 163 tem mẫu C số 0241486 đến 0241648
03	Đầu báo cháy nhiệt gia tăng	AHR-871	Cái	10	Horing/ Đài Loan	2019	
04	Nút ấn báo cháy	FMMN102-U	Cái	02	Nohmi Bosai/ Nhật	2019	
05	Chuông báo cháy	FBM023	Cái	02	Nohmi Bosai/ Nhật	2019	
06	Đèn báo cháy	FLPJ002	Cái	02	Nohmi Bosai/ Nhật	2019	
07	Đầu phun chữa cháy Sprinkler 68°C, đường kính 15mm, K5.6 loại hướng xuống	T-ZSTX-15	Cái	109	Hangzhou/ Trung Quốc	2019	
08	Đèn chiếu sáng sự cố (có nguồn điện dự phòng 120 phút)	KT2200EL	Cái	05	Kentom/ Việt Nam	2019	
09	Đèn chỉ dẫn thoát nạn (có nguồn điện dự phòng 120 phút)	KT120	Cái	03	Kentom/ Việt Nam	2019	
- Theo đơn đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và PCCC Sài Gòn, (Địa chỉ: Số 56 đường 85, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh), lắp đặt cho công trình: Cải tạo kho xưởng Gunze Việt Nam, Địa chỉ: Khu A, Lô 27A-29-31-35-39 đường số 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. - Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu có liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. - Các phương tiện PCCC nêu trên sau khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định.							



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
Khu vực chế xuất và công nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108.../2019/BBKT-BQL-QHXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Nhà máy Gunze (Việt Nam)

Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39 đường 10, KTX Tân
Thủy

Thành phần tham dự:

Đại diện Ban quản lý các KCX & CN thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Trần Kế Quang

Chức vụ: Chuyên viên P. QL & HT-XI

Bà Chu Huỳnh Thảo Anh

Chức vụ: Chuyên viên P. QL & HT-XI

Đại diện Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN:

Ông Hoàng Bảo Quốc

Chức vụ: Phòng công suất

Chức vụ:

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)

Ông Nguyễn Quốc Anh

Chức vụ: Tổng phòng sản xuất

Chức vụ:

Đại diện các đơn vị có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng trang trí nội thất Công Đa

Ông Bùi Văn Nhì Em

Chức vụ: Giám đốc

Chức vụ:

NỘI DUNG KIỂM TRA

Tiến hành kiểm tra sau phép công trình xây dựng
do Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) làm Chủ đầu
tư, tại thời điểm kiểm tra ghi nhận hiện trạng như sau

Công trình số 1: Kho bán thành phẩm; diện tích
 $23m \times 20m = 460(m^2)$; Chiều cao 6m; 01 tầng;

Công trình số 2: Phòng sửa hàng; diện tích
 $11m \times 3,9m = 42,9(m^2)$; Chiều cao 4m; 01 tầng;

Các công trình trên đã được thi công xây dựng
hoàn thiện và xây dựng theo đúng Giấy phép
xây dựng số 63/GPXD-CT 10 Ngày 03/6/2019
do Ban Quản lý cấp (bao gồm công trình chuyển đổi công
năng từ kho nguyên phụ liệu thành xưởng cắt $18,5m \times 20m = 2901$

Đồn vị thi công chưa nhất trình được chứng chỉ năng lực hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp thủ quy định;

Công trình này được Phòng Cảnh sát PCCC & CHCN cấp Công văn nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy.

* Kiến nghị của các bên:

HEPZA: Đề nghị đơn vị thi công bổ sung Chứng chỉ năng lực hành nghề phù hợp cho Ban Quản lý trong vòng 07 ngày kể từ ngày lập biên bản; Chủ đầu tư bổ sung Công văn nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy để được Phòng Cảnh sát PCCC & CHCN cấp.

* Kết luận:

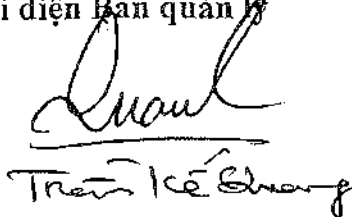
Chủ đầu tư và đơn vị thi công thực hiện đúng các kiến nghị nêu trên.

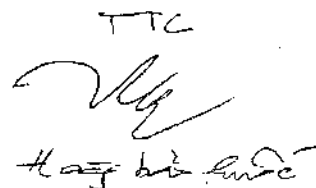
Biên bản được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên tham dự kiểm tra giữ 01 bản
Buổi kiểm tra kết thúc lúc 14 giờ 30 cùng ngày.

Đại diện Chủ đầu tư

Đại diện Ban quản lý

Đại diện các đơn vị tham gia


Trần Kế Cường

TTC

Hoàng Bá Hùng

Đại diện các đơn vị liên quan


Trần Văn Lâm

9.2
9.3

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1269/PCCC-P2
V/v nghiệm thu về PCCC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam).

Theo Văn bản ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam) về việc đề nghị nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh lập ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Cải tạo, mở rộng nhà kho.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam).

Xây dựng tại: Lô AM 27A-29-31-33-35-37-39 đường 10, KCX Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Các nội dung đã được nghiệm thu về PCCC gồm:

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy;

- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy.

Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy lập ngày 01 tháng 4 năm 2015.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC. Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CS PCCC&CNCH-BCA;
- Đ/c Giám đốc;
- Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 7;
- Lưu: VT, P2.



KT: GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Dương Văn Phóng

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 9 giờ ngày 02 tháng 4 năm 2015, tại công trình: Cải tạo, mở rộng nhà kho.
Địa chỉ: Lô AM 27A-29-31-33-35-37-39 đường 10, KCX Tân Thuận, Quận 7.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh:

1. Đ/c Huỳnh Ngọc Quan - Cấp bậc: Thượng tá - Chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.
2. Đ/c Đặng Văn Tại - Cấp bậc: Trung tá - Chức vụ: Phó Trưởng phòng - Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 7.
3. Đ/c Cù Huy Tuấn - Cấp bậc: Đại úy - Chức vụ: Đội trưởng Đội Hướng dẫn thẩm duyệt về PCCC - Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.
4. Đ/c Nguyễn Quốc Vinh - Cấp bậc: Đại úy - Chức vụ: Đội trưởng Đội Hướng dẫn kiểm tra về PCCC - Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.
5. Đ/c Đoàn Công Thành - Cấp bậc: Đại úy - Chức vụ: Đội trưởng Đội Hướng dẫn kiểm tra - Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 7.
6. Đ/c Nguyễn Danh Công - Cấp bậc: Trung úy - Chức vụ: Cán bộ thẩm duyệt - Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.

II. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam)

Ông (Bà) MOTOYUKI TANIMIZU - Chức vụ: Đại diện chủ đầu tư.

III. Đại diện đơn vị thi công: Cty TNHH Xây dựng và Thương mại Diệp Gia.

Ông (Bà) Diệp Hoàng Phúc - Chức vụ: Giám đốc.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Cải tạo, mở rộng nhà kho.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Văn bản yêu cầu nghiệm thu của chủ đầu tư.
- Bản vẽ đã thẩm duyệt và Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 2320/CN-PCCC ngày 04/11/2014 của Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh.
- Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình kết quả thi công công trình.
- Bản vẽ hoàn công công trình.
- Biên bản nghiệm thu xây dựng, hệ thống PCCC giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.
- Xuất xứ các thiết bị, phương tiện hệ thống PCCC lắp đặt trong công trình.
- Tài liệu hướng dẫn, vận hành hệ thống PCCC tại công trình.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 06/3/2015 và ngày 27/3/2015 của đại diện Cảnh sát PCCC TP. Hồ Chí Minh.

- Kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng số 323/ĐL ngày 05/3/2015 của Trung tâm Kiểm định Công nghiệp II.

- Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, sơn chống cháy số 795/KĐ-PCCC-P2 ngày 11/3/2015 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH.

2. Hiện trạng công trình:

- Công trình đã thi công cải tạo mở rộng hoàn thành sàn lửng kho LC, kho nguyên phụ liệu và kho vải.

- Thi công lắp đặt hoàn thành các hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ.

3. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

- Kiểm tra bậc chịu lửa các cấu kiện chịu lực chính của công trình (cột, tường, sàn); giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn (cửa thoát nạn, thang thoát nạn).

- Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động: trung tâm báo cháy, các đầu báo cháy, dây dẫn tín hiệu báo cháy.

Thử nghiệm tính năng hoạt động của hệ thống báo cháy: thử 05 đầu báo cháy và 02 nút ấn báo cháy tại mỗi hạng mục, kết quả các đầu báo cháy hoạt động tốt, chuông báo cháy kêu to, rõ.

- Kiểm tra hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà và hệ thống chữa cháy tự động, các hòng nước chữa cháy, lăng vòi chữa cháy, đường ống cấp nước chữa cháy, đường ống cấp nước chữa cháy tự động và lắp đặt đầu phun Sprinkler. Bể chứa nước chữa cháy và máy bơm chữa cháy hiện hữu ko cải tạo.

Thử nghiệm đồng thời áp lực nước tại 02 hòng nước chữa cháy ở vị trí xa nhất và 05 đầu phun Sprinkler tại mỗi hạng mục, kết quả áp lực nước tại đầu lăng, tầm phun xa đảm bảo theo quy định, lưu lượng, diện tích bảo vệ đảm bảo.

3. Kết luận và kiến nghị:

*** Kết luận:**

- Công trình thi công theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt và thực hiện các kiến nghị tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 2320/CN-PCCC ngày 04/11/2014 của Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh;

- Các hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động tại thời điểm kiểm tra hoạt động đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

*** Kiến nghị:**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm duy trì liên tục khả năng hoạt động của hệ thống PCCC như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

- Tổ chức huấn luyện cho cán bộ nhân viên tại cơ sở các kiến thức cơ bản về PCCC, thao tác sử dụng các thiết bị, phương tiện và hệ thống PCCC đã lắp đặt.

179188 - C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU H
NG VÀ THƯƠNG
IẾP GI
P - TP. HỒ

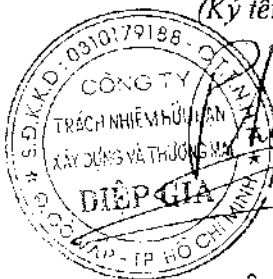
941
CÔNG
NHIỆN
UN
ỆT N
P. HỒ

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 4 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.



MARUOKI TANIMIZU
Deputy General Director

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN
(Ký tên, đóng dấu)



DIỆP HOÀNG PHÚC

ĐẠI DIỆN CS PCCC TP. HCM
TRƯỞNG PHÒNG HD, CB
VỀ PHÒNG CHÁY



Thượng tá: Huỳnh Ngọc Quan



Số: 2320/CN-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số ngày 24 /10 /2014 của: Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam).

Người đại diện là ông/bà KAZUHIKO FURUSAWA. Chức danh: Tổng Giám đốc.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo, mở rộng nhà kho.

Địa điểm xây dựng: Lô AM 27A-29-31-33-35-37-39 đường 10, KCX Tân Thuận, Q.7.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH GUNZE (Việt Nam).

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Nhà Đẹp.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo 1/ Cửa trên tường ngăn giữa kho vải và văn phòng-xưởng phải là cửa chống cháy có giới hạn chịu lửa EI70.

2/ Cột thép khu vực sàn lửng kho LC phải được ốp bảo vệ hoặc phun sơn chống cháy đảm bảo giới hạn chịu lửa R120.

3/ Các thiết bị dùng điện trong kho phải được không chế chung bằng các thiết bị đóng ngắt tự động (cầu dao, áp tô mát) đặt trên mặt tường ngoài bằng vật liệu không cháy.

4/ Lắp đặt bổ sung hệ thống chống sét đánh thẳng khu vực kho nguyên phủ liệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của TCVN 9385:2012. (Xem tiếp trang 2).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CS-PCCC&CNCH - BCA;
- Phòng CS.PC&CC quận 4;
- Lưu: VT, P2.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014



GIÁM ĐỐC

ĐẠI TÁ: Lê Tấn Bửu

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy
Số...../CN-PCCC ngày..... tháng..... năm.....)

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy
Số...../CN-PCCC ngày..... tháng..... năm.....)

[illegible]

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 401/GPXD-GĐ8

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, đường 10 Phường: Tân Thuận Đông
Quận: 7 Thành phố: Hồ Chí Minh

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

- Theo bản vẽ thiết kế có ký hiệu: BVXP-02/16 ÷ BVXP 16/16 (15 bản).
- Do Công ty TNHH Xây dựng Nhà Đẹp thiết lập.

A. Phần phá dỡ

- Nhà xe: 78,75m²

B. Phần xây dựng mới

Tổng số công trình: 04 công trình

- Công trình số 1: Kho nguyên phụ liệu

+ Diện tích xây dựng tầng một	: 18,3m x 14,5m	= 265,35 m ²
+ Chiều cao công trình	: 6,3m	Số tầng: 01
+ Cốt nền xây dựng	: +0,60m so với tim đường số 10	

- Công trình số 2: Kho vải

+ Diện tích xây dựng tầng một	: 22m x 9m	= 198,00 m ²
+ Chiều cao công trình	: 6,55m	Số tầng: 01
+ Cốt nền xây dựng	: +0,60m so với tim đường số 10	

- Công trình số 3: Mở rộng sàn lửng trong nhà kho LC

+ Diện tích sàn lửng: (16,35m x 13,47m) + (42,7m x 39,78m) + (10,9m x 33,58m) + (21m x 2,5m)	= 2.337,36 m ²
---	---------------------------

Cao độ đến sàn lửng : 3,50m

- Công trình số 4: Phòng Locker

+ Diện tích xây dựng tầng một	: 13m x 7,7,0m	= 100,10 m ²
+ Chiều cao công trình	: 4,5m	Số tầng: 01
+ Cốt nền xây dựng	: +0,60m so với tim đường số 10	

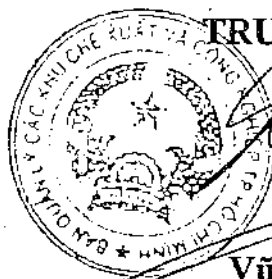
- Khoảng lùi công trình: theo bản vẽ mặt bằng tổng thể và định vị tọa độ ký hiệu BVXP-02/16 được Công ty TNHH Xây dựng Nhà Đẹp thiết lập tháng 10 năm 2014 đính kèm hồ sơ xin phép xây dựng.

- Diện tích lô đất : 15.000,00 m²
 - Diện tích đã xây dựng 7 giai đoạn : 8.065,07 m² (đã trừ phần diện tích tháo dỡ ở phần A)
 - Diện tích xây dựng giai đoạn 8 : 563,45 m²
 - Diện tích sàn xây dựng giai đoạn 8 : 2.900,81 m²
 - Tổng diện tích xây dựng 8 giai đoạn: 8.628,52 m²
 - Mật độ xây dựng : 57,52%
 - Công trình được xây dựng tại: Lô AM 27a-29-31-33-35-37-39, đường 10, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải phải được thiết kế, thi công riêng biệt và đầu nối vào đúng hệ thống hồ ga của Khu chế xuất theo quy định.
 4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 994095, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00124/1a QSDĐ/1100/UB ngày 25/3/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố cấp.
 5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2014

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (Bản chính);
- Thanh tra Sở Xây dựng (Bản sao);
- Lưu: VT; P.QLXD, TKQ(2).



TRƯỞNG BAN

Vũ Văn Hòa

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải....).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Công ty TNHH Tân Thuận trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp GPXD.

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

Cty TNHH Gunze Viet Nam
Số: 02/ XD_GVN11

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2011

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công trình nhà kho Gunze Việt Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Lô số AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường Số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP Hồ Chí Minh.

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a)Phía chủ đầu tư: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Katsumi Tabuchi – Tổng Giám Đốc.

- Người đại diện theo pháp luật nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: Chủ đầu tư tự giám sát.

b)Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty TNHH Quốc tế Liên Doanh Vinata

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Hùng - Giám đốc Chi nhánh

- Người phụ trách thi công trực tiếp: Ông Trần Nam Trung - Kỹ sư xây dựng

c)Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân CC

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Trị – Phó tổng giám đốc.

- Chủ nhiệm thiết kế: Huỳnh Thanh Sang – Trưởng nhóm kết cấu

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu: 8.00 ngày 23 tháng 01 năm 2011

Kết thúc: 11.00 ngày 23 tháng 01 năm 2011

Tại: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam.

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- Tiêu chuẩn Tải trọng và tác động : TCVN 2737 – 1995.
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT : TCXDVN 356 – 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu thép : TCXDVN 338 – 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc TCXD 205-1998
- Tiêu chuẩn thiết kế điện: TCVN 46:1984, TCXD 16:1986, TCXD 25:1991.
- Tiêu chuẩn thiết kế cấp thoát nước: TCVN 3989-1985, 4474-1987, 4513-1988
- Tiêu chuẩn phòng cháy: TCVN 2622-1995

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.



- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát công trường và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng giai đoạn thi công xây dựng.

- Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng.

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành theo quy định.

b). Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây: Phù hợp với thiết kế, đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt nam:

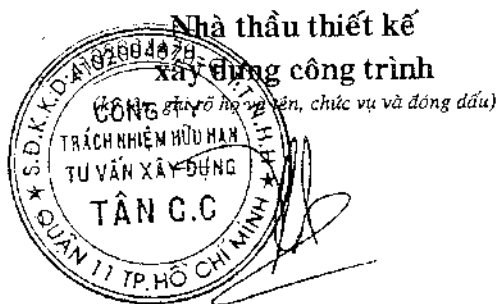
c) Các ý kiến khác: không có.

6. Kết luận :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác: không có.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

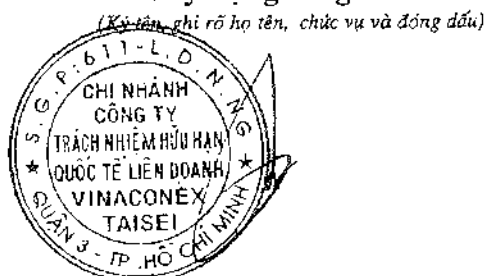


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Trí



KATSUMI TABUCHI
GENERAL DIRECTOR

Nhà thầu thi công
xây dựng công trình



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

Nguyễn Minh Hùng

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có;
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC&CC TP.HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 255 /CSPCCCTP-HDPC
Về nghiệm thu PCCC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Theo Văn bản số 02/NTPCCC/GZE-10 ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Công ty TNHH Gunze (Việt Nam) về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh lập ngày 26 tháng 01 năm 2011.

Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Nhà kho Gunze (mở rộng)

Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Gunze (Việt Nam).

Xây dựng tại: đường số 10, KCX Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Bậc chịu lửa công trình, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn.

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Spinkler

- Hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống chống sét đánh thẳng, bình chữa cháy.

Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy lập ngày 26 tháng 01 năm 2011.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC. Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CSPCCC&CNCH - TC VII;
- Phòng CS PC&CC quận 4;
- Lưu: VT, HDPC(TD).

GIÁM ĐỐC



Viết chữ: Trần Văn Dương

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 9 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 04 năm 2011, tại công trình Nhà kho Gunze(mở rộng)

Địa chỉ : đường số 10 KCX Tân Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

Chúng tôi gồm :

I. Đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM:

1. Đ/c Huỳnh Quang Tâm – Thiếu tá - Phó Trưởng Phòng CS PCCC Quận 4
2. Đ/c Trương Minh Trung - Thiếu úy – Cán bộ kiểm tra an toàn PCCC Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 4.

3. Đ/c Hoàng Văn Sự - Trung tá – Phó đội trưởng Đội thẩm duyệt về PCCC - Phòng hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy.

4. Đ/c Đỗ Quang Phú - Thiếu úy - Cán bộ thẩm duyệt về PCCC - Phòng hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy.

II. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Gunze Việt Nam

Ông: Katsumi Tabuchi – Tổng giám đốc

III. Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Quốc tế Liên Doanh Vinata

1. Ông: Nguyễn Minh Hùng – Giám đốc CN
2. Ông: Nguyễn Hữu Trí – Chỉ Huy trưởng

IV. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM DV PCCC Đức Phương

1. Bà: Lê Thị Bông – Giám đốc
2. Ông: Nguyễn Chí Anh Quân – Chỉ Huy trưởng

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình Nhà kho Gunze(mở rộng)

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

1. Các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Văn bản yêu cầu nghiệm thu của chủ đầu tư.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.
- Báo cáo của chủ đầu tư tình hình kết quả thi công công trình.
- Bản vẽ thiết kế công trình đã được thẩm duyệt về PCCC theo văn bản thẩm duyệt về PCCC số 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ hoàn công công trình.

- Biên bản kiểm tra thi công về PCCC của đại diện Sở Cảnh Sát PC&CC TP.HCM.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng phần kiến trúc liên quan PCCC và các hệ thống PCCC, chống sét giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống PCCC giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Xuất xứ các thiết bị, phương tiện hệ thống PCCC, hệ thống chống sét lắp đặt trong công trình.

- Tài liệu hướng dẫn, vận hành các hệ thống PCCC tại công trình.

- Biên bản kiểm tra điện trở nối đất của hệ thống chống sét.

- Giấy kiểm định cửa chống cháy theo qui định.

2. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

- Qui mô công trình gồm 01 tầng, kiểm tra bậc chịu lửa của công trình, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn (cửa thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn).

- Kiểm tra phần hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Kiểm tra bể chứa nước chữa cháy, các họng nước chữa cháy, lăng vòi chữa cháy, đường ống cấp nước chữa cháy, cụm bơm chữa cháy.

- Kiểm tra phần hệ thống báo cháy: Kiểm tra trung tâm báo cháy, các đầu báo cháy.

- Thử nghiệm tính năng hoạt động của hệ thống cấp nước chữa cháy: Tại họng nước chữa cháy ở vị trí cao và xa nhất, mở van của họng nước, cho máy bơm hoạt động , phun nước vào vị trí đã chọn trước để kiểm tra lưu lượng ,tầm phun xa, bán kính bảo vệ của các họng nước và khả năng hoạt động của máy bơm chữa cháy, đường ống dẫn nước, lăng, vòi chữa cháy hoạt động tốt.

- Thử nghiệm 04 đầu phun Sprinkler tại nhà kho.

- Thử nghiệm tính năng hoạt động của hệ thống báo cháy: trung tâm báo cháy, 07 đầu báo cháy và còi báo cháy tín hiệu phát to, rõ.

- Kiểm tra hệ thống chống sét, dây dẫn sét, kim thu sét, bãi tiếp địa.

3. Kết luận và kiến nghị:

*** Kết luận:**

- Công trình được thi công theo bản vẽ thiết kế đã được cơ quan PCCC thẩm duyệt về PCCC và thực hiện đầy đủ các kiến nghị trong văn bản chứng nhận thẩm duyệt số 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.

- Các hệ thống PCCC tại thời điểm kiểm tra hoạt động tốt.

*** Kiến nghị:**

- Lập phương án PCCC cứu hộ cứu nạn cho công trình.

- Tổ chức huấn luyện cho cán bộ công nhân viên của cơ sở các kiến thức cơ bản về PCCC, thao tác sử dụng các thiết bị, phương tiện và hệ thống PCCC.

- Đơn vị chủ quản có trách nhiệm duy trì liên tục khả năng hoạt động của hệ thống PCCC như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

1-D.
ĐANG TỶ
THIÊN HỮU
UNZE
T NAI
HOC

- Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



LACQUIN TAPSOCH
GENERAL DIRECTOR

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

(ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Nguyễn Minh Hùng

Le Thị Bông

**ĐẠI DIỆN
ĐỘI HD, TD VỀ PCCC**

(ký tên, đóng dấu)

Đoàn
Đoàn Quang phú

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG CSPCCC QUẬN 4**

(ký tên, đóng dấu)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thiếu tá Huỳnh Quang Lâm

BIÊN BẢN KIỂM TRA
THI CÔNG VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2010, tại công trình Nhà kho Gunze(mở rộng)

Địa chỉ : đường số 10 KCX Tân Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

Chúng tôi gồm :

I. Đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM:

1. Đ/c Huỳnh Quang Tâm – Thiếu tá - Phó Trưởng Phòng CS PCCC Quận 4
2. Đ/c Trương Minh Trung - Thiếu úy – Cán bộ kiểm tra an toàn PCCC Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 4.

II. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Gunze Việt Nam

Ông: Katsumi Tabuchi – Tổng giám đốc

III. Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Quốc tế Liên Doanh Vinata

1. Ông: Nguyễn Minh Hùng – Giám đốc CN
2. Ông : Nguyễn Hữu Trí – Chỉ Huy trưởng

IV. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM DV PCCC Đức Phương

1. Bà: Lê Thị Bông – Giám đốc
2. Ông: Nguyễn Chí Anh Quân – Chỉ Huy trưởng

Đã tiến hành kiểm tra thi công về PCCC đối với công trình Nhà kho Gunze(mở rộng)

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Hồ sơ thi công công trình:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh và bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC số 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.

- 2. Hiện trạng công trình:

- Đã lắp đặt xong hệ thống chống sét.
- Đã tiến hành thi công phân thô
- Đang tiến hành thi công, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, tiến độ thi công các hệ thống trên đạt 80%.

- Công trình đang tiến hành thi công lắp đặt các đầu phun chữa cháy tự động.

3. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra thi công phần kiến trúc liên quan về PCCC:

+ Kiểm tra bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy.

+ Kiểm tra lối thoát nạn.

- Kiểm tra thi công hệ thống cấp nước chữa cháy.



+Kiểm tra đường ống cấp nước chữa cháy và các họng nước chữa cháy.
+Kiểm tra bể chứa nước chữa cháy.
- Kiểm tra thi công hệ thống báo cháy tự động:
+Kiểm tra vị trí lắp đặt các đầu báo cháy, trung tâm báo cháy, tiết diện dây dẫn tín hiệu báo cháy.

- Kiểm tra thi công hệ thống chống sét:

+Kiểm tra kim thu sét, dây dẫn sét, bãi tiếp địa.

4. Kết luận và kiến nghị:

*** Kết luận:**

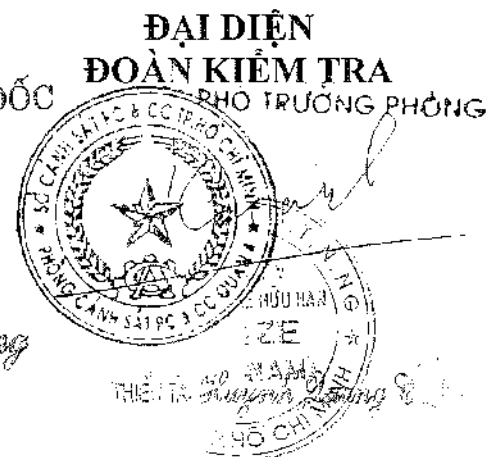
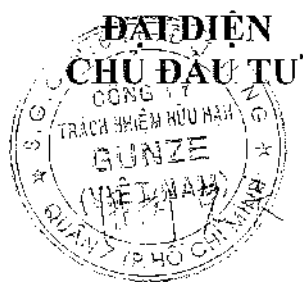
- Công trình đang thi công cơ bản đúng theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt theo giấy chứng nhận thẩm duyệt 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.

*** Kiến nghị:**

- Chủ đầu tư phải tiếp tục tổ chức thi công công trình và thực hiện đầy đủ các kiến nghị của giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC 1154/TD-PCCC(HDPC) ngày 13/8/2010 của Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.

- Công trình phải được nghiệm thu về PCCC.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày gồm 02 trang được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.



Số ME4 /TD-PCCC (HDPC)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02 ngày 02 / 8 / 2010

của: Công ty TNHH Gunze Việt Nam

Người đại diện là ông/ bà: Katsumi Tabuchi Chức danh T. Giám đốc

(1) SỞ CẢNH SÁT PC&CC TP.HCM

CHỨNG NHẬN:

Nhà kho Gunze (mở rộng)

(2) Địa điểm: Đường số 10, khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Gunze Việt Nam

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng Tân C.C

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng, bình chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1/ Các cửa trên tường ngăn giữa nhà kho và nhà xưởng phải là cửa chống cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là 72 phút. 2/ Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn dọc theo lối đi, cửa thoát nạn. 3/ Các thiết bị dùng điện đặt trong nhà kho, phải được đóng ngắt chung (cầu dao, aptomat) đặt trên mặt tường ngoài kho bằng vật liệu không cháy. 4/ Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC & CC TP. Hồ Chí Minh kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Nha trên
- Cục CSPCCC&CNCH - TC VII
- Phòng CSPC&CC Quận 4
- Lưu VT, HDPC(TD)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 20 10

(4) GIÁM ĐỐC



ĐẠI TƯỚNG Trần Xuân Trường

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

Cty TNHH Gunze Việt Nam
Số: 02/ XD_GVN11

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công trình nhà kho Gunze Việt Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Lô số AM 27a-29-31-33-35-37-39, Đường Số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP Hồ Chí Minh.

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a)Phía chủ đầu tư: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Katsumi Tabuchi – Tổng Giám Đốc.

- Người đại diện theo pháp luật nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: Chủ đầu tư tự giám sát.

b)Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty TNHH Quốc tế Liên Doanh Vinata

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Hùng - Giám đốc Chi nhánh

- Người phụ trách thi công trực tiếp: Ông Trần Nam Trung - Kỹ sư xây dựng

c)Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân CC

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Trị – Phó tổng giám đốc.

- Chủ nhiệm thiết kế: Huỳnh Thanh Sang – Trưởng nhóm kết cấu

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu: ngày tháng 01 năm 2011

Kết thúc: ngày tháng 01 năm 2011

Tại: Công Ty TNHH Gunze Việt Nam.

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

• Tiêu chuẩn Tải trọng và tác động : TCVN 2737 – 1995.

• Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT : TCXDVN 356 – 2005.

• Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu thép : TCXDVN 338 – 2005.

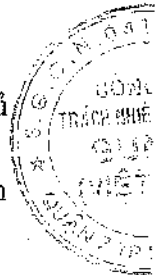
• Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc TCXD 205-1998

• Tiêu chuẩn thiết kế điện: TCVN 46:1984, TCXD 16:1986, TCXD 25:1991.

• Tiêu chuẩn thiết kế cấp thoát nước: TCVN 3989-1985, 4474-1987, 4513-1988

• Tiêu chuẩn phòng cháy: TCVN 2622-1995

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.



- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát công trường và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng giai đoạn thi công xây dựng.

- Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng.

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành theo quy định.

b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây: Phù hợp với thiết kế, đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt nam:

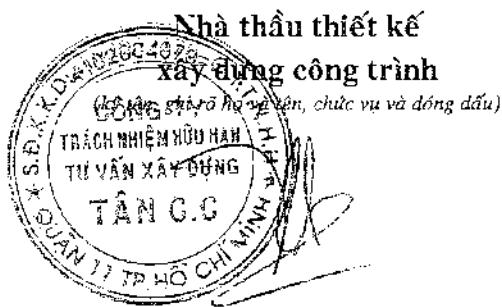
c) Các ý kiến khác: không có.

6. Kết luận :

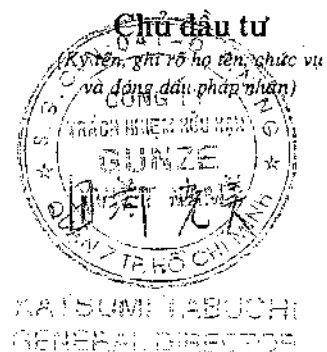
- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác: không có.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.



NGUYỄN MINH HÙNG
Giám đốc đơn vị tư vấn



Nhà thầu thi công

xây dựng công trình

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

Nguyễn Minh Hùng

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có.
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

QXD + Nhà tầng, nhà xưởng + Nhà xe 2 bánh

↳ Bãi gara

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/BQL-KCN-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2001

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HOÀN THÀNH

Công trình : NHÀ MÁY GUNZE VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 2)

Hạng mục : Nhà xưởng, nhà để xe 2 bánh, bể nước ngầm PCCC, cống và cầu vượt.

Địa điểm : Khu A, Lô M 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10,
Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư : Công ty TNHH Gunze Việt Nam.

Căn cứ :

- Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Quyết định số 7058/QĐ-UB-QLDA ngày 26/12/1998 của UBND TP. HCM v/v giải quyết thủ tục xây dựng cơ bản trong khu chế xuất và khu công nghiệp;

- Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ và Thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn việc quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam;

- Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02/8/2000 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Giấy phép đầu tư số 041/GPĐC1-KCX-HCM ngày 12/09/1997 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

- Tờ trình xin chứng nhận công trình xây dựng hoàn thành số 36/GVN-01 ngày 06/09/2001 của Công ty TNHH Gunze Việt Nam;

- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 34/2001/QĐ-BQL-KCN ngày 19/02/2001 và Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 126/2001/QĐ-BQL-KCN ngày 18/07/2001 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh có ý kiến sau :

1/ Hồ sơ nghiệm thu phần XD CB thể hiện:

- Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình ngày 06/04/2001 giữa các bên :

+ Chủ đầu tư :

Ông Toshio Akiyama – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gunze Việt Nam

+ Đại diện đơn vị thi công :

Ông Yukio Matsuno – Giám Đốc Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế

Liên doanh Vinaconex-Taisei

Đồng ký tên nghiệm thu công trình Nhà để xe 2 bánh : Diện tích XD : 371,25m²

- Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình ngày 31/07/2001 giữa các bên :

+ Chủ đầu tư :

Ông Toshio Akiyama – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gunze Việt Nam

+ Đại diện đơn vị thi công :

Ông Yukio Matsuno – Giám Đốc Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế
Liên doanh Vinaconex-Taisei

Đồng ký tên nghiệm thu công trình *Nhà xưởng* : Diện tích XD : 2.333,1m² (4,993.6+

- Kết quả kiểm định chất lượng xây dựng công trình số 501/TVKB ngày 22/08/2001 của Chi nhánh Công ty Tư vấn Công nghệ thiết bị và Kiểm định xây dựng -
Bộ xây dựng.

2/ Các hệ thống kỹ thuật khác đã kiểm tra an toàn bao gồm :

- Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy số 150/PCCC/NT ngày 29/08/2001 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an thành phố Hồ Chí Minh.

- Phiếu kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất hệ thống chống sét số 491/TĐ/KĐCN2 ngày 26/07/2001 của Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Công nghiệp Khu vực II - Cục Kiểm tra Giám sát Kỹ thuật An toàn Công nghiệp - Bộ Công nghiệp.

- Biên bản kiểm tra kỹ thuật an toàn hệ thống điện động lực số 492/TĐ/KTCN2 ngày 27/07/2001 của Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Công nghiệp Khu vực II - Cục Kiểm tra Giám sát Kỹ thuật An toàn Công nghiệp - Bộ Công nghiệp.

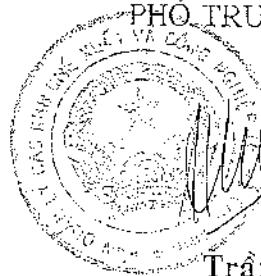
3/- Công trình đã được xây dựng xong, có hồ sơ nghiệm thu theo qui định và được phép đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Công ty Gunze VN

- Lưu: VP-XD

KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HCM
PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Thiện Tứ

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÔNG CHÁY**

CÔNG TRÌNH: Mã Hùng Đường, bán Quạt Cty Gunze Việt Nam
HẠNG MỤC: Hệ thống phòng cháy và chữa cháy

Vào hồi 14 giờ 0 ngày 26 tháng 7 năm 2001

Tại công trình: Đường bán Quạt

Thuộc: Cty TNHH Gunze - Việt Nam

Địa điểm xây dựng: Khu Chế tạo Ô tô Khu

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về PCCC (gọi tắt là cơ quan PCCC):

Ông: Đinh Văn Đức Chức vụ: Trưởng đội Cảnh sát PCCC

Ông: Mai Văn Năng Chức vụ: Thư ký Cảnh sát PCCC

2- Đại diện chủ đầu tư:

Ông: Toshio Akiyama Chức vụ: Giám đốc

Ông: Chức vụ:

3- Đại diện cơ quan thi công:

Ông: Nguyễn Minh Hùng Chức vụ: Phó Giám đốc CN Kèm

Ông: Nguyễn Văn Hùng Chức vụ: Kỹ sư cơ khí, giám sát

Đã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật hệ thống PCCC của công trình.

Với các nội dung sau:

1- Các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị PCCC số 13

ngày 5-3-2001 do cả quan PCCC cấp

- Bản vẽ kiến trúc, bản vẽ hệ thống phòng cháy và

chữa cháy đã được cơ quan PCCC thẩm định

- Biên bản đo kiểm tra tiếp đất hệ thống chống sét

Công trình

- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật

- Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa

cháy

2- Kiểm tra và thử nghiệm thực tế :

- Kiểm tra hệ thống thoát hiểm, tên thoát hiểm
- Tên chức năng bị có
- Kiểm tra bậc, chui lùa của công trình
- Kiểm tra bề lượng tải bậc chày, hàng nước, hàng
- Hàng bình chui chày
- Bậc tải bậc chày tại các zone (mỗi zone thủ tải
- Bậc tải chui chày tại trung tâm tải chày
- Bậc tải thoát hệ thống chui chày bằng nước tại điểm
- Ra nhất

3- Kết luận và kiến nghị :

3.1- : Kết luận :

- xây dựng từng theo bản vẽ và bản thiết kế
- Hệ thống lái phải đảm bảo an toàn, hoạt động tốt, đảm bảo cho chuyến bay an toàn, như hệ thống lái chuẩn của Việt Nam.

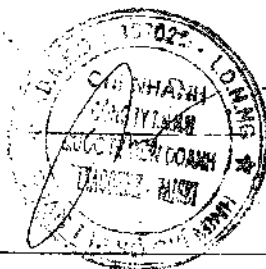
3.2- Kiến nghị :

- Định kỳ tẩy rửa bể từ hệ thống vào máy và chưa chạy
- Lắp phụ kiện an toàn cho máy bơm nước
- Lắp đặt máy và tủ điện phù hợp với yêu cầu
- Nhân viên làm tại xưởng mới

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN PCCC
KT ĐD. TRƯỜNG

1890
Van Van Brie

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THỰC CÔNG



秋山敏夫

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Hùng

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Cấp cho cơ sở : CÔNG TY GUNZE (VIỆT NAM)
Địa chỉ: Khu chế xuất Tân Thuận - Nhà Bè
Người phụ trách: Mr SEISUKE NUMAZAWA - Tổng Giám Đốc
Cơ quan Chủ quản : Ban Quản lý các khu Chế xuất Tp Hồ Chí Minh

I. TÌNH TRẠNG XÂY DỰNG :

- Diện tích ngôi nhà : 4372 m². Số phòng ban , phân xưởng , kho chứa : Nhà sản xuất , nhà Văn phòng , nhà kho , nhà để xe và sân .

- Ngôi nhà được sử dụng vào mục đích : May các sản phẩm đồ lót xuất khẩu .

- Hàng sản xuất : C . Cấu trúc xây dựng : Nhà bê tông cốt thép

- Bậc chịu lửa : II . Khoảng cách đến các công trình lân cận : Đạt .

Theo tiêu chuẩn đạt (hoặc vi phạm) : Đạt tiêu chuẩn PCCC Việt nam

II. TÌNH HÌNH VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY :

1. Hiện có :

- Hệ thống điện chiếu sáng và sản xuất : Điện động lực và chiếu sáng

- Trang bị phương tiện chữa cháy gồm : Hệ thống chữa cháy vách tường, Hệ thống báo cháy tự động và bình chữa cháy cầm tay các loại .

- Nguồn nước chữa cháy : 65 m³

- Phương án nội qui PCCC.....

- Số CBCNV đã học tập PCCC : Số CBCNV chưa học PCCC.....

2. Trong quá trình hoạt động cần chú ý :

2.1 . Hết giờ làm việc phải cúp điện xưởng sản xuất và văn phòng .

2.2 Thường xuyên bảo trì hệ thống Báo cháy và các bình chữa cháy.

2.3 . Lập và thực tập phương án PCCC theo hướng dẫn của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP .

Phòng cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất xem xét cấp giấy phép hoạt động cho CÔNG TY GUNZE (VIET NAM) .

Giấy này có giá trị từ ngày 02 tháng 5 năm 1996

Đến ngày 02 tháng 5 năm 1997 .

TP Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 5 năm 1996

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận :

- BQL CKCX (để cấp giấy phép)

- Cơ sở (để thực hiện)

- Lưu PCCC .

PHÓ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tấn Ký

Nhà máy may - Đai gút

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số: 45 /GPXD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 1995

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1- Cấp cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: GUNZE (VIET NAM) CO., LTD.

- Địa chỉ: Khu chế xuất Tân thuận, xã Tân thuận Đông, Huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh.

- Được phép khởi công xây dựng công trình:

XÍ NGHIỆP MAY MẶC GUNZE (VIỆT NAM)

* Theo thiết kế ký hiệu: BVTC

* Do Xí nghiệp Thiết kế Công nghiệp nhẹ thiết lập.

* Đã được Chi nhánh Công ty tư vấn XD Công nghiệp & Đô thị Việt nam - Bộ Xây dựng thẩm kế (Thông báo số 30/CN ngày 14.09.1995 kết quả kiểm định thiết kế Công trình XN may mặc Gunze VN).

* Gồm các hạng mục: (Giai đoạn 1)

1.1. Nhà sản xuất và Văn phòng: (hai tầng)

- Tầng trệt:	Dài 64m	Rộng 30m	Cao 4,2m	DT: 1.920m ²
- Lầu 1:	Dài 64m	Rộng 30m	Cao 4,2m	DT: 1.920m ²
			Cộng	DT: 3.840m ²

1.2. Nhà bảo vệ:

Dài 5m	Rộng 4m	Cao 3,7m	DT: 120m ²
--------	---------	----------	-----------------------

1.3. Nhà để xe ô tô và xe máy:

Dài 18m	Rộng 12,77m	Cao 2,5m	DT: 1230m ²
---------	-------------	----------	------------------------

1.4. Nhà để xe đạp:

Dài 42m	Rộng 6m	Cao 2,5m	DT: 252m ²
---------	---------	----------	-----------------------

1.5. Cổng và tường rào: 479,5 mđ

1.6. Bể nước ngầm: 25 m³ và 40 m³

- Diện tích chiếm đất giai đoạn 1 là: 2.422 m²
- Hệ số chiếm đất giai đoạn 1 = 16,15 %

- Hợp đồng thuê đất : giữa CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN với CÔNG TY GUNZE VIỆT NAM số:096/TTC-NV ký ngày 12.06.1995
- Trên lô đất: Khu A Lô M Số hiệu: 27a-29-31-33-35-37-39
 - * Diện tích thuê đất = 15.000 m²
- Địa điểm xây dựng tại : Khu chế xuất Tân thuận, xã Tân thuận Đông, Huyện Nhà bè, TP Hồ Chí Minh.

2. Chủ đầu tư công trình phải thực hiện các điều sau đây :

- 2.1. Yêu cầu đơn vị nhận thầu xây lắp thi công đúng theo đề án, kỹ thuật đã được duyệt (kể cả yêu cầu bổ sung của Chi nhánh Công ty Tư vấn XD Công nghiệp & Đô thị VN - Bộ Xây dựng đề nghị trong Bản kiểm định thiết kế số 30/CN ngày 12.06.1995).
 - 2.2. Nếu có thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ sự quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
 - 2.3. Phải thực hiện đầy đủ những qui định theo Quy chế Khu chế xuất tại Việt nam(ban hành theo nghị định số 322 -HDBT ngày 18.10.91) và Giấy phép đầu tư số 041 / GPĐT cấp ngày 18.03.1995.
- 3. Đơn vị thiết kế và thi công phải thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm về mặt an toàn và chất lượng của công trình.
 - 4. Giấy phép này có hiệu lực xây dựng trong thời hạn 1 năm kể từ ngày cấp.Quá thời gian qui định , nếu cần xây dựng phải xin gia hạn.

KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÓ TRƯỞNG BAN



NGUYỄN CÔNG AI



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation.
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: CV-09 /⁰³¹.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA (V/v đấu nối hạ tầng kỹ thuật)

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: Lô M.27a-29-31-33-35-37-39, Khu A, đường số 10,
Khu Chế Xuất Tân Thuận, Q.7, Tp.HCM.

THỜI GIAN KIỂM TRA:

- Bắt đầu: Lúc 9 giờ 30, ngày 27 tháng 02 năm 2009
- Kết thúc: Lúc 10 giờ 15, ngày 27 tháng 02 năm 2009

ĐOÀN KIỂM TRA GỒM CÓ:

- Đại diện công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng (Công ty Tân Thuận):
 - Ô. ĐỖ TRẦN KHÔI Chức vụ: Trưởng Trạm XLNT
 - Ô. TRƯƠNG QUANG HẢI Chức vụ: Bộ phận Bảo vệ Môi trường
- Đại diện chủ đầu tư:
 - Ô. HARUO WATANABE Chức vụ: Tổng Giám Đốc
 - Bà LÊ THỊ DIỆU HỒNG Chức vụ: Nhân viên môi trường

Tại thời điểm kiểm tra việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật của công trình, chúng tôi thống nhất:

- Về hệ thống thoát nước mưa:

Không có nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa (có 04 đường thoát nước mưa).

- Về hệ thống thoát nước thải:

Nước thải chảy vào 01 hố ga thu gom của TTC (hố ga số 151).

- Về hệ thống cấp nước:

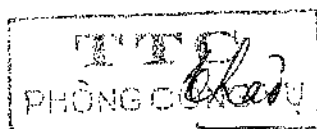
Đã đấu nối theo thiết kế chung.

YÊU CẦU CHUNG: Khi công ty có thay đổi lại thiết kế đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xin gửi thông báo và bản vẽ mới cho TTC cùng phối hợp tái kiểm tra.

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TÂN THUẬN

PHÒNG CÔNG VỤ *W*



TRẦN VĂN THẢO

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



HARUO WATANABE
GENERAL DIRECTOR

PHỤ LỤC 2.
HỢP ĐỒNG + CHỨNG TỪ
THU GOM CHẤT THẢI



CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH Q7
ĐC: 1414 HUỖNH TẤN PHÁT, P. PHÚ MỸ, Q7, TP HCM - MST: 0301455353
WEBSITE: WWW.DVCIQ7.COM.VN - EMAIL: DVCI.Q7@TPHCM.GOV.VN

**CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG

**Cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường
Số: 98/2024.KCX**

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự của Quốc hội số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015.
Căn cứ chức năng hoạt động của công ty;
Xét nhu cầu thực tế của khách hàng và sự thỏa thuận về đơn giá của hai bên,

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên thuê dịch vụ): CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Đại diện Ông: Takashi Shimojo

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

Mã số thuế: 0300666030

Điện thoại: 028 3770 0248

BÊN B (Bên cung cấp Dịch vụ): CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

Đại diện Ông: **Võ Hoàng Huân**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Địa chỉ: Số 1414 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, Quận 7, TP.HCM

Mã số thuế: 0301455353

Điện thoại: 37 851 441 – 38 887 147

Fax: 37 851 588

Tài khoản: 6160431101100015 – tại Ngân hàng Agribank – CN Nam Sài Gòn

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau:

Điều 1: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Bên A thuê bên B thực hiện dịch vụ sau:

1. Nhận thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt tại địa điểm: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 đường số 10, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM;
2. Thời gian thu gom/ngày: mỗi ngày theo giờ hành chính, trừ chủ nhật, các ngày, lễ, tết theo quy định của nhà nước.
3. Khối lượng rác thải của bên A là: tối đa 10 thùng 240 lít/ngày, tương đương 5.571 kg/tháng (thuộc nhóm 4). Khi khối lượng rác trong tháng tăng, giảm đến 10% trong ba tháng liên tục sẽ điều chỉnh hợp đồng theo điều 4 của hợp đồng này kể từ tháng tiếp theo. Khối lượng rác tăng giảm bình quân cả năm làm cơ sở để điều chỉnh hợp đồng cho năm kế tiếp (việc xác nhận khối lượng rác thay đổi có sự đồng thuận của cả 2 bên ký kết bằng văn bản).

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng: **5.988.000 đồng/tháng**
(*Bằng chữ: Năm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng*), giá chưa bao gồm thuế VAT theo quy định nhà nước.

Giá trên bao gồm 2 nội dung:

- Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến địa điểm tập kết rác của Công ty (Trạm trung chuyển rác và chưa bao gồm thuế VAT theo quy định nhà nước).
 - Chi phí vận chuyển từ Trạm trung chuyển rác của Công ty đến khu xử lý chất thải rắn tập trung sẽ căn cứ vào quy định của Nhà nước mà sẽ có mức thu cụ thể theo qui định (khoản này Công ty thu hộ và nộp cho Ngân sách nhà nước định kỳ và chưa có thuế GTGT)
2. Phương thức thanh toán: Sau khi nhận được hóa đơn tài chính của bên B, bên A thanh toán cho bên B một lần bằng hình thức **Tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quý**. Thời điểm thanh toán chậm nhất là ngày 20 của tháng liền sau của quý.

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Bên A:

- Thanh toán cho bên B theo đúng như quy định tại điều 2 của hợp đồng này.
- Tự trang bị dụng cụ lưu chứa rác chuẩn (*thùng 60 lít, 120 lít, 240 lít, 660 lít*) và tập trung các thùng rác tại một điểm cố định bên trong khuôn viên của đơn vị (*thuận tiện cho bên B đến thu gom*).
- Không để chất thải nguy hại, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp và hàng hoá bất hợp pháp lẫn vào rác sinh hoạt.

- Cam kết hỗ trợ Bên B trong việc xác định tính hợp pháp của rác thải và các yêu cầu khác của các cơ quan quản lý trong Khu chế xuất Tân Thuận.

Bên B:

- Đảm bảo nhận hết rác thải của bên A bằng xe chuyên dụng theo đúng quy định về khối lượng và thời gian tại điều 1 của hợp đồng và thực hiện đúng theo quy định của ngành vệ sinh môi trường.
- Được quyền từ chối nhận rác khi bên A để chất thải nguy hại, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp và hàng hoá bất hợp pháp, cháy nổ lẫn vào rác sinh hoạt.
- Đảm bảo vệ sinh xung quanh khu vực tập kết rác của bên A.

Điều 4: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều kiện điều chỉnh hợp đồng: Công ty đảm bảo đơn giá thu gom không đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng (03 năm); đối với đơn giá vận chuyển do Công ty thu hộ Nhà nước, do đó trong trường hợp Nhà nước điều chỉnh đơn giá vận chuyển, Công ty sẽ ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá vận chuyển theo quy định Nhà nước.
- Thuế giá trị gia tăng (VAT) sẽ áp dụng theo quy định hiện hành.
- Trong trường hợp khối lượng xả chất thải rắn sinh hoạt của doanh nghiệp tăng hoặc giảm từ 10% trở lên, Công ty sẽ điều chỉnh khối lượng tăng hoặc giảm tương ứng thực tế.
- Trong trường hợp Nhà nước có bổ sung chính sách, điều chỉnh các đơn giá ngoài đơn giá nêu trên, Công ty sẽ thông báo đến doanh nghiệp và tiến hành thực hiện ký phụ lục hợp đồng để điều chỉnh.
- Trường hợp bên A vi phạm hợp đồng, bên B nhắc nhở bằng văn bản. Nếu sau 02 lần nhắc nhở Bên A vẫn không khắc phục, bên B sẽ đơn phương tạm ngưng cung cấp dịch vụ.
- Trường hợp bên B vi phạm hợp đồng, bên A nhắc nhở bằng văn bản. Nếu sau 02 lần nhắc nhở Bên B vẫn không khắc phục, bên A có quyền không chi trả chi phí thu gom của tháng đó.
- Trường hợp một trong hai bên muốn ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho nhau biết trước 01 tháng bằng văn bản, mail, điện thoại
- Các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ cam kết trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác. Trường hợp nếu có phát sinh tình huống ngoài dự kiến, các bên cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp khắc phục. Nếu dẫn đến tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án

để được giải quyết. Các chi phí kiểm tra, xác minh và án phí tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ có giá trị kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 và sẽ tự động thanh lý khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng.
2. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Võ Hoàng Huân



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
HIỆP LONG

Số: 02/MB-HLC.24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2024.

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: THU GOM – VẬN CHUYỂN – CHUYỂN GIAO
CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP- CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005.
- Căn cứ Luật Dân sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005.
- Căn cứ Luật Thương mại của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 0305436513 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2009.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Xây dựng Hiệp Long .
- Căn cứ Nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, chúng tôi gồm có :

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HIỆP LONG

Địa chỉ : C11/36 B7 Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Bình Hưng, Huyện Bình chánh, TP.HCM

Điện thoại : (08)37700053

Fax : (08)37700053

Tài khoản : 0181003363073

Tại NH Thương mại Cổ phần ngoại thương
Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

Mã số thuế : 0305436513

Đại diện : Ông **VÕ VĂN CHƯỜNG**

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ : Khu A , Lô 27a-29-31-33-35-37-39 Đường số 10 , Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7 , TP. Hồ Chí Minh , Việt Nam

Điện thoại : 028. 37701 318

Fax: 028. 37701 104

Mã số thuế : 0300666030

Đại diện : Ông **TAKASHI SHIMOJO**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Tài khoản : 0181000010419

Vietcombank Nam Sài Gòn

Sau khi thỏa thuận. Hai bên cùng đồng ý ký hợp đồng với các điều khoản sau :

Điều 1 : Bên A nhận thu gom, vận chuyển và thuê đơn vị có chức năng xử lý tiêu hủy các chất thải công nghiệp cho bên B cụ thể như sau :

A.Các loại chất thải công nghiệp:

Stt	Tên chất thải	số lượng /tháng	Ghi chú
01	Rỉa vải vụn phế thải (Rỉa mộc, rỉa trắng, rỉa màu, rỉa rêu)	40.000 Kg	
02	Carton phế thải (carton, lõi)	9.500 Kg	
03	Bọc nylon phế thải	500 Kg	
04	Rác khác (bụi bông)	1.000 Kg	

C. Địa điểm thu gom: Tại nơi tập trung rác công nghiệp của bên B (địa điểm phải cố định và có đường cho xe vận chuyển ra vào nơi tập trung các chất thải)

D. Thời gian thu gom: Bên B thông báo thời gian cụ thể cho Bên A trước khi chở rác 01 ngày bằng điện thoại.

Điều 2 : Giá cả

Bên A nhận chở rác cho Bên B không tính bất kỳ cước phí nào.

Điều 3 : Trách nhiệm của hai bên:

Bên A:

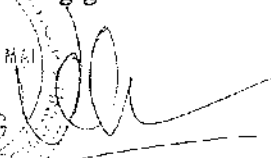
- Chịu trách nhiệm thu gom bốc xếp, vận chuyển và xử lý rác theo chủng loại ghi trong hợp đồng.
- Quét dọn sạch sẽ nơi để rác của bên B sau khi thu gom
- Đảm bảo thu gom, vận chuyển đúng kỳ hạn theo hợp đồng và theo thông báo của Bên B.
- Từ chối bốc xếp những loại hàng không đăng ký trong hợp đồng.

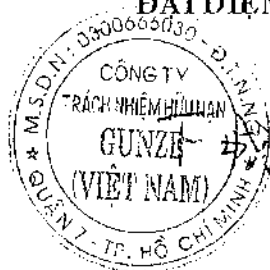
Bên B:

- Bố trí nơi tập trung rác công nghiệp thuận tiện cho xe ra vào lấy rác.
- Giao rác đúng chủng loại ghi trong hợp đồng.

Điều 4 : Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì trở ngại hai bên cùng bàn bạc giải quyết và điều chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu cần). Trong trường hợp không giải quyết được sẽ trình lên Ban quản lý các KCX và KCN TP.HCM (Hepza) giải quyết.
- Hợp đồng này lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 1 bản, gửi Hepza 1 bản , Hải Quan KCX Tân Thuận 1 bản và có giá trị ngang nhau. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng giám đốc

VÕ VĂN CHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

TAKASHI SHIMOJO



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 165-2024 /HĐ.XLCT

“V/v Thu gom, vận chuyển Bùn thải công nghiệp của bể chứa bùn hệ thống xử lý nước thải”

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/06/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số uật số: 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 299/HĐNT-2024/SGX-TTH ký ngày 30/12/2023 giữa Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh và Công ty CP TM DV Thuận Thiên Hà v/v xử lý bùn thải không nguy hại;
- Căn cứ theo sổ đăng ký chu nguồn thải chất thải nguy hại số: 79000002.T Ngày 1 tháng 6 năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Căn cứ theo nhu cầu và chức năng của 2 bên:

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2024. Chúng tôi gồm có

Đại diện hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

(Chủ nguồn thải)

Địa chỉ : Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM

Mã số thuế : 0300666030

Người đại diện : Ông TAKASHI SHIMOJO Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại : 0283.770.1317

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV THUẬN THIÊN HÀ

(Đại lý vận chuyển, xử lý CTCN)

Địa chỉ : 25/20/9 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, Tp.HCM

Điện thoại : 0988088571 Fax: 028.22413413

MST : 0311085824

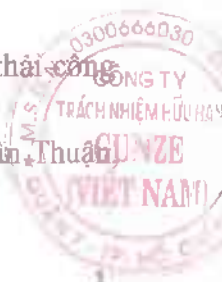
Số tài khoản : 112.0000 78785 tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 12 – Tp.HCM

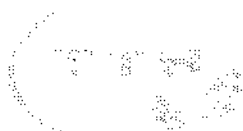
Đại diện : Ông TRẦN VĂN QUANG Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải công nghiệp sau khi đã xử lý phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
- Địa điểm tiếp nhận Bùn: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM





3. Bùn thải trên có thành phần và tính chất không phải là chất thải nguy hại, có các chỉ tiêu nguy hại thấp hơn quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.
4. Các từ ngữ trong Hợp đồng này khi đề cập đến từ “chất thải” được hiểu là bùn từ hệ thống đã qua xử lý nước thải.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Bên A:

- Bên A cung cấp cho bên B những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ của Bùn thải
- Cử nhân sự để giám sát và xác nhận khối lượng chất thải
- Đảm bảo mặt bằng để xe ra vào, bốc xếp được thuận lợi.
- Cung cấp biên bản chuyển giao chất thải có đầy đủ các thông tin, ký tên và xác nhận của bên A khi chuyển giao chất thải cho bên B.

Bên B:

- Sau khi chất thải của bên A giao cho bên B để vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, bị xử phạt ...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B bảo đảm vận chuyển an toàn và xử lý triệt để toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo giữ gìn trật tự, vệ sinh trong phạm vi của bên A trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải.
- Bên B (Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh và Công ty cổ phần TM DV Thuận Thiên Hà) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hoạt động thu gom, vận chuyển và giao cho Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Tp.HCM Chuyển cho bên A giấy giới thiệu nhân sự để thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải
- Bên B phải cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý về năng lực xử lý môi trường của bên B là Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh và Công ty cổ phần TM DV Thuận Thiên Hà

ĐIỀU 3: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Tần suất	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Bùn công nghiệp thải không chứa thành phần nguy hại (của bể chứa bùn thải hệ thống xử lý nước thải)	Rắn/Lỏng	4 lần/năm	28.000.000 /lần	Chở bằng xe chuyên dụng

Ghi chú :



- Đơn giá chưa bao gồm 10% thuế GTGT
- Hút bùn định kỳ một năm 4 lần.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

- Làm phân bón và đất sạch theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Điều kiện thanh toán:

- Biên bản xác nhận khối lượng của 2 bên
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp.

2. Phương thức thanh toán: Sau mỗi lần hút bùn và theo số liệu chuyển giao bùn thải (định kỳ 3 tháng một lần) có xác nhận của 2 bên và bằng hình thức chuyển khoản.

3. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ như tại điểm 5.1.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ VÀ KÝ HỢP ĐỒNG MỚI

- Khi hợp đồng hết thời hạn và hai bên đã hoàn thành đầy đủ cam kết của mình thì xem như hợp đồng này được thanh lý
- Trước khi ký hợp đồng hết hiệu lực 30 ngày, mỗi bên phải có trách nhiệm thông báo với nhau để có thể ký tiếp hợp đồng mới không.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có trở ngại phát sinh sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác.
- Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án kinh tế địa phương để giải quyết và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày : **31/12/2024**
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

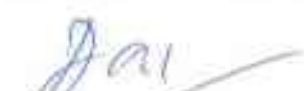


Ông TRẦN VĂN QUANG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT Số: <u>04/23</u> /BBBG			
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) : <u>Công ty Gunza (VN)</u> Địa chỉ văn phòng : <u>D</u> DT:..... Địa chỉ cơ sở xử lý: <u>ĐS10, KCN Tân Thới</u> DT:.....				
2. Bên nhận: (Chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ Địa chỉ văn phòng: 343A/19 Phan Xích Long, Phường 1, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM Địa chỉ cơ sở xử lý:DT:.....				
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	<u>Bùn thải</u>	<u>25.000</u>	<u>61H-002-70</u>	
2			<u>(1 xe)</u>	
	Tổng khối lượng	<u>25.000</u>		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3 Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định. Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên. Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.				
TPHCM, Ngày <u>6</u> Tháng <u>10</u> Năm <u>2023</u> Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) <u>Thanh</u> <u>Nguyễn Ngọc Thanh Phong</u>		TPHCM, Ngày <u>6</u> Tháng <u>10</u> Năm <u>2023</u> Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) <u>Nga</u> <u>Kim Nga</u>		

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: <u>08/23</u> /BBBG			
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) : Địa chỉ văn phòng : <u>Công ty Gunza (VN)</u> DT: Địa chỉ cơ sở xử lý: <u>ĐS/0 Rcx Tền Thuận RF</u> DT:				
2. Bên nhận: (Chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ Địa chỉ văn phòng: 343A/19 Phan Xích Long, Phường 1, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM Địa chỉ cơ sở xử lý: DT:				
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	<u>Bùn thải</u>	<u>25.00</u>	<u>61C.56264</u>	
2				
	Tổng khối lượng	<u>25.000</u>		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3 Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định. Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên. Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.				
Ngày <u>07</u> Tháng <u>07</u> Năm <u>2023</u> Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <u>Nguyễn Ngọc Thanh Phong</u>			Ngày <u>7</u> Tháng <u>7</u> Năm <u>2023</u> Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <u>Hoàng Văn Đại</u>	

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRNTT

TỈNH/THÀNH/PHỐ (THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ) THUẬN THIÊN HÀ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRNTT SỐ: 02/23/BBBG		TRÁCH NHIỆM GỬI (VIỆT NAM)
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) : Công ty TNHH GTHA (VN) Địa chỉ văn phòng :ĐT: Địa chỉ cơ sở xử lý: H510, KCC, Tân Thuận Q.7ĐT:				
2. Bên nhận: (Chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ Địa chỉ văn phòng: 343A/19 Phan Xích Long, Phường 1, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM Địa chỉ cơ sở xử lý:ĐT:				
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	25.000	61H-024.61	
2				
	Tổng khối lượng	25.000		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3 Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định. Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên. Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.				
TP. HCM, Ngày 08. Tháng 04. Năm 2023 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn Ngọc Thanh Phong		, Ngày 08. Tháng 04. Năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn T&F Thanh		



BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT



CÔNG TY TNHH TMHH GUNZE (VN) THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT Số: <u>01/23</u> /BBBG			
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) : <u>Công ty TNHH TMHH Gunze (VN)</u> Địa chỉ văn phòng : <u>ĐS10, KC X TNA Thuận 07</u>ĐT: Địa chỉ cơ sở xử lý:ĐT:				
2. Bên nhận: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ Địa chỉ văn phòng: 343A/19 Phan Xích Long , Phường 1, Q.Phú Nhuận , Tp.HCM Địa chỉ cơ sở xử lý:ĐT:				
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	 <u>Bùn thải</u>	<u>25.000</u>	<u>61H.06270</u>	
2				
	Tổng khối lượng	<u>25.000</u>		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3 Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định. Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên. Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.				
TP.HCM, Ngày <u>18</u> Tháng <u>01</u> Năm <u>2023</u> Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <u>Nguyễn Ngọc Thanh Phong</u>		TP.HCM, Ngày <u>18</u> Tháng <u>01</u> Năm <u>2023</u> Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <u>Dương Văn Tâm</u>		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 23 HĐ. TP HCM/ VAE-2024

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ký ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2024, đại diện hai Bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ : Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39 Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM

Điện thoại : 028. 37700248 Fax: 028. 37701104

Mã số thuế : 0300666030

Người đại diện : **TAKASHI SHIMOJO** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC

Địa chỉ : 389 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP HCM

VPĐD : 180B An Tôn, Phường 6, Quận Tân Bình, TP HCM

Điện thoại : 028. 39718680 Fax : 028. 39718676

Mã số thuế : 0302408148

Tài khoản số : 1410030536, Ngân hàng BIDV CN Chợ Lớn, TP HCM

Người đại diện : **NGUYỄN NGỌC CHÂU** Chức vụ: **Giám Đốc**

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A theo giấy phép chức năng của Bên B.
- 1.2. Định kỳ thu gom: theo yêu cầu của Bên A và phải báo cho Bên B trước 05 ngày làm việc.
- 1.3. Thời hạn hợp đồng : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- 1.4 Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ tại chủ nguồn thải:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Điều kiện lưu trữ
01	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Kg	Bao PE

02	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	Thùng carton
03	Dầu nhớt thải	07 03 05	Kg	Thùng can
04	Bao bì dính dầu, sơn	18 01 01	Kg	Bao PE
05	Giẻ lau dính dầu, hoá chất	18 02 01	Kg	Bao PE

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG & ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1. Số lượng chất thải:

- Được xác định bằng biên bản giao nhận theo khối lượng thực tế có sự xác nhận của hai Bên.

2.2. Đơn giá xử lý:

- Chi phí thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được tính khoản là 15.000.000 vnd/năm, ứng với khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 700 kg/năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao nhiều hơn 700 kg/năm thì chi phí xử lý sẽ được tính thêm như sau:

$$\text{Tổng khối lượng chất thải phát sinh} \times 10.000đ$$

Ghi chú:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Chất thải nguy hại được thu gom kết hợp với các chủ nguồn thải khác.
- Doanh nghiệp chế xuất thuế GTGT -0%.
- Các loại chất thải phải được lưu trữ riêng biệt và có dán nhãn chất thải.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Thanh toán làm 02 đợt :

- Đợt 01: Bên A thanh toán bằng chuyển khoản 50% tổng chi phí xử lý với số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) sau khi hai bên ký kết hợp đồng.
- Đợt 02: Bên A thanh toán bằng chuyển khoản 50% tổng chi phí xử lý còn lại với số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) vào tháng thứ 07 tính từ ngày ký kết hợp đồng.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.
- Chi phí xử lý phát sinh được tính khi khối lượng chất thải chuyển giao lớn hơn 700 kg/ năm. Chi phí xử lý phát sinh phải được thanh toán cho Bên B sau 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính không sai sót từ Bên B.
- Nếu Bên A thanh toán chậm trễ, Bên A phải thanh toán chi phí phạt 0.1%/ngày căn cứ trên chi phí chưa thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm Bên A:

- Phải phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt cho từng loại chất thải và lưu trữ tại khu vực cố định của Bên A trước khi bàn giao xử lý theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Nếu Bên A không phân loại chất thải theo Điều 1 thì Bên B có quyền từ chối không nhận chất thải.

- Phải thực hiện việc lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu quy định và bàn giao cho Bên B ngay sau khi thu gom chất thải.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí cho Bên B đúng thời hạn theo Điều 2 và Điều 3.

4.2. Trách nhiệm Bên B:

- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải tại kho của Bên A và lưu trữ, xử lý chất thải tại Nhà máy của Bên B (Lô B4 – B21, B5 – B20, đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng.
- Không nhận chất thải khi Bên A chưa thanh toán chi phí xử lý của đợt trước.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A trong vòng 15 ngày, tính từ ngày bàn giao chất thải và chứng từ cho Bên B.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp, thì sẽ cùng bàn bạc, thương lượng và hòa giải. Trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP. Hồ Chí Minh, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí cho các hoạt động kiểm tra, xác minh và án phí do Bên có lỗi chịu.
- Khi có sự thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hai Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám Đốc

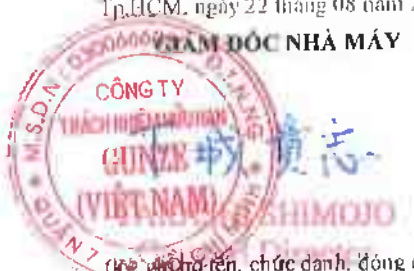


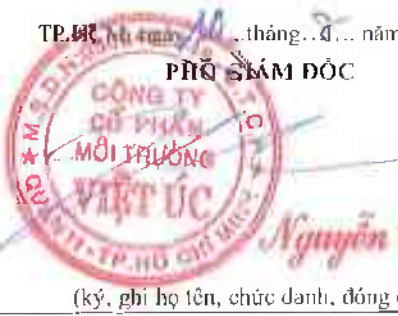
ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 08 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX				
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM			ĐT: 028.3971 86 80				
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q.Tân Bình, TP. HCM			ĐT: 028.3971 86 80				
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh			ĐT: 028.37661530				
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2:			Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Mã số QLCTNH: 79.000002.T				
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận			ĐT: 37701317				
Đông, Quận 7, TP.HCM							
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM			ĐT: 37701317				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	*			16 01 12	1.0	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	*			16 01 06	57.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		*		07 03 05		TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	*			18 01 01	46.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	*			18 02 01	222.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đề nghị xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tất cả sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....					
Số hiệu phương tiện: 542-6399		Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ho Nam Việt				Ký:.....Ngày: 20/12/25			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:.....Ngày:.....			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
Tp.HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2023 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUNZE (VIỆT NAM) (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				Tp.HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2023 CÔNG PHỐ GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thế Hải (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số:				1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒			

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)				Số: 07 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX			
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM						Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX	
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh						ĐT: 028.37661530	
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2:						Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở:						ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)						Mã số QLCTNH: 79.000002.T	
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM						ĐT: 37701317	
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM						ĐT: 37701317	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12	-	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	9.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	-17.0	TC-TĐ
4	Bạc bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	52.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	161.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); Oxi (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện: 542-6390 Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: HT Việt Nam						Ký: TOM Ngày: 13/10/23	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:						Ký:..... Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
 Tháng 10 năm 2023 ĐỘC NHÀ MÁY (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 TP. HCM, ngày... tháng... năm... 2023 PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN THỊ HẢI (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐							

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 06 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX				
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM			ĐT: 028.3971 86 80				
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B Âu Tôn, P.6, Q.Tân Bình, TP. HCM			ĐT: 028.3971 86 80				
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh			ĐT: 028.37661530				
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2 :			Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở :			ĐT:				
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Mã số QLCTNH: 79.000002.T				
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM			ĐT: 37701317				
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM			ĐT: 37701317				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12	5.0	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	12.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	39.0	TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	80.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	115.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:					
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH /Đơn vị vận chuyển: <i>Nguyễn Văn Thuận</i>				Ký: <i>Nguyễn Văn Thuận</i> Ngày: <i>27/8/2023</i>			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký: Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
Tp.HCM, ngày 22 tháng 08 năm 2023  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				TP.HCM, ngày 24 tháng 8 năm 2023  <i>Nguyễn Thế Hải</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số:				☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4			

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 05 GVC-VAP/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC					Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX		
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh					ĐT: 028.37661530		
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2 :					Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):		
Địa chỉ văn phòng:					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở :					ĐT:		
3. Chủ nguồn thải: : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)					Mã số QLCTNH: 79.000002.T		
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12		HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	8.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	30.0	TC-TD
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	64.0	TD-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	278.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện: SL 2. 6399 Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Hoàng Thuần Ký:.....Ngày: 7/7/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
							
TP. HCM, ngày... tháng... năm... 2023							
Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒							

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 04 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC					Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX		
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh					ĐT: 028.37661530		
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2:					Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):		
Địa chỉ văn phòng:					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở:					ĐT:		
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)					Mã số QLCTNH: 79.000002.T		
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12		HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	8.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	26.0	TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	73.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	60.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiên đới); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Hà Văn Hoàn</u> Ký: <u>21/02</u> Ngày: <u>31/05/2023</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2023  KAKASHI SHIMOJO (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				TP.HCM, ngày <u>01</u> tháng <u>06</u> năm <u>2023</u>  Nguyễn Lê Hải (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒							

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)				Số: 03 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX			
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC						Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX	
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh						ĐT: 028.37661530	
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2 :						Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở :						ĐT:	
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)						Mã số QLCTNH: 79.000002.T	
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM						ĐT: 37701317	
Địa chỉ cơ sở : Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM						ĐT: 37701317	
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12	2.0	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	6.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	12.0	TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	24.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	116.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiện phương tiện: 542 6399 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ng Lương Văn Ký: Thần Ngày: 26/4/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
 CHAM ĐOC NHÀ MÁY (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				TP.HCM, ngày 28 tháng 4 năm 2023  PHÓ GIÁM ĐỐC (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4							

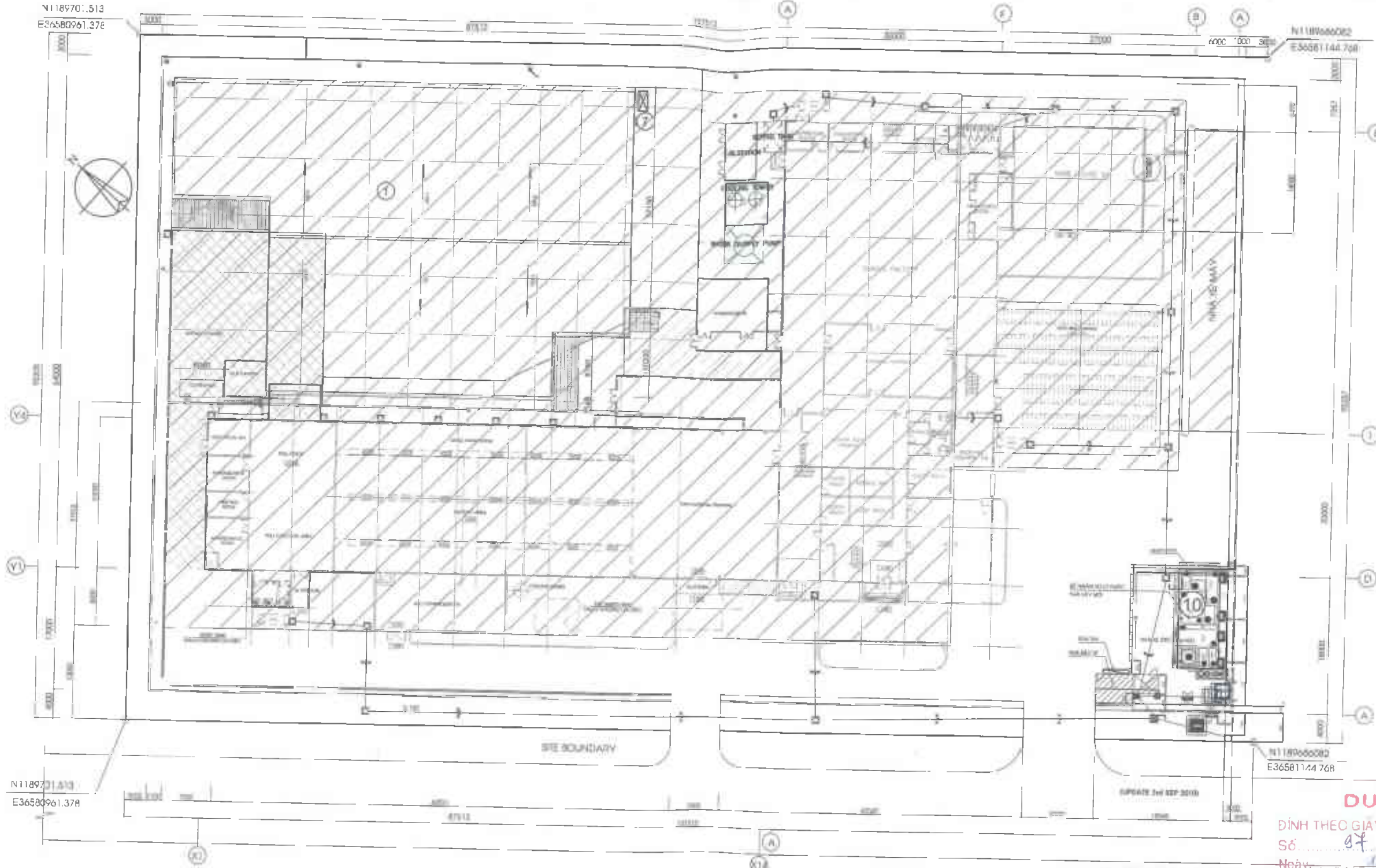
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHÚNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 02 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC						Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX	
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q.Tân Bình, TP. HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh						ĐT: 028.37661530	
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2 :						Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở :						ĐT:	
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)						Mã số QLCTNH: 79.000002.T	
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM						ĐT: 37701317	
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM						ĐT: 37701317	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12	-	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	15.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	97.0	TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	75.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	114.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); Oxi (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: 501MR729 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Đoàn Văn Tân</u> Ký: <u>[Chữ ký]</u> Ngày: <u>10/3/2023</u> 7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2023 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY <u>[Chữ ký]</u> CÔNG TY TRẮNG HẠ VIỆT NAM (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu) Tp.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2023 PHÓ GIÁM ĐỐC <u>[Chữ ký]</u> CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC Nguyen Thố Hải (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐							

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			Số: 01 GVC-VAE/2023.1-2-3-4-5-6.077.VX				
1. Chủ hành nghề xử lý CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC					Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.077.VX		
Địa chỉ văn phòng: 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tân, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM					ĐT: 028.3971 86 80		
Địa chỉ cơ sở/dại lý: B4-B21, B5-B20 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh					ĐT: 028.37661530		
2. Chủ hành nghề xử lý CTNH 2:					Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):		
Địa chỉ văn phòng:					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở:					ĐT:		
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)					Mã số QLCTNH: 79.000002.T		
Địa chỉ văn phòng: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
Địa chỉ cơ sở: Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, Đường số 10, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM					ĐT: 37701317		
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, acquy thải	x			16 01 12	6.0	HR-CL
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10.0	HR-CL
3	Dầu nhớt thải		x		07 03 05	29.0	TC-TĐ
4	Bao bì dính dầu, sơn	x			18 01 01	36.0	TĐ-CL
5	Giẻ lau dính dầu, hóa chất	x			18 02 01	139.0	TĐ-CL
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cấp/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Tuồng hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: 54 Z 6999 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH /Đơn vị vận chuyển: Ngô Hồng Thuận Ký: 1.1.1.1.1.1 Ngày: 18/11/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận: đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
Tp. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2023  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				TP. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2023  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4							

PHỤ LỤC 3. BẢN VẼ

N1189701.513
E36580961.378

N1189660082
E36581144.768



DUYỆT
ĐÌNH THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số 07 /GPXD - KCN
Ngày 10 /10 /2020

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

PHẦN XD BIÊN HỮU
10 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TƯ VẤN XÂY DỰNG

FOR
AU TỬ:
GUNZE VN COMPANY

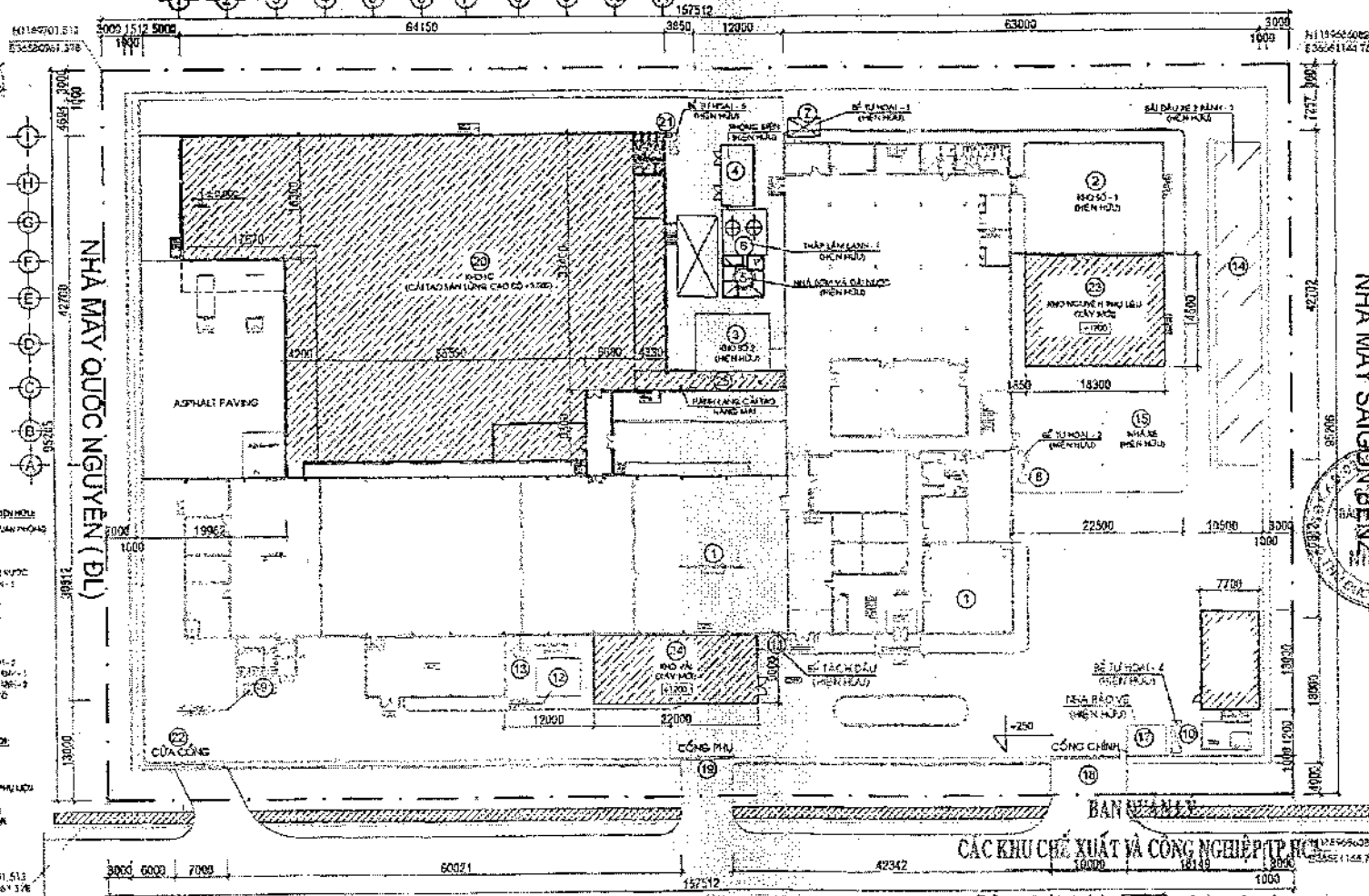
PROJECT:
DỰ ÁN
GUNZE VIETNAM FACTORY
TAN THUAN EPZ., HCM CITY

VINATA International Joint-Venture Ltd., Co.
HEAD OFFICE:
289 KHUAT QUY TÊN ST., TRUNG HÒA,
THÀNH QUẬN 2, TP. HCM
TEL: 84-28-38111111 FAX: 84-28-38111111
BRANCH OFFICE:
TRAI FLOOR, V.I.C.C.I OFFICE BUILDING
121 VOYEN KANG, QUẬN 3, TP. HCM
TEL: 84-28-38111111 FAX: 84-28-38111111

CONSULTANT
TƯ VẤN:
NEW CC CONSTRUCTION CONSULTANTS Co., Ltd.
128 No 2 Street, Lo Gioi Quarter, Ward 15, Dist. 11, Ho Chi Minh City
TEL: 84-28-38111111 FAX: 84-28-38111111 E-mail: cctv@newcc.vn
Website: newcc.vn

Project Manager:	Nguyễn Ngọc An	Item	WASTE WATER TREATMENT
Designer:	Lê Trần Phước Thịnh	Item	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Thủ, kế	Ng-ys- Đức Hưng	Item	MẶT BẰNG TỔNG THỂ
Draftsmen	Hoàng Hải Vân	Scale	1/500
Project		Ngày	08-20-20
Checked by		Đánh giá	GZ-AR-WWT-01 C1
Kiểm		Ngày	

6014701.513
534520061.578



	HẠNG MỤC CẢI TẠO, XÂY MỚI
--	---------------------------

TYPE: 1/500

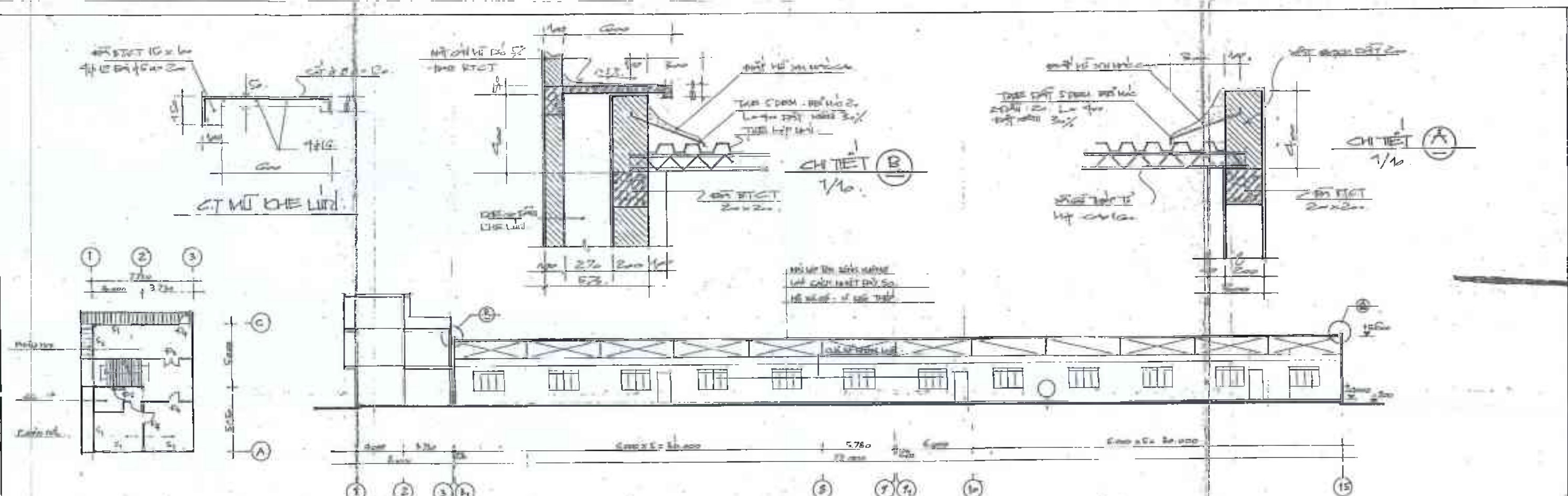
TRƯỞNG BAN
THƯỜNG XÂY DỰNG

TRƯỞNG BAN
THÀNH LẬP XÂY DỰNG

100

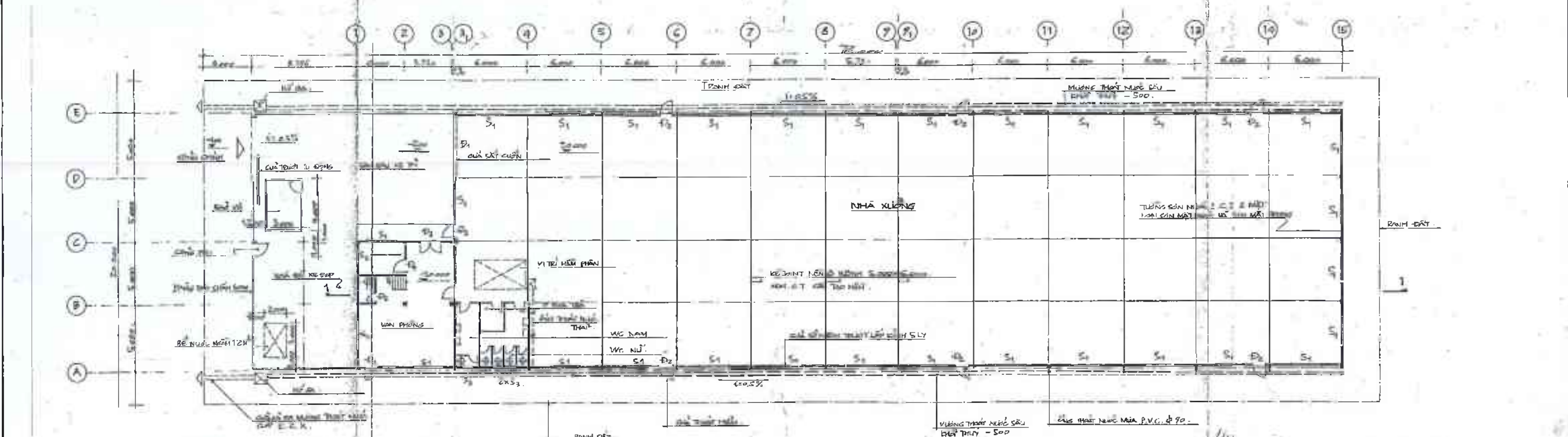
Phan Thi Lan Chi

[illegible]



MB.LẦU 1/150

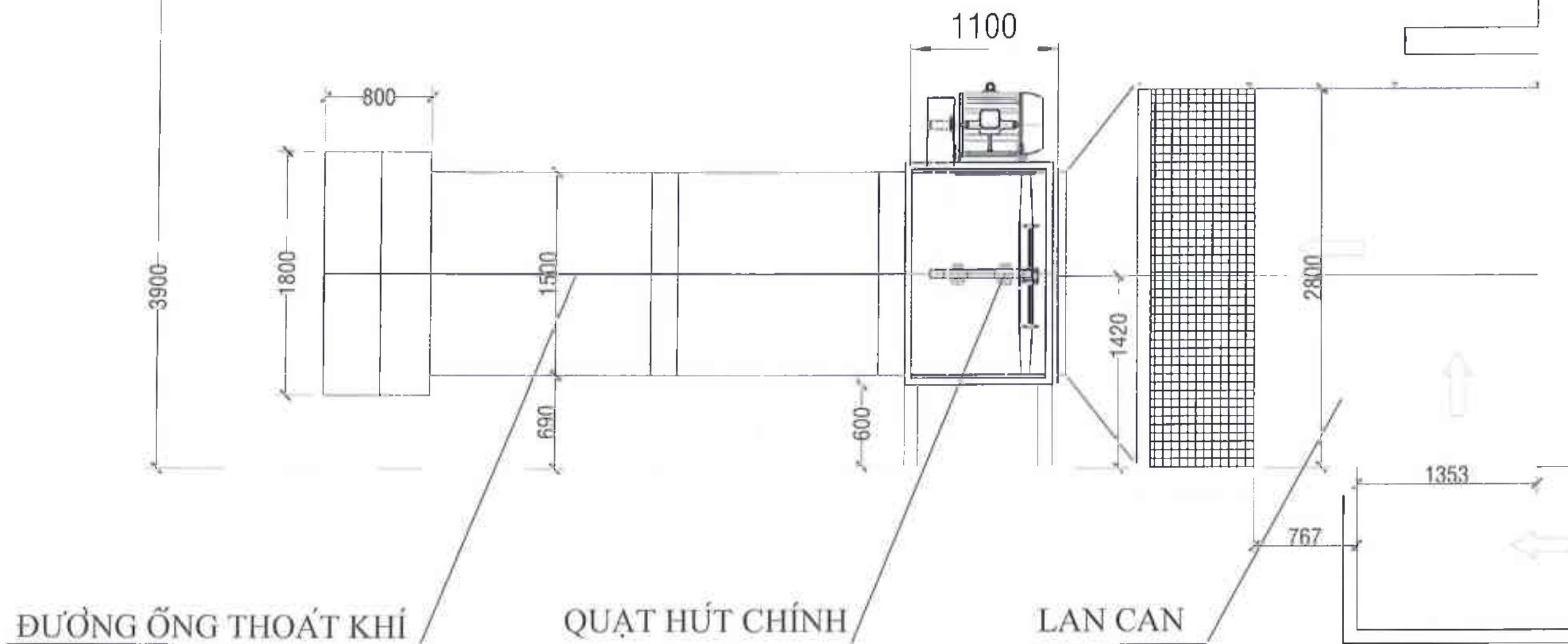
MẶT CẮT 1.1. 1/150



MẶT BẰNG TỔNG THỂ 1/150

CHÚ: MÀN CỘT 2.000C LÀ CỘT NỀN NHÀ XƯỞNG SẴN DÙNG HẸN

XÍ NGHIỆP THIẾT KẾ XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN		XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN	
CHỨC VỤ CHỨC VỤ CHỨC VỤ CHỨC VỤ	HỌ TÊN HỌ TÊN HỌ TÊN HỌ TÊN	CHỨC VỤ CHỨC VỤ CHỨC VỤ CHỨC VỤ	HỌ TÊN HỌ TÊN HỌ TÊN HỌ TÊN
XÍ NGHIỆP THIẾT KẾ XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN		XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN	
XÍ NGHIỆP THIẾT KẾ XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN		XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN XÍ NGHIỆP MAY QUỐC MIỀN	



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- * **QUẠT HÚT:**
 - Lưu Lượng: 110.000 - 115.000 m³/h
- * **LỌC BỤI:**
 - Bông lọc công nghiệp
- * **ĐƯỜNG ỐNG:**
 - Vật liệu: tole tráng kẽm

CHỦ ĐẦU TƯ
(Duyệt thi công)



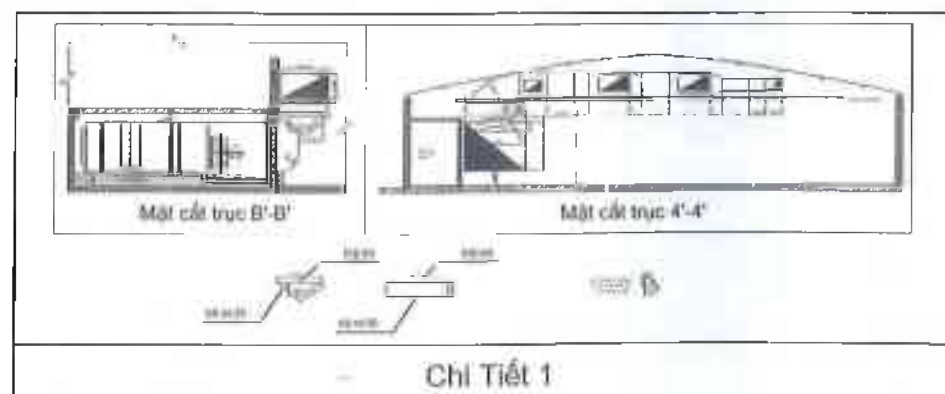
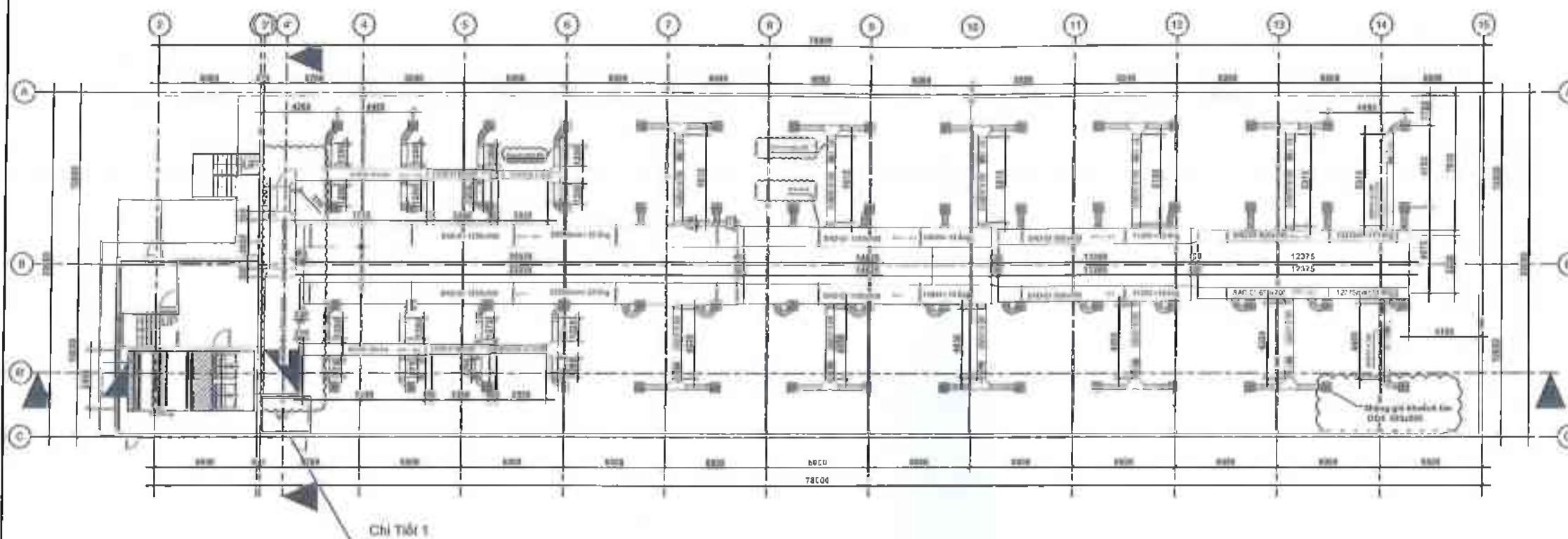
**NAM TIEN PRODUCTION TRADING
INDUSTRIAL EQUIPMENT Co.,Ltd**
Add: 525/15,21, Le Trong Tan Street, Son Ky Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Tel: (03) 381.20.231 / (03) 3713.0.535
www.nabe.com - Email: ben@nabe.vn

Title



Customer		CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)			
Project		HỆ THỐNG HÚT BỤI			
Drawn	Date	Name	Format	Scale	
Required by:		Mr. NGUYỄN MINH HANG	A3	1 : 1	
Checked by		Mr. NGUYỄN VĂN NHƯT			
Drawing		Mr. PHUONG NAM TIEN	Rev.	Page	
BẢN VẼ MẶT CẮT THIẾT BỊ HÚT BỤI				01	

Khi thi công lắp đặt cần kích thước và cao độ trên bản vẽ phải kiểm tra thực tế tại công trường.



BẢN VẼ BỐ TRÍ ỐNG GIÓ

GHI CHÚ (Notes):

T-HAM KHẢO	☐ Reference
TRÌNH DUYỆT	☐ Approval
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ Preliminary
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ Construction drawing
HOÀN CÔNG	☒ As-built
CHỦ ĐẦU TƯ (Owner's)	

CÔNG TY TNHH
GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Đường số 10, KTX Tân Thuận, Quận 7, TP. HCM

GIÁM ĐỐC (Director)

NHÀ THẦU (Contractors)

hòa việt
MINE CONSTRUCTION

CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH

HÒA VIỆT

Địa chỉ: 235 Hồ Văn Lang, Phường Tân Hòa B, Quận Bình Tân

Tên công ty: CÔNG TY

Địa chỉ: 235 Hồ Văn Lang

Mô hình hoạt động: Sản xuất

Website: www.hv.vn

Điện thoại: 0903 123 456

Email: info@hv.vn

Website: www.hv.vn

PHẠM QUOC DUNG

NGƯỜI KIỂM TRA (Checker: ly)

ĐỒ TỌA THANG

THỂ HIỆN (Draftman)

PHẠM TUẤN

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

GUNZE (VIỆT NAM)

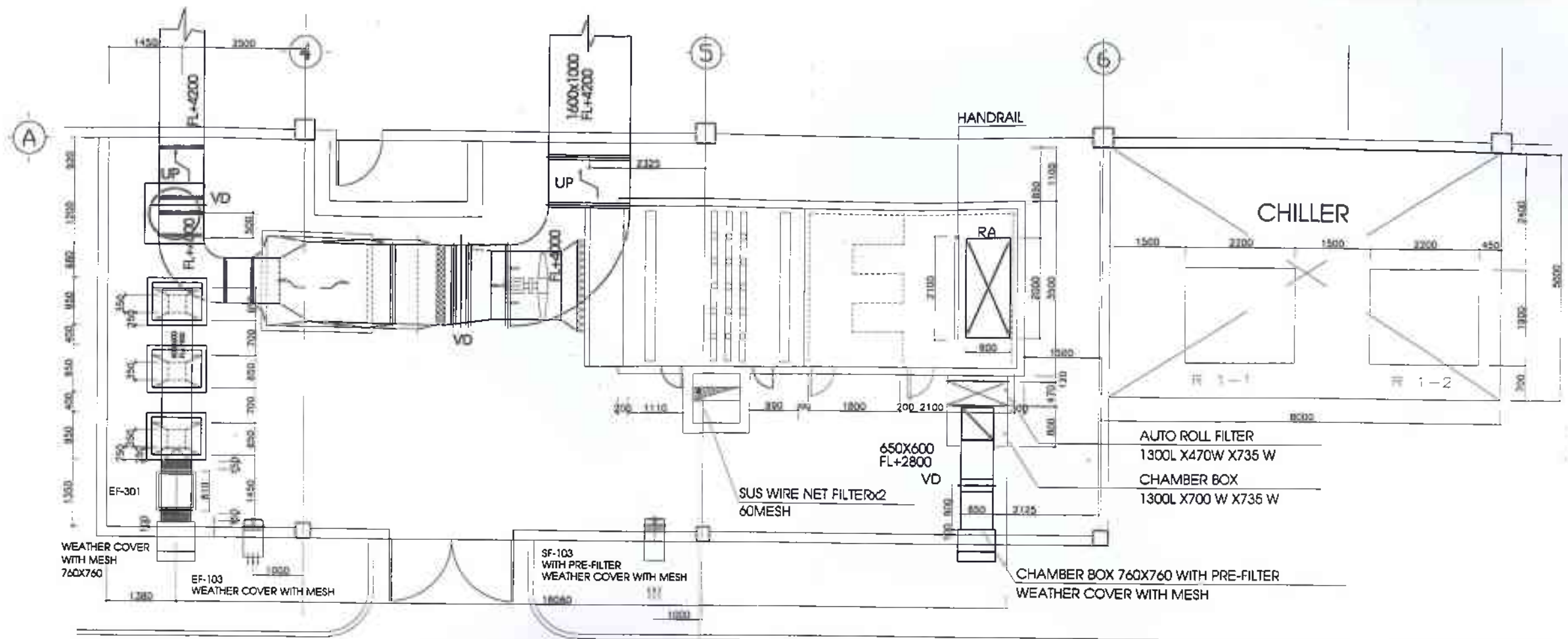
HÀNG V. JC (Item)

LẮP ĐẶT CHILLER VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ
KHÔNG KHÍ KIỂU BUÔNG PHUN
(AIR SHOWER)

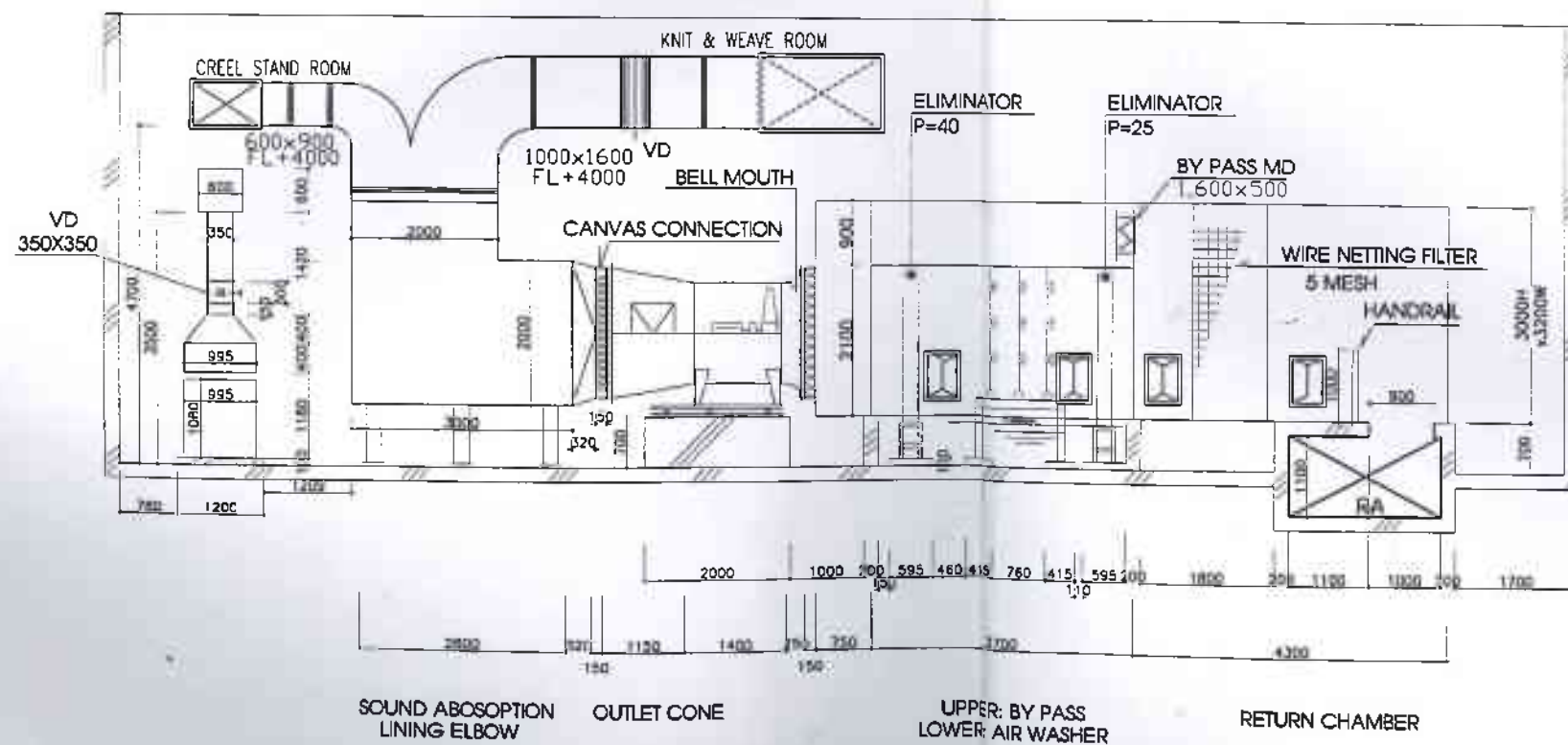
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

BẢN VẼ BỐ TRÍ ỐNG GIÓ

NGÀY PHÁT HÀNH (Issue Date)	TỶ LỆ (Scale)
2020-07-08	(A3)
BẢN VẼ SỐ (Drawing no)	HIỆU CHỈNH (Revision)
1-VAC-06	000



A/C, COMPRESSOR ROOM



SOUND ABSORPTION
LINING ELBOW

OUTLET CONE

UPPER: BY PASS
LOWER: AIR WASHER

RETURN CHAMBER

AS - BUILT DRAWING

PROJECT
GUNZE (VIETNAM) FACTORY PROJECT
EXTENSION

CONSTRUCTOR
VINATA
INTERNATIONAL JOINT - VENTURE LTD., CO.

CONSTRUCTOR			
DIRECTOR	SITE MANAGER	DESIGNER	SUPERVISOR
YUKIO MATSUNO	NGÔ THÀNH PHONG	NGÔ QUÝ TRUNG	NGUYỄN LONG UY VŨ

DRAWING NAME
SUPPLY AIR DUCT IN MACHINE ROOM
ỐNG CẤP GIÓ CHO PHÒNG MÁY

DATE : 30/08/2001

SCALE: 1/100

M- 17

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI

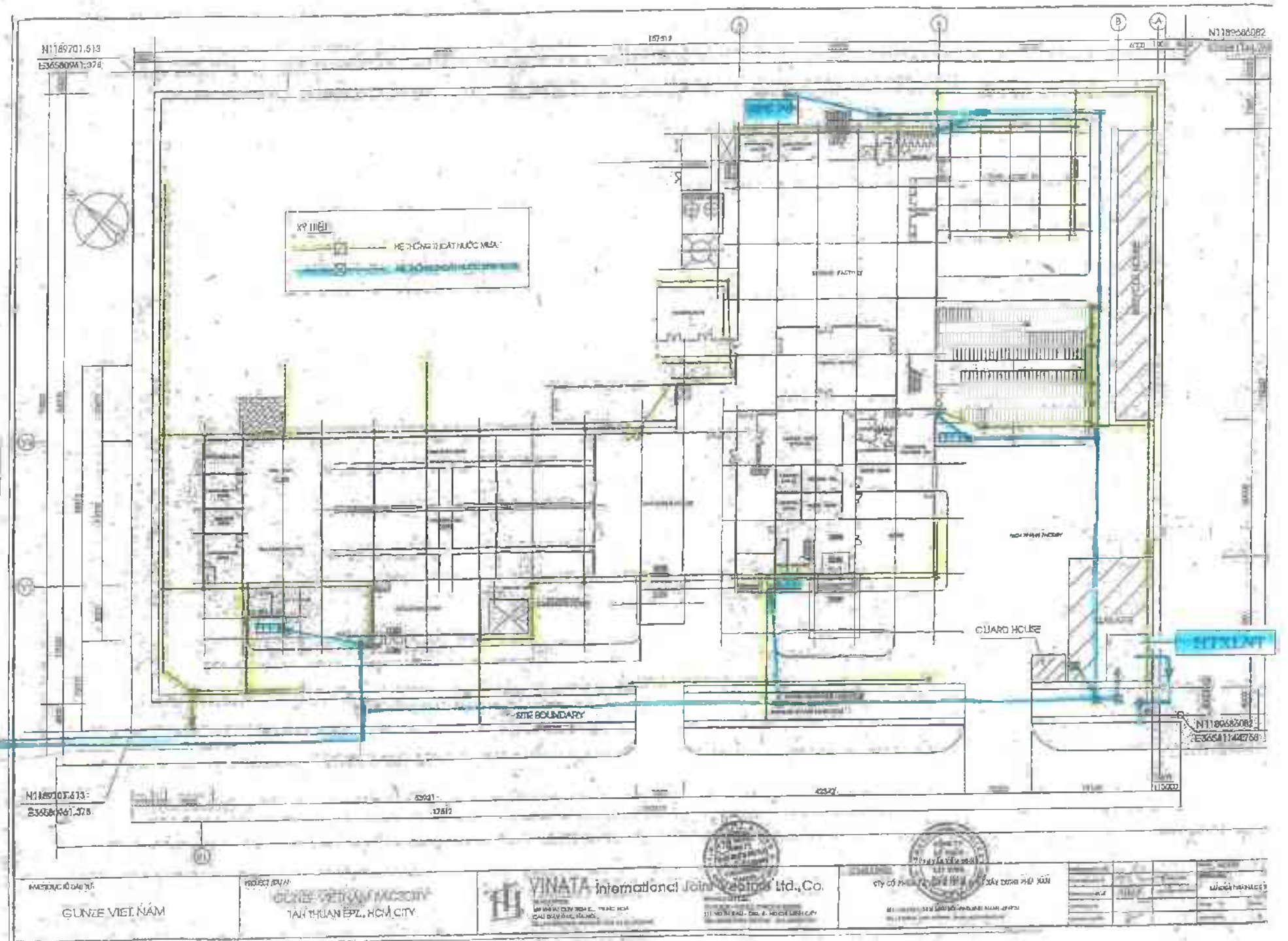
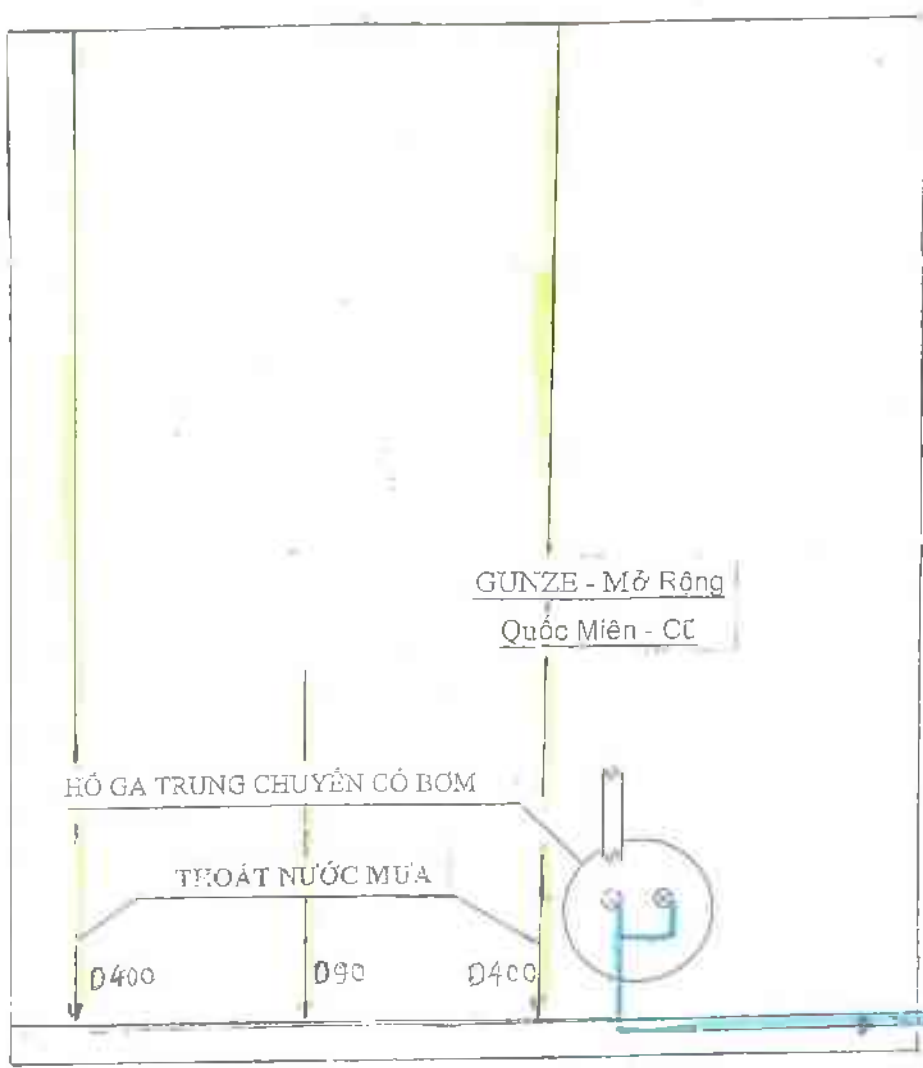
- Cập nhật hiện trạng của Công ty Gunze & Nhà xưởng Gunze thuê lại của Công ty Quốc Miên (Đường số 10).
- Thời điểm kiểm tra xác nhận: 3h00, 08/3/2021.
- Bản vẽ này đính kèm cùng biên bản kiểm tra (V/V đầu mối hạ tầng kỹ thuật) số: CV-03/03.1 ngày 27/02/2021.



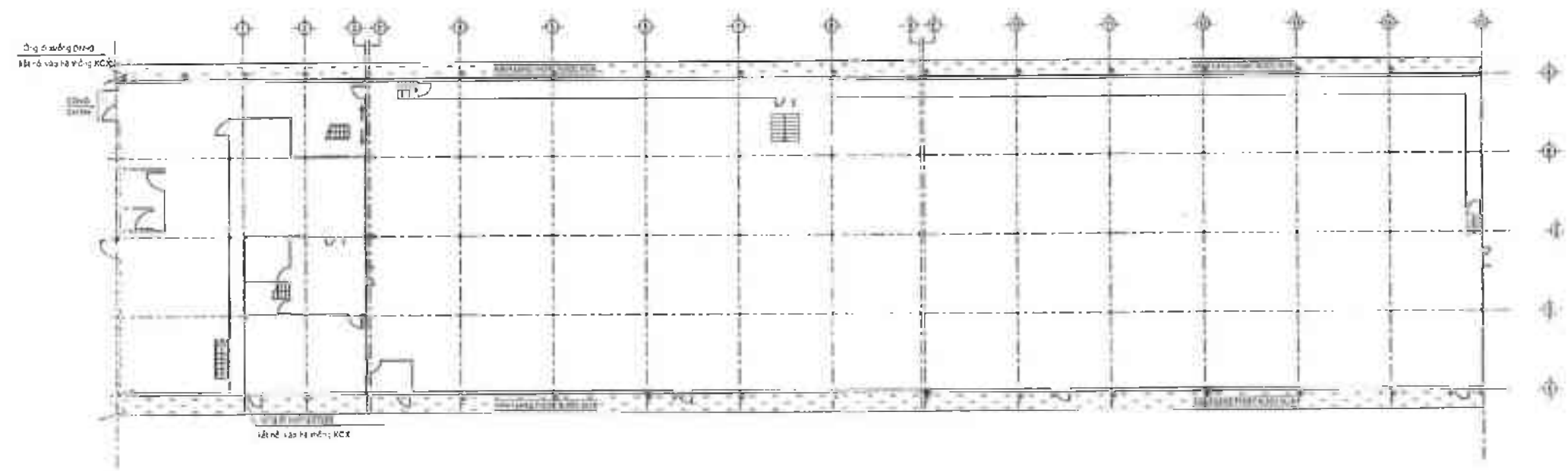
TAKASHI SHIMOJO
General Director

CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
PHÒNG MÔI TRƯỜNG-NƯỚC

Trưởng phòng



KẾ HOẠCH SỐ DẪN TỰ: GUNZE VIỆT NAM	MÔ TẢ DỰ ÁN: GUNZE VIETNAM CO., LTD. TÂN THUẬN EPZ, HCM CITY.	VINATA International Joint Venture Ltd., Co. 11/ NGUYỄN BẠCH KIỆT, QUẬN 1, TP. HCM 090 11 11 11 11	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THUẬN 11/ NGUYỄN BẠCH KIỆT, QUẬN 1, TP. HCM 090 11 11 11 11
--	---	--	---



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TRỆT

TL 1/100



ĐƯỜNG ống PHI 90 THOÁT TẬP TRÊN MÂY XLÔNG



ĐƯỜNG HẦM THU NƯỚC 1M3 DÀI 120 MÉT
KẾT NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KCX



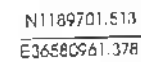
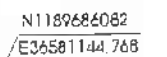
FOR CONSTRUCTION	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM) TỔNG GIÁM ĐỐC	
YUJINAGATANI	
CHỖ ĐẶT	
VĂN PHÒNG & NHÀ XƯỞNG	
ĐỊA ĐIỂM	
QUẬN KHU A, Đ 21a 29-31-33-35-37, Đường số 10 Tổ 10, Phường 1, Quận Tân Bình, TP HCM	
TÊN DỰ ÁN	
CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ XÂY DỰNG	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANG TRÍ NỘI THẤT	
DIRECTOR	
GIÁM ĐỐC	
BÙI VĂN NHÌ EM	
CHỦ NHÀ	
NGUYỄN MẠI VĂN	
THIẾT KẾ	
DESIGN	
LÊ VĂN KIẾT	
DRAWING	
THIẾT KẾ	
TÊN SỐ VẼ	
MB	
BẢN VẼ THOÁT NƯỚC MƯA	
CONSTRUCTION DRAWING	
BẢN VẼ X'N PHÉP	
NGÀY	
TÊN SỐ	
TL FIT A3	
DRAWING No	
KẾ HOẠCH THIẾT KẾ	
01/02	

MECHANICAL DRAWING LIST FOR WASTE WATER TREATMENT PLANT

ITEM	Drawing No.	Drawing Title	Submit Date	Remark
1	PS1B-1011002-WWT-M000	DRAWING LIST	09/07/2011	
2	PS1B-1011002-WWT-M001	FLOW SHEET	09/07/2011	
3	PS1B-1011002-WWT-M001-1	SO DO CONG NGHE	09/07/2011	
4	PS1B-1011002-WWT-M002	ROAD PIPING LAYOUT	09/07/2011	
5	PS1B-1011002-WWT-M002-2	MAT BANG	09/07/2011	
6	PS1B-1011002-WWT-M003	BOTTOM AIR PIPING AND DETAIL SUPPORT	09/07/2011	
7	PS1B-1011002-WWT-M004	SECTION	09/07/2011	
8	PS1B-1011002-WWT-M005	SECTION	09/07/2011	
9	PS1B-1011002-WWT-M006	MAN RACK	09/07/2011	
10	PS1B-1011002-WWT-M007	SECTION	09/07/2011	
11	PS1B-1011002-WWT-M008	DETAIL SEDIMENTATION TANK	09/07/2011	
12	PS1B-1011002-WWT-M009	DETAIL AREA CHEMICAL	09/07/2011	
13	PS1B-1011002-WWT-M010	FLUDGE CONTROL TANK No. 1&2	09/07/2011	
14	PS1B-1011002-WWT-M011	V-NOTCH TANK No.1	09/07/2011	



Project Name: WASTEWATER TREATMENT PLANT		Project No.: 130	
Client: GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.		Date: 09/07/2011	
Drawing Title: MECHANICAL DRAWING LIST		Drawing No.: PS1B-1011002-WWT-M000	
Drawing Scale: 1:1		Drawing Date: 09/07/2011	
Drawing By: P. N. TAN		Drawing Check: P. N. TAN	


$$\begin{array}{r} N^{\circ} 189686082 \\ \hline 536581^{\circ} 44,768 \end{array}$$


NOTE:
GHI CHÚ:

Diagram illustrating the pinout of a 555 timer IC (LMC1037) with labels in Vietnamese and English:

- Pin 1 (GND):** Invert level output / Cao độ đảo ngược
- Pin 2 (VCC):** Trigger of machine / Kích thước hồ sơ
- Pin 3 (VCC):** Code number of machine / Mã số máy hồ sơ
- Pin 4 (VCC):** Typical machine / Loại hồ sơ
- Pin 5 (VCC):** Invert level output / Cao độ đảo ngược
- Pin 6 (VCC):** Trigger of machine / Kích thước hồ sơ
- Pin 7 (VCC):** Code number of machine / Mã số máy hồ sơ
- Pin 8 (VCC):** Typical machine / Loại hồ sơ

DRAINAGE LAYOUT SCALE: 1/400
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỶ LỆ: 1/400



INVESTOR:
CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH GUNZE

PROJECT:
DỰ ÁN :
NHÀ KHO CÔNG TY GUNZE
KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, TP.HCM



VINATA CÔNG TY LIÊN DOANH QUỐC TẾ

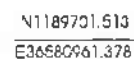
VĂN PHÒNG CHÍNH
282 KHUẤT CUYẾN, PHƯỜNG TÂY HÒA
QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI
TEL: 341.550.2517-551.5540 FAX: 341.652.1183

CH. HÀ NỘI
TÀNG 7, TOWER A VCCI
171
171
TEL: (81212) 7321765 FAX: (81212) 7321765

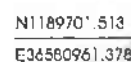
CONSULTANT
TƯ VẤN :  CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI

188 No.2 Street Lu-Gia Quarter, Ward 15, Dist. 1, Ho Chi Minh City
TEL: 3641262-3641264; FAX: 3641233; Email: ctn022@hcm.vn
Website: www.cpn.vn

Executive General Kiến Giám đốc	Nguyễn Ngọc Anh	Task Công việc	DRAINAGE THÁC NGUỒN MÙA	
Project Manager Chủ trì	Lê Thanh Tân	Drawn by Vẽ và	DRAINAGE LAYOUT MẶT BẰNG THÁC NGUỒN MÙA	
Designer Thiết kế	Trần Duy Long	Scale Tỷ lệ	1/500	Date Ngày: 18-10-10
Craftsman Họa viên	Trần Duy Long			
Checker Kiểm tra	Lê Thanh Tân	Project name Tên công trình	SZ-NF-DRAIN-01	

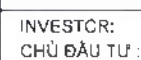


N11896860E2
E36581144.788



N1189686032
E3658 144 768

WATER SUPPLY & SEWERAGE LAYOUT SCALE: 1/400
MẶT BẰNG CẤP VÀ THOÁT NƯỚC TỶ LỆ: 1/400



CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM

PROJECT:
CỰ ÁN :

NHÀ KHO CÔNG TY GUNZE
KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, TP HCM



VĂN PHÒNG CHÍNH:
289 KHUẤT DUY TẾN, PHƯỜNG TRUNG HÒA,
QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI
TEL: 84(0)5533839-5533840 FAX: 84(0) 5533788

CHINH NHÃN
TẦNG 7, TÒA NHÀ VCCI
171 VÕ TH SÁU - QUẬN 3 - TP HCM
TEL: (8)9321766/ 9321765 FAX: (8)9321764

CONSULTANT:
TƯ VẤN:

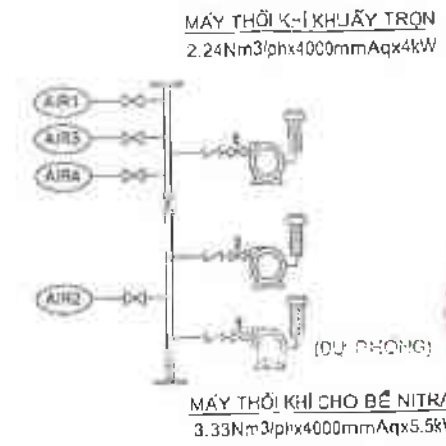
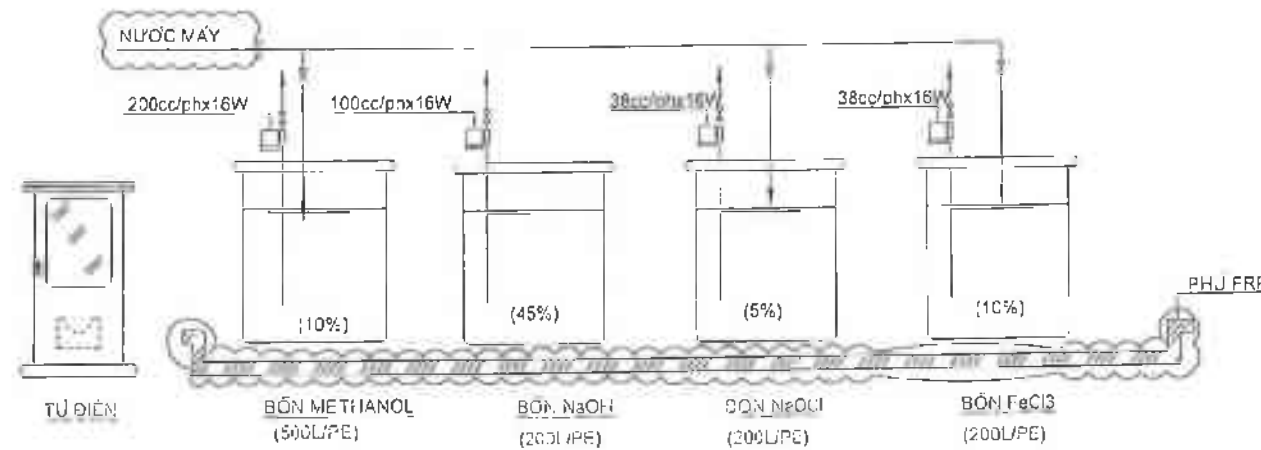
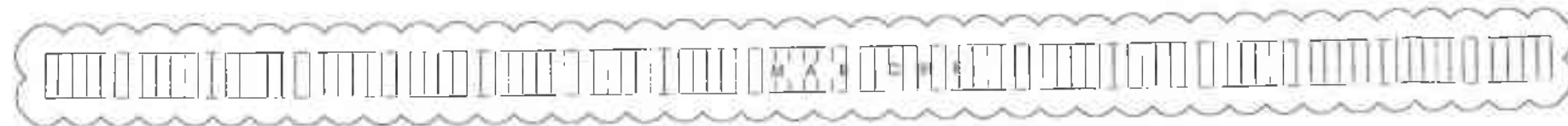


158 đường Lê Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
TEL: 064 1262-6641264; FAX: 064 1264; E-mail: chinhdooc@chem.vn.vn
Website: newco.com.vn

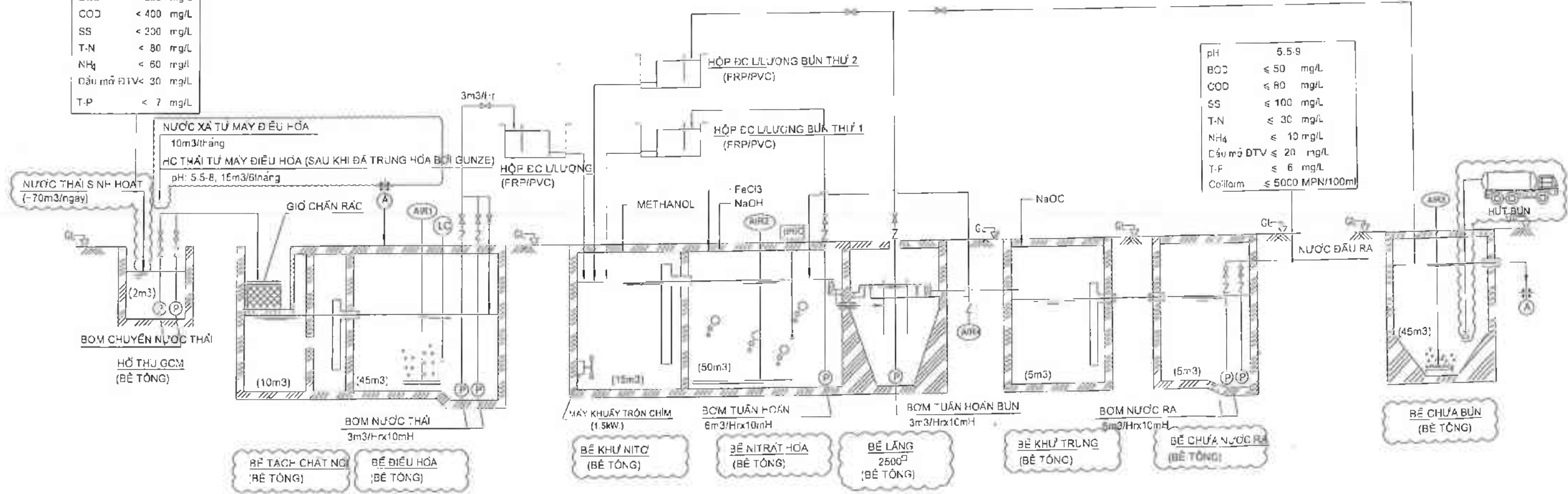
Director General Tổng Giám đốc	Nguyễn Ngọc Ân	Water Supply & Sewerage CẤP VÀ THỎÁT NƯỚC THẢI
Project Manager Chỉ huy	Lê Thanh Trí	Planning Lên bản vẽ
Engineer Thiet kế	Trần Duy Long	Water Supply & Sewerage Layout MẶT BẰNG CẤP VÀ THỎÁT NƯỚC THẢI
Draftman Họa viên	Trần Duy Long	Scale: 1:400 Date: 08-2010
Checked by Kiểm tra	Lê Thanh Trí	Drawing No.: 02-2010-VS-SW-01-C1



Des. by:	N. P. THAO	Date Des.:	08/12/21	Item:	WASTEWATER TREATMENT PLANT 70M3/DAY	Scale:	1:1	Sheet No.:	1
Checked:	N. P. SON	Date Ins.:	02/02/21	Flow:	FLOW SHEET	Notes:	None		
Approved:	Mr. SON	Drawn By:	N. P. THAO	Drawn No.:	PS18-101/002	Project No.:	PS18-101/2021-WWT-0001		

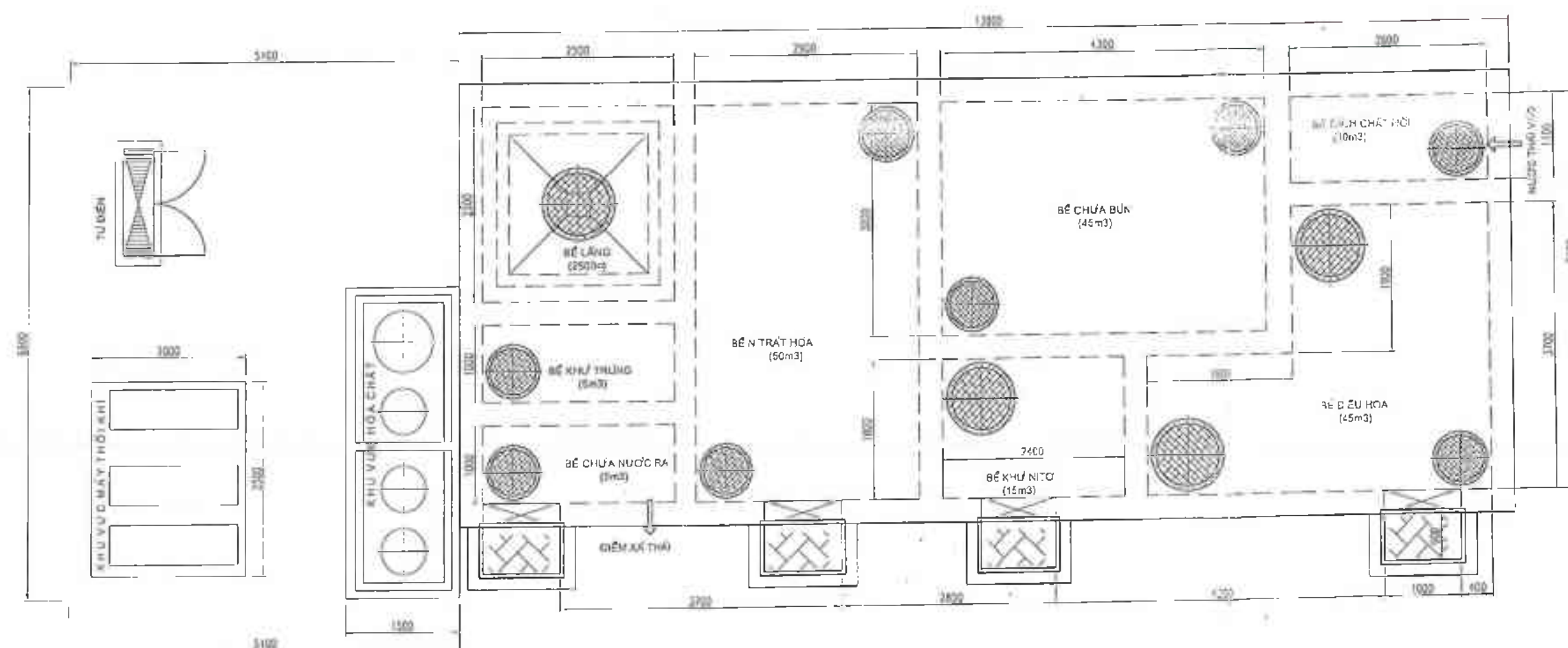
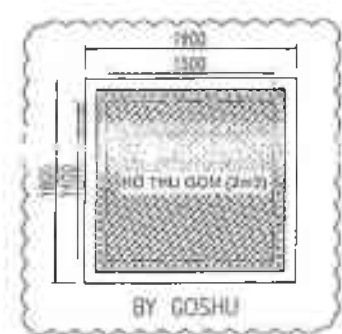


Q	70 m3/ngày
pH	5.5 - 8.0
BOD	< 200 mg/L
COD	< 400 mg/L
SS	< 200 mg/L
T-N	< 80 mg/L
NH ₄	< 60 mg/L
Dầu mỡ DTV	< 30 mg/L
T-P	< 7 mg/L



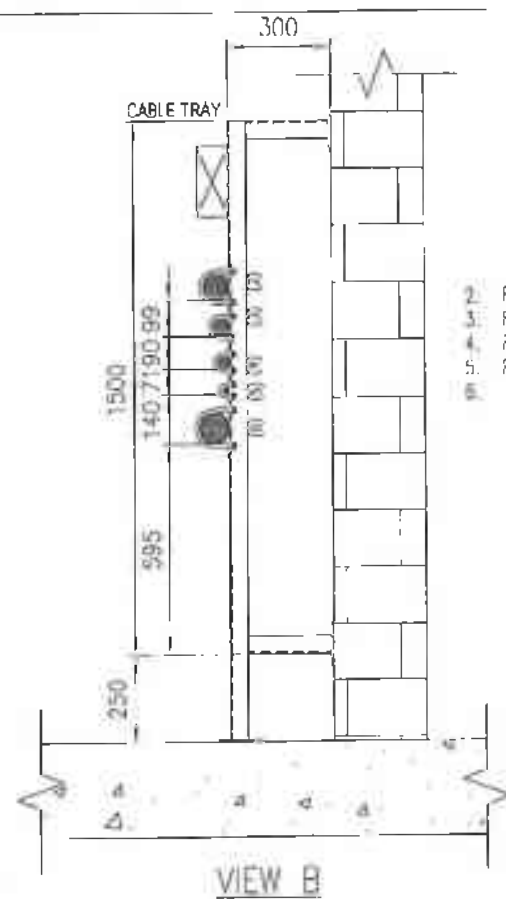
pH	5.5-9
BOD	≤ 50 mg/L
COD	≤ 80 mg/L
SS	≤ 100 mg/L
T-N	≤ 30 mg/L
NH ₄	≤ 10 mg/L
Dầu mỡ DTV	≤ 20 mg/L
T-P	≤ 6 mg/L
Coliform	≤ 5000 MPN/100ml

Rev.	Date	Content	Rev.	Date	Content	Notes	Project Name	Design	Date	Drawn	Scale	Rev. No.
							GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	N.N.P. THAO	03/01/2011	Đang	1:1	1
							HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	N.T. SON	03/01/2011	Đang	1:1	2
								H.N.V.A	03/01/2011	Đang	1:1	3

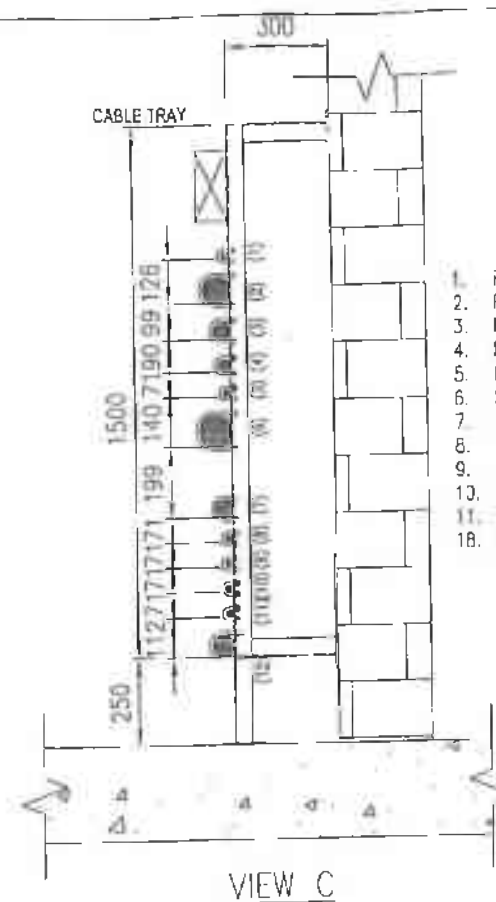


MẬT BĂNG

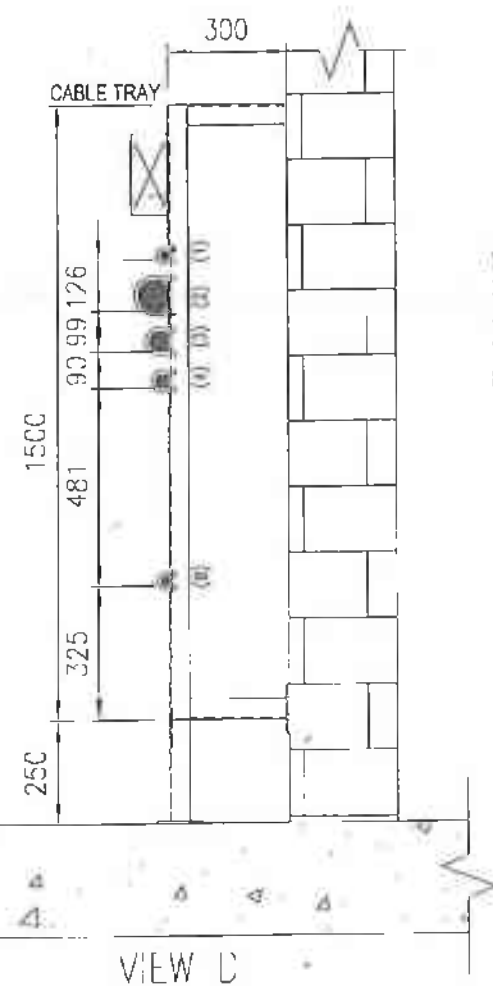




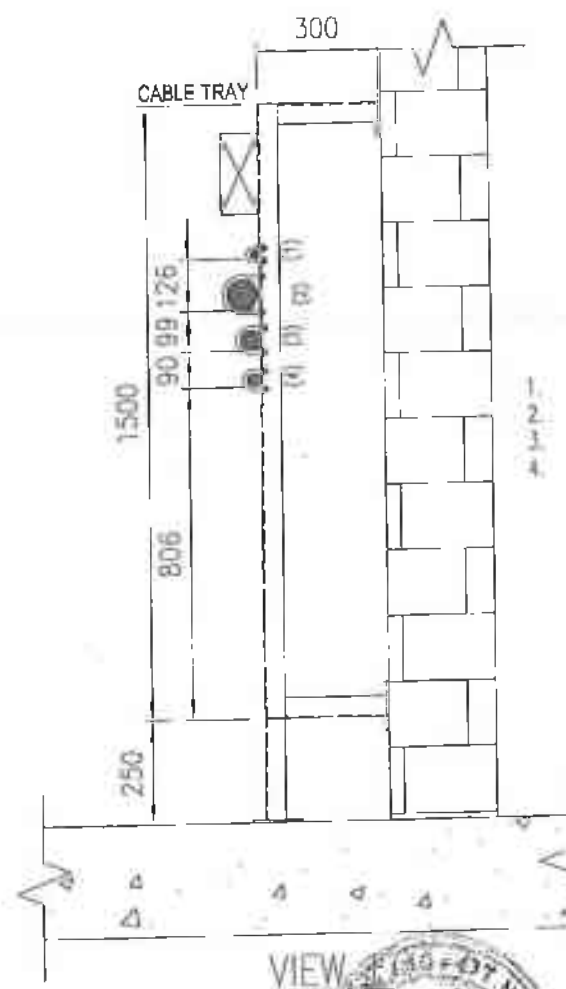
2. FROM TRANSFER PUMP TO SETTLING TANK PVC65A
3. FROM MIXING BLOWER TO RAW WASTEWATER TANK SGPW40A
4. FROM MIXING BLOWER TO SLUDGE TANK SGPW25A
5. FROM MIXING BLOWER TO NITRIFICATION TANK SGPW15A
6. FROM AERATION BLOWER TO NITRIFICATION TANK SGPW80A



1. FROM CITY WATER TO CHEMICAL TANK PVC 15A
2. FROM TRANSFER PUMP TO SETTLING TANK PVC65A
3. FROM MIXING BLOWER TO RAW WASTEWATER TANK SGPW40A
4. FROM MIXING BLOWER TO SLUDGE TANK SGPW25A
5. FROM MIXING BLOWER TO NITRIFICATION TANK SGPW15A
6. FROM AERATION BLOWER TO NITRIFICATION TANK SGPW80A
7. FROM SLUDGE TRANSFER PUMP TO NITRIFICATION TANK PVC 40A
8. FROM METHANOL TANK TO DENITRIFICATION TANK PVC 15A
9. FROM FeCl₃ TANK TO NITRIFICATION TANK PVC 15A
10. FROM NaOH TANK TO NITRIFICATION TANK PVC 15A
11. FROM NaOCl TANK TO DISINFECTION TANK PVC 15A
12. FROM DISCHARGE TANK TO DISCHARGE POINT PVC 50A



1. FROM CITY WATER TO CHEMICAL TANK PVC 15A
2. FROM TRANSFER PUMP TO SETTLING TANK PVC65A
3. FROM MIXING BLOWER TO RAW WASTEWATER TANK SGPW40A
4. FROM MIXING BLOWER TO SLUDGE TANK SGPW25A
5. FROM METHANOL TANK TO DENITRIFICATION TANK PVC 15A



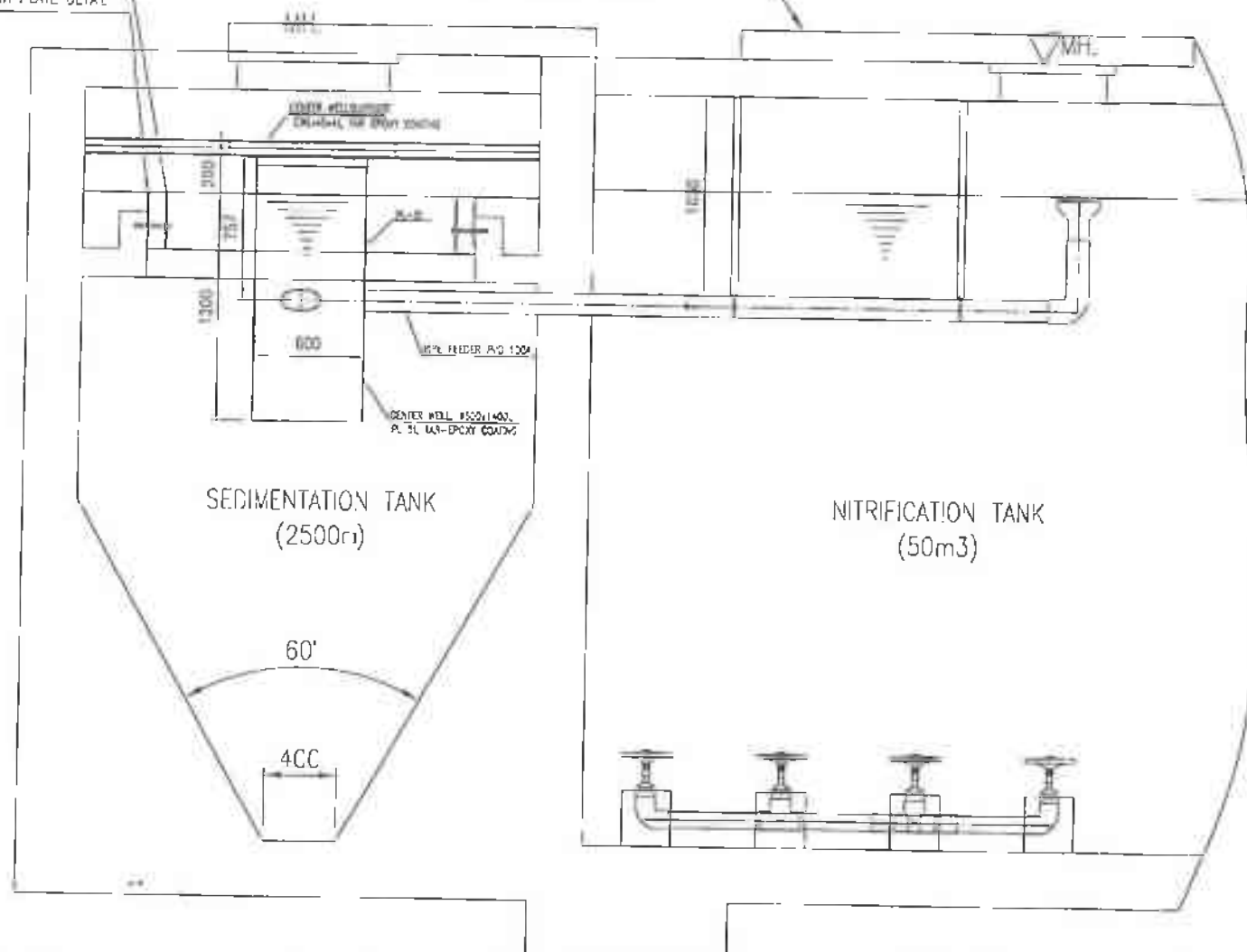
1. FROM CITY WATER TO CHEMICAL TANK PVC 15A
2. FROM TRANSFER PUMP TO SETTLING TANK PVC65A
3. FROM MIXING BLOWER TO RAW WASTEWATER TANK SGPW40A
4. FROM AERATION BLOWER TO NITRIFICATION TANK SGPW80A

AS BUILT DRAWING
09-JUN-2012
GUNZE KASHI SHIMOJO (VIETNAM) CO., LTD.

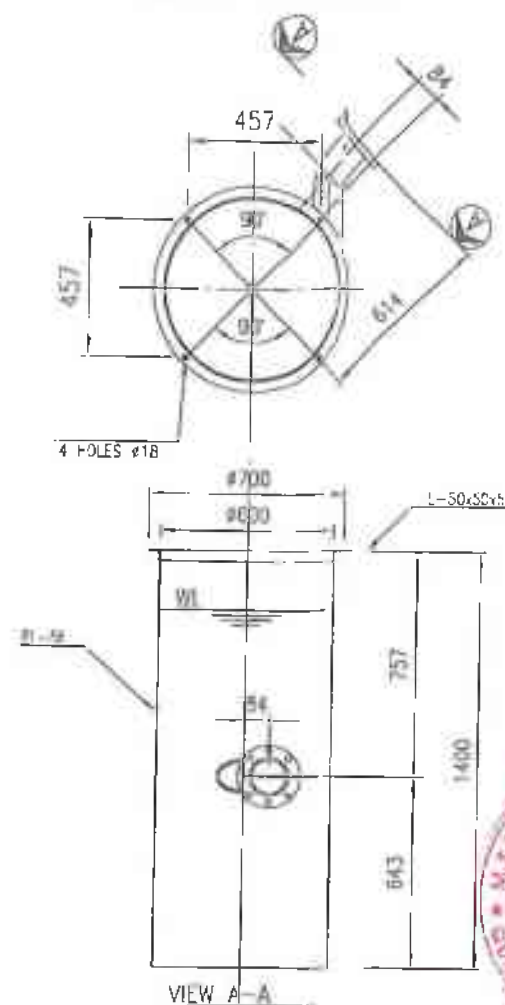
Project Name: WASTEWATER TREATMENT PLANT	Client: GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	Design: WWT-01	Drawn: H. L. L. L.	Checked: H. L. L. L.	Approved: H. L. L. L.	Date: 09/06/2012	Rev. No: 1
---	--	-----------------------	---------------------------	-----------------------------	------------------------------	-------------------------	-------------------

SCLV STOPPER DETAIL
V NOTCH PLATE DETAIL

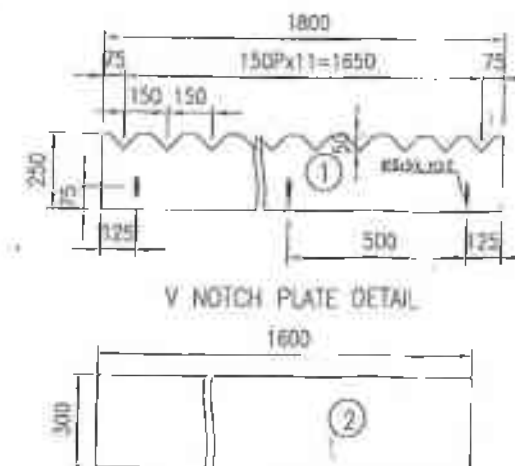
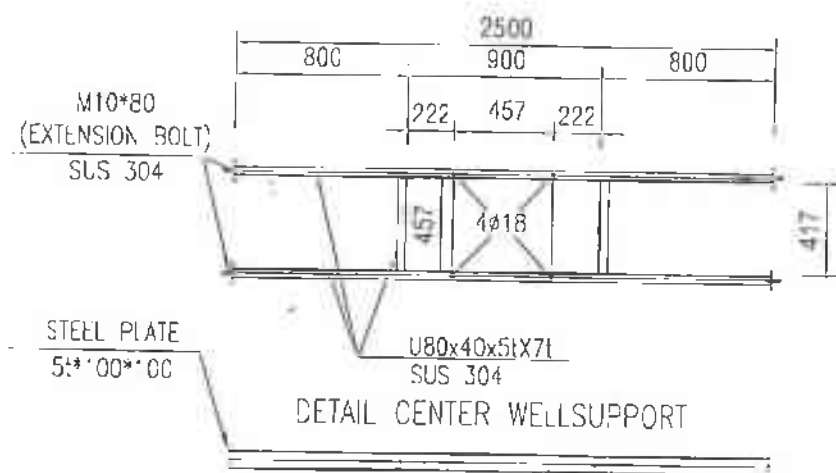
STOPPER CURVE 150Wx150H



CENTER WELL DETAIL



DETAIL A



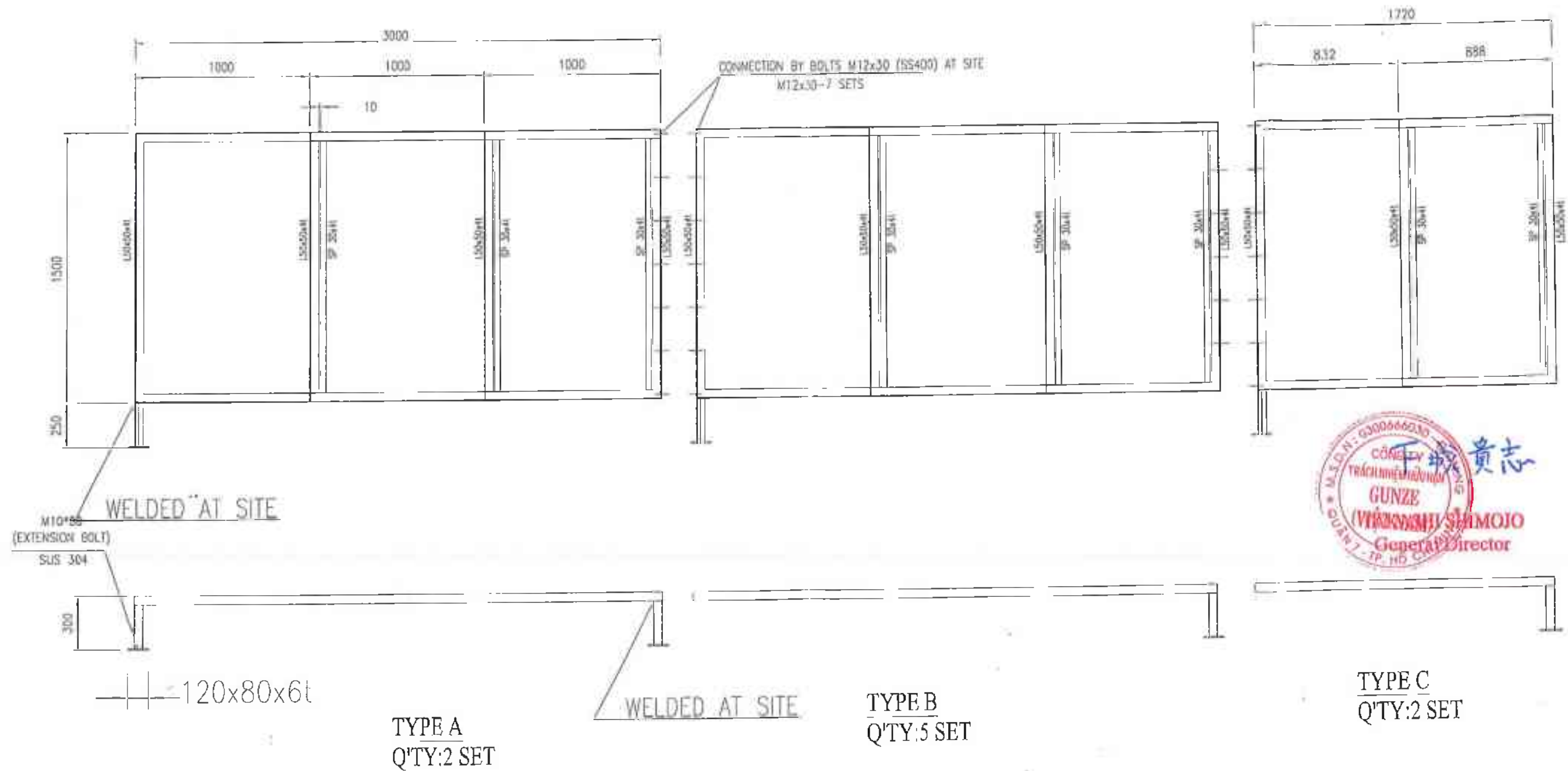
CUM STOPPER DETAIL



AS BUILT DRAWING
09-JUN-2011
GOSHIMOTO LTD.
2011.06.09

Rev.	By	Check	Date	Content	Material	Project Name	Scale	Notes
1						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
2						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
3						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
4						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
5						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
6						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
7						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
8						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
9						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	
10						GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	

MAIN RACK



AS BUILT DRAWING
09-JUNLY-2011

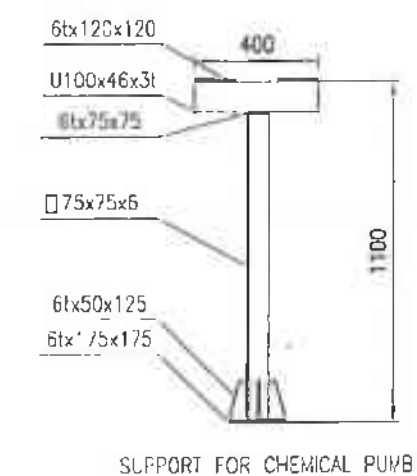
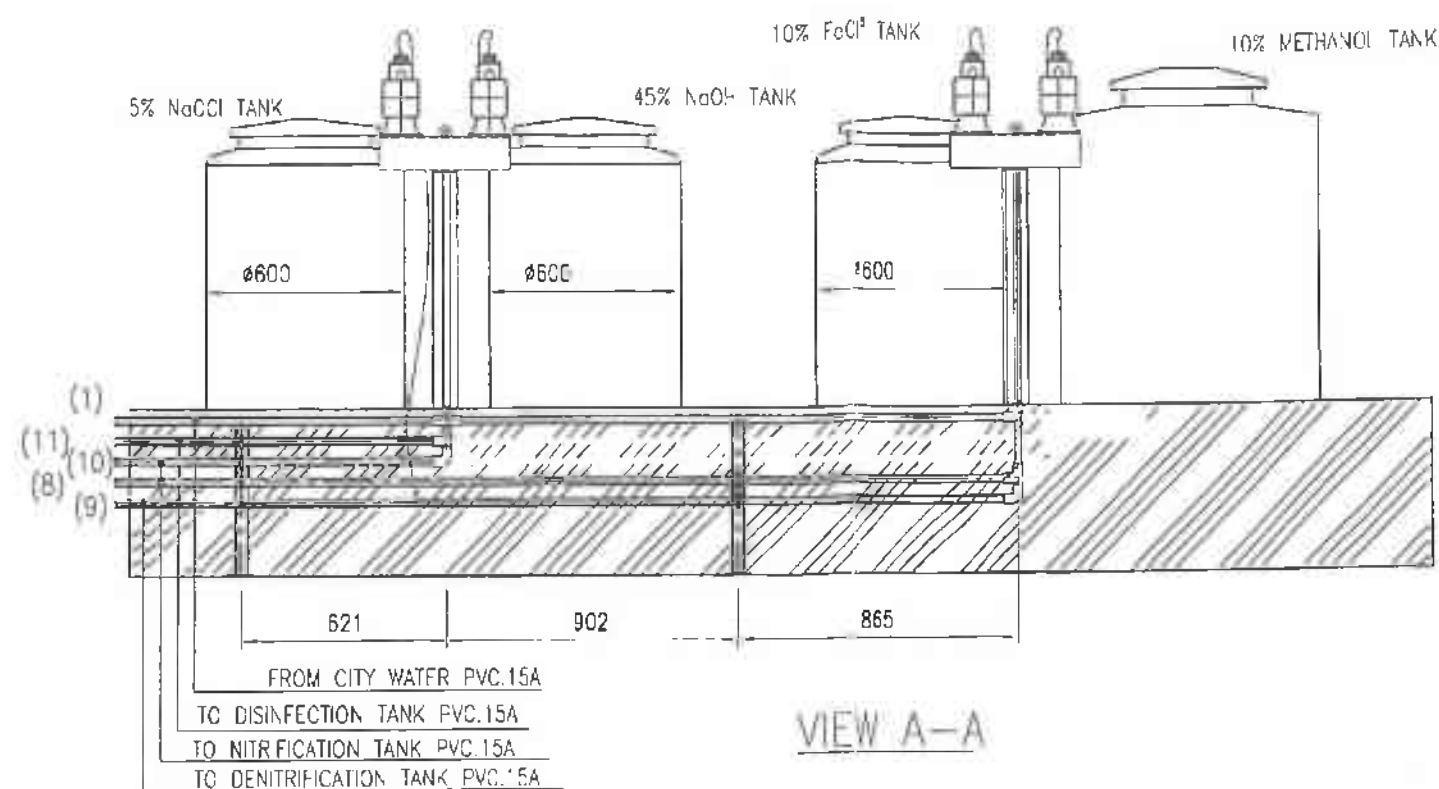
Rev.	Date	Content	Rev.	Date	Content
1					

GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.

WASTEWATER TREATMENT PLANT



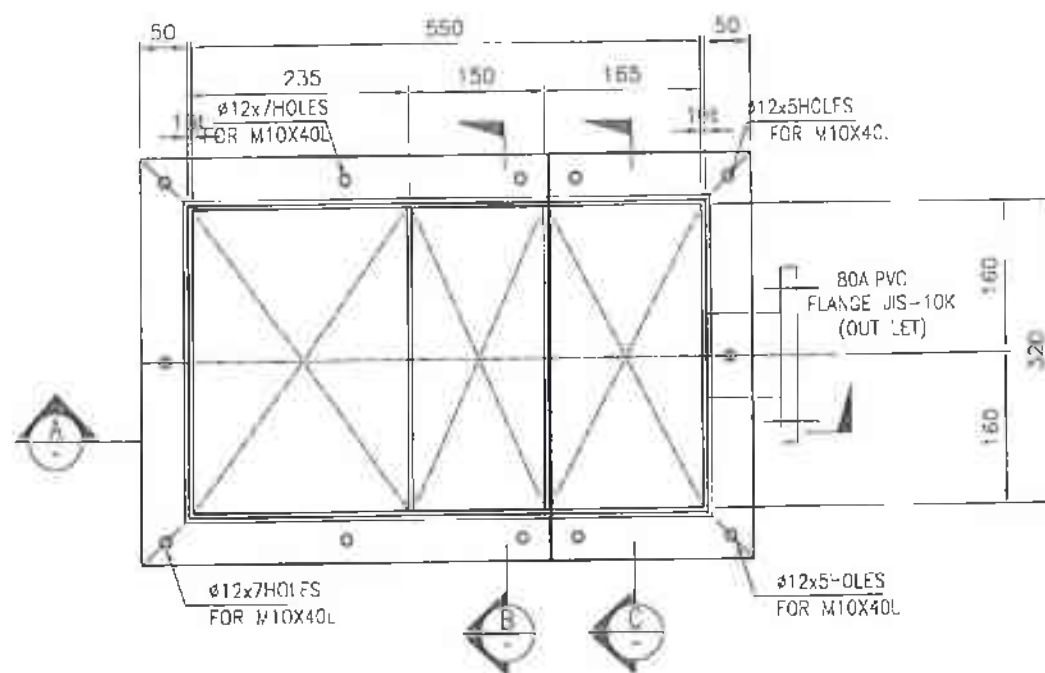
Designer:	N.T. 529	Date Draw:	09/07/2011	Project:	WASTEWATER TREATMENT PLANT 70M ³ /DAY
Checked:	N.T. 504	Date Check:	09/07/2011	Drawn By:	MAH 5200
Approved:	N.T. 500	Drawn By:	N.T. 500	Scale:	1:100



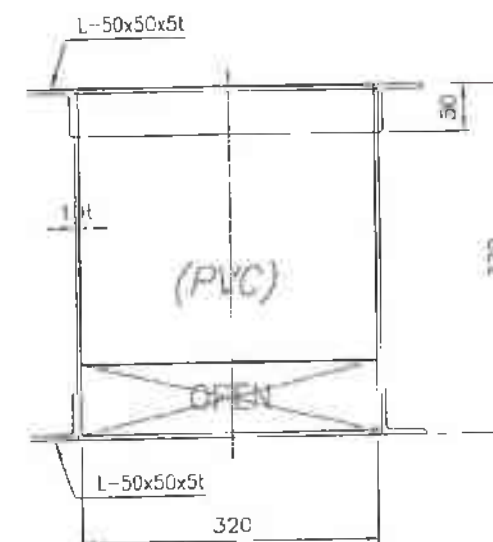
AS BUILT DRAWING
09-JUNLY-2011
GOS-HJ KOHSAN CO.,LTD.
DETAIL DESIGN DEPARTMENT

[illegible]

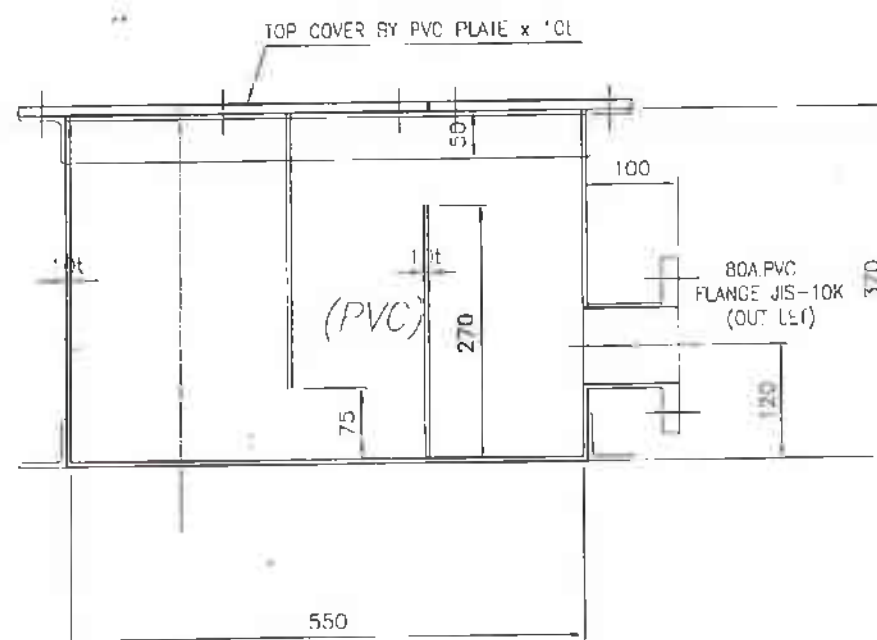
SLUDGE CONTROL TANK
320W.x550L.x370H.
(PVC.-MADE)
Q'TY: 2 SETS



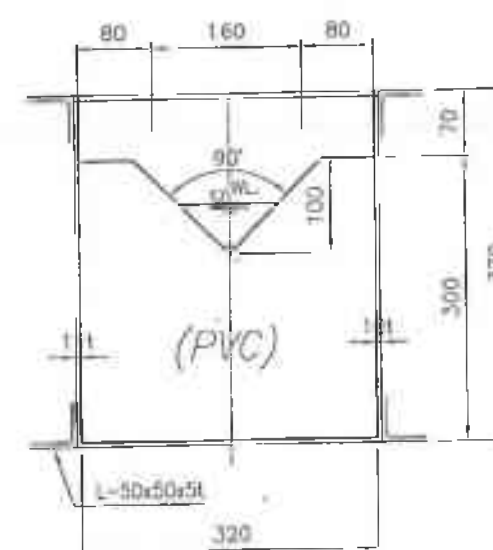
TOP PLAN
SCLAE 1/4



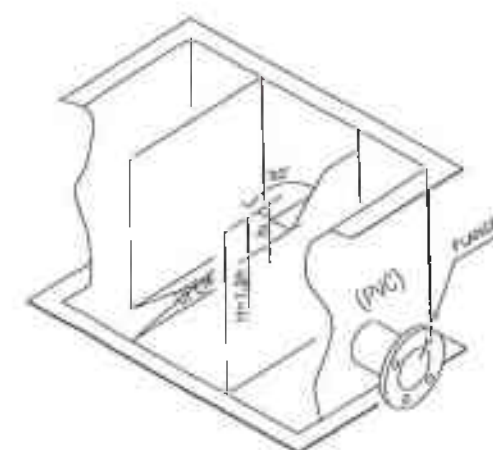
SECTION B-B
SCLAE 1/4



SECTION A-A
SCLAE 1/4



SECTION C-C
SCLAE



AS BUILT DRAWING
09-JUNLY-2011

GOSHU KOH-SAN CO., LTD.
DETAIL DESIGN DEPARTMENT

Rev.	Date	Content	Rev.	Date	Content	Messrs.	Project Name	Design Office	Designer	Date Drwg.	Item	Rev. No.
1	09/07/2011	WASTEWATER TREATMENT PLANT 70M3/DAY				GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	WASTEWATER TREATMENT PLANT	DETAIL DESIGN DEPARTMENT	N.T. SON	09/07/2011	WASTEWATER TREATMENT PLANT 70M3/DAY	1
2									N.T. SON		Sludge Control Tank No. 1&2	2
3									H. KIM		PS18-1011002	3
4											PS18-1011002-WMT-V010	4

PHỤ LỤC 4. HÓA ĐƠN ĐIỆN NƯỚC



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
604859895

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 190072 ngày 11 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

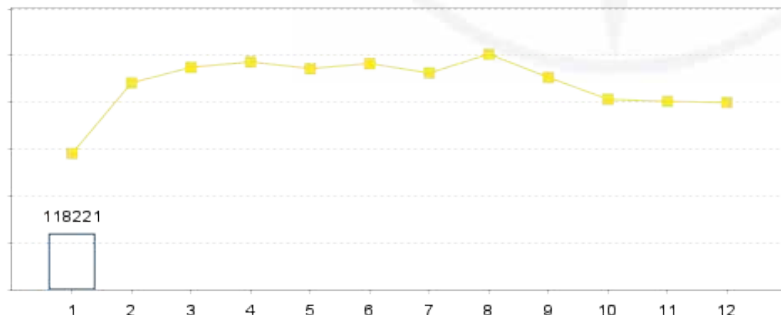
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 1/2024 (10 ngày từ 01/01/2024 đến 10/01/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.322.542	11.256.338	66.204
Khung giờ cao điểm	1	4.714.963	4.687.811	27.152
Khung giờ thấp điểm	1	4.242.063	4.217.198	24.865
Tổng: 118.221				



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.451.792	6.413.953	37.839

SLVC/SLHC: 37.839/118.221 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	66.204	110.494.476
Khung giờ cao điểm	3.093	27.152	83.981.136
Khung giờ thấp điểm	1.084	24.865	26.953.660
Tổng			221.429.272
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		118.221	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			221.429.272
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

221.429.272 đồng



Hạn thanh toán

16/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/ 01/ 2024 15:58:09



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
604879756

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 190485 ngày 21 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

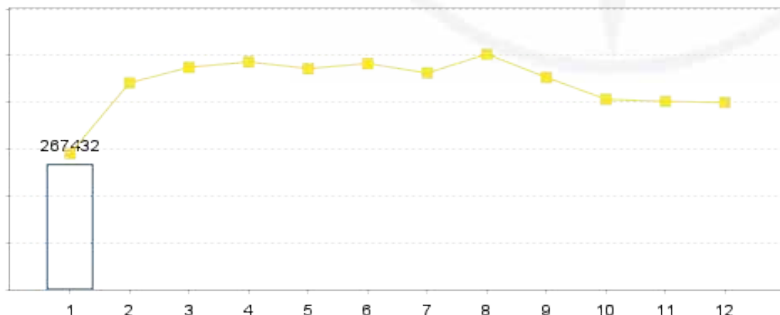
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 1/2024 (10 ngày từ 11/01/2024 đến 20/01/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.405.114	11.322.542	82.572
Khung giờ cao điểm	1	4.750.763	4.714.963	35.800
Khung giờ thấp điểm	1	4.272.902	4.242.063	30.839
				Tổng: 149.211



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.499.490	6.451.792	47.698

SLVC/SLHC: 47.698/149.211 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	82.572	137.812.668
Khung giờ cao điểm	3.093	35.800	110.729.400
Khung giờ thấp điểm	1.084	30.839	33.429.476
Tổng			281.971.544
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		149.211	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			281.971.544
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

281.971.544 đồng



Hạn thanh toán

26/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 01/ 2024 15:20:47



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
607522393

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 190893 ngày 01 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

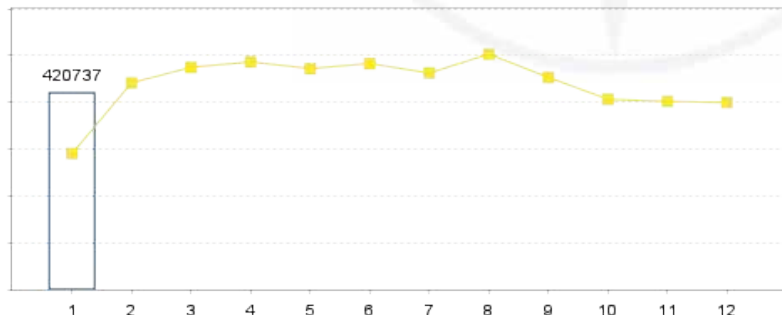
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 1/2024 (11 ngày từ 21/01/2024 đến 31/01/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.490.693	11.405.114	85.579
Khung giờ cao điểm	1	4.786.991	4.750.763	36.228
Khung giờ thấp điểm	1	4.304.400	4.272.902	31.498
				Tổng: 153.305



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.547.576	6.499.490	48.086

SLVC/SLHC: 48.086/153.305 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	85.579	142.831.351
Khung giờ cao điểm	3.093	36.228	112.053.204
Khung giờ thấp điểm	1.084	31.498	34.143.832
Tổng			289.028.387
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		153.305	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			289.028.387
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

289.028.387 đồng



Hạn thanh toán

06/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/ 02/ 2024 20:58:29



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
607797134

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 381202 ngày 11 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

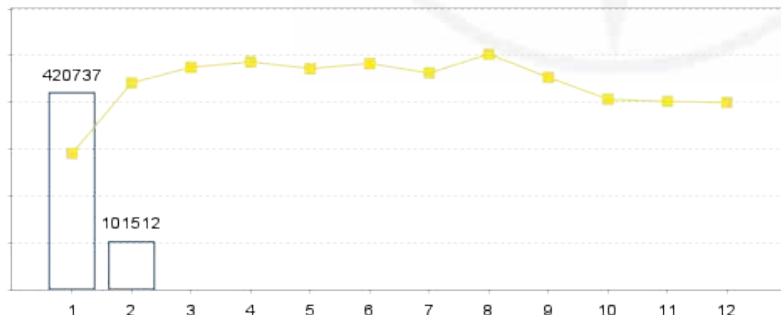
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 2/2024 (10 ngày từ 01/02/2024 đến 10/02/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.545.857	11.490.693	55.164
Khung giờ cao điểm	1	4.809.849	4.786.991	22.858
Khung giờ thấp điểm	1	4.327.890	4.304.400	23.490
				Tổng: 101.512



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.580.663	6.547.576	33.087

SLVC/SLHC: 33.087/101.512 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	55.164	92.068.716
Khung giờ cao điểm	3.093	22.858	70.699.794
Khung giờ thấp điểm	1.084	23.490	25.463.160
Tổng			188.231.670
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		101.512	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			188.231.670
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

188.231.670 đồng



Hạn thanh toán

16/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/02/2024 08:28:10



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
607810510

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 381612 ngày 21 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

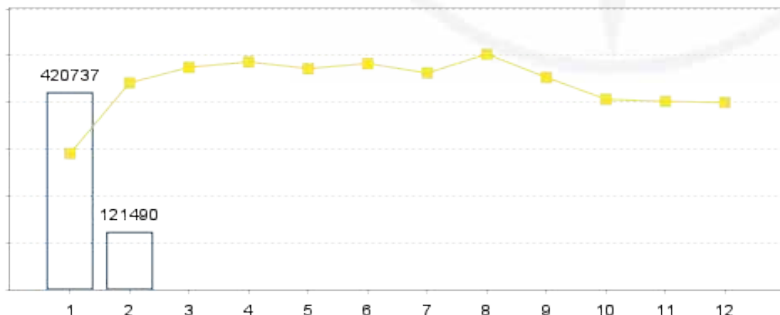
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 2/2024 (10 ngày từ 11/02/2024 đến 20/02/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.556.714	11.545.857	10.857
Khung giờ cao điểm	1	4.814.547	4.809.849	4.698
Khung giờ thấp điểm	1	4.332.313	4.327.890	4.423
				Tổng: 19.978



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.586.837	6.580.663	6.174

SLVC/SLHC: 6.174/19.978 - HỆ SỐ COSFI: 0,96 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	10.857	18.120.333
Khung giờ cao điểm	3.093	4.698	14.530.914
Khung giờ thấp điểm	1.084	4.423	4.794.532
Tổng			37.445.779
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		19.978	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			37.445.779
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

37.445.779 đồng



Hạn thanh toán

26/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 02/ 2024 15:10:09



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
607933934

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 382445 ngày 01 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

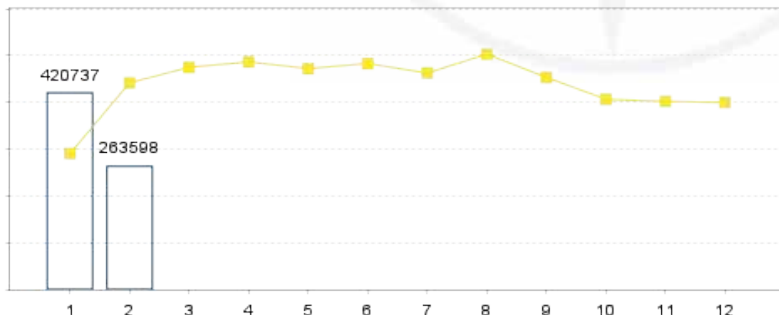
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 2/2024 (9 ngày từ 21/02/2024 đến 29/02/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.636.461	11.556.714	79.747
Khung giờ cao điểm	1	4.848.446	4.814.547	33.899
Khung giờ thấp điểm	1	4.360.775	4.332.313	28.462
				Tổng: 142.108



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.632.725	6.586.837	45.888

SLVC/SLHC: 45.888/142.108 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	79.747	133.097.743
Khung giờ cao điểm	3.093	33.899	104.849.607
Khung giờ thấp điểm	1.084	28.462	30.852.808
Tổng			268.800.158
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		142.108	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			268.800.158
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

268.800.158 đồng



Hạn thanh toán

06/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/ 03/ 2024 17:08:35



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4



1900545454

Số bảng kê:
610701945

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 571930 ngày 11 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

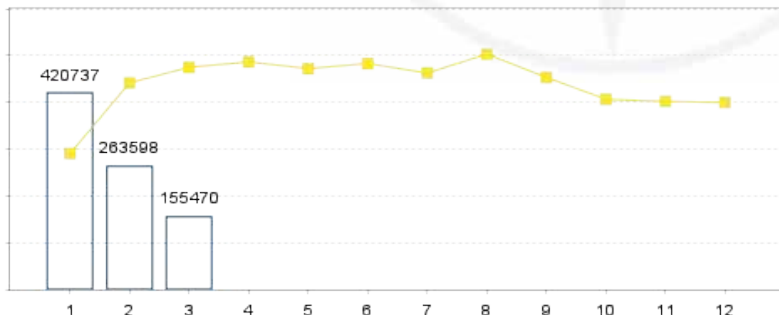
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 3/2024 (10 ngày từ 01/03/2024 đến 10/03/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.721.307	11.636.461	84.846
Khung giờ cao điểm	1	4.884.785	4.848.446	36.339
Khung giờ thấp điểm	1	4.395.060	4.360.775	34.285
				Tổng: 155.470



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.684.154	6.632.725	51.429

SLVC/SLHC: 51.429/155.470 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	84.846	141.607.974
Khung giờ cao điểm	3.093	36.339	112.396.527
Khung giờ thấp điểm	1.084	34.285	37.164.940
Tổng			291.169.441
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		155.470	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			291.169.441
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

291.169.441 đồng



Hạn thanh toán

16/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 16:10:05



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
610716031

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 572314 ngày 21 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

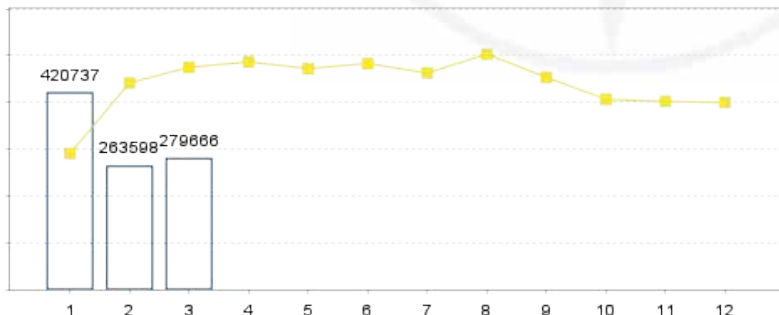
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 3/2024 (10 ngày từ 11/03/2024 đến 20/03/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.790.986	11.721.307	69.679
Khung giờ cao điểm	1	4.913.609	4.884.785	28.824
Khung giờ thấp điểm	1	4.420.753	4.395.060	25.693
				Tổng: 124.196



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.723.648	6.684.154	39.494

SLVC/SLHC: 39.494/124.196 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	69.679	116.294.251
Khung giờ cao điểm	3.093	28.824	89.152.632
Khung giờ thấp điểm	1.084	25.693	27.851.212
Tổng			233.298.095
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			124.196
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			233.298.095
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

233.298.095 đồng



Hạn thanh toán

26/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 14:17:00



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
611135881

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 572701 ngày 01 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

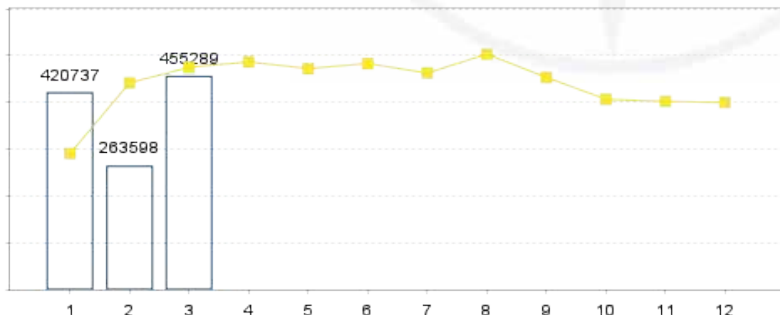
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 3/2024 (11 ngày từ 21/03/2024 đến 31/03/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.888.373	11.790.986	97.387
Khung giờ cao điểm	1	4.954.975	4.913.609	41.366
Khung giờ thấp điểm	1	4.457.623	4.420.753	36.870
				Tổng: 175.623



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.779.562	6.723.648	55.914

SLVC/SLHC: 55.914/175.623 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	97.387	162.538.903
Khung giờ cao điểm	3.093	41.366	127.945.038
Khung giờ thấp điểm	1.084	36.870	39.967.080
Tổng			330.451.021
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		175.623	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			330.451.021
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

330.451.021 đồng



Hạn thanh toán

06/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/ 04/ 2024 19:28:05



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

1900545454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

Số bảng kê:
613909070

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 764094 ngày 11 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điện thoại

02837701317

Email

bank@gunze.com.vn

Mã số thuế

0300666030

Địa chỉ sử dụng điện

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

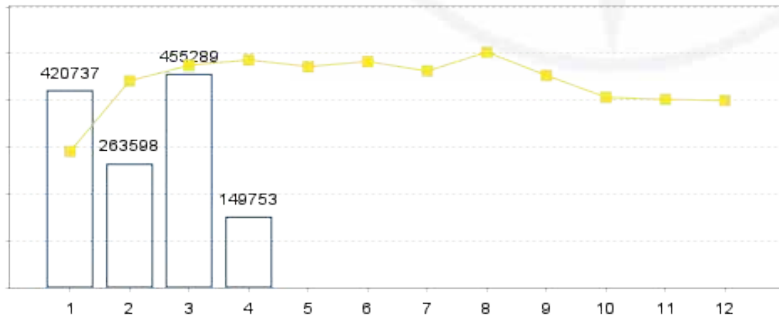
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 4/2024 (10 ngày từ 01/04/2024 đến 10/04/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	11.973.048	11.888.373	84.675
Khung giờ cao điểm	1	4.989.493	4.954.975	34.518
Khung giờ thấp điểm	1	4.488.183	4.457.623	30.560
				Tổng: 149.753



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.828.772	6.779.562	49.210

SLVC/SLHC: 49.210/149.753 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	84.675	141.322.575
Khung giờ cao điểm	3.093	34.518	106.764.174
Khung giờ thấp điểm	1.084	30.560	33.127.040
Tổng			281.213.789
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			149.753
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			281.213.789
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

281.213.789 đồng



Hạn thanh toán

16/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/ 04/ 2024 14:37:57



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

1900545454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

Số bảng kê:
613923182

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 764486 ngày 21 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

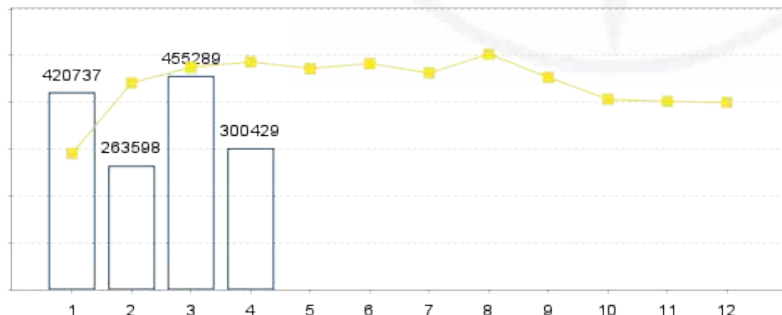
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 4/2024 (10 ngày từ 11/04/2024 đến 20/04/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.058.077	11.973.048	85.029
Khung giờ cao điểm	1	5.025.963	4.989.493	36.470
Khung giờ thấp điểm	1	4.517.360	4.488.183	29.177
				Tổng: 150.676



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.877.078	6.828.772	48.306

SLVC/SLHC: 48.306/150.676 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	85.029	141.913.401
Khung giờ cao điểm	3.093	36.470	112.801.710
Khung giờ thấp điểm	1.084	29.177	31.627.868
Tổng			286.342.979
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			150.676
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			286.342.979
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

286.342.979 đồng



Hạn thanh toán

26/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 04/ 2024 07:56:54



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
614432041

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 764877 ngày 01 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

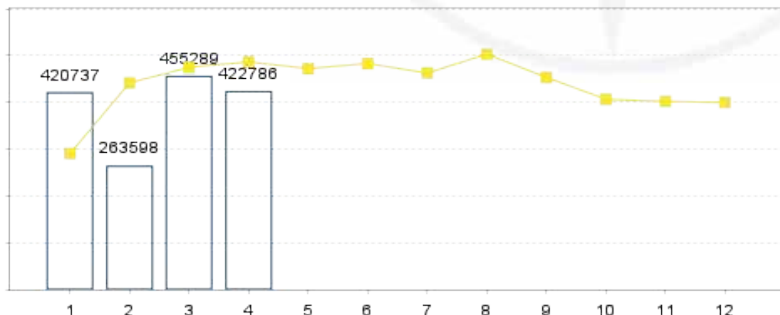
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 4/2024 (10 ngày từ 21/04/2024 đến 30/04/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.126.410	12.058.077	68.333
Khung giờ cao điểm	1	5.054.908	5.025.963	28.945
Khung giờ thấp điểm	1	4.542.439	4.517.360	25.079
				Tổng: 122.357



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.917.334	6.877.078	40.256

SLVC/SLHC: 40.256/122.357 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	68.333	114.047.777
Khung giờ cao điểm	3.093	28.945	89.526.885
Khung giờ thấp điểm	1.084	25.079	27.185.636
Tổng			230.760.298
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		122.357	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			230.760.298
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

230.760.298 đồng



Hạn thanh toán

06/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/ 05/ 2024 18:00:12



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
617091534

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 956614 ngày 11 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

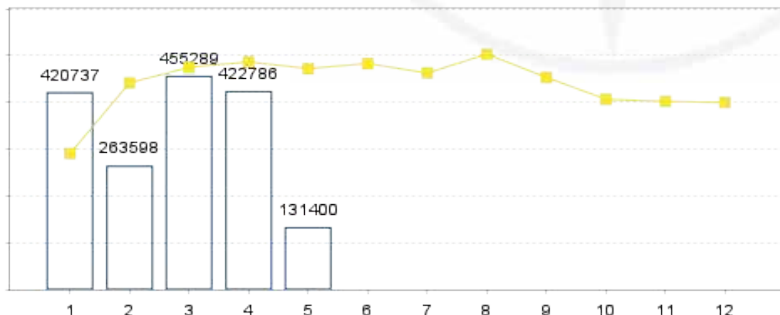
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 5/2024 (10 ngày từ 01/05/2024 đến 10/05/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.200.166	12.126.410	73.756
Khung giờ cao điểm	1	5.085.569	5.054.908	30.661
Khung giờ thấp điểm	1	4.569.422	4.542.439	26.983
				Tổng: 131.400



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	6.960.969	6.917.334	43.635

SLVC/SLHC: 43.635/131.400 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	73.756	123.098.764
Khung giờ cao điểm	3.093	30.661	94.834.473
Khung giờ thấp điểm	1.084	26.983	29.249.572
Tổng			247.182.809
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			131.400
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			247.182.809
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

247.182.809 đồng



Hạn thanh toán

16/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/ 05/ 2024 16:21:49



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005
Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
617110494

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 957044 ngày 21 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

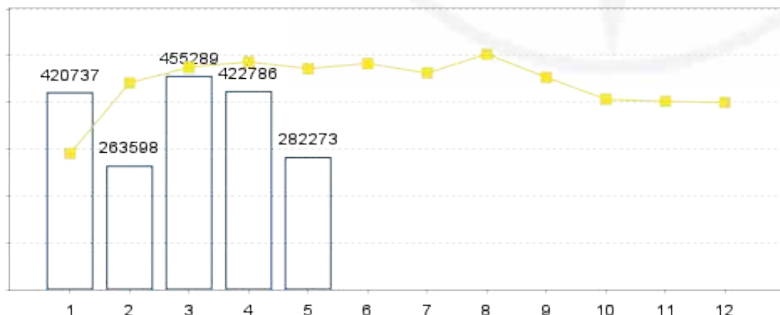
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 5/2024 (10 ngày từ 11/05/2024 đến 20/05/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.285.491	12.200.166	85.325
Khung giờ cao điểm	1	5.120.299	5.085.569	34.730
Khung giờ thấp điểm	1	4.600.240	4.569.422	30.818
				Tổng: 150.873



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	7.010.439	6.960.969	49.470

SLVC/SLHC: 49.470/150.873 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	85.325	142.407.425
Khung giờ cao điểm	3.093	34.730	107.419.890
Khung giờ thấp điểm	1.084	30.818	33.406.712
Tổng			283.234.027
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		150.873	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			283.234.027
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

283.234.027 đồng



Hạn thanh toán

26/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 05/ 2024 17:52:21



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
617829539

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 957480 ngày 01 tháng 06 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

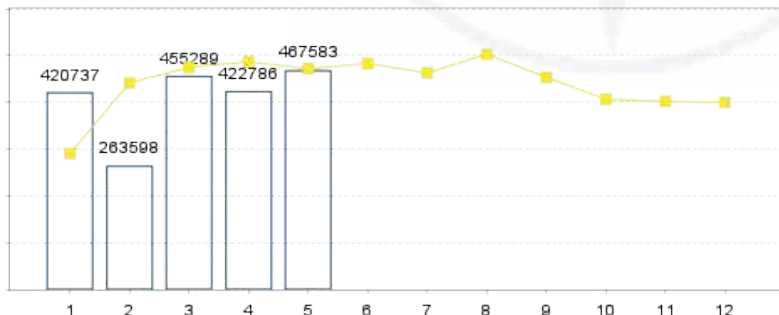
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 5/2024 (11 ngày từ 21/05/2024 đến 31/05/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.388.940	12.285.491	103.449
Khung giờ cao điểm	1	5.165.035	5.120.299	44.736
Khung giờ thấp điểm	1	4.637.365	4.600.240	37.125
				Tổng: 185.310



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	7.073.090	7.010.439	62.651

SLVC/SLHC: 62.651/185.310 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	103.449	172.656.381
Khung giờ cao điểm	3.093	44.736	138.368.448
Khung giờ thấp điểm	1.084	37.125	40.243.500
Tổng			351.268.329
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			185.310
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			351.268.329
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

351.268.329 đồng



Hạn thanh toán

06/06/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/ 06/ 2024 19:22:35



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
620545285

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1149472 ngày 11 tháng 06 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

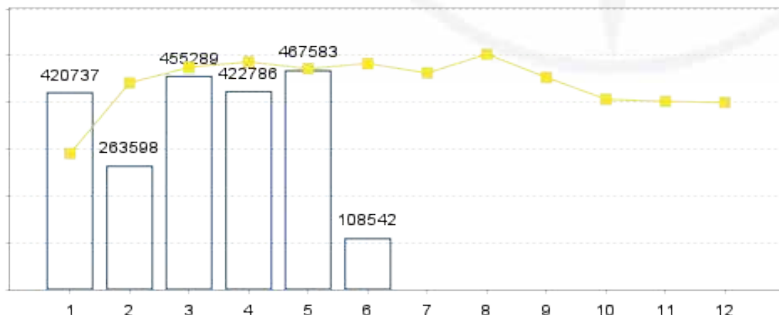
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2024 (10 ngày từ 01/06/2024 đến 10/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.449.087	12.388.940	60.147
Khung giờ cao điểm	1	5.189.381	5.165.035	24.346
Khung giờ thấp điểm	1	4.661.414	4.637.365	24.049
				Tổng: 108.542



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	7.109.105	7.073.090	36.015

SLVC/SLHC: 36.015/108.542 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	60.147	100.385.343
Khung giờ cao điểm	3.093	24.346	75.302.178
Khung giờ thấp điểm	1.084	24.049	26.069.116
Tổng			201.756.637
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		108.542	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			201.756.637
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

201.756.637 đồng



Hạn thanh toán

16/06/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 11/ 06/ 2024 16:24:07



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN
MST: 0300951119-005

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

1900545454

Số bảng kê:
620562334

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1149874 ngày 21 tháng 06 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

02837701317

bank@gunze.com.vn

0300666030

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

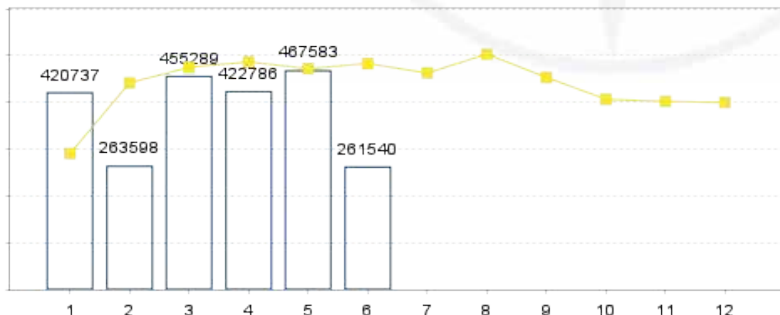
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2024 (10 ngày từ 11/06/2024 đến 20/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.535.095	12.449.087	86.008
Khung giờ cao điểm	1	5.225.256	5.189.381	35.875
Khung giờ thấp điểm	1	4.692.529	4.661.414	31.115
				Tổng: 152.998



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	7.159.733	7.109.105	50.628

SLVC/SLHC: 50.628/152.998 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	86.008	143.547.352
Khung giờ cao điểm	3.093	35.875	110.961.375
Khung giờ thấp điểm	1.084	31.115	33.728.660
Tổng			288.237.387
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			152.998
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			288.237.387
Thuế suất GTGT			0%



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

288.237.387 đồng



Hạn thanh toán

26/06/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 21/ 06/ 2024 11:33:07



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

1900545454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN

MST: 0300951119-005

Số tài khoản: 1020102102 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

Địa chỉ: 62 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

Địa chỉ

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điện thoại

02837701317

Email

bank@gunze.com.vn

Mã số thuế

0300666030

Địa chỉ sử dụng điện

Khu A, Lô 27a-29-31-33-35-37-39, ĐƯỜNG SỐ 10, KHU
CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG,
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

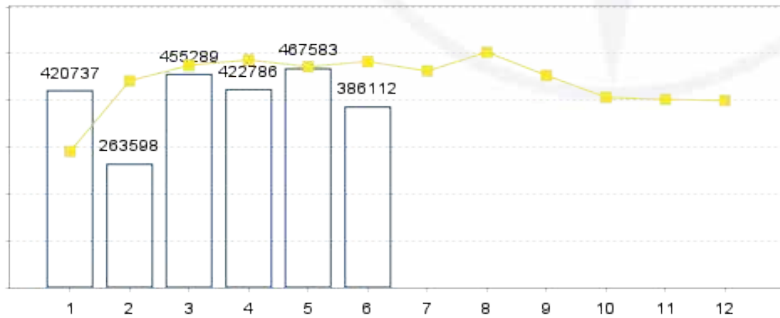
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2024 (10 ngày từ 21/06/2024 đến 30/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19960467				
Khung giờ bình thường	1	12.604.900	12.535.095	69.805
Khung giờ cao điểm	1	5.254.315	5.225.256	29.059
Khung giờ thấp điểm	1	4.718.237	4.692.529	25.708
				Tổng: 124.572



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
19960467	1	7.198.533	7.159.733	38.800

SLVC/SLHC: 38.800/124.572 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	69.805	116.504.545
Khung giờ cao điểm	3.093	29.059	89.879.487
Khung giờ thấp điểm	1.084	25.708	27.867.472
Tổng			234.251.504
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		124.572	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			234.251.504
Thuế suất GTGT			0%
Thuế GTGT (đồng)			0



Mã khách hàng

PE05000141599



Số tiền thanh toán

234.251.504 đồng



Hạn thanh toán

06/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://cskh.evnhcmc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1900545454

cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng CTy Điện Lực
TPHCM TNHH - Công Ty Điện Lực
Tân Thuận
Ngày ký: 01/07/2024

1

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN THUẬN

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

Số: 59/TTC-N

Kính gửi Cty: GUNZE

Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 01/2024 (Đợt từ ngày 09/12/23 – 08/01/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 08-01-2024	Số mới 63.323		13.987.600	
	Số cũ 62.167			
	Tiêu thụ 1.156	12.100		
	Dịch vụ TN&XI.NT	0		
	Cộng		13.987.600	
	Nợ kỳ trước			
	Tổng cộng		13.987.600	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười ba triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUAN CORP VND A/C No: 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

Trước ngày 24/01/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.

Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này

* Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Khôi Khắc phục sự cố)

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG – NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Nguyễn Tấn Phong

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Võ Thành Đạt

1

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

Số: 59/TTC-N

Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Kính gửi Cty: GUNZE

Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 02/2024 (Đợt từ ngày 09/01/24 – 07/02/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 07-02-2024	Số mới 64.862		18.621.900	
	Số cũ 63.323			
	Tiêu thụ 1.539	12.100		
	Dịch vụ TN&XLNT	0		
	Cộng		18.621.900	
	Nợ kỳ trước			
	Tổng cộng		18.621.900	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười tám triệu, sáu trăm hai mươi mốt ngàn, chín trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUAN CORP VND A/C No: 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

*Trước ngày 26/02/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.**Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này*** Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Đạt – Khắc phục sự cố)*

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG – NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Nguyễn Tấn Phong

Đỗ Trần Khôi

Vô Thành Đạt

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

Số: 59/TTC-N

Kính gửi Cty: GUNZE

Ngày 14 tháng 03 năm 2024

Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 03/2024 (Đợt từ ngày 08/02/24 – 08/03/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 08-03-2024	Số mới 66.093		14.895.100	
	Số cũ 64.862			
	Tiêu thụ 1.231	12.100		
	Dịch vụ TN&XI NT	0	14.895.100	
	Cộng		14.895.100	
	Nợ kỳ trước			
Tổng cộng			14.895.100	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười bốn triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUAN CORP VND A/C No: 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

Trước ngày 24/03/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.

Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này

* Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Đạt – Khắc phục sự cố)

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG – NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Nguyễn Tấn Phong

Đỗ Trần Khôi

Võ Thành Đạt

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

Số: 59/ TTC-N

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

Kính gửi Cty: GUNZE

Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 4/2024 (Đợt từ ngày 09/03/24 – 08/4/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 08-4-2024	Số mới 67.712		19.589.900	
	Số cũ 66.093			
	Tiêu thụ 1.619	12.100		
	Dịch vụ TN&XLNT	0	0	
	Cộng		19.589.900	
	Nợ kỳ trước		0	
	Tổng cộng		19.589.900	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười chín triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUAN CORP VND A/C No: 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

Trước ngày 25/4/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.

Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này

* Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Đạt – Khắc phục sự cố)

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG - NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Nguyễn Tấn Phong

Đỗ Trần Khôi

Võ Thành Đạt

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

1

Số: 59/TTC-N
Kính gửi Cty: GUNZE

Ngày 14 tháng 5 năm 2024
Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 5/2024 (Đợt từ ngày 09/4/24 – 08/5/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 08-5-2024	Số mới 68.979		15.330.700	
	Số cũ 67.712			
	Tiêu thụ 1.267	12.100		
	Dịch vụ TN&XLNT	0		
	Cộng		15.330.700	
	Nợ kỳ trước			
	Tổng cộng		15.330.700	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi ngàn, bảy trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUAN CORP VND A/C No : 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

Trước ngày 24/5/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.

Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này

* Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Đạt Khắc phục sự cố)

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG - NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Nguyễn Tấn Phong

Đỗ Trần Khôi

Vũ Thành Đạt



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN THUẬN

GIẤY BẢO TIỀN NƯỚC

Số: 59/ TTC-N

Ngày 14 tháng 6 năm 2024

Kính gửi Cty: GUNZE

Địa chỉ: đường 10

Kỳ tháng 6/2024 (Đợt từ ngày 09/5/24 08/6/2024)	Lượng tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Ngày ghi: 08-6-2024	Số mới	70.207		
	Số cũ	68.979		
	Tiêu thụ	1.228	12.100	14.858.800
	Dịch vụ TN&XLNT	0		
	Cộng		14.858.800	
	Nợ kỳ trước			
	Tổng cộng		14.858.800	

Tổng số tiền (viết bằng chữ)

Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm đồng chẵn

Đề nghị Quý Công ty thanh toán số tiền trên vào tài khoản:

TAN THUẬN CORP VND A/C No: 018.100.001.1413. VIETCOMBANK NAM SÀI GÒN.

Trước ngày 24/6/2024 (10 ngày kể từ ngày nhận giấy báo). Nếu quá hạn trên chúng tôi sẽ ngưng cung cấp nước.

Trường hợp Quý công ty đã thanh toán phí nợ kỳ trước vui lòng bỏ qua số phí nợ này

* Thông tin liên hệ: 0283.7701777-801 (Thông tin xuất hóa đơn) & 0283.7700036 (Mr Đạt – Khắc phục sự cố)

P. TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG MÔI TRƯỜNG – NƯỚC

NHÂN VIÊN QUẢN LÝ


Nguyễn Tấn Phong


Đỗ Trần Khôi


Võ Thành Đạt

PHỤ LỤC 5.
HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ
THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ
CO-CQ THIẾT BỊ

GOSHU KOHSAN (VIET NAM) CO.,LTD

CHARTER 1 : OPERATION MANUAL

June 2011

DỰ ÁN : CÔNG TY TNHH GUNZE VIỆT NAM
HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI – 70m³/day

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

15/07/2011	00	HDVH	NVV	NTS	H. Kina
Ngày	Chỉnh sửa	Mô tả	Chuẩn bị bởi	Kiểm tra bởi	Duyệt bởi

MỤC LỤC

1. ĐIỀU KIỆN THIẾT KẾ.....	5
1.1. Công suất.....	5
1.2. Chỉ tiêu thiết kế.....	5
2. QUI TRÌNH XỬ LÝ.....	6
3. THUYẾT MINH HỆ THỐNG.....	7
3.1. Hồ thu gom nước thải.....	7
3.2. Song chắn rác.....	7
3.3. Bể tách chất nổi.....	7
3.4. Bể điều hòa.....	7
3.5. Bể khử Nitơ.....	7
3.6. Bể Nitrat hóa.....	7
3.7. Bể lắng.....	8
3.8. Bể khử trùng.....	8
3.9. Bể chứa nước ra.....	8
3.10. Bể chứa bùn.....	8
4. DANH SÁCH THIẾT BỊ TRONG HỆ THỐNG.....	9
5. NGUYÊN LÝ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG.....	11
5.1. Bơm nước thải hồ thu gom.....	11
5.2. Bơm nước thải bể điều hòa.....	11
5.3. Máy khuấy trộn chìm.....	12
5.4. Bơm tuần hoàn.....	12
5.5. Bơm bùn tuần hoàn.....	12
5.6. Bơm chứa nước ra.....	12
5.7. Máy thổi khí cho bể Nitrat hóa.....	13
5.8. Máy thổi khí khuấy trộn.....	13
5.9. Bơm Methanol.....	13
5.10. Bơm định lượng NaOH.....	14
5.11. Bơm NaOCl.....	14
5.12. Bơm FeCl ₃	14
6. HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH.....	15
6.1. Các bước chuẩn bị (các mục cần kiểm tra trước khi vận hành).....	15
6.2. Các bước khởi động hệ thống (áp dụng khi hệ thống mới khởi động lần đầu hoặc khởi động trở lại sau khi dừng một thời gian dài).....	15
6.3. Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày, khi dừng bơm nước thải sau mỗi ngày hoặc khi hệ thống bị mất điện).....	16
6.4. Cách pha hóa chất.....	17
6.5. Cài đặt giá trị vận hành.....	18
6.6. Cài đặt lưu lượng.....	19
7. GIẢI QUYẾT SỰ CỐ.....	20
7.1. Các sự cố có đèn báo trên tủ điện.....	20
7.2. Các sự cố không có đèn báo trên tủ điện.....	21
8. KIỂM SOÁT BẢO TRÌ HỆ THỐNG.....	22

8.1. Các sự cố thường gặp và cách khắc phục	22
8.2. Các hạng mục chính cần kiểm tra hằng ngày	23
8.3. Các hạng mục cần bảo trì định kì	24
9. AN TOÀN SỬ DỤNG HÓA CHẤT	26
10. NHẬT KÝ VẬN HÀNH	27

LỜI NÓI ĐẦU

- Vì lý do an toàn, xin vui lòng đọc kỹ hướng dẫn vận hành này và các tài liệu đính kèm trước khi vận hành hệ thống.
- Người vận hành cần hiểu rõ các thông tin về kỹ thuật của thiết bị, của hệ thống được đề cập trong cuốn hướng dẫn vận hành này và các catalog trước khi vận hành hệ thống.
- Đọc kỹ sổ tay hướng dẫn và bảng thông số an toàn cho hóa chất được ấn hành bởi nhà sản xuất trước khi sử dụng hóa chất.

Công ty TNHH Goshu Kohsan (Việt Nam) không chịu trách nhiệm bảo hành đối với những rủi ro, hư hỏng hay thiệt hại như: vận hành và bảo trì hệ thống không đúng theo hướng dẫn đã nêu trong cuốn hướng dẫn này.

1. ĐIỀU KIỆN THIẾT KẾ

1.1. Công suất

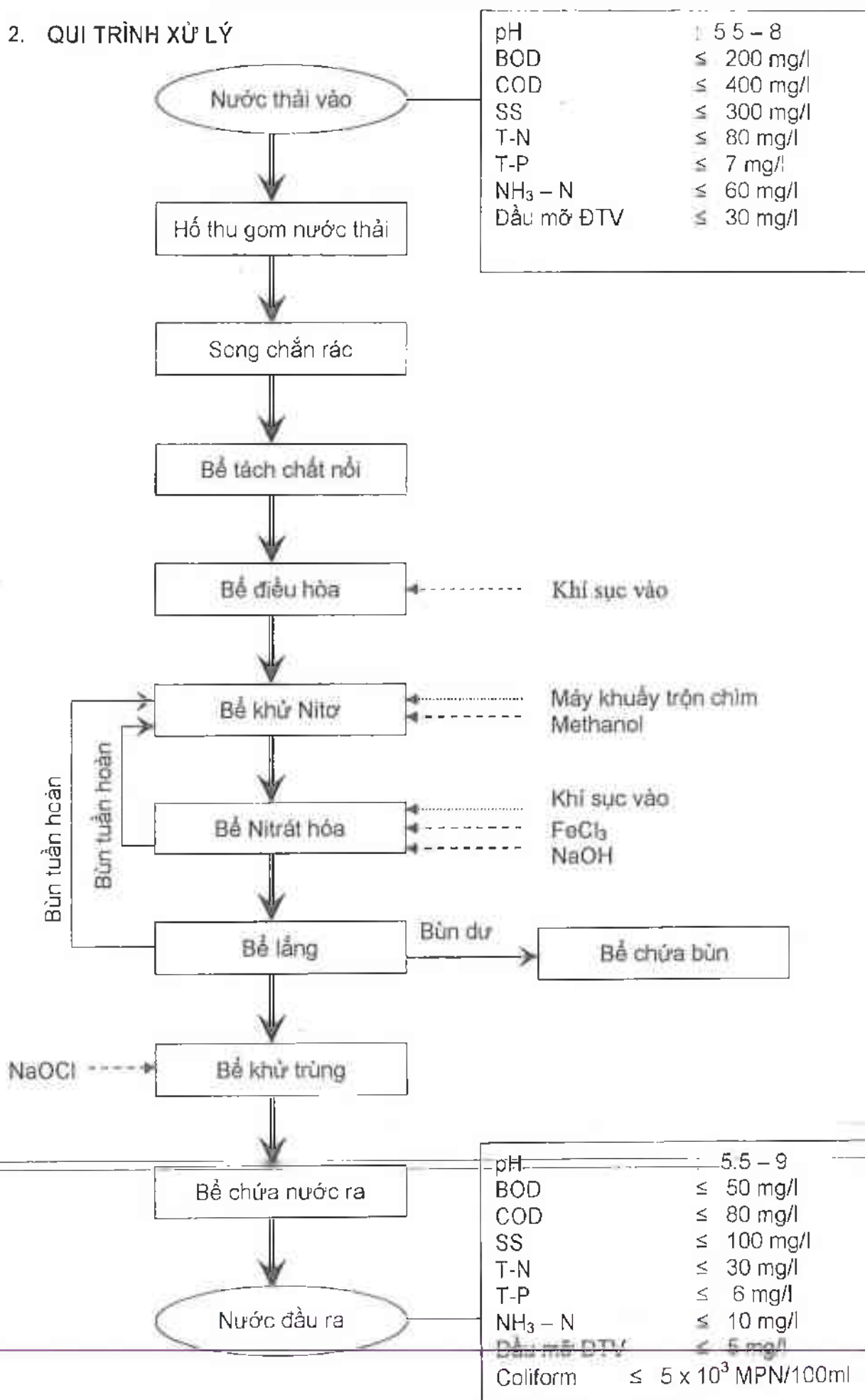
Lưu lượng ngày : 70 m³/ngày

Lưu lượng giờ : 3 m³/hr

1.2. Chỉ tiêu thiết kế

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	
			Nước đầu vào	Nước đầu ra đạt TC thải KCX Tân Thuận (TCVN 5945 – 2005 cột B)
1	pH	-	5.5 – 8	5.5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	≤ 200	≤ 50
3	COD	mg/l	≤ 400	≤ 80
4	SS	mg/l	≤ 300	≤ 100
5	T – N	mg/l	≤ 80	≤ 30
6	T – P	mg/l	≤ 7	≤ 6
7	NH ₃ – N	mg/l	≤ 60	≤ 10
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	≤ 20
9	Coliform	MPN/100ml		≤ 5 x 10 ³

2. QUI TRÌNH XỬ LÝ



3. THUYẾT MINH HỆ THỐNG

3.1. Hồ thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt từ nhà máy được thu gom vào bể này, từ bể này nước thải được bơm đến bể tách chất nổi.

3.2. Song chắn rác

Song chắn rác được thiết kế để giữ lại những vật rắn có kích thước lớn và ngăn không cho những vật này đi vào hệ thống. Song chắn rác này được định kỳ vệ sinh (nên làm ít nhất mỗi ca 1 lần hoặc khi nào song chắn bị nghẹt rác).

3.3. Bể tách chất nổi

Nước thải sinh hoạt của nhà máy sau khi qua song chắn rác được cho đi qua bể này, bể này được thiết kế để tách những vật nổi ra khỏi dòng nước thải, những vật nổi sẽ được giữ lại và tích tụ trên bề mặt của bể, nước sẽ đi qua bể tiếp theo từ phía dưới. Những vật nổi tích tụ trên bề mặt bể phải được định kỳ vớt bằng tay và chuyển qua bể chứa bùn (nên làm ít nhất mỗi tuần 1 lần hoặc khi nào trên bề mặt bể tích tụ nhiều chất nổi tràn qua bể điều hòa).

3.4. Bể điều hòa

Nước thải sau khi qua bể tách chất nổi chảy tràn vào bể này. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và chất lượng dòng vào. Máy thổi khí cấp khí vào để điều hòa chất lượng nước thải và tránh mùi hôi sinh ra từ bể này. Từ bể này, nước thải được chuyển đến hộp điều chỉnh lưu lượng để cố định lưu lượng đi vào bể Khử Nitơ bằng bơm chìm. Đồng thời bể này cũng có vai trò làm bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì.

3.5. Bể khử Nitơ

Bể này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa Nitơ có trong nước thải. Bởi vì hàm lượng Nitơ tổng (T-N) và Ammonia ($\text{NH}_3\text{-N}$) của nước thải đầu vào cao vì thế Methanol được châm vào liên tục với liều lượng xác định và Máy khuấy trộn chìm được thiết kế để tăng hiệu quả của quá trình xử lý Nitơ tổng và Ammonia.

3.6. Bể Nitrat hóa

Tại bể này, chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sinh sống và phát triển. FeCl_3 được châm vào liên tục với liều lượng xác định để xử lý Photpho tổng (T-P) và pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bởi bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được đầu điều khiển pH đặt trong bể này. Bùn được tuần hoàn lại

về bể Khử Nitơ để đảm bảo quá trình xử lý hợp chất chứa Nitơ trong nước thải đạt hiệu quả cao.

3.7. Bể lắng

Sau khi qua bể xử lý Nitrat hóa nước được nhận vào bể này, trong bể này diễn ra quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể khử trùng, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về bể khử Nitơ và bùn dư định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

3.8. Bể khử trùng

NaOCl được châm vào để khử trùng nước sau xử lý trước khi thải vào cống của khu chế xuất Tân Thuận. Nước sau khi được châm hóa chất khử trùng, chảy tràn qua bể chứa nước ra.

3.9. Bể chứa nước ra

Từ bể này, nước sau xử lý được chuyển ra cống bằng bơm chìm và nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn thải của KCX Tân Thuận (TCVN 5945 – 2005, loại B).

3.10. Bể chứa bùn

Bùn nổi từ bể tách chất nổi và bùn dư từ bể lắng được xả về và chứa trong bể này. Bùn sẽ được hút ra bằng xe tải khi bể này đầy. Máy thổi khí cấp khí vào để chứa bùn để tránh mùi hôi sinh ra từ bể này. Khi vận hành cần cẩn thận với bể này vì bùn chứa trong bể này trong thời gian dài (mà không có sục khí) có thể sinh ra khí metan gây cháy nổ hoặc gây sốc cho người.

5. NGUYÊN LÝ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG

Ở chế độ AUTO, các thiết bị điện tự động hoạt động như sau:

5.1. Bơm nước thải hố thu gom

- * *Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng.*
- * *Vị trí: hố thu gom nước thải.*
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bởi công tắc mực nước đặt trong hố thu gom nước thải và công tắc mực nước đặt trong bể điều hòa. Khi mực nước trong hố thu gom nước thải ở dưới mức Thấp Thấp (LL) hoặc mực nước trong bể điều hòa ở trên mức Cao (H) thì bơm dừng, khi mực nước trong hố thu gom nước thải ở trên mức Thấp (L) và mực nước trong bể điều hòa dưới mức Cao (H) thì bơm hoạt động.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- Khi một trong hai bơm dừng ("OFF") hoặc bị lỗi ("TRIP") thì bơm còn lại sẽ tự động hoạt động.
- Khi mực nước trong hố thu gom lên đến mức Cao Cao (HH) thì đèn báo "HH-LEVEL SUMPIT TANK" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- 02 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

5.2. Bơm nước thải bể điều hòa

- * *Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng.*
- * *Vị trí: bể điều hòa.*
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bởi công tắc mực nước đặt trong bể điều hòa và công tắc mực nước đặt trong bể chứa nước ra. Khi mực nước trong bể điều hòa ở dưới mức Thấp Thấp (LL) hoặc mực nước trong bể chứa nước ra ở trên mức Cao (H) thì bơm dừng, khi mực nước trong bể điều hòa ở trên mức Thấp (L) và mực nước trong bể chứa nước ra dưới mức Cao (H) thì bơm hoạt động.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- Khi một trong hai bơm dừng ("OFF") hoặc bị lỗi ("TRIP") thì bơm còn lại sẽ tự động hoạt động.

- Khi mực nước trong bể điều hòa lên đến mức Cao (H) thì đèn báo "HH-LEVEL RAW WASTE TANK" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- 02 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

5.3. Máy khuấy trộn chìm

- * Số lượng: 1 cái.
- * Vị trí: bể khử Nitơ.
- Hoạt động của máy (khởi động/dừng máy) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của máy trên tủ điện. Máy này hoạt động liên tục ngay cả khi hệ thống dừng (vì không có nước thải), chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.4. Bơm tuần hoàn

- * Số lượng: 1 cái.
- * Vị trí: bể Nitrát hóa.
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng máy) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của bơm trên tủ điện. Bơm này hoạt động liên tục ngay cả khi hệ thống dừng (vì không có nước thải), chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.5. Bơm bùn tuần hoàn

- * Số lượng: 1 cái.
- * Vị trí: bể lắng.
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng máy) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của bơm trên tủ điện. Bơm này hoạt động liên tục ngay cả khi hệ thống dừng (vì không có nước thải), chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa.

- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.6. Bơm chứa nước ra

- * Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng.
- * Vị trí: bể nước ra.

- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bởi công tắc mực nước đặt trong bể nước ra. Khi mực nước trong bể chứa nước ra ở dưới mức Thấp Thấp (LL) thì bơm dừng, khi mực nước trong bể chứa nước ra ở trên mức Thấp (L) thì bơm hoạt động.
- Nếu bơm bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- Khi một trong hai bơm dừng ("OFF") hoặc bị lỗi ("TRIP") thì bơm còn lại sẽ tự động hoạt động.
- Khi mực nước trong bể chứa nước ra lên đến mức Cao (H) thì đèn báo "HH-LEVEL DISCHARGE TANK" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết, lúc đó cả hai bơm sẽ cùng hoạt động, hoạt động đến khi mực nước trong bể chứa nước ra xuống đến mức Cao (H) thì một bơm sẽ dừng.
- 02 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

5.7. Máy thổi khí cho bể Nitrát hóa

- * *Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng.*
- * *Vị trí: khu vực máy thổi khí*
- 02 máy này tự động hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.
- Khi một trong hai máy dừng ("OFF") hoặc bị lỗi ("TRIP") thì máy còn lại sẽ tự động hoạt động.

5.8. Máy thổi khí khuấy trộn

- * *Số lượng: 1 cái.*
- * *Vị trí: khu vực máy thổi khí*
- ~~Hoạt động của máy (khởi động/dừng máy) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của máy trên tủ điện.~~
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.9. Bơm Methanol

- * *Số lượng: 1 cái.*

* *Vị trí: trên bồn Methanol.*

- Hoạt động của bơm Methanol được liên động với bơm nước thải bể điều hòa. Bơm Methanol hoạt động khi bơm nước thải ở bể điều hòa hoạt động, dừng khi bơm nước thải bể điều hòa dừng.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.10. Bơm định lượng NaOH

* *Số lượng: 1 cái.*

* *Vị trí: trên bồn NaOH.*

- Hoạt động của bơm NaOH (khởi động/dừng bơm) được liên động với máy thổi khí cho bể Nitrát hóa và đầu điều khiển pH đặt ở bể Nitrát hóa. Khi máy thổi khí hoạt động đồng thời giá trị pH của nước thải ở bể Nitrát hóa < 7,4 (giá trị này có thể điều chỉnh hoặc thay đổi cho phù hợp trong quá trình vận hành) thì bơm NaOH hoạt động, khi máy thổi khí ngừng hoặc giá trị pH của nước thải ở bể Nitrát hóa > 7,6 (giá trị này có thể điều chỉnh hoặc thay đổi cho phù hợp trong quá trình vận hành) thì bơm NaOH ngừng.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.11. Bơm NaOCl

* *Số lượng: 1 cái.*

* *Vị trí: trên bồn NaOCl.*

- Hoạt động của bơm NaOCl được liên động với bơm nước thải bể điều hòa. Bơm NaOCl hoạt động khi bơm nước thải ở bể điều hòa hoạt động, dừng khi bơm nước thải bể điều hòa dừng.
- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

5.12. Bơm FeCl₃

* *Số lượng: 1 cái.*

* *Vị trí: trên bồn FeCl₃.*

- Hoạt động của bơm FeCl₃ được liên động với bơm nước thải bể điều hòa. Bơm FeCl₃ hoạt động khi bơm nước thải ở bể điều hòa hoạt động, dừng khi bơm nước thải bể điều hòa dừng.

- Nếu mô tơ bị lỗi thì đèn báo "TOTAL MOTOR TRIP" sẽ sáng (ON) đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động cho biết.

6. HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

6.1. Các bước chuẩn bị (các mục cần kiểm tra trước khi vận hành)

- 1) Kiểm tra các thiết bị đang sửa chữa đã hoàn thành chưa.
- 2) Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố nếu có.
- 3) Kiểm tra mực hóa chất trong bồn hóa chất, pha thêm hóa chất nếu mực hóa chất trong bồn đã đến vạch pha.
- 4) Kiểm tra giá trị cài đặt trên các bơm định lượng.
→ Chỉ điều chỉnh lưu lượng (nếu cần) khi bơm đang hoạt động.
- 5) Kiểm tra dầu mỡ của máy thổi khí.
- 6) Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm, máy thổi khí, van khay chứa các bồn hóa chất...
- 7) Kiểm tra, vệ sinh đầu dò pH, vệ sinh giỏ rác, vệ sinh và kiểm tra hoạt động của công tắc mực nước.
- 8) Kiểm tra tình trạng bùn nổi trong bể lắng, vớt bùn nếu có bùn nổi.
- 9) Kiểm tra điện, nước cấp cho hệ thống.

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo những bước sau:

6.2. Các bước khởi động hệ thống (áp dụng khi hệ thống mới khởi động lần đầu hoặc khởi động trở lại sau khi dừng một thời gian dài)

- 1) Cấp điện cho các thiết bị.
- 2) Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ "AUTO". ***Ghi chú: khi thường xuyên không có nước thải để chạy thì nên bật bơm Methanol sang chế độ Manual để châm Methanol vào hệ thống đảm bảo cung cấp thức ăn cho vi sinh sinh sống và phát triển. Lúc đó cần thường xuyên theo dõi mực hóa chất trong bồn Methanol***

để tránh trường hợp hết hóa chất trong bồn, bơm hóa chất chạy không tải sẽ hư bơm.

- 3) Các máy thổi khí, máy khuấy trộn chìm, các bơm tuần hoàn bùn bể Nitrat hóa, bể lắng đều bật sang chế độ "AUTO" hoặc "ON". Các thiết bị này luôn ở chế độ "AUTO" hoặc "ON" ngay cả khi hệ thống dừng vì không có nước thải, chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa hoặc dừng hệ thống trong thời gian dài.
- 4) Bơm nước thải bể điều hòa, bơm nước đầu ra đều bật sang chế độ "AUTO".
- 5) Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.
- 6) Trong thời gian đầu khởi động lại hệ thống không nên xả bùn từ bể lắng về bể bùn, vì lúc này bùn chưa đủ để xử lý. Thông thường sau 03 – 06 tháng khởi động lại thì hệ thống mới có bùn dư cần xả về bể chứa bùn.

6.3. Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày, khi dừng bơm nước thải sau mỗi ngày hoặc khi hệ thống bị mất điện)

- 1) Cấp điện cho các thiết bị đang bị ngắt điện.
- 2) Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ "AUTO".
- 3) Bơm nước thải bể điều hòa, bơm nước đầu ra đều bật sang chế độ "AUTO".
- 4) Vớt bùn nổi trên bề mặt bể lắng (nếu có).
- 5) Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.
- 6) Hàng ngày, cần kiểm tra thể tích bùn (SV30#thể tích bùn trong 30phút) ở bể Nitrat hóa để quyết định có xả bùn dư về bể chứa bùn hay không. Cách thức kiểm tra SV30 như sau: dùng ống đong 1000ml có khắc vạch mỗi 100ml, cho bùn bể Nitrat hóa (Nitrification Tank) vào đến vạch 1000ml rồi để trong 30 phút, sau đó đọc thể tích bùn chiếm được. Nếu thể tích trong 30 phút > 400ml thì tiến hành xả bùn dư về bể chứa bùn. Thời gian xả bùn khoảng 2phút.
- 7) Định kỳ mở van để xả bùn lắng ở bể lắng về bể chứa bùn nhưng nhớ cần kiểm tra SV30 ở bể Nitrat hóa trước khi xả. ***Ghi chú: Trước khi xả bùn, thì khóa van cấp khí vào bể chứa bùn để bùn trong bể bùn lắng trong khoảng ít nhất 30phút để khi xả bùn thì phần nước trong bên trên sẽ chảy tràn qua bể điều hòa, nếu không khóa van cấp khí vào bể chứa bùn thì khi xả bùn vào bể bùn cả nước lẫn bùn***

*chảy tràn qua bể điều hòa, lâu ngày bùn sẽ tích tụ nhiều làm do
bể điều hòa hoặc có thể làm nghẹt bơm nước thải.*

6.4. Cách pha hóa chất

6.4.1 Bồn Methanol

Nồng độ hóa chất sử dụng là Methanol 10%.

Pha dung dịch Methanol 10% từ Methanol 40%

Thể tích dung dịch cần pha: 500 lít.

➡ Trường hợp bồn chứa là bồn rỗng

Cách pha:

- Đổ nước vào đến vạch 360 lít.

- Cho từ từ 125 kg Methanol 40% vào.

=> Nồng độ dung dịch sau khi pha là 10,31%.

➡ Trường hợp bồn chứa đã chứa dung dịch đến vạch cần pha (vạch 50 lít)

Cách pha:

- Đổ nước vào đến vạch 350 lít (châm thêm 300 lít).

- Cho từ từ 100 kg Methanol 40% vào.

=> Nồng độ dung dịch sau khi pha là 10,00%.

6.4.2 Bồn NaOH

Nồng độ hóa chất sử dụng là NaOH 45%.

➡ Trường hợp bồn chứa là bồn rỗng

- Cho từ từ 180 kg NaOH 45% vào.

➡ Trường hợp bồn chứa đã chứa dung dịch đến vạch cần pha (vạch 30 lít)

- Cho từ từ 90 kg NaOH 45% vào.

6.4.3 Bồn NaOCl

Nồng độ hóa chất sử dụng là NaOCl 5%.

Pha dung dịch NaOCl 5% từ NaOCl 10%

Thể tích dung dịch cần pha: 200 lít.

➡ Trường hợp bồn chứa là bồn rỗng

Cách pha:

- Đổ nước vào đến vạch 90 lít.

- Cho từ từ 90 kg NaOCl 10% vào.

=> Nồng độ dung dịch sau khi pha là 5%.

➡ Trường hợp bồn chứa đã chứa dung dịch đến vạch cần pha (vạch 30 lít)

Cách pha:

- Điền nước vào đến vạch 120 lít (châm thêm 90 lít).
 - Cho từ từ 90 kg NaOCl 10% vào.
- => Nồng độ dung dịch sau khi pha là 5%.

6.4.4 Bồn FeCl_3

Nồng độ hóa chất sử dụng là FeCl_3 5%.

Pha dung dịch FeCl_3 5% từ FeCl_3 40%

Thể tích dung dịch cần pha: 200 lít.

➤ Trường hợp bồn chứa là bồn rỗng

Cách pha:

- Điền nước vào đến vạch 180 lít.
 - Cho từ từ 30 kg FeCl_3 40% vào.
- => Nồng độ dung dịch sau khi pha là 5,71%.

➤ Trường hợp bồn chứa đã chứa dung dịch đến vạch cần pha (vạch 30 lít)

Cách pha:

- Điền nước vào đến vạch 190 lít (châm thêm 160 lít).
 - Cho từ từ 30 kg FeCl_3 40% vào.
- => Nồng độ dung dịch sau khi pha là 6,32%.

Ghi chú: *Đeo găng tay cao su, mắt kính, khẩu trang và mang đồ bảo hộ khi pha hóa chất.*

6.5. Cài đặt giá trị vận hành

STT	Thiết bị	Giá trị cài đặt	Ghi chú
1	Bộ điều khiển pH đặt ở bể Nitrat hóa	L: 7.5 ± 0.1 (giá trị này có thể điều chỉnh cho phù hợp)	pH < L : Bơm NaOH chạy pH > L : Bơm NaOH dừng

6.6. Cài đặt lưu lượng

STT	Thiết bị và đường dẫn			Giá trị cài đặt	Ghi chú
1	Bể nhận nước thải	 Bơm nước thải	Bể tách chất nổi		
2	Bể điều hòa	 Bơm nước thải	Bể khử Nitơ	Hộp chỉnh lưu lượng nước thải 3m ³ /h # 52mmH	
3	Bể Nitrát hóa	 Bơm tuần hoàn	Bể khử Nitơ	Hộp chỉnh lưu lượng bùn thứ 1 6m ³ /h # 69mmH	
4	Bể lắng	 Bơm tuần hoàn bùn (bể lắng)	Bể Nitrat hóa	Hộp chỉnh lưu lượng bùn thứ 1 3m ³ /h # 52mmH	
5	Bồn Methanol	 Bơm Methanol	Bể khử Nitơ	Liên động với bơm nước thải L. lượng:cc/ph	Stroke _____%
6	Bồn FeCl ₃	 Bơm FeCl ₃	Bể Nitrat hóa	Liên động với bơm nước thải L. lượng:cc/ph	Stroke _____%
7	Bồn NaOH	 Bơm NaOH	Bể Nitrat hóa	Liên động với bộ điều khiển pH & máy thổi khí bể Nitrát hóa	Stroke _____%
8	Bồn NaOCl	 Bơm NaOCl	Bể khử trùng	Liên động với bơm nước thải L. lượng:cc/ph	Stroke _____%

7. GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

7.1. Các sự cố có đèn báo trên tủ điện

STT	Còi báo	Nguyên nhân và cách xử lý
1	Thiết bị điện lỗi <i>Tên lỗi báo là: "Total Motor Trip" trên tủ điện</i> Đối với các thiết bị: 1. Bơm nước thải, bùn 2. Bơm hóa chất 3. Máy khuấy trộn chìm 4. Máy thổi khí	Chạm mạch hoặc quá tải → Alarm "ON" Trip reset → Alarm "OFF" <u>Cách xử lý:</u> nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra xem thiết bị nào bị lỗi và sửa chữa.
2	Giá trị pH trong bể Nitrát hóa thấp <i>Tên lỗi báo là: "Low pH Nitrification Tank" trên tủ điện</i>	Giá trị pH < LL → Alarm "ON" Giá trị pH > LL → Alarm "OFF" <u>Cách xử lý:</u> nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra theo các bước sau: 1. Kiểm tra giá trị pH trong bể Nitrat hóa bằng máy đo pH cầm tay a) Giá trị pH đo được bằng máy đo pH cầm tay nằm trong khoảng cho phép => thì tiến hành kiểm tra đầu dò pH của hệ thống b) Giá trị pH nằm ngoài khoảng cho phép => thì tiến hành kiểm tra xem máy thổi khí có hoạt động, chạy lại máy nếu máy đã sẵn sàng cho hoạt động. Và kiểm tra xem hóa chất có còn trong bồn và bơm NaOH có hoạt động hay không. 2. Kiểm tra giá trị pH của nước thải vào bằng máy đo pH cầm tay.
3	Nước trong hồ thu gom ở mức cao <i>Tên lỗi báo là: "HH-Level Sumpit Tank" trên tủ điện</i>	Mức nước trên mức [HH] → Alarm "ON" Mức nước dưới mức [H] → Alarm "OFF" <u>Cách xử lý:</u> nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra công tắc mức nước và mức nước trong bể để xác nhận báo động đúng. <u>Nếu:</u> 1. Bơm nước thải bị nghẹt → vệ sinh bơm. 2. Công tắc phao bị kẹt rác không kích hoạt → Vệ sinh rác. 3. Lưu lượng xả quá cao > 70m ³ /ngày. Kiểm tra lưu lượng xả thải từ nhà máy.
4	Nước trong bể điều hòa ở mức cao <i>Tên lỗi báo là: "HH-Level Raw Waste Tank" trên tủ điện</i>	Mức nước trên mức [HH] → Alarm "ON" Mức nước dưới mức [H] → Alarm "OFF" <u>Cách xử lý:</u> nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra công tắc mức nước và mức nước trong bể để xác nhận báo động đúng. <u>Nếu:</u> 1. Bơm nước thải bị nghẹt → vệ sinh bơm. 2. Công tắc phao bị kẹt rác không kích hoạt → Vệ sinh rác.

		Máy thổi khí	Kiểm tra van an toàn Kiểm tra sự cách điện của mô tơ Kiểm tra/xiết chặt các bulon/mối nối Kiểm tra sức căng của dây đai Cấp dầu mỡ cho bánh răng, bạc đạn Thay dầu mỡ
5	Hằng tháng	Bơm chìm	Vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra các cánh quạt và sự rò rỉ điện của bơm.
		pH kế	Hiệu chỉnh
6	Hằng 2 tuần	Bùn nổi bể lắng	Vớt bùn nổi trên bề mặt bể lắng và cho vào bể bùn
7	Hằng tuần	pH kế	Vệ sinh.
		Máy thổi khí	Theo dõi mức dầu Theo dõi áp hoạt động của máy Kiểm tra cường độ dòng điện/điện thế Kiểm tra tiếng ồn, rung động, nhiệt độ của máy.

9. AN TOÀN SỬ DỤNG HÓA CHẤT

* Khi vận hành và kiểm soát hệ thống này, điều nguy hiểm nhất ở đây là hóa chất. Bởi vì đây là những hóa chất có tỷ trọng cao và có tính chất rất nguy hiểm.

* Sự nguy hiểm của hóa chất:

- Nó gây viêm sưng, kích ứng khi tiếp xúc với da.
- Làm giảm hoặc mất thị lực khi tiếp xúc với mắt.
- Khi hút bằng miệng nó sẽ gây khó thở bởi những khí độc hại.

* Trước khi sử dụng hóa chất cần phải đọc và hiểu rõ [bảng thông số an toàn cho hóa chất]. Hiểu rõ tính nguy hiểm của chúng. Ở trang tiếp theo, [bảng thông số an toàn cho hóa chất] được đính kèm, trong đó chúng tôi đã trích dẫn những hóa chất liên quan được sử dụng trong hệ thống này.

* Có những điều chung cần chú ý khi sử dụng hóa chất như sau:

1) Dự trữ sẵn các dụng cụ bảo vệ

Luôn luôn chuẩn bị sẵn mắt kính, quần áo, găng tay, và khẩu trang bảo hộ, và chúng phải được mang vào khi làm việc.

2) Kiểm tra hóa chất hàng ngày

Kiểm tra bồn hóa chất, bơm và ống chuyển hóa chất mỗi ngày một lần. Đảm bảo không có gì bất thường, hóa chất vẫn còn khả năng làm việc (hạn sử dụng, tính năng) và không bị rò rỉ.

3) Cảnh báo khi sửa chữa bơm hoặc đường ống dẫn hóa chất:

Khi lắp đặt bơm hoặc đường ống, cần phải mang đồ bảo hộ và chuẩn bị vải lau và nước sạch trước khi tiến hành công việc.

4) Cấp hóa chất:

Phải theo dõi và quan sát khi điền hóa chất vào bồn, yêu cầu nhà cung cấp cho lời khuyên về phương cách làm việc an toàn.

Phải luôn luôn mặc đồ bảo hộ khi điền hóa chất vào bồn, khi pha hóa chất và làm theo bảng hướng dẫn vận hành.

5) Chú ý đến vấn đề bảo quản hóa chất.

Cần phải theo dõi bảng [bảng thông số an toàn cho hóa chất], bảng này được dán lên thùng hoặc bao bì đựng hóa chất. Nếu hóa chất không được bảo quản tốt sẽ mau hư.

Đọc kỹ các hướng dẫn và ghi chú trên trước khi sử dụng và sử dụng an toàn.

10. NHẬT KÝ VẬN HÀNH

STT		Hạng mục	Cách làm và đặc tính	Ghi chép
1		Công tác mục hồ thu gom	Kiểm tra & vệ sinh công tác mục nếu dơ	
2		Giò chắn rác trong bể tách chất nổi	Kiểm tra & vệ sinh giò rác nếu dơ	
3		Công tác mục bể điều hòa	Kiểm tra & vệ sinh công tác mục nếu dơ	
4		Hộp điều chỉnh lưu lượng	(3m3/giờ tại chữ V. Kiểm tra bơm nghẹt hay không khi lưu lượng thấp hơn 3m3/giờ và vệ sinh bơm nếu bơm bị nghẹt. Vệ sinh Hộp điều chỉnh lưu lượng nếu dơ	
5		Bể Nitrat hóa	Theo dõi giá trị pH tại bể này, báo với Goshu nếu pH ngoài khoảng cho phép (pH cho phép = 6-9)	
6		Hộp điều chỉnh lưu lượng bùn số 1	6m3/giờ tại chữ V. Kiểm tra bơm nghẹt hay không khi lưu lượng thấp hơn 6m3/giờ và vệ sinh bơm nếu bơm bị nghẹt. Vệ sinh hộp điều chỉnh lưu lượng bùn nếu dơ	
7		Hộp điều chỉnh lưu lượng bùn số 2	3m3/giờ tại chữ V. Kiểm tra bơm nghẹt hay không khi lưu lượng thấp hơn 3m3/giờ và vệ sinh bơm nếu bơm bị nghẹt. Vệ sinh hộp điều chỉnh lưu lượng bùn nếu dơ	
8		Bể lắng	Vớt lớp bùn nổi trên bề mặt bể lắng (nếu có) và đổ qua bể chứa bùn	
9		Bồn Methanol	Kiểm tra mực hóa chất còn lại. Điền lại nếu mực hóa chất xuống mức cần châm (mực hóa chất cần châm là tại vạch 50lit)	
10		Bồn NaOH	Kiểm tra mực hóa chất còn lại. Điền lại nếu mực hóa chất xuống mức cần châm (mực hóa chất cần châm là tại vạch 30lit)	
11		Bồn NaOCl)	Kiểm tra mực hóa chất còn lại. Điền lại nếu mực hóa chất xuống mức cần châm (mực hóa chất cần châm là tại vạch 30lit)	
12		Bồn FeCl3	Kiểm tra mực hóa chất còn lại. Điền lại nếu mực hóa chất xuống mức cần châm (mực hóa chất cần châm là tại vạch 30lit)	
13		Định kỳ xả xả bùn dư	Xả bùn dư từ bể lắng vào bể chứa bùn, mở van xả bùn khoảng 2-5 phút/ngày. Ghi chú: cần phải kiểm tra SV30 trước khi xả bùn dư, nếu SV30 > 400ml thì xả bùn ngược lại thì không cần xả bùn	
14		Bể tách chất nổi Weekly (Định kỳ hàng tuần)	Vớt lớp bùn nổi trên bề mặt bể tách chất nổi và đổ qua bể chứa bùn	

Ngày:

CHAPTER 5 : EQUIPMENT CATALOGUE

1. SUBMERSIBLE PUMP ZENIT – DGO SERIES
2. CHEMICAL FEED PUMP IWAKI ES SERIES
3. SUBMERSIBLE MIXER ABS
4. AIR BLOWER SSR TAIKO KIKAI
5. LEVEL SWITCH QTS
6. PH METER (TRANSMITTER,PREAMPLIFIER,SENSOR)



VESSEL, TANK LIST

VESSELS TANK LIST										PROJECT NAME	WASTE WATER TREATMENT PLANT 70M3/DAY	PAGE NO: 1/1	JOB NO : PS1B-1011002
ITEM NO.	DESCRIPTION	QTY	TYPE	SPECIFICATION (OR DIMENSION-mm)	MATL	FLUID NAME	MFR NAME	INSPEC. & TESTING	REMARKS				
1	SUMMIT TANK	1	RA-A	2M3	RC	WASTEWATER	GKC	GKC					
2	SETTLING TANK	1	RA-A	10M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
3	RAW WASTE TANK	1	RA-A	45M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
4	DENITRIFICATION TANK	1	VC-A	15M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
5	NITRIFICATION TANK	1	RA-A	50M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
6	SEDIMENTATION TANK	1	RA-A	2500 x 2500	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
7	DISINFECTION TANK	1	RA-A	5M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
8	DISCHARGE TANK	1	RA-A	5M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
9	SLUDGE TANK	1	VC-P	45M3	RC	WASTEWATER	OTHER	OTHER					
10	METHANOL TANK	1	HC-A	500L	PE	METHANOL	GKC	GKC					
11	NaOH TANK	1	HC-A	200L	PE	NaOH	GKC	GKC					
12	NaOCL TANK	1	HC-A	200L	PE	NaOCL	GKC	GKC					
13	FeCL3 TANK	1	HC-A	200L	PE	FeCL3	GKC	GKC					
14	V - NOTCH TANK	1	HC-A	3M3/hr	PVC	WASTEWATER	GKC	GKC					
15	SLUDGE CONTROL TANK No.1	1	HC-A	6M3/hr	PVC	WASTEWATER	GKC	GKC					
16	SLUDGE CONTROL TANK No.2	1	HC-A	3M3/hr	PVC	WASTEWATER	GKC	GKC					
Rev	Date	Note	Approved	Prepared	MATERIAL					INSPEC. & TESTING			
					VC	Stainless steel	CUR	: with Customer					
					HC	Carbon steel-Flap	GKC	: by GKC					
					-P	Carbon steel-Epoxy coating	MFR @	: by Manufacturer/Records					
					-A	Carbon steel (rubber)	MFR	: by Manufacturer					
					RA	Carbon steel (epoxy)							
						Carbon steel (in-epoxy)							
						Poly vinyl chloride							
						Polyethylene							
						Reinforced concrete							
						Fiber reinforced plastic							
						Other							



CUSTOMER	GUNZE VIETNAM CO., LTD
PROJECT NAME	WASTEWATER TREATMENT PLANT-7PM3DAY

PAGE NO : 1/1
JOB NO : 'PS1B 10

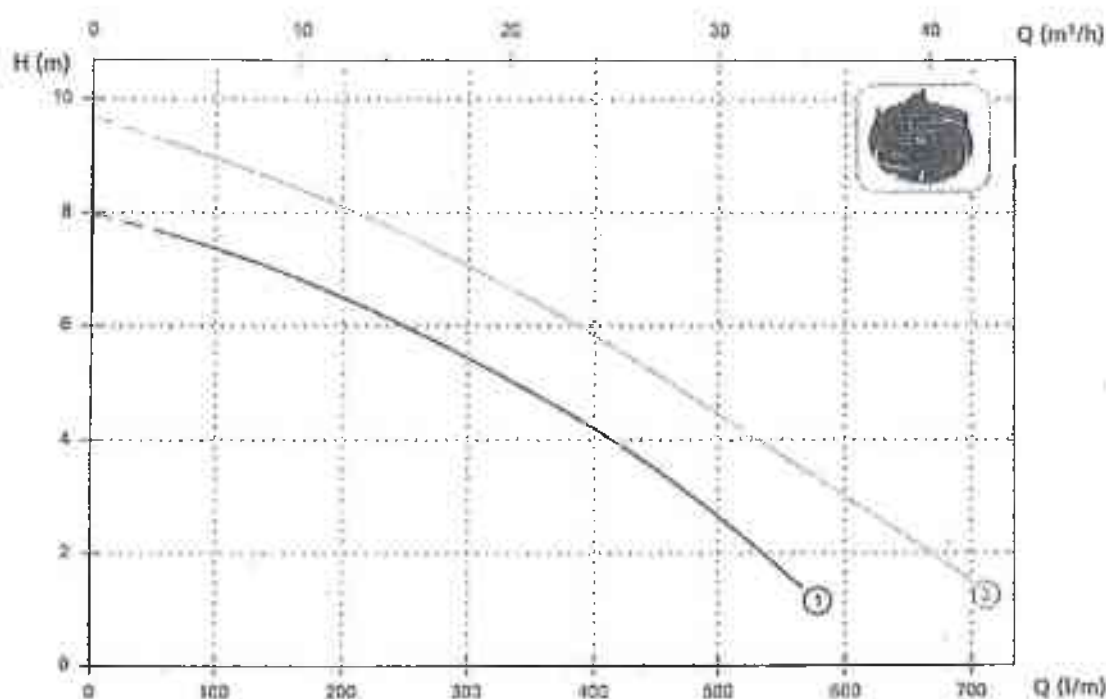
[illegible]

DGO

Models with vertical GAS 1 1/2" threaded delivery port - 2 poles

Performances

	l/s	0	2	4	6	8	10
	l/min	0	120	240	360	480	600
	m ³ /h	0	7,2	14,4	21,6	28,8	36,0
① DGO 150/2/G65V A1CM(T)/50		8,0	7,2	6,1	4,7	3,0	
③ DGO 200/2/G65V A1CM(T)/50		9,7	8,8	7,7	6,3	4,7	3,0



Technical data

	V	Phases	P1 (kW)	P2 (kW)	A	Rpm	Ø	Cable (*)	Free passage
① DGO 150/2/G65V A1CM/50	230	1	-	1.1	8.2	2900	G 2 1/2"	A	65 mm
③ DGO 200/2/G65V A1CM/50	230	1	-	1.5	9.9	2900	G 2 1/2"	A	65 mm

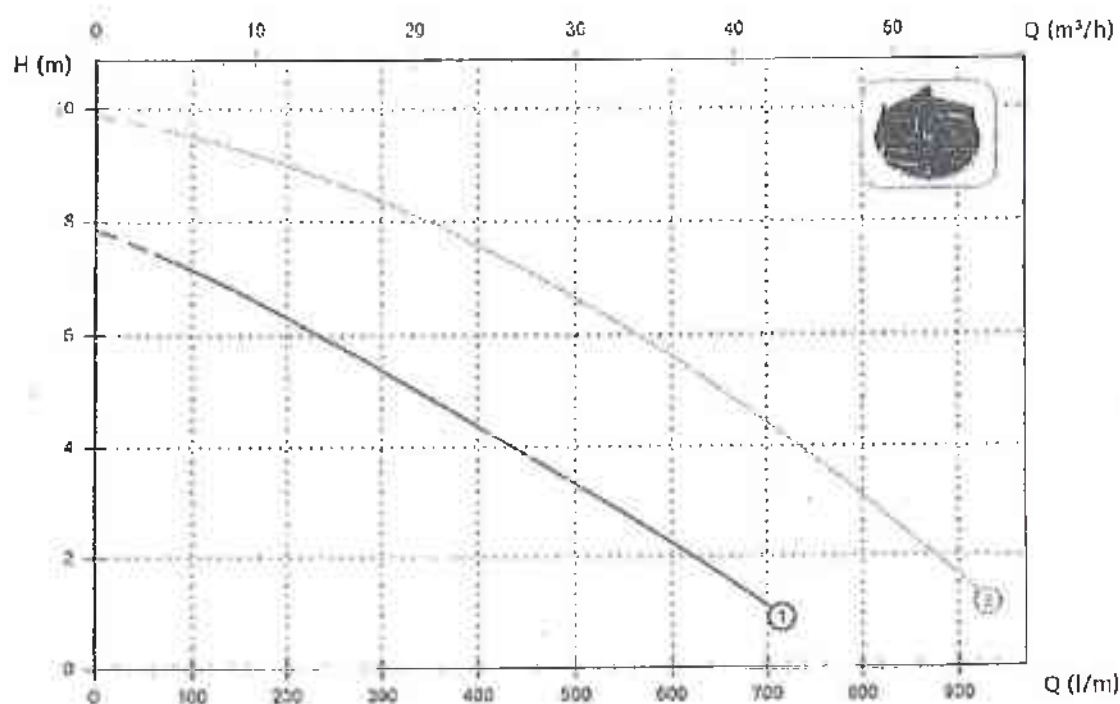
	V	Phases	P1 (kW)	P2 (kW)	A	Rpm	Ø	Cable (*)	Free passage
① DGO 150/2/G65V A1CT/50	400	3	-	1.1	2.7	2900	G 2 1/2"	A	65 mm
③ DGO 200/2/G65V A1CT/50	400	3	-	1.5	3.6	2900	G 2 1/2"	A	65 mm

(*) A = H07RN-F 4G1 - 5 m cable length. Optional 10 m cable length

Attention: Standard EN 60335-2-41 requires the use of a 0 m cable length in outdoor applications


Models with horizontal DN65 PN10-16 flanged delivery port - 2 poles
Performances

	l/s	0	2	4	6	8	10	12	14
l/min		0	120	240	360	480	600	720	840
m ³ /h		0	7,2	14,4	21,6	28,8	36,0	43,2	50,4
① DGO 150/2/65 A1CM(T)/50		7,9	7,0	5,9	4,8	3,5	2,3		
② DGO 200/2/65 A1CM(T)/50		9,9	9,4	8,8	7,9	6,9	5,6	4,2	2,5

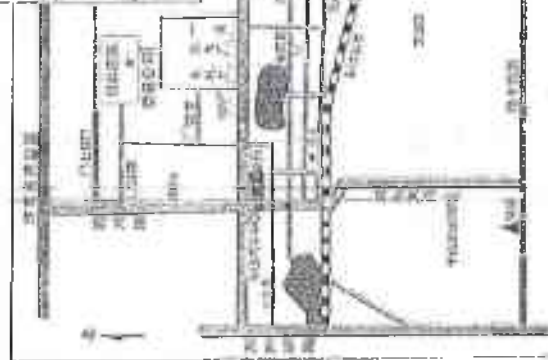

Technical data

	V	Phases	P1 (kW)	P2 (kW)	A	Rpm	Ø	Cable (*)	Free passage
① DGO 150/2/65 A1CM/50	230	1	-	1.1	8.2	2900	DN65 PN10-16	A	65 mm
② DGO 200/2/65 A1CM/50	230	1	-	1.5	9.9	2900	DN65 PN10-16	A	65 mm

	V	Phases	P1 (kW)	P2 (kW)	A	Rpm	Ø	Cable (*)	Free passage
① DGO 150/2/65 A1CT/50	400	3	-	1.1	2.7	2900	DN65 PN10-16	A	65 mm
② DGO 200/2/65 A1CT/50	400	3	-	1.5	3.6	2900	DN65 PN10-16	A	65 mm

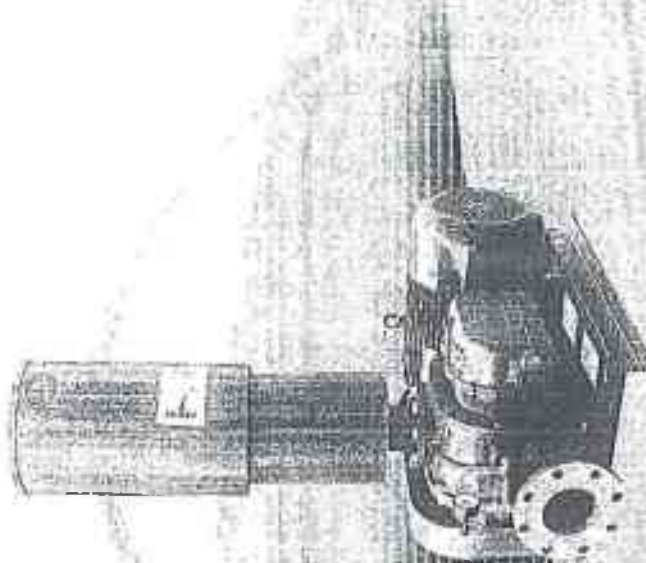
(*) A - H07RN-F 4G1 - 5 m cable length. Optional 10 m cable length

Attention: Standard EN 60335-2-41 requires the use of a 10 m cable length in outdoor applications



SSR® 三叶罗茨鼓风机

THREE(3)LOBE
ROTARY BLOWER



SSR®

山东章晃机械工业有限公司

SHANGHONG MACHINERY INDUSTRY CO., LTD.

地址：山东省淄博市周村区

Shandong Machinery Industry Co., Ltd. Building, Zibo, China

电话：0533-2333333

传真：0533-2333333

网址：www.sshg.com.cn

E-mail: sshg@sshg.com.cn

QQ: 1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

1111111111

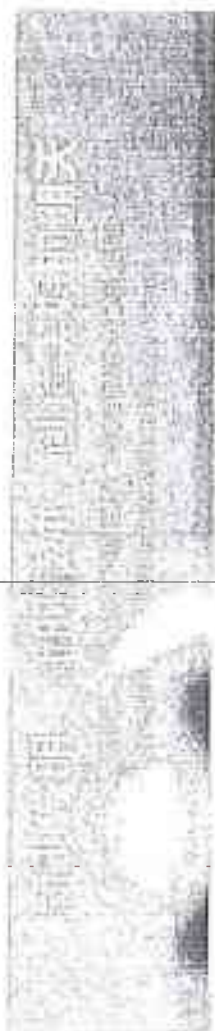
1111111111

代理商 (Agent)

本公司设计制造各种工业用罗茨鼓风机，具有效率高、噪音低、使用寿命长、维护方便等优点。如有需要，请洽本公司。

中国 山东章晃机械工业有限公司
SHANGHONG MACHINERY INDUSTRY CO., LTD.

中国机械工业



山东章昇机械工业有限公司简介

山东章昇机械工业有限公司是由山东烟台章昇机械工业有限公司、世界产星株式会社共同投资创办的中日合资企业。

山东章昇机械工业有限公司(以下简称章昇公司)是章昇机械工业有限公司和星洲章昇公司共同投资创办的中日合资企业。

章昇公司总资产达 626 万美元,注册资本 445 万美元,其中中方投资占 40%,日方投资占 60%。

主要产品 55 号系列罗茨鼓风机,是由日本罗茨鼓风机株式会社开发设计并开发制造,其流量 0.6m³/min~0.6m³/min,压力 0.28MPa~0.76 MPa,共 8 个型号,该风机的流量特点是体积小、重量轻、流量大、噪声低、运行平稳可靠。该风机主要用于污水处理、气力输送、真空包装、水产养殖等行业。

公司拥有一流的技术力量,用户满意的服务方针和生产经验,于 1997 年 12 月正式通过了中国进出口商品质量认证中心评审,建立了自己符合 ISO9001 设计、开发、生产、安装和服务质量保证体系。自 1996 年投产以来,以其合理的价格、可靠的质量和优质的服务,迅速开拓了广大客户群和经销商网络,产品已销往全国水产业、畜牧业、食品加工业等行业,市场占有率达 5% 以上,产品远销多个国家和地区。

SHANGHAI ZHANGSHENG MACHINERY INDUSTRY CO., LTD. is a Sino-Japan joint venture invested by SHANGHAI PROVINCE ZHANGSHENG MACHINERY WORKS, TAIKANG INDUSTRIES CO., LTD. and SEEDON INDUSTRIES CO., LTD.

SHANGHAI ZHANGSHENG MACHINERY INDUSTRY CO., LTD. is established depending on the support from China Machinery Industry Ministry, China National General Machinery Engineering unit, and from government responsible department at different levels.

Two joint venture now has accumulated total investment of USD 4,300,000 registered capital of USD 4,450,000. The investment proportion of China is 40%, proportion of Japan is 60%.

The main products Type SSR Blowers are new large-scale roots blowers developed by TAIKANG INDUSTRIES CO., LTD. The blower flow capacity is from 0.6m³/min to 0.6m³/min, pressure up to 0.28MPa/0.76MPa. The three-lobe Type Roots Blower have 8 models, all models are characterized by remarkable features: small size, light weight, all flow capacity, low noise and reliable operation. The products are widely used in sewage treatment, pneumatic systems, material handling and aquaculture farming.

The corporation follows the policy of quality first and making user satisfaction its produce and manage has established quality assurance system or design-develop-constructing and service according to ISO9001 and passed the evaluation of China Quality Certification Center for Import and Export Commodities in December 1997. Since 1996, the products have got user's trust because of its reasonable price, reliable quality and good service. At present, our products have the absolute predominance in sewage treatment, food processing and other fields of 1995. Our products are being sold in China.



SSR

口径 $\phi 50 \sim \phi 100$ mm
流量 1.22 ~ 60m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa

SSR-V

口径 $\phi 10 \sim \phi 300$ mm
流量 0.06 ~ 50m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa



SSR-HB

口径 $\phi 50 \sim \phi 100$ mm
流量 1.22 ~ 60m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa

P14-P22

SSR-VHB

口径 $\phi 50 \sim \phi 300$ mm
流量 0.06 ~ 50m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa



SSR-HB-U

口径 $\phi 10 \sim \phi 100$ mm
流量 1.22 ~ 60m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa

P23-P25



SSR-T

口径 $\phi 10 \sim \phi 100$ mm
流量 0.1 ~ 2.0m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa

P20-P28

SSR-VT

口径 $\phi 20 \sim \phi 300$ mm
流量 0.1 ~ 5.0m³/min
压力 0.28MPa ~ 0.76MPa

章罗罗茨鼓风机特点

章罗罗茨鼓风机特点

1. 结构紧凑，体积小，重量轻，安装方便，占地面积小，运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

2. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

3. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

4. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

5. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

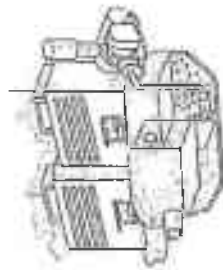
6. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

7. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

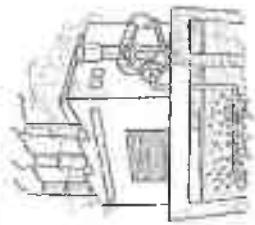
8. 运行平稳，噪音低，使用寿命长，维护简单，运行可靠，效率高，节能降耗，环保性能好。

应用案例

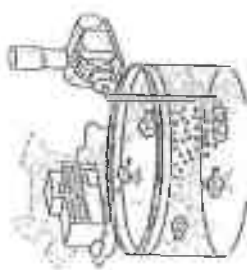
应用案例



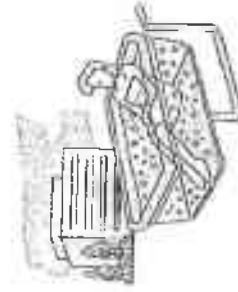
污水处理站曝气系统 (曝气)



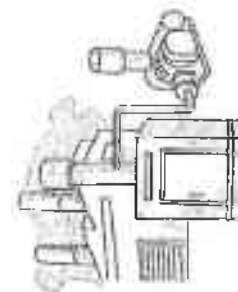
污水处理厂废水处理 (曝气)



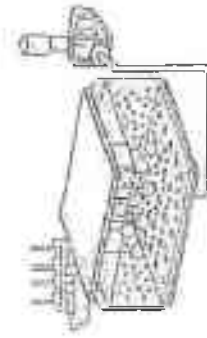
鱼缸应用 曝气



曝水池曝气系统



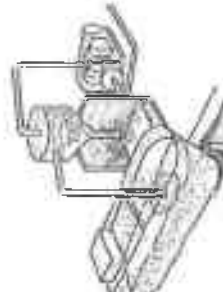
曝水池曝气系统



曝水池曝气系统



曝水池曝气系统



曝水池曝气系统



曝水池曝气系统

ENVIRONMENTAL SCIENCE AND TECHNOLOGY

© 1999 S&P HARRIS PUBLICATIONS, INC.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

型式 Type	口径 Bore	VDR Maximum Voltage V _{DR}		160mA _{100V}		5mA _{100V}		200mA _{100V}		250mA _{100V}		400mA _{100V}	
		Q ₁	L ₁	Q	L	Q	L	Q	L	Q	L	Q	L
SSR-50V	SSR-50V	100	0.11	1.0	1.0	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
	SSR-50V	220	0.25	1.2	1.2	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22
	SSR-50V	330	0.45	1.8	1.8	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3
	SSR-50V	440	0.65	2.4	2.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4
	SSR-50V	550	0.70	2.8	2.8	0.48	0.48	0.48	0.48	0.48	0.48	0.48	0.48
	SSR-50V	660	0.85	3.0	3.0	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55
	SSR-50V	770	0.95	3.2	3.2	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6
	SSR-50V	880	1.05	3.5	3.5	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65
	SSR-50V	990	1.15	3.8	3.8	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7
	SSR-50V	1100	1.25	4.0	4.0	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75
SSR-65V	SSR-65V	100	0.12	1.1	1.1	0.045	0.045	0.045	0.045	0.045	0.045	0.045	0.045
	SSR-65V	220	0.28	1.3	1.3	0.25	0.25	0.25	0.25	0.25	0.25	0.25	0.25
	SSR-65V	330	0.5	1.9	1.9	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35
	SSR-65V	440	0.7	2.5	2.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5
	SSR-65V	550	0.8	2.8	2.8	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55
	SSR-65V	660	0.9	3.0	3.0	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6
	SSR-65V	770	1.0	3.2	3.2	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65
	SSR-65V	880	1.1	3.5	3.5	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7	0.7
	SSR-65V	990	1.2	3.8	3.8	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75
	SSR-65V	1100	1.3	4.0	4.0	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8
SSR-80V	SSR-80V	100	0.15	1.2	1.2	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
	SSR-80V	220	0.35	1.5	1.5	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3
	SSR-80V	330	0.6	2.0	2.0	0.45	0.45	0.45	0.45	0.45	0.45	0.45	0.45
	SSR-80V	440	0.85	2.6	2.6	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65
	SSR-80V	550	1.0	2.8	2.8	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75
	SSR-80V	660	1.1	3.0	3.0	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8
	SSR-80V	770	1.2	3.2	3.2	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85
	SSR-80V	880	1.3	3.5	3.5	0.9	0.9	0.9	0.9	0.9	0.9	0.9	0.9
	SSR-80V	990	1.4	3.8	3.8	0.95	0.95	0.95	0.95	0.95	0.95	0.95	0.95
	SSR-80V	1100	1.5	4.0	4.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
SSR-100V	SSR-100V	100	0.18	1.3	1.3	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
	SSR-100V	220	0.4	1.6	1.6	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35
	SSR-100V	330	0.7	2.1	2.1	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55
	SSR-100V	440	1.0	2.8	2.8	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85
	SSR-100V	550	1.2	3.0	3.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
	SSR-100V	660	1.4	3.2	3.2	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2
	SSR-100V	770	1.6	3.5	3.5	1.4	1.4	1.4	1.4	1.4	1.4	1.4	1.4
	SSR-100V	880	1.8	3.8	3.8	1.6	1.6	1.6	1.6	1.6	1.6	1.6	1.6
	SSR-100V	990	2.0	4.0	4.0	1.8	1.8	1.8	1.8	1.8	1.8	1.8	1.8
	SSR-100V	1100	2.2	4.2	4.2	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0

Y
N
E
IAT

SSR 直眼式 性脂斑

NOTES ON THE CONTRIBUTORS TABLE

[illegible][illegible]

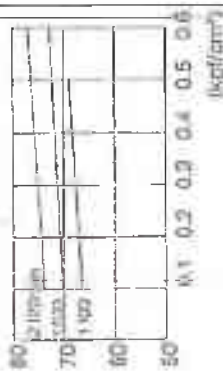
SSR-80				SSR-178			
Yr. 1 Type	Yr. 2 Type	Yr. 1 Type	Yr. 2 Type	Yr. 1 Type	Yr. 2 Type	Yr. 1 Type	Yr. 2 Type
1980	1980	1980	1980	1980	1980	1980	1980
1981	1981	1981	1981	1981	1981	1981	1981
1982	1982	1982	1982	1982	1982	1982	1982
1983	1983	1983	1983	1983	1983	1983	1983
1984	1984	1984	1984	1984	1984	1984	1984
1985	1985	1985	1985	1985	1985	1985	1985
1986	1986	1986	1986	1986	1986	1986	1986
1987	1987	1987	1987	1987	1987	1987	1987
1988	1988	1988	1988	1988	1988	1988	1988
1989	1989	1989	1989	1989	1989	1989	1989
1990	1990	1990	1990	1990	1990	1990	1990
1991	1991	1991	1991	1991	1991	1991	1991
1992	1992	1992	1992	1992	1992	1992	1992
1993	1993	1993	1993	1993	1993	1993	1993
1994	1994	1994	1994	1994	1994	1994	1994
1995	1995	1995	1995	1995	1995	1995	1995
1996	1996	1996	1996	1996	1996	1996	1996
1997	1997	1997	1997	1997	1997	1997	1997
1998	1998	1998	1998	1998	1998	1998	1998
1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000
2001	2001	2001	2001	2001	2001	2001	2001
2002	2002	2002	2002	2002	2002	2002	2002
2003	2003	2003	2003	2003	2003	2003	2003
2004	2004	2004	2004	2004	2004	2004	2004
2005	2005	2005	2005	2005	2005	2005	2005
2006	2006	2006	2006	2006	2006	2006	2006
2007	2007	2007	2007	2007	2007	2007	2007
2008	2008	2008	2008	2008	2008	2008	2008
2009	2009	2009	2009	2009	2009	2009	2009
2010	2010	2010	2010	2010	2010	2010	2010
2011	2011	2011	2011	2011	2011	2011	2011
2012	2012	2012	2012	2012	2012	2012	2012
2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013
2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014
2015	2015	2015	2015	2015	2015	2015	2015
2016	2016	2016	2016	2016	2016	2016	2016
2017	2017	2017	2017	2017	2017	2017	2017
2018	2018	2018	2018	2018	2018	2018	2018
2019	2019	2019	2019	2019	2019	2019	2019
2020	2020	2020	2020	2020	2020	2020	2020
2021	2021	2021	2021	2021	2021	2021	2021
2022	2022	2022	2022	2022	2022	2022	2022
2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023
2024	2024	2024	2024	2024	2024	2024	2024
2025	2025	2025	2025	2025	2025	2025	2025
2026	2026	2026	2026	2026	2026	2026	2026
2027	2027	2027	2027	2027	2027	2027	2027
2028	2028	2028	2028	2028	2028	2028	2028
2029	2029	2029	2029	2029	2029	2029	2029
2030	2030	2030	2030	2030	2030	2030	2030
2031	2031	2031	2031	2031	2031	2031	2031
2032	2032	2032	2032	2032	2032	2032	2032
2033	2033	2033	2033	2033	2033	2033	2033
2034	2034	2034	2034	2034	2034	2034	2034
2035	2035	2035	2035	2035	2035	2035	2035
2036	2036	2036	2036	2036	2036	2036	2036
2037	2037	2037	2037	2037	2037	2037	2037
2038	2038	2038	2038	2038	2038	2038	2038
2039	2039	2039	2039	2039	2039	2039	2039
2040	2040	2040	2040	2040	2040	2040	2040
2041	2041	2041	2041	2041	2041	2041	2041
2042	2042	2042	2042	2042	2042	2042	2042
2043	2043	2043	2043	2043	2043	2043	2043
2044	2044	2044	2044	2044	2044	2044	2044
2045	2045	2045	2045	2045	2045	2045	2045
2046	2046	2046	2046	2046	2046	2046	2046
2047	2047	2047	2047	2047	2047	2047	2047
2048	2048	2048	2048	2048	2048	2048	2048
2049	2049	2049	2049	2049	2049	2049	2049
2050	2050	2050	2050	2050	2050	2050	2050
2051	2051	2051	2051	2051	2051	2051	2051
2052	2052	2052	2052	2052	2052	2052	2052
2053	2053	2053	2053	2053	2053	2053	2053
2054	2054	2054	2054	2054	2054	2054	2054
2055	2055	2055	2055	2055	2055	2055	2055
2056	2056	2056	2056	2056	2056	2056	2056
2057	2057	2057	2057	2057	2057	2057	2057
2058	2058	2058	2058	2058	2058	2058	2058
2059	2059	2059	2059	2059	2059	2059	2059
2060	2060	2060	2060	2060	2060	2060	2060
2061	2061	2061	2061	2061	2061	2061	2061
2062	2062	2062	2062	2062	2062	2062	2062
2063	2063	2063	2063	2063	2063	2063	2063
2064	2064	2064	2064	2064	2064	2064	2064
2065	2065	2065	2065	2065	2065	2065	2065
2066	2066	2066	2066	2066	2066	2066	2066
2067	2067	2067	2067	2067	2067	2067	2067
2068	2068	2068	2068	2068	2068	2068	2068
2069	2069	2069	2069	2069	2069	2069	2069
2070	2070	2070	2070	2070	2070	2070	2070
2071	2071	2071	2071	2071	2071	2071	2071
2072	2072	2072	2072	2072	2072	2072	2072
2073	2073	2073	2073	2073	2073	2073	2073
2074	2074	2074	2074	2074	2074	2074	2074
2075	2075	2075	2075	2075	2075	2075	2075
2076	2076	2076	2076	2076	2076	2076	2076
2077	2077	2077	2077	2077	2077	2077	2077
2078	2078	2078	2078	2078	2078	2078	2078
2079	2079	2079	2079	2079	2079	2079	2079
2080	2080	2080	2080	2080	2080	2080	2080
2081	2081	2081	2081	2081	2081	2081	2081
2082	2082	2082	2082	2082	2082	2082	2082
2083	2083	2083	2083	2083	2083	2083	2083
2084	2084	2084	2084	2084	2084	2084	2084
2085	2085	2085	2085	2085	2085	2085	2085
2086	2086	2086	2086	2086	2086	2086	2086
2087	2087	2087	2087	2087	2087	2087	2087
2088	2088	2088	2088	2088	2088	2088	2088
2089	2089	2089	2089	2089	2089	2089	2089
2090	2090	2090	2090	2090	2090	2090	2090
2091	2091	2091	2091	2091	2091	2091	2091
2092	2092	2092	2092	2092	2092	2092	2092
2093	2093	2093	2093	2093	2093	2093	2093
2094	2094	2094	2094	2094	2094	2094	2094
2095	2095	2095	2095	2095	2095	2095	2095
2096	2096	2096	2096	2096	2096	2096	2096
2097	2097	2097	2097	2097	2097	2097	2097
2098	2098	2098	2098	2098	2098	2098	2098
2099	2099	2099	2099	2099	2099	2099	2099
2100	2100	2100	2100	2100	2100	2100	2100

[illegible][illegible]

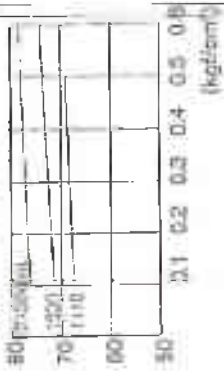
SSR 噪音值

NOISE LEVEL

SSR 50



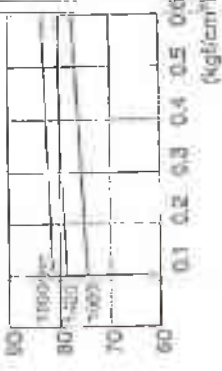
SSR 65



SSR 80



SSR 100



● 噪音值 dB(A) 1.0m
NOISE LEVEL dB(A) 1.0m
注: 上述数据是在本厂测定的数据
Note: These values are based on the measurements taken in our shop

SSR-HB 高压型 性能表

TYPE SSR-HB PERFORMANCE TABLE

SSR-HB 高压型 性能表
TYPE SSR-HB PERFORMANCE TABLE
1. 额定电压 (V) Rated voltage (V)
2. 额定功率 (W) Rated power (W)
3. 额定电流 (A) Rated current (A)
4. 额定频率 (Hz) Rated frequency (Hz)
5. 额定转速 (rpm) Rated speed (rpm)
6. 额定转矩 (Nm) Rated torque (Nm)
7. 额定效率 (%) Rated efficiency (%)
8. 额定功率因数 (PF) Rated power factor (PF)
9. 额定寿命 (h) Rated life (h)
10. 额定重量 (kg) Rated weight (kg)

SSR-HB 高压型	额定电压 (V)	额定功率 (W)	额定电流 (A)	额定频率 (Hz)	额定转速 (rpm)	额定转矩 (Nm)	额定效率 (%)	额定功率因数 (PF)	额定寿命 (h)	额定重量 (kg)
SSR-HB 100	100	100	1.0	50	1000	1.0	100	1.0	100	1.0
SSR-HB 150	150	150	1.5	75	1500	1.5	150	1.5	150	1.5
SSR-HB 200	200	200	2.0	100	2000	2.0	200	2.0	200	2.0
SSR-HB 250	250	250	2.5	125	2500	2.5	250	2.5	250	2.5
SSR-HB 300	300	300	3.0	150	3000	3.0	300	3.0	300	3.0
SSR-HB 350	350	350	3.5	175	3500	3.5	350	3.5	350	3.5
SSR-HB 400	400	400	4.0	200	4000	4.0	400	4.0	400	4.0
SSR-HB 450	450	450	4.5	225	4500	4.5	450	4.5	450	4.5
SSR-HB 500	500	500	5.0	250	5000	5.0	500	5.0	500	5.0
SSR-HB 550	550	550	5.5	275	5500	5.5	550	5.5	550	5.5
SSR-HB 600	600	600	6.0	300	6000	6.0	600	6.0	600	6.0
SSR-HB 650	650	650	6.5	325	6500	6.5	650	6.5	650	6.5
SSR-HB 700	700	700	7.0	350	7000	7.0	700	7.0	700	7.0
SSR-HB 750	750	750	7.5	375	7500	7.5	750	7.5	750	7.5
SSR-HB 800	800	800	8.0	400	8000	8.0	800	8.0	800	8.0
SSR-HB 850	850	850	8.5	425	8500	8.5	850	8.5	850	8.5
SSR-HB 900	900	900	9.0	450	9000	9.0	900	9.0	900	9.0
SSR-HB 950	950	950	9.5	475	9500	9.5	950	9.5	950	9.5
SSR-HB 1000	1000	1000	10.0	500	10000	10.0	1000	10.0	1000	10.0

ECOMIX® RW 200 - 900

Compact, versatile submersible mixers with a wide range of applications including use in aggressive and abrasive liquids

Can be used in every shape of tank

Energy saving self-cleaning propeller

Aerodynamic shape for optimum flow formation

Drive unit optimized for mixing applications

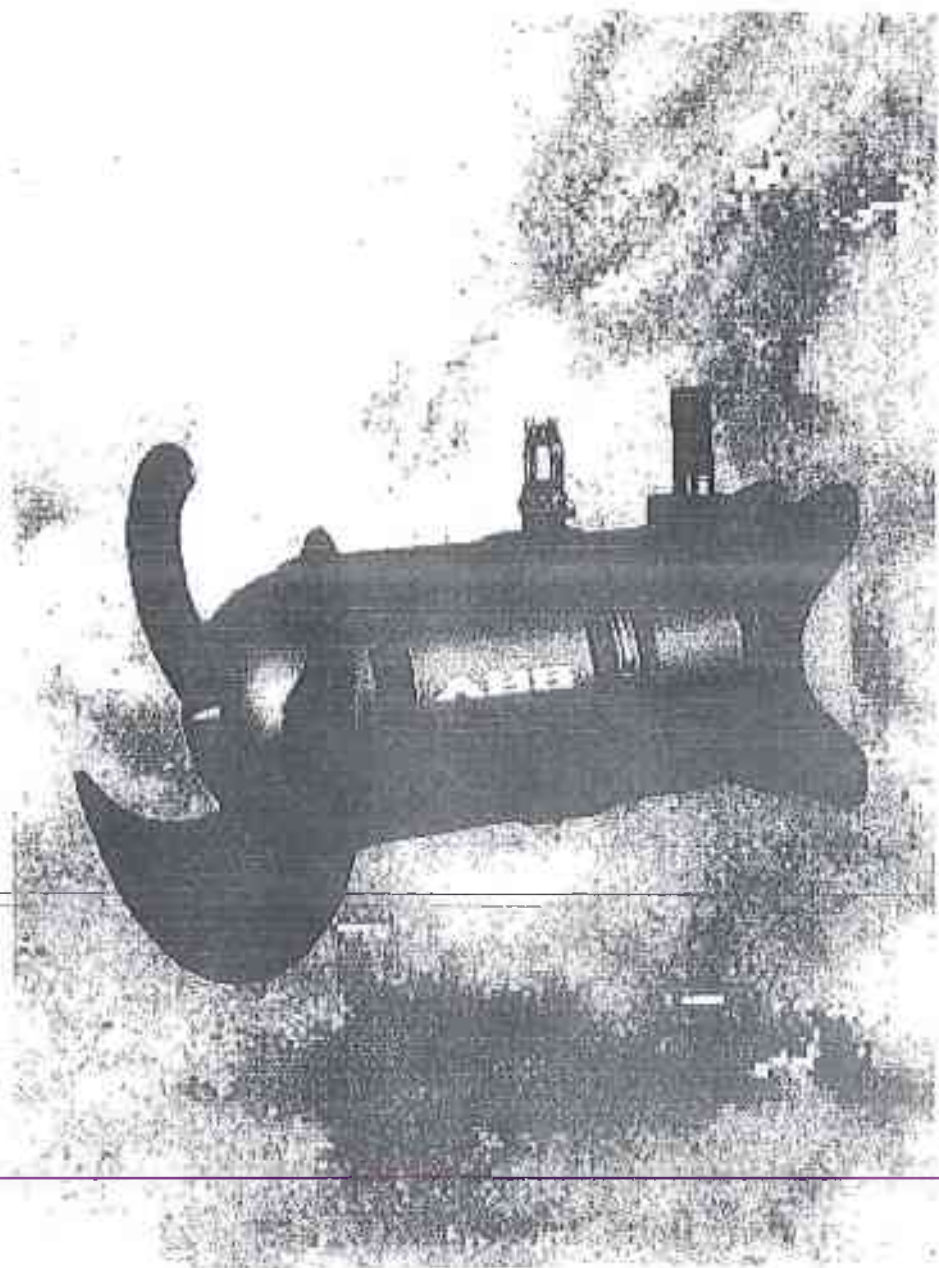
Stainless steel executions available

Robust compact construction

Little maintenance

Long operating life

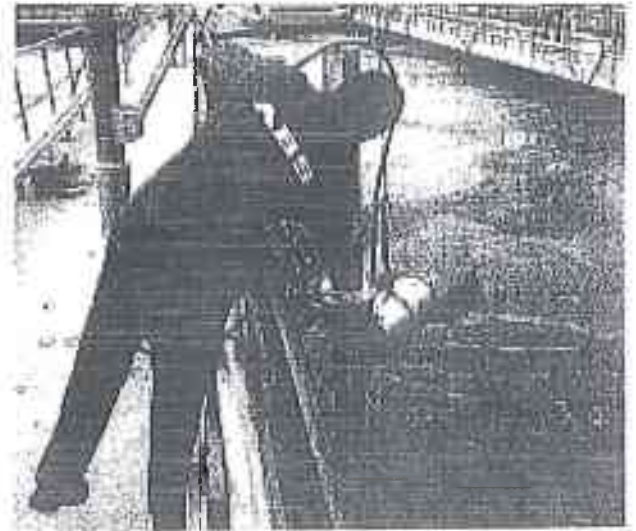
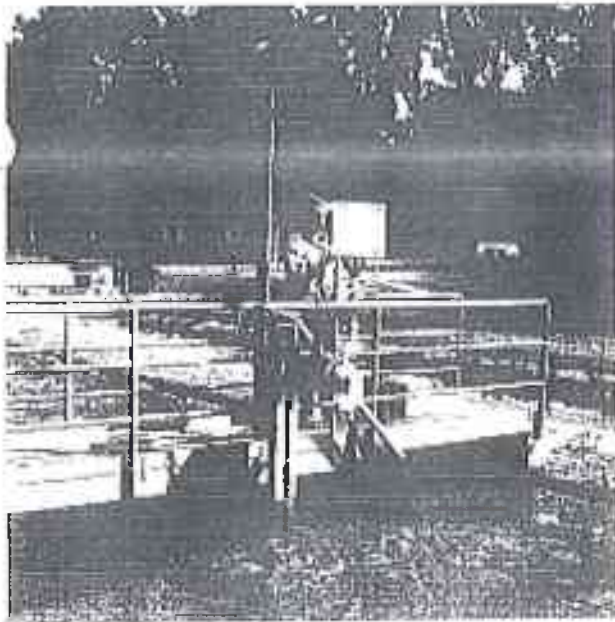
Mechanical seal protected by means of the „Solids-Deflection-Ring“



Application areas

The compact submersible mixers of the RW series have been designed for a wide range of applications. The units can, for example, be used for many mixing and stirring applications in sewage treatment plants and in industrial and chemical processes.

The submersible mixers can be installed in all tank shapes and sizes. Depending on the requested intensity of mixing and flow formation, one or more mixers may be installed in a single tank.



Installation

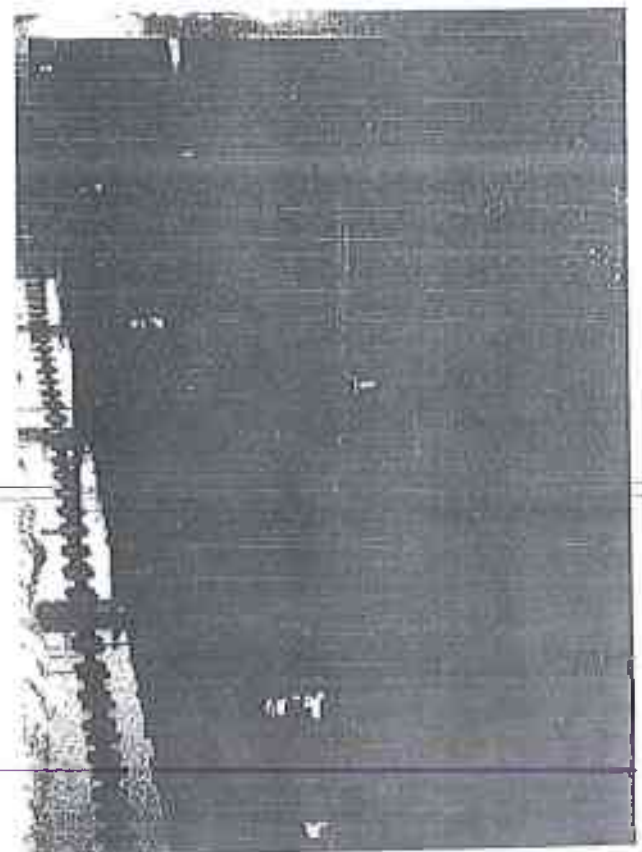
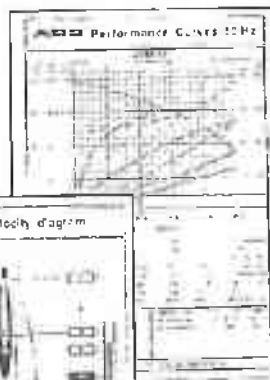
ABS submersible mixers are generally installed using a universal guiding system which allows use of the unit at different water depths in a tank.

Dead zones within a tank are therefore avoided. Using the ABS guide tube system it is a simple matter to raise or lower the mixer for maintenance purposes or for repair even when the tank is flooded.

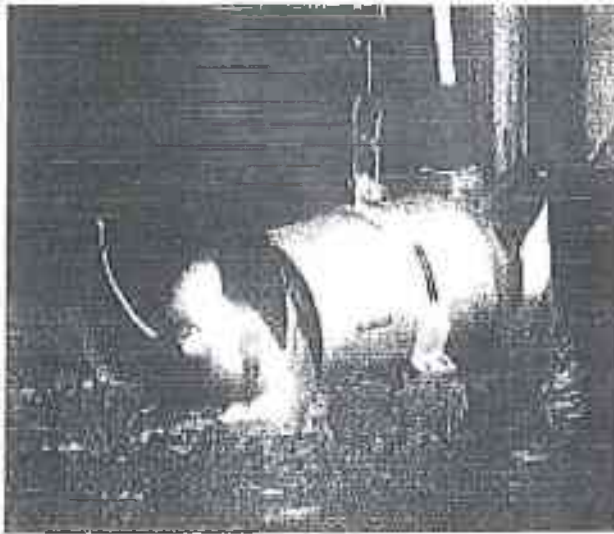
Selection

In order to ensure optimum selection we ask for the following information:

- ☐ Purpose of application
- ☐ Tank shape
- ☐ Tank dimensions
- ☐ Medium to be mixed
- ☐ Viscosity, specific weight
- ☐ Temperature, dry-matter content, etc



ECOMIX® RW 200 - 900



Application areas / Preselection

The table below gives the maximum mixable volume in m³ which can be mixed by the unit under normal conditions.

- ☒ partial stirring and mixing
- ☐ depends on type of liquid to be mixed
- ☒ depends on temperature (areas up to 6000 m²)

Identification Code

RW 9033 A110/4-22.6 Ex/CR

Hydraulics

Mixer range _____
 Propeller diameter [cm] _____
 Propeller type _____
 2=2-blade thrust propeller
 3=3-blade thrust propeller
 4=2-blade thrust propeller
 with flow ring
 5=3-blade thrust propeller
 with flow ring

Consecutive number _____

Motor

Mixer-motor _____
 Rated motor power P_2 [kW] x 10 _____
 Number of poles in motor _____
 Motor size _____
 Gear ratio _____
 Motor version Ex (on request) _____

Execution

CR = Stainless steel execution
 EC = Cast iron execution

Application Type	RW 200	RW 300	RW 400	RW 650	RW 900
Primary sludge homogenization 4 %		400	650	1600	4500
Secondary sludge homogenization 5 %		400	650	1600	4500
Digested sludge homogenization 5 %		400	650	1600	4500
Emptying of sludge lagoons				☒	☒
Homogenization of slurry		350	700	1500	4000
Denitrification	150	750	1000	3000	9000
Nitrification	150	750	1000	3000	9000
Phosphate elimination	150	750	1000	3000	9000
Flocculation tanks					☐
Prevention of crust build-up		☒	☒	☒	☒
Maintaining free of ice	☒	☒	☒	☒	☒
Fish farms	☒	☒	☒	☒	☒
Cooling tanks		350	1000	3000	9000
Paper industry 4 %		100	350	1500	500
Lime solutions 40 %		150	100	400	1000
Mineral sludges 40 %		150	100	400	1000
Painting plants (Coagulation)	100	750	1000	3000	9000
Mixing of chemicals				☒	☒
Bioreactors		350	700	1500	4000
Storm-water holding tanks	8	900	1200	3500	10000
Mixing of viscose mediums < 500 cp		350	700	1500	4000
Pump slump (Municipal sewage)		100	150	400	1200

Basis: Volume in m³ for round tank with 5 m medium depth

ECOMIX® RW 200 - 900

Optimum performance area

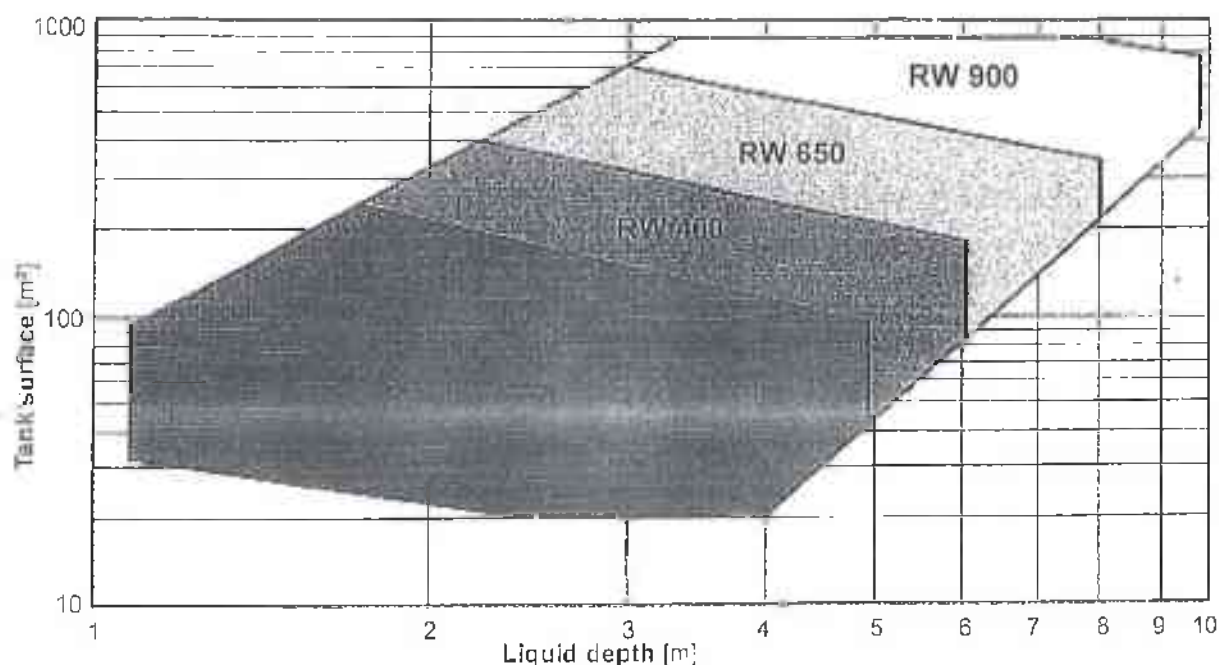
Mixing of activated sludge in round and rectangular tanks (Max. length/width - ratio = 2.5:1)

Diagram is valid for activated sludge

Dry-matter content: max. 10 kg/m³

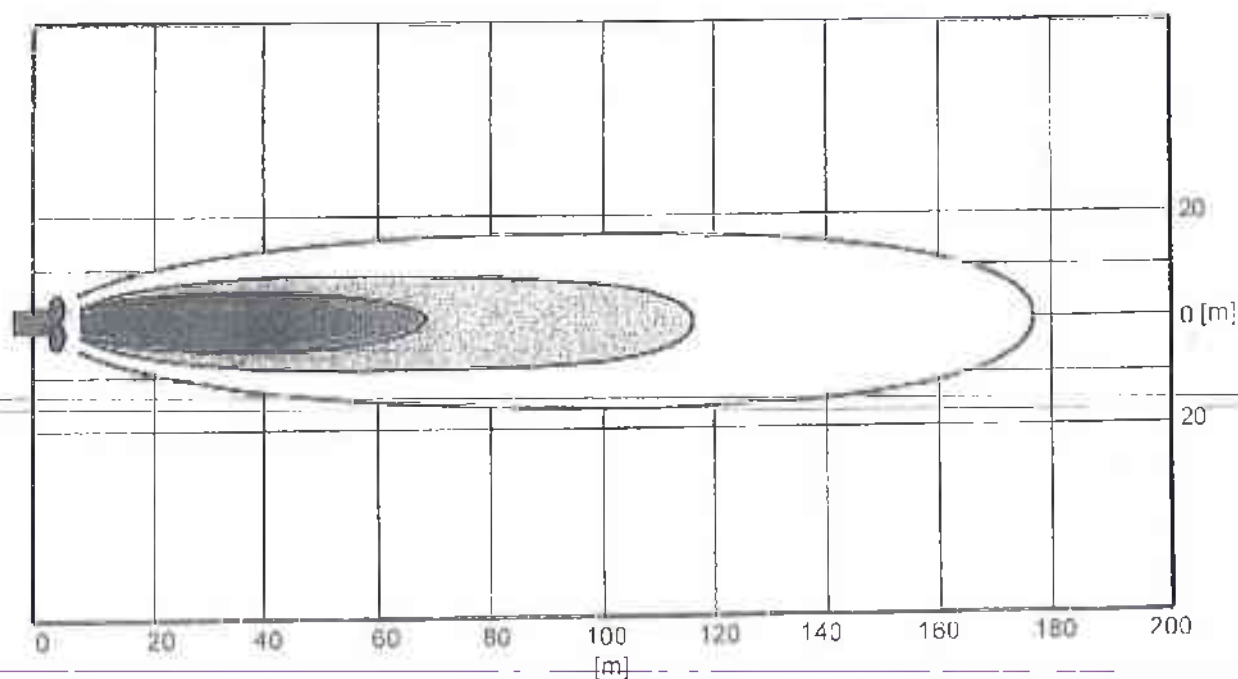
Sludge volume index: 100 - 150 ml/g

Mixing grade: 2.5



Flow range $v = 0.10$ m/s in clear water

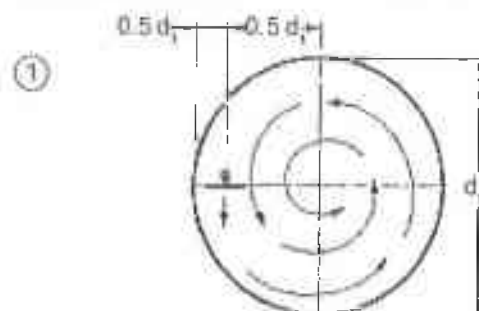
Legend: RW 200 RW 400 RW 650 RW 900



The major advantage of horizontally operating submersible mixers in comparison to conventional mixers, is that they allow the possibility to direct the flow in different directions. This allows better optimization of the flow pattern in the tank. Depending on the location of the mixers we get different types of flow patterns which have different effects.

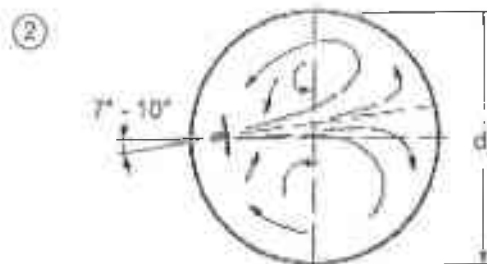
In order to ensure the best arrangement for an effective energy saving mixing operation in the various types of tanks, the positioning hints in the sketches below should be carefully considered.

□ Round Tanks



The rotating flow formation is the simplest type of flow. It is an effective method to mix materials with a high dry-matter content, as a high flow velocity is established after a relatively short running time.

It should be noted, however, that heavier particles may be deposited on the floor in the center of the tank.

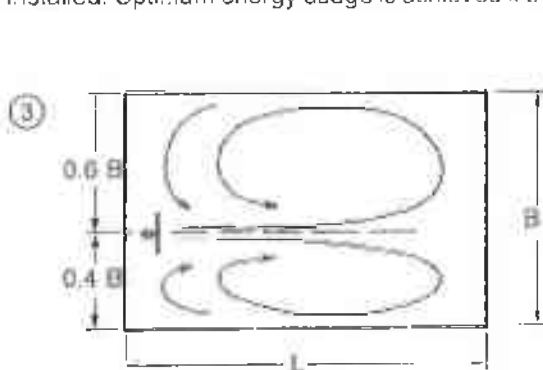


Effective thorough mixing in a round tank, without rotation of the material, can be achieved if the submersible mixer is set-up at an angle of 7 to 10° to the center line of the tank.

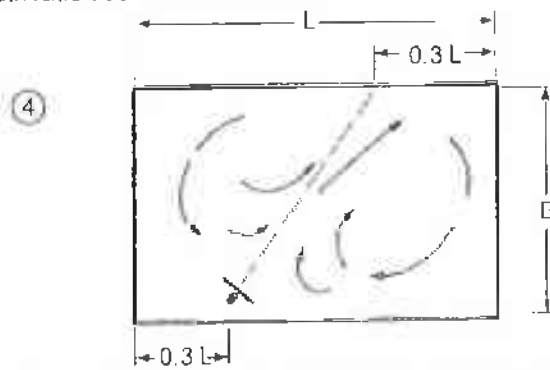
The height of liquid in the tank should be within the ratio 0.3 to 1 times the tank diameter.

□ Rectangular Tanks

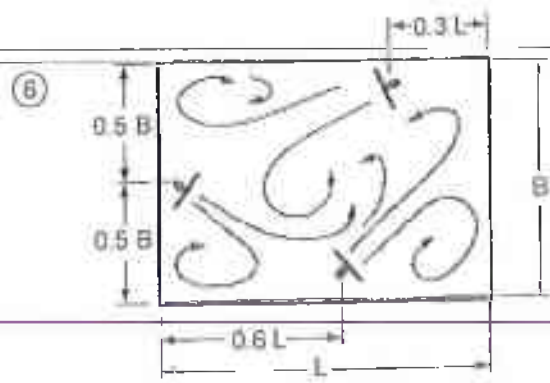
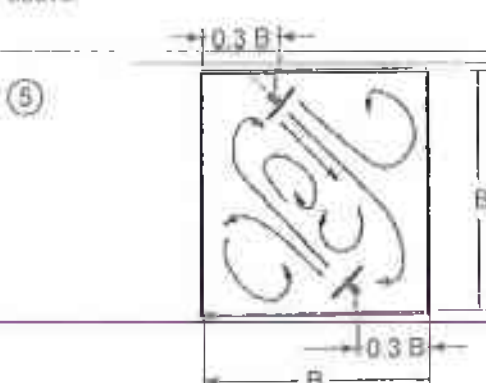
Rectangular tanks can be effectively mixed if the mixers are installed as shown in the illustration below. When using a mixer the length/width relationship of the tank should not be greater than 5. Otherwise a number of mixers should be installed. Optimum energy usage is achieved if the length/width ratio does not exceed 2.5.



For tank widths which are smaller than 5 to 8 times the propeller diameter, the mixer can be located as shown above.



In larger tanks a position as per this illustration should be carried out.



When using a number of submersible mixers the arrangement in these illustrations is recommended.

ECOMIX® RW 200 - 900

Technical Data 50 Hz

Propeller			Motor						Installation					Weight				
Mixer type	Diameter	Speed	Arrangement with flow ring		Motor power P ₁ *	Motor power P ₂ *	Starting: Star/Delta	Starting: Direct	Rated current at 400 V	Starting current at 400 V	Cable (Standard + Ex-version)	Thermal isolator protection	Seal monitor	Ex d II BT 4	Guide tube □ 60	Guide tube □ 100	Total weight without flow ring	Total weight with flow ring
	[mm]	[1/min]			[kW]	[kW]			[A]	[A]							[kg]	[kg]
RW2022	200	1450			1.92	1.3	●	●	3.6	19.5	1	●	●	●			26	
RW2822	280	1450			3.36	2.5	●	●	5.83	19.5	1	●	●	●			32	
RW3021	300	904	○	○	2.21	1.5	●	●	4.6	15	1	●	●	○	●		48	54
RW3022	300	904	○	○	2.21	1.5	●	●	4.6	15	1	●	●	○	●		48	54
RW3031	300	904	○	○	2.21	1.5	●	●	4.6	15	1	●	●	○	●		48	54
RW3032	300	894	○	○	4.09	2.8	●	●	8.4	34	1	●	●	○	●		51	57
RW3033	300	894	○	○	4.09	2.8	●	●	8.4	34	1	●	●	○	●		51	57
RW3034	300	894	○	○	4.09	2.8	●	●	8.4	34	1	●	●	○	●		51	57
RW4021	400	702	○	○	4.2	3.0	●	●	9.3	40	1	●	●	○	●	○	87	95
RW4022	400	702	○	○	4.2	3.0	●	●	9.3	40	1	●	●	○	●	○	87	95
RW4023	400	702	○	○	4.2	3.0	●	●	9.3	40	1	●	●	○	●	○	87	95
RW4024	400	702	○	○	4.2	3.0	●	●	9.3	40	1	●	●	○	●	○	87	95
RW4031	400	680	○	○	5.6	4.0	●	●	10.9	40	2	●	●	○	●	○	88	97
RW4032	400	680	○	○	5.6	4.0	●	●	10.9	40	2	●	●	○	●	○	88	97
RW4033	400	680	○	○	5.6	4.0	●	●	10.9	40	2	●	●	○	●	○	88	97
RW6521	580	470	○	○	7.1	5.0	●	●	18.2	52	2	●	●	○		●	160	184
RW6522	580	470	○	○	7.1	5.0	●	●	18.2	52	2	●	●	○		●	160	184
RW6523	650	470	○	○	7.1	5.0	●	●	18.2	52	2	●	●	○		●	160	184
RW6524	650	470	○	○	7.1	5.0	●	●	18.2	52	2	●	●	○		●	160	184
RW6525	650	470	○	○	7.1	5.0	●	●	18.2	52	2	●	●	○		●	160	184
RW6531	650	462	○	○	10.3	7.5	●	●	24.5	54	3	●	●	○		●	188	212
RW6532	650	462	○	○	10.3	7.5	●	●	24.5	54	3	●	●	○		●	205	229
RW6533	650	470	○	○	13.3	10.0	●	●	31.9	91	3	●	●	○		●	205	229
RW9032	900 ^A	238	○	○	13.2	11.0	●	●	22.1	84	2	●	●	○		●	178	253
RW9033	900 ^A	238	○	○	13.2	11.0	●	●	22.1	84	2	●	●	○		●	178	253
RW9034	900 ^A	238	○	○	13.2	11.0	●	●	22.1	84	2	●	●	○		●	178	253
RW9035	900 ^A	238	○	○	17.8	15.0	●	●	31.3	84	3	●	●	○		●	185	260
RW9033	900 ^B	285	○	○	17.8	15.0	●	●	31.3	84	3	●	●	○		●	185	260
RW9034	900 ^B	285	○	○	25.8	22.0	●	●	43.9	85	4	●	●	○		●	210	283
RW9035	900 ^B	285	○	○	25.8	22.0	●	●	43.9	85	4	●	●	○		●	210	283

*P1 = Power taken from mains;
P2 = Power at motor shaft

A - Gear ratio 6
B - Gear ratio 5

● = Standard
○ = Option

Cable 1=H07RN-F10G1.5
2=H07RN-F10G1.5

3=H07RN-F10G1.5
4=2xH07RN-F4G1+2x0.75

10 m cable with free cable ends are supplied as standard

ECOMIX® RW 200 - 900

Technical Data 60 Hz

Propeller			Motor							Installation				Weight					
Mixer type	Diameter	Speed	Arrangement with flow ring			Motor power P ₁ *	Motor power P ₂ *	Starting: Star/Delta	Starting: Direct	Rated current at 460 V	Starting current at 460 V	Cable (Standard + Ex-version)	Thermal sensor protection	Seal monitor	E Ex d II BT 4	Guide tube □ 60	Guide tube □ 100	Total weight with-out flow ring	Total weight with flow ring
	[mm]	[1/min]		[kW]	[kW]					[A]	[A]							[kg]	[kg]
RW2022	200	1780		2.23	1.6	●				3.6	22	1		●				26	
RW2022	200	1780		2.64	1.8	●				6.05	22	1		●				32	
RW282 ¹	250	1780		3.6	2.8	●				5.47	22	1		●				32	
RW3021	300	1111	○	2.36	1.7	●				4.33	16	1		○	●			48	54
RW3022	300	1111	○	2.36	1.7	●				4.33	16	1		○	●			48	54
RW3031	300	1097	○	4.39	3.2	●				8.0	34	1		○	●			51	57
RW3032	300	1097	○	4.39	3.2	●				8.0	34	1		○	●			51	57
RW4021	400	858	○	4.6	3.5	●				8.7	38	1		○	●	○		87	95
RW4022	400	858	○	4.6	3.5	●				8.7	38	1		○	●	○		87	95
RW4023	400	858	○	4.6	3.5	●				8.7	38	1		○	●	○		87	95
RW4024	400	841	○	6.0	4.6	●				10.3	38	1		○	●	○		87	95
RW4031	400	841	○	6.0	4.6	●				10.3	38	2		○	●	○		88	97
RW6521	580	571	○	8.0	6.0	●				17.5	50	2		○		●		160	184
RW6522	580	571	○	8.0	6.0	●				17.5	50	2		○		●		160	184
RW6531	650	567	○	11.5	9.0	●				23.9	52	3		○		●		188	212
RW6532	650	567	○	11.5	9.0	●				23.9	52	3		○		●		205	229
RW6533	650	567	○	11.5	9.0	●				23.9	52	3		○		●		205	229
RW6534	650	569	○	15.3	12.0	●				31.4	88	3		○		●		205	229
RW6535	650	569	○	15.3	12.0	●				31.4	88	3		○		●		205	229
RW9032	900 ^A	238	○	15.3	13.0	●				21.8	109	2		○		●		178	253
RW9033	900 ^A	238	○	15.3	13.0	●				21.8	109	2		○		●		178	253
RW9034	900 ^A	238	○	15.3	13.0	●				21.8	109	2		○		●		178	253
RW9035	900 ^A	238	○	19.8	17.0	●				29.4	165	3		○		●		185	260
RW9033	900 ^B	285	○	19.8	17.0	●				29.4	165	3		○		●		185	260
RW9034	900 ^B	285	○	28.8	25.0	●				41.7	229	4		○		●		210	283
RW9035	900 ^B	285	○	28.8	25.0	●				41.7	229	4		○		●		210	283

*P1 = Power taken from mains;
P2 = Power at motor shaft

A = Gear ratio 6
B = Gear ratio 5

● = Standard
○ = Option

Cable 1 = H07RN-F7G1.5
2 = H07RN-F10G1.5

3 = H07RN-F10G2.5
4 = 2x H07RN-F4G4+2x0.75

10 m cable with free cable ends are supplied as standard

ECOMIX® RW 200 - 900



Adjustable bracket allows direction to be altered

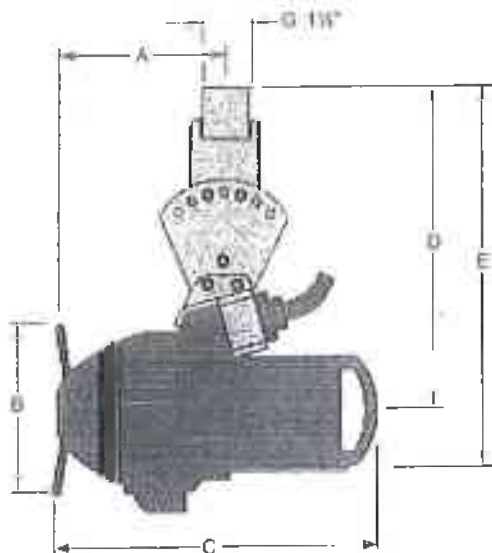
Identification Code

RW	20	22	13/4	Ex
Hydraulics				
Mixer series _____				
Propeller diameter [cm] nominal _____				
Propeller type _____				
Hydraulic - No. _____				
Motor				
Motor power P_2 [kW] x 10 _____				
Number of poles in motor _____				
Motor version: Ex (on request) _____				

Material

Motor housing _____ Cast iron GG-25
 Motor shaft _____ Stainless steel (AISI 420) 1.4021
 Oil chamber _____ Cast iron GG-25
 Propeller _____ Cast iron GG-25
 Fasteners _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4401

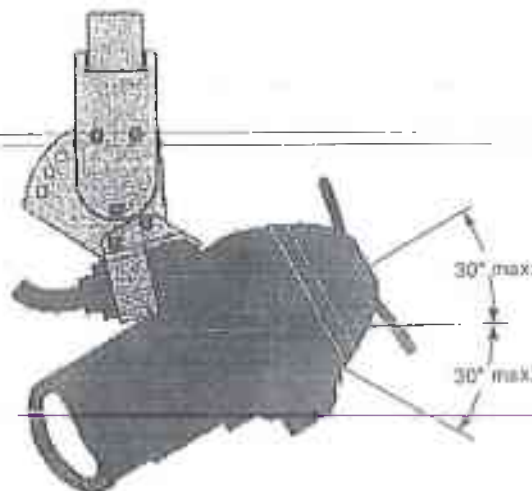
Dimensions



Installation Examples

For applications of the ABS submersible mixer RW 200 in pump stations and activation tanks, brackets, as well as wall fixing units and also installation kits for guide rail installation and location on the tank floor are available as accessories.

We would be glad to advise you on the optimum type of installation and selection of accessories.



	RW2022	RW2821	RW2822
A	186 mm	186 mm	186 mm
B	200 mm	280 mm	280 mm
C	370 mm	384 mm	384 mm
D	342 mm	356 mm	356 mm
E	400 mm	430 mm	430 mm

ECOMIX® RW 200 - 900

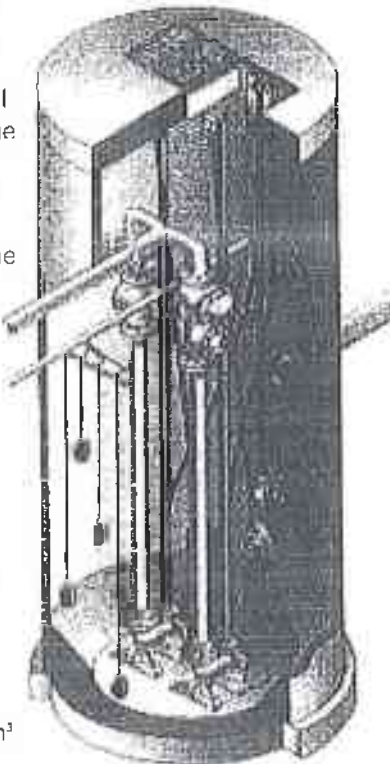
RW 200 in pump stations

The RW 200 mixers are mainly used for mixing applications in pump sumps. The function of the mixer is to thoroughly mix up the contents of the sump before the pumps themselves start up, so that after completion of the pumping only a small amount of deposit remains. Silting up of the pump sump is therefore effectively avoided.

In addition this mixer can prevent the formation of floating crusts in pump sumps.

In general the operation of the mixer in the pump sump is controlled as follows:

The mixer is operated by a level control unit which switches it on shortly before the pumps themselves are switched on. In general a timer allows 30 to 45 seconds mixing before starting of the pumps. An additional level control unit switches off the mixer while propeller coverage of 30 to 40 cm remains.



Max. sump size when using only RW 200

Round

Max. Diameter:
RW 200 = 3.5 m
RW 280 = 5.0 m



Rectangular tanks

Max. Size:
RW 200 = 3 x 5 m
RW 280 = 4 x 6 m

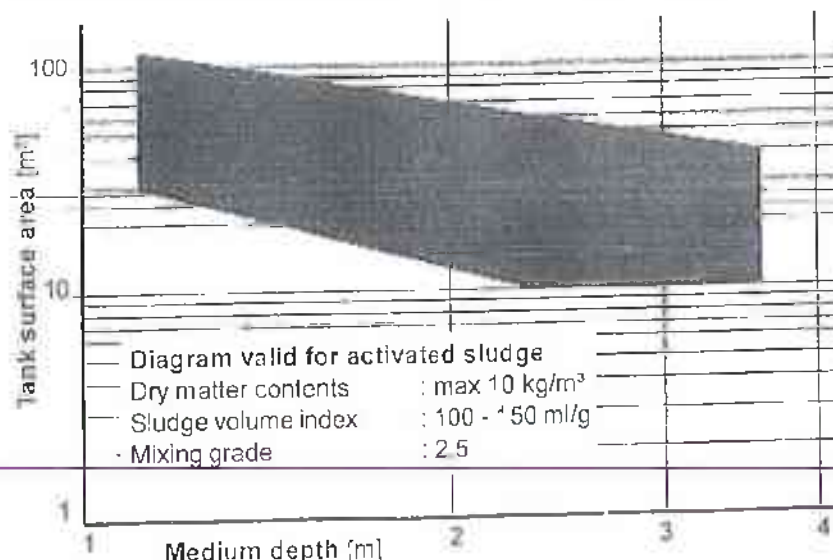


Specific power density

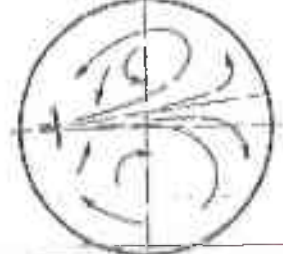
Municipal raw sewage	25 - 40 W/m ³
Sewage containing lots of solid materials:	50 - 80 W/m ³
Sewage containing lots of sandy materials:	100 - 200 W/m ³

RW 200 Suspension of activated sludge

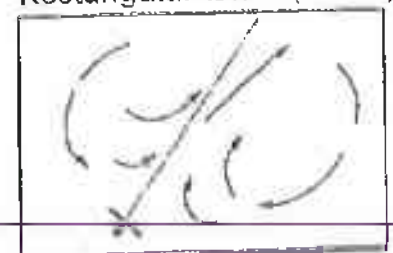
in round and rectangular tanks (Max. length-width - ratio = 2.5:1)



Round tanks



Rectangular tanks (2.5 : 1)



Materials

CR Stainless steel version

Motor housing _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4571
 Sliding bracket _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4408/Polyamide
 Propeller shaft* _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4404
 Propeller _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4571
 Optional flow ring _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4571

Mechanical seal _____ SiC / SiC
 O-Rings / Seals _____ NBR
 Fasteners _____ A4-70, e.g. (AISI 316) 1.4401

Optional
 O-Rings / Seals _____ Viton or on request
 Cable protective sleeving _____ Viton or Polyethylene
 *GGG-60 (SG Iron) fully encapsulated (only RW 900)

All metal parts in contact with medium are manufactured of alloy chrome nickel steel. Mechanical seal is manufactured of pure sintered silicon carbide (SiC) and is, therefore, resistant to almost all components found in sewage.

The jacket of the power supply consists of sewage resistant elastomer (CSM).

For special applications seals and cable protective sleeving of other elastomers, as well as anti-abrasive propeller coatings are available.

EC Cast iron version

Motor housing _____ Cast iron GGG-40 / GG-25, painted
 Sliding bracket _____ GGG-40 / GG-25, painted / Polyamide
 Propeller shaft* _____ Stainless steel (AISI 420) 1.4021
 Propeller _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4571
 Optional flow ring _____ Stainless steel (AISI 316) 1.4571

Mechanical seal _____ SiC / SiC
 O-Rings / Seals _____ NBR
 Fasteners _____ A4-70, e.g. (AISI 316) 1.4401

Optional
 O-Rings / Seals _____ Viton or on request
 Cable protective sleeving _____ Viton or Polyethylene
 Coating _____ 2 Comp.-Epoxy

The motor housing of cast iron is painted or epoxy coated, the propeller is made of stainless steel. Mechanical seal is manufactured of pure sintered silicon carbide (SiC) and is, therefore, resistant to almost all components found in sewage.

The jacket of the power supply consists of sewage resistant elastomer (CSM).

By selecting other seal materials, coatings, etc. this version can be modified for more aggressive applications.

Hints for preselection of mixer

Application areas		Activated sludge	Storm-water tanks	Refining tanks	Chemical phosphate removal	Lime liquid	Pump sumps	Abrasive sludges	Sea and brackish water	Degassing tanks	Paper pulp	Alkali plants	Special applications
CR Stainless steel version		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
EC Cast iron version		○	●	○	●	●	●	●	●	●	●	●	○
Execution variants	Corrosion protection												
	Seals FPM												
	Seals EPDM												●
	Seals HNBR											●	●
	Protective sleeving VPE												●
	Protective sleeving FPM											●	●
	Epoxy-coating												●
Wear protection	Zinc-sacrificial anodes												●
	Mechanical seal with rinsing												●
	Elastomer coated propeller												●

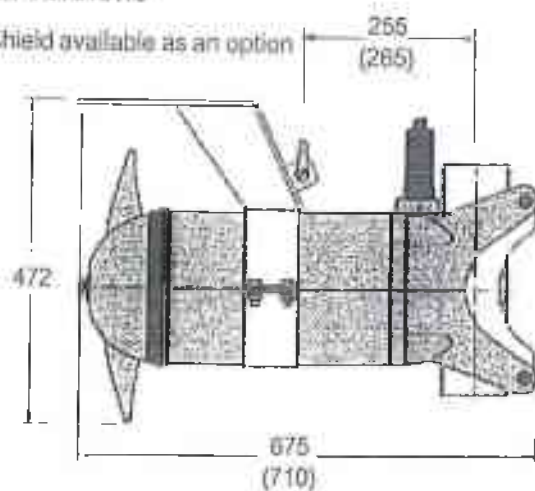
● very suitable ○ suitable

In the case of other mediums or chemical liquids it is recommended that a detailed examination of the corrosion and wear characteristics be carried out. For this purpose, the extensive material data files of the ABS Application Technology Division are available.

ECOMIX® RW 200 - 900

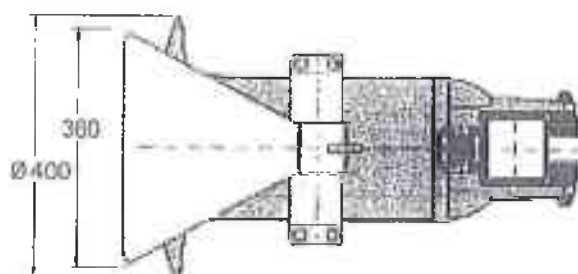
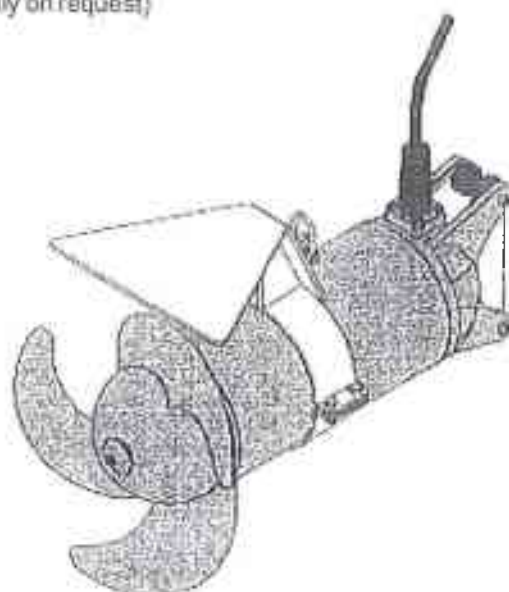
Special versions

Vortex shield available as an option



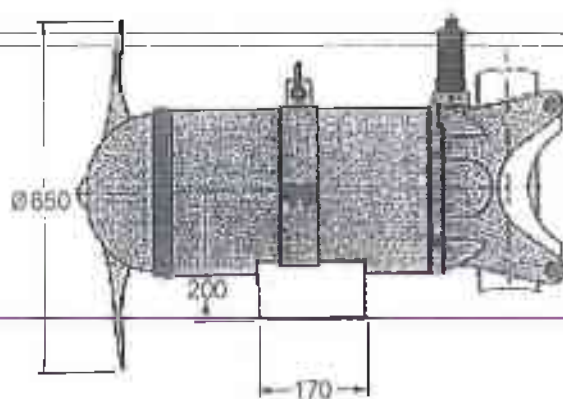
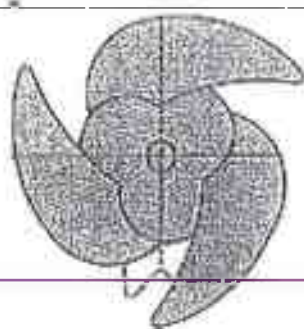
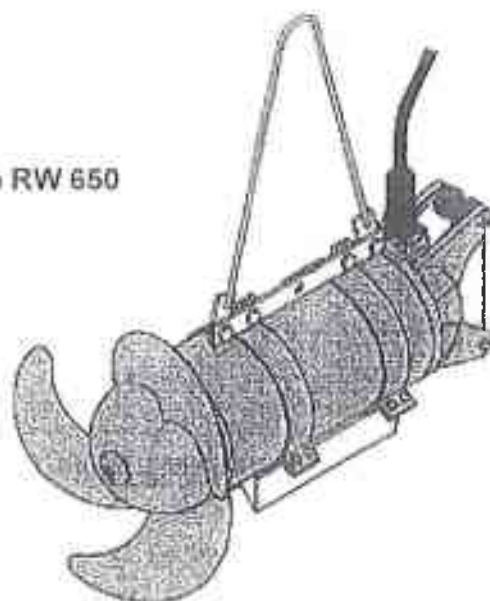
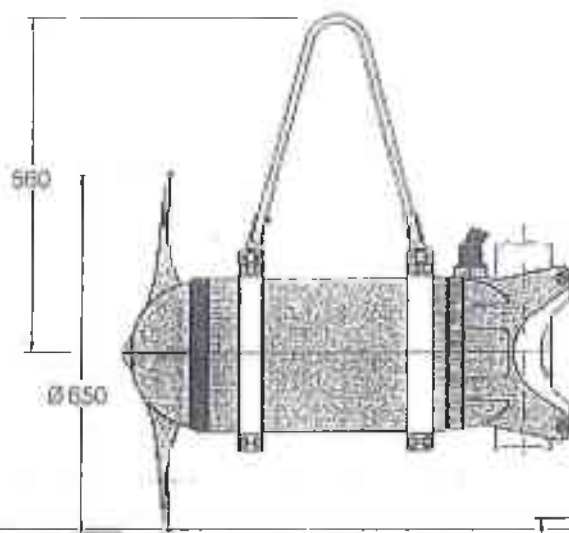
RW 300 to RW 650

(RW 900 only on request)



Lifting bracket and shock absorber support available as an option

RW 400 to RW 650



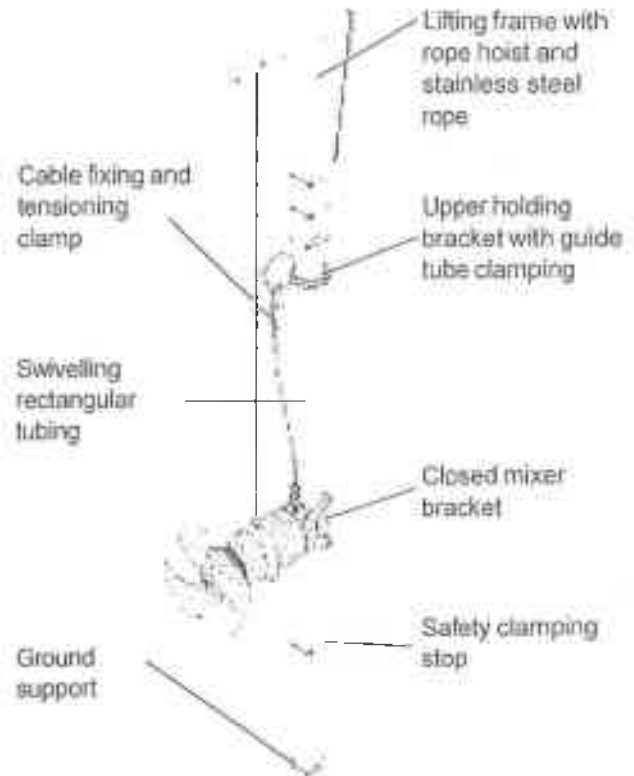
ECOMIX® RW 200 - 900

ABS submersible mixers are normally installed using a universal guide system, which allows the flexibility of using the unit in the tank at different water depths and thereby avoiding dead zones. When using the ABS guide rail system the mixers can be easily raised or lowered for repair or maintenance even when the tank is full.

An installation kit consists, for example, of:

- ☐ Lifting frame with winch, can be dismantled, free standing with adjustable boom length
- ☐ Mounting socket for freestanding hoist suitable for wall or floor fastening
- ☐ Rectangular guide tube with floor fixing components and support brackets for wall mounting
- ☐ Stainless steel rope for raising and lowering the mixer
- ☐ Rope block for holding the stainless steel rope where the lifting frame is used in different locations
- ☐ Support rope for reliable support and guidance of the power supply cable
- ☐ Support clamps and hooks to support the power supply cable in such a manner that it is not under strain

We would be glad to advise you on the optimum installation type and the most effective accessories.



System components (Example)

- ☐ RW 300 - 400 - 650
- ☐ for RW 900 special installation guidelines apply. Please contact our technical personnel.

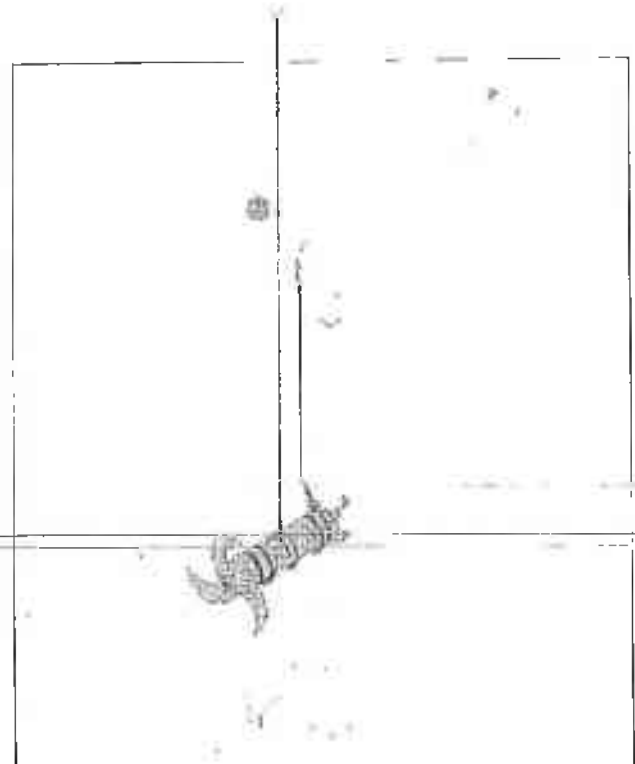
Installation examples

- ① Lifting bracket
- ② Shock absorber support
- ③ open mixer bracket



Turnable Guide System

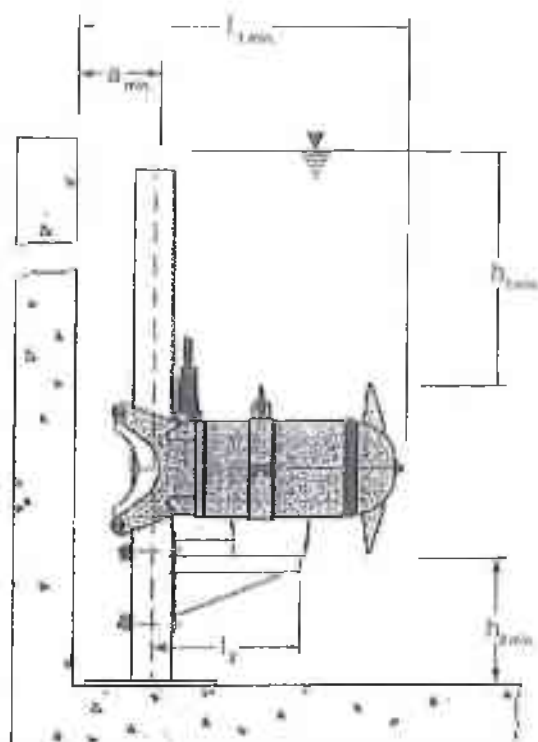
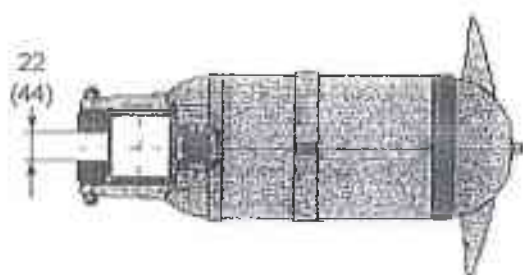
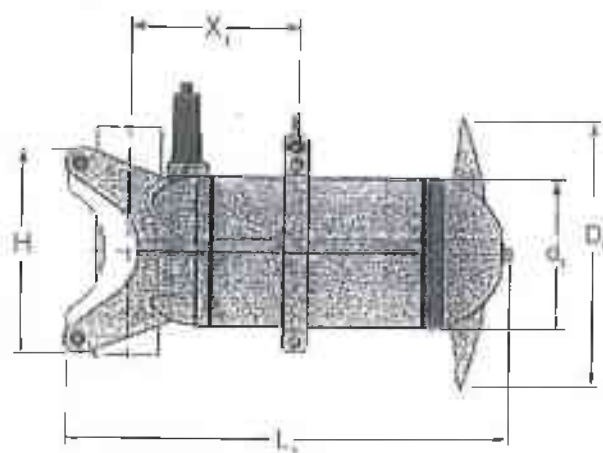
With wall fixing elements
e.g. for deep sludge holding tanks



Fixed Mixer Installation

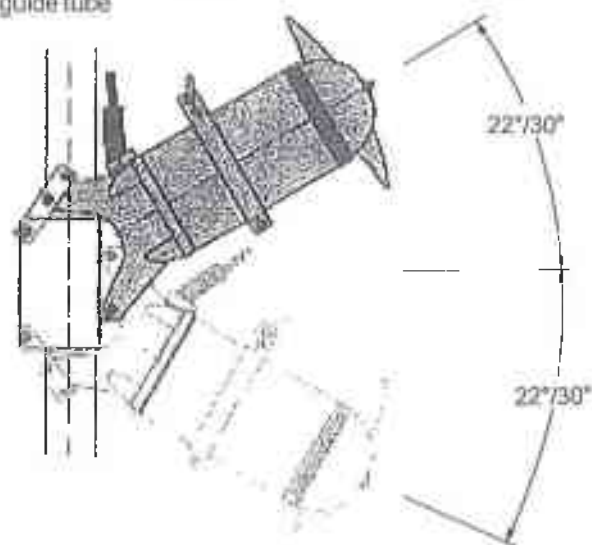
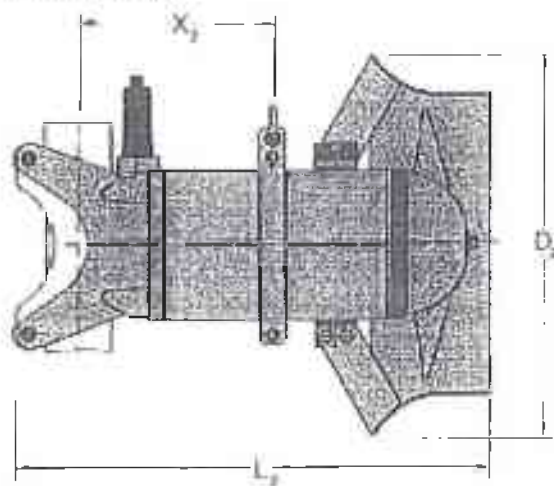
with transportable lifting unit 5 kN

ECOMIX® RW 200 - 900



When mixers are in a fixed position we recommend the installation of flexible supports. As a lower support a strut 60 x 60 is attached to the rectangular guide tube

Version with flow ring



Adjustable max. + 30°

Typ	a	D ₁	D ₂	d ₁	H		h ₁	h ₂	L ₁		L ₂	L ₃	L ₄		L ₅	X ₁	X ₂	X ₃	X ₄
					□60	□100			□60	□100	□60	□100	□60	□100	□60	□60	□100	□60	□100
RW 300 A15/28	190	Ø300	Ø460	Ø158	262		500	50	608		610		725			229		264	
RW 400 A30/40	190	Ø400	Ø560	Ø222,5	262	306	700	50	665	700	685	675	795	465	255	265	280	300	
RW 650 A50	190	Ø650	Ø810	Ø262,5		306	1100	50	830		870	925				330		385	
RW 650 A60	190	Ø650	Ø810	Ø262,5		306	1100	50	830		870	925				330		385	
RW 650 A75	190	Ø650	Ø810	Ø262,5		306	1100	50	970		1010	1065				400		455	
RW 650 A100	190	Ø650	Ø810	Ø262,5		306	1100	50	970		1000	1065				400		455	
RW 900 A110/150	190	Ø900	Ø1150	Ø222,5		306	1500	50	1150		1170	1240				470		460	
RW 900 A220	190	Ø900	Ø1150	Ø222,5		306	1500	50	1250		1270	1340				500		570	

ABS offers the complete range

VUP / AFL

Submersible propeller pumps for pumping large volumes up to 7,000 l/s at heads up to 30 m. Areas of application: Reclaimed land dewatering, flood protection, irrigation, aqua-culture, cooling and process water handling as well as recirculation in sewage treatment plants.



FlowBooster®

Low speed, highly efficient submersible mixer with a wide range of applications for use in industrial and municipal treatment plants.

Mono-cast propeller and patented mixer coupling system.



FR

Dry-installed clogless pumps for economic pumping of heavily polluted sewage and wastewater in municipal and industrial applications.

The pumps can be supplied with optional equipment where self-priming is required.



HYPOMIX®

Submersible bottom mounted mixers for stirring activated sludge, particularly in square and round tanks.

The hyperboloid shape contributes to a very high efficiency and low energy consumption.



NOPOL® DDS

Disk diffuser system for aeration of municipal and industrial wastewater. Easy to install by wedge piece attachment. Non clogging, long lasting technology with more than 3 million units installed. Excellent guaranteed performance, proven since more than 30 years.

We design and offer tailor made solutions to your individual application.



Genuine ABS Accessories

The best basis for an easy installation and a troublefree operation of your plant.

Pedestals, coupling rings, pipe covers, check valves,...

ABS - "Whatever you need". Order your copy of the accessory catalogue today.



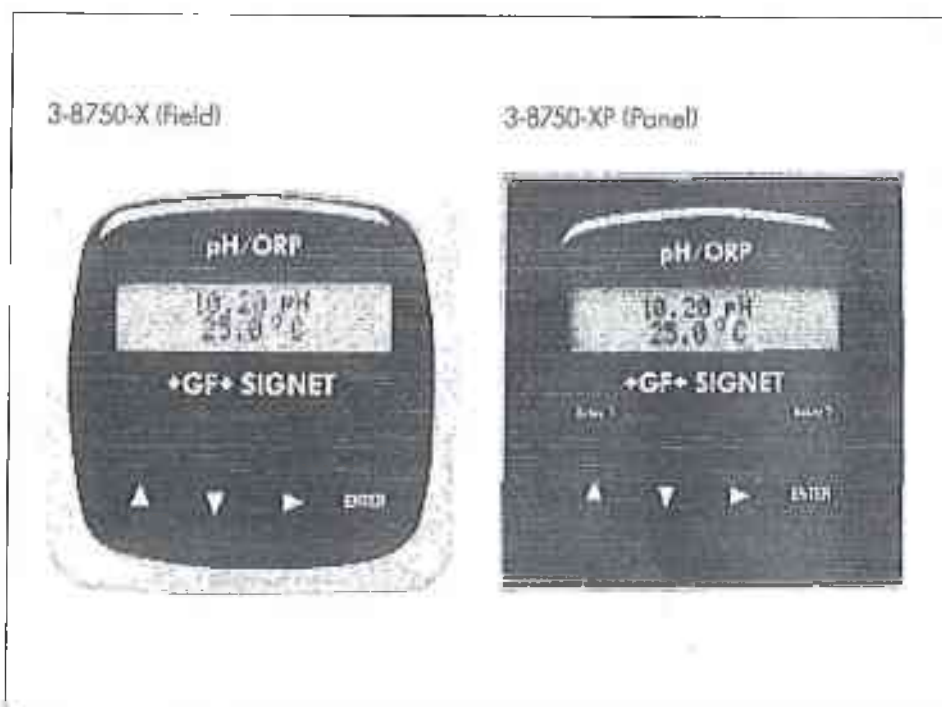
ABS

COST-EFFECTIVE PUMPING

ABS reserves the right to alter specifications due to technical developments.

Agents and distributors					
ABS has sales and service representation in more than 100 countries the world over.					
www.abspumps.com					
ABS is a company in the Camo Group					
Austria Tel. +43 2236 64261 Fax +43 2236 64266	Estonia Tel. +372 656 3398 Fax +372 656 3395	Greece Tel. +30 210 95 325 01/02/03 Fax +30 210 95 325 04	Norway Tel. +47 67 554 700 Fax +47 67 554 750	Sweden Tel. +46 31 736 16 00 Fax +46 31 27 29 20	
Belgium Tel. +32 2 725 79 00 Fax +32 2 725 71 19	Finland Tel. +358 9 506 63 90 Fax +358 9 55 80 53	Hungary Tel. +36 1 231 6070 Fax +36 1 231 6090	Poland Tel. +48 22 633 62 87 Fax +48 22 633 66 44	Switzerland Tel. +41 71 694 6555 Fax +41 71 694 6555	
Brazil Tel. +55 41 227 8100 Fax +55 41 348 1879	France Tel. +33 1 49 35 24 50 Fax +33 1 48 54 42 82	Ireland Tel. +353 1 452 8858 Fax +353 1 450 8859	Portugal Tel. +351 21 495 01 57 Fax +351 21 495 63 64	Turkey Tel. +90 216 455 2235 Fax +90 216 455 2265	
Canada Tel. +1 905 670 4677 Fax +1 905 670 3709	Germany Tel. +49 2246 13 0 Fax +49 2246 13 200	Italy Tel. +39 051 69 00 911 Fax +39 051 86 18 48	Singapore Tel. +65 5 4633 933 Fax +65 5 4622 122	USA Tel. +1 203 238 2709 Fax +1 203 238 0738	
China Tel. +86 21 5234 0472 Fax +86 21 5234 1179	Great Britain Tel. +44 1293 744 800 Fax +44 1293 613 392	Netherlands Tel. +31 30 242 5678 Fax +31 30 241 0346	South Africa Tel. +27 11 397 1612 Fax +27 11 397 1795	All other countries ABS Pump International Head Office, Sweden Tel. +46 31 83 63 00 Fax +46 31 67 94 14	
Denmark Tel. +45 48 17 11 10 Fax +45 48 17 19 11			Spain Tel. +34 91 670 26 51 Fax +34 91 665 56 68		

+GF+ SIGNET 8750 pH/ORP Transmitters



Description

The +GF+ SIGNET 8750 pH/ORP Transmitter is designed for broad application and ease of setup and use. The unit auto-configures for either pH or ORP use when connected to +GF+ SIGNET pH or ORP electrodes. Multiple mounting options allow for installation best suited to your particular application.

The Easy-Cal menu features automatic buffer recognition for mistake proof pH or ORP electrode calibrations. intuitive software and the four button keypad arrangement make it easy to access important information such as pH or ORP, mV input, temperature, calibration, relay set-up menus and more.

Technical Features

Mounting Version	Part No.	Wire Power	Sensor Input	4 to 20 mA Output	Open Collector/Relay
 Field	3-8750-1	2	1	1	1 O.C. Hi, Lo Pulse or Off
	3-8750-2	4	1	1	2 Relays Hi, Lo Pulse or Off
	3-8750-3	4	1	2 pH, Temp or ORP	2 O.C.'s Hi, Lo Pulse or Off
 Panel	3-8750-1P	2	1	1	1 O.C. Hi, Lo Pulse or Off
	3-8750-2P	4	1	1	2 Relays Hi, Lo Pulse or Off
	3-8750-3P	4	1	2 pH, Temp or ORP	2 O.C.'s Hi, Lo Pulse or Off

Features

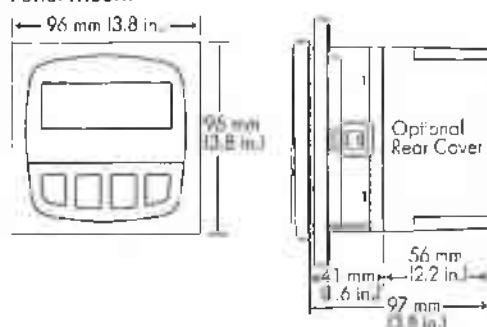
- For use with +GF+ SIGNET Twist-Lock pH/ORP Electrodes and Preamplifier
- Automatic temperature compensation (pH)
- Display in °C or °F
- Hold and Simulate functions
- Integral or remote mounting
- Relay options
- Output scalability
- Dual output option allows temperature and pH signal transmission
- 2 x 16 character dot matrix LCD
- NEMA 4X/IP65 enclosure with self-healing window
- Large pushbuttons

Application

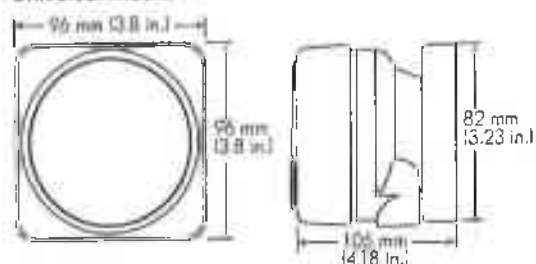
- Neutralization systems
- Heavy metals recovery
- Plating control
- Scrubber control
- Pool and spa control
- Environmental study
- Water treatment
- Water quality monitoring
- Waste treatment
- Disinfecting

Dimensions

Panel Mount



Universal Mount



Installation

The transmitter is available in a panel or a field mount version. Select the universal mount kit (3-8050) to mount the transmitter on a surface near the electrode.

1. Panel Mount

3-8750-XP



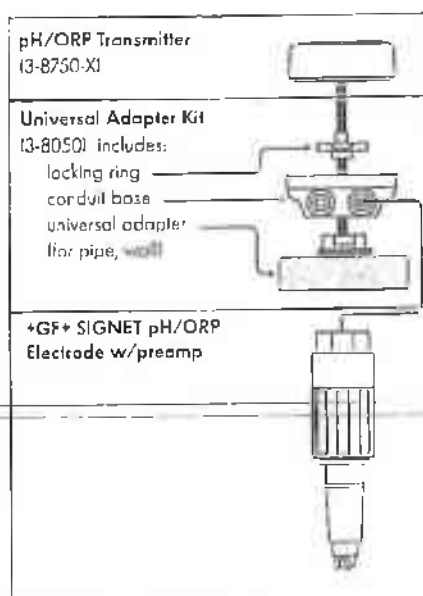
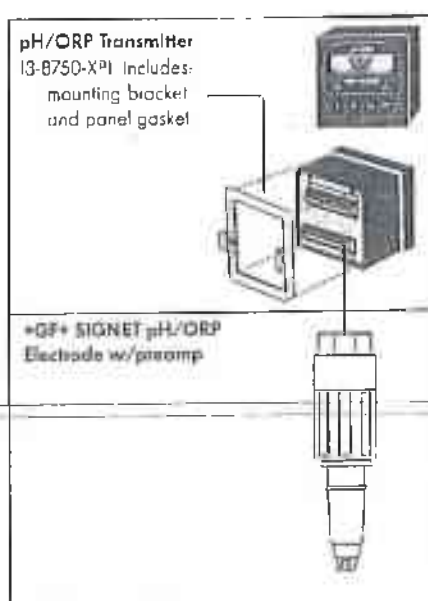
2. Universal Mount

3-8750-X Transmitter

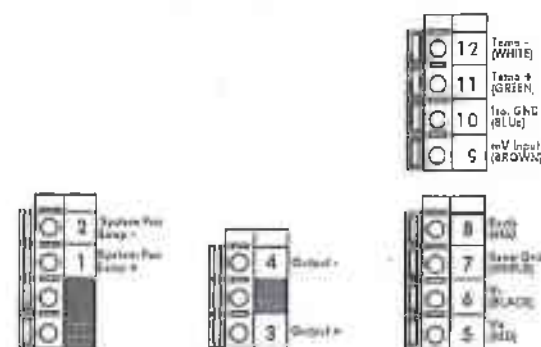


All panel mount transmitters (3-8750-XP) include a mounting bracket and gasket for a NEMA 4X watertight panel installation. Panel mount transmitters fit into a standard 1/4 DIN panel cutout.

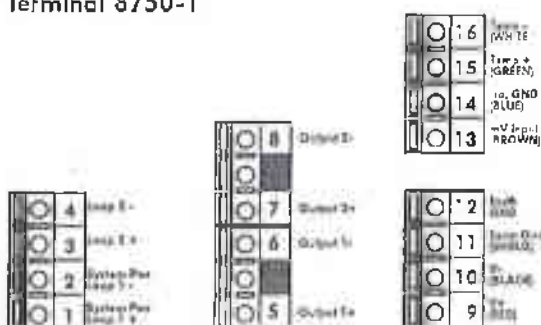
The Universal Mount Kit (3-8050) can be ordered separately and includes a conduit base, locking ring, and universal adapter for mounting the transmitter on a pipe, wall, or other stationary surface.



Rear Terminal View



Terminal 8750-1



Terminal 8750-3

Technical Data

General

Compatible electrodes: +GF+ SIGNET 3-27" X Twist-Lock pH/ORP Preamplifier/Electrodes

Accuracy: ± 0.03 pH, ± 2 mV ORP

Enclosure:

- Rating: NEMA 4X/IP65 front
- Case: PBT
- Panel case gasket: Neoprene
- Window: Polyurethane coated polycarbonate
- Keypad: Sealed 4-key silicone rubber
- Weight: Approx. 325g (12 oz.)

Display:

- Alphanumeric 2 x 16 LCD
- Contrast: User selectable, 5 levels
- Shipping Weight: 0.6 kg (1.3 lb.)

Environmental

Operating temperature:

-10 to 70°C (14 to 158°F)

Storage temperature:

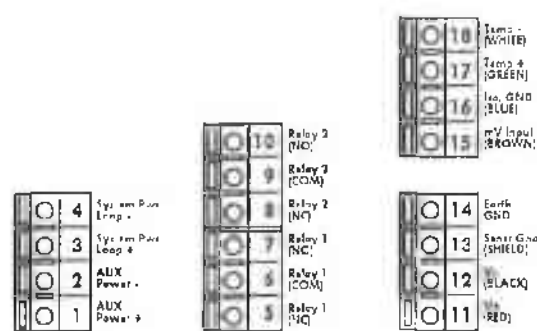
-15 to 80°C (5 to 176°F)

Relative humidity:

0 to 95%, non-condensing

Standards and Approvals

- CSA, CE, UL listed
- Manufactured under ISO 9001 and ISO 14001



Terminal 8750-2

Note: The terminal blocks are not labeled on the back of the unit. An adhesive label is supplied with terminal descriptions to serve as a remote terminal display.

Electrical

Power:

- 12 to 24 VDC $\pm 10\%$ regulated
- (-1) 21 mA max. (-2) 220 mA max. (-3) 60 mA max.

Electrode input range:

- pH: 0.00 to 14.00 pH
- Temp.: 3K Balco, -25 to 120°C (-13 to 248°F)
- ORP: -2000 to +2000 mV, isolated (10K Ω D. resistance T+, T-)

Current output:

- 4 to 20 mA, isolated, fully adjustable and reversible
- Max loop impedance: 50 Ω max. @ 12 V, 325 Ω max. @ 18 V, 600 Ω max. @ 24 V
- Update rate: 0.5 seconds
- Accuracy: ± 0.03 mA @ 25°C, 24 V

Relay output:

- Mechanical SPDT contacts: Hi, Lo, Pulse, Off
- Maximum voltage rating: 5 A @ 30 VDC, or 5 A @ 250 VAC resistive load
- Hysteresis: User-adjustable
- Max 400 pulses/min.

Open-collector output: Hi, Lo, Pulse, Off

- Open-collector, optically isolated, 50 mA max, sink, 30 VDC max. pull-up voltage.
- Hysteresis: User-adjustable
- Max 400 pulses/min.

Ordering Information

Mfr. Part No.	Code	Description
3-8750-1	159 000 053	pH/ORP transmitter, Field mount
3-8750-1P	159 000 054	pH/ORP transmitter, Panel mount
3-8750-2	159 000 055	pH/ORP transmitter, Field mount with relays
3-8750-2P	159 000 056	pH/ORP transmitter, Panel mount with relays
3-8750-3	159 000 057	pH/ORP transmitter, Field mount with single input/dual output
3-8750-3P	159 000 058	pH/ORP transmitter, Panel mount with single input/dual output

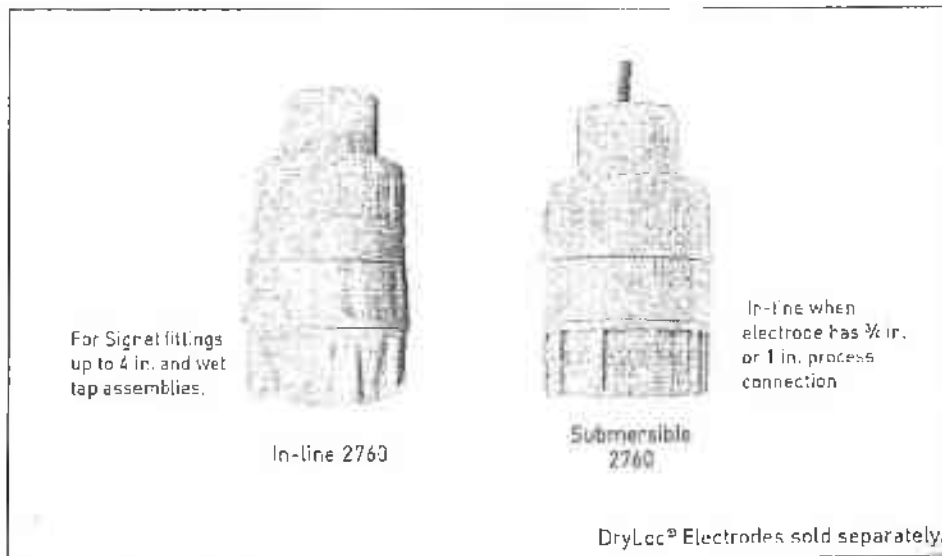
Accessories

Mfr. Part No.	Code	Description
3-8050	159 000 184	Universal mounting kit
3-8050.392	159 000 640	Model 200 retrofit adapter
3-8050.395	159 000 186	Transmitter NEMA 4X cover
3-8050.396	159 000 617	RC Filter kit (for relay use)
3-8052	159 000 188	3/4 in. Integral mounting kit
3-8052-1	159 000 755	3/4 in. NPT mount junction box
3-0000.596	159 000 641	Heavy duty wall mount bracket
3-0700.390	198 864 403	pH buffer kit
3-5000.598	198 840 225	Surface Mount Bracket
3-9000.392	159 000 368	Liquid tight connector kit for rear cover (includes 3 connectors)
3-9000.392-1	159 000 839	Liquid tight connector kit, NPT 1" piece
3-9000.392-2	159 000 841	Liquid tight connector kit, PG 13.5 (1 piece)

Engineering Specifications

- The transmitter shall be CSA, UL and CE listed.
- The transmitter shall be manufactured under ISO 9001 and ISO 14001 certified processes.
- The transmitter shall be field or panel mountable.
- The transmitter shall display pH, mV and temperature.
- The display units shall be fully scalable.
- The device shall meet NEMA 4X and IP65 standards.
- The operating voltage shall be 12 to 24 VDC.
- The transmitter shall have a 4 to 20 mA output with an open collector output, 5 to 30 VDC or a 4 to 20 mA output with 2 relays, or dual 4 to 20 mA outputs with dual open collector capability.
- The transmitter shall have simulate capability.
- The transmitter shall hold an output value while calibrating.
- The transmitter shall be +GF+ SIGNET 8750 pH/ORP Transmitter.

Signet 2760 DryLoc® pH/ORP Preamplifiers & Connectors



Features

- In-line integral mount and submersible installation versions
- Automatic temperature compensation
- Auto configuration for pH or ORP operation
- Junction boxes for convenient wiring

Applications

- Water/Wastewater Treatment
- Neutralization Systems
- Scrubber Control
- Effluent Monitoring
- Surface Finishing
- Flocculent Coagulation
- Heavy Metal Removal and Recovery
- Toxics Destruction
- Sanitization Systems
- Pool & Spa Control
- Aquatic Animal Life Support Systems

Description

The Signet 2760 pH/ORP Preamplifiers features the DryLoc® connector, providing a robust connection to Signet DryLoc® electrodes.

The 2760 preamplifier allows any DryLoc® pH/ORP electrode to work with Signet ProcessPro® and ProPoint® pH/ORP instruments. It is also sold as a simple connector for use with other manufacturers' instruments that do not require a preamplified signal.

The DryLoc® electrode connector system quickly forms a robust assembly for submersible and in-line installations. NEMA 4X junction enclosures are to extend the preamplifier cable to long distances.

The 2760 submersible preamplifier can also be used as an In-line preamplifier when used with the 3/4 in. or 1 in. threaded sensors including the 2724, 2774 and 2764 series electrodes. The 2760 In-line preamplifier can be used with Signet fittings up to DN 30 (4 in.) and wet-tap assemblies.

CE

System Overview

In-Line Installation		Submersible Installation	Wet-Tap Installation	
Panel Mount Signet Instrument (sold separately): 5700, 5750 	Pipe, Tank, Wall Mount Signet pH/ORP Transmitter (sold separately): 6750  Signet Universal Adapter Kit (3-6250) (sold separately) 	Panel, Pipe, Tank, Wall Mount Signet Instrument (sold separately): 5700, 5750 	Panel Mount Signet Instrument (sold separately): 5700, 5750 	Pipe, Tank, Wall Mount Signet pH/ORP Transmitter (sold separately): 6750  Signet Universal Adapter Kit (3-6250) (sold separately) 
Signet 2760 Preamplifier 	Signet 2760 Preamplifier 	Pipe extension or conduit with 3/4 in. NPT or ISO 7/16-20/24 threads (customer supplied) 	Signet 2760 Preamplifier with Signet Wet-Tap Electrode 2756, 2757 (each sold separately) 	
DryLoc® pH/ORP Electrodes 2724-2726, 2764-2767, 2774-2777 (sold separately) 		Signet 2760 and Preamplifier 	Signet 3719 Wet-Tap (sold separately) 	
2724-2726 DryLoc® Electrodes: Use GF Fittings* or 3/4 in. NPT fittings (customer supplied) 2764-2767 and 2774-2777 DryLoc® Electrodes: Use 1/2 in. or 1 in. NPT fittings (customer supplied)		DryLoc® pH/ORP Electrodes 2724-2726, 2764-2767, 2774-2777 (sold separately) 	GF PP Clamp-On Saddles for 3719 Wet-Tap or GF Tees and Fittings (sold separately) see model 3719 for more info 	

Ordering Information

Model 2760

Ordering Information

- 1) Conduit and mounting brackets for submersion installation must always be used (customer supplied).
- 4) The 3-2759 System Tester must be ordered with the adapter cable 3-2759.391 for exclusive use with the 2760.
- 5) All sensor preamplifiers and connectors require a DryLoc® electrode for full system installation.
- 6) Use Models 2724-2726, 2756-WT, 2757-WT, 2764-2767 and 2774-2777 pH and ORP electrodes with the 2760

Preamplifier and Connector		
3-2760	pH/ORP Preamplifier (for use with the 8750 or 5703 instrument) or Connector (for use with other manufacturer's instruments) with 4.6 m [15 ft] cable	
	Preamplifier:	
	-1	Preamplifier, with 1/2 in. NPT threads and 4.6 m [15 ft] cable
	-2	Preamplifier, with 1/2 in. ISO threads and 4.6 m [15 ft] cable
	Connectors (for use with other manufacturer's instruments)	
	-3	Connector with 4.6 m [15 ft] cable and 1/2 in. NPT threads
	-4	Connector with 4.6 m [15 ft] cable and ISO 7/16 3/4 threads
	Mounting Configurations	
	-	Submersible mounting (gray body)
	1	In-line mounting (yellow body); use for wet tap sensors
3-2760	-2	Example Part Number

Mfr. Part No.	Code
3-2760-1	159 000 939
3-2760-2	159 000 940
3-2760-3	159 000 941
3-2760-4	159 000 942
3-2760-11	159 001 367
3-2760-21	159 001 368
3-2760-31	159 001 369
3-2760-41	159 001 370

Accessories and Replacement Parts

Application Tips

- The EasyCal feature automatically recognizes standard 4.0, 7.0, and 10.0 pH buffer or ORP Quinhydrone solutions of 87 and 264 mV and simplifies calibration
- Frequency of calibration of electrodes is dependent upon the application.

Mfr. Part No.	Code	Description
Calibration		
3-2700.395	159 001 605	Calibration kit: includes 3 PP cups, cup stand, 1 pint pH 4.01, 1 pint pH 7.00
3822-7115	159 001 606	20 gm bottle Quinhydrone for ORP calibration (must use pH 4.01 and/or pH 7.00 buffer solutions)
3-2759	159 000 762	pH/ORP system tester (adapter cable sold separately)
3-2759.391	159 000 764	2759 adapter cable for use with 2750 and 2760
3-2700.390	198 864 403	DryLoc® sensor electronics
		pH buffer kit (1 each 4, 7, 10 pH buffer in powder form, makes 50 ml of each)
3822-7004	159 001 581	pH 4 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle
3822-7007	159 001 582	pH 7 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle
3822-7010	159 001 583	pH 10 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle
Mounting		
3-8050-1	159 000 753	Universal mount junction box
3-8050-2	159 000 754	Universal mount junction box w/EasyCal
3-9000.392-1	159 000 839	Liquid tight connector kit, NPT (1 connector)
3-9000.392-2	159 000 841	Liquid tight connector kit, PG 13.5 (1 connector)
Other		
5523-0624	159 000 636	Cable, 6-cond. plus shield, 24 AWG, black/red/white (for use with 2760; orders must specify length per foot)

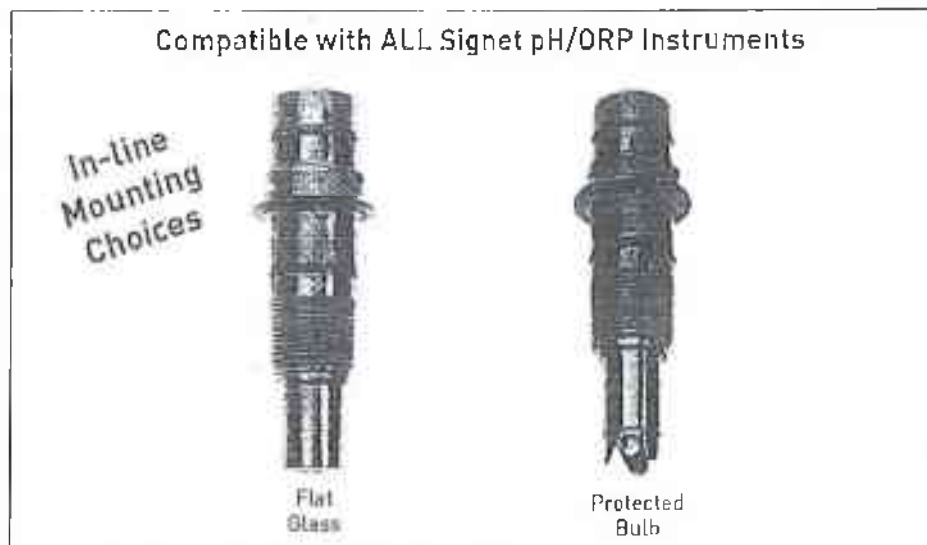
Rev A (3/09)

© Georg Fischer Signet LLC

3401 Aerojet Avenue, El Monte, CA 91731-2082 U.S.A. • Tel. (626) 571-2770 • Fax (626) 573-2057 • www.gfsignet.com • e-mail: signet.ps@georgfischer.com
 Specifications subject to change without notice. All rights reserved. All corporate names and trademarks stated herein are the property of their respective companies.

Signet 2724-2726 pH and ORP Electrodes

+GF+



Description

The Signet 2724-2726 pH and ORP Electrodes features a patented reference electrode design and uses the unique foul-proof patented DryLoc® connector. The large area PE reference junction and pathway is constructed to increase the total reference effectiveness and ensures long service life.

The DryLoc connector with foul-proof gold plated contacts readily connects the sensor to the mating 2760 preamplifier or the 2750 sensor electronics. The robust Ryton® threaded sensor body and choice of flat pH, bulb pH, or flat ORP sensing elements provides broad range of chemical compatibility for a wide variety of applications.

There are two optional sensing versions, HF and LC, available. The HF version is for applications where traces of hydrofluoric acid (2% or less) will attack standard pH glass in levels of pH 6 and below. The LC version can be used for low conductivity fluids (not less than 20 µS/cm).

The quick temperature response is available in either a PT-1000 or 3KΩ temperature sensor and allows compatibility with all Signet pH/ORP instruments. The 2724-2726 electrodes are general-purpose sensors ideal for a wide range of applications. The sensors incorporate 3/4" NPT or ISO 7/1 R3/4 threads for installing into standard pipe-tees. They can also be mounted directly into Signet standard fittings.

Features

- Mounts in Signet standard fittings from DN15 to DN100 (0.5 to 4 in.)
- 3/4" NPT or ISO 7/1 R3/4 threaded sensors for use with reducing tees
- Ryton® (PPS) body for broad range of chemical compatibility
- Patented* reference design for exceptional performance
- Patented DryLoc® connector with gold plated contacts
- Quick temperature response
- HF resistant glass available for trace HF of <2%
- Optional Low conductivity sensor for liquids down to 20 µS/cm

Applications

- Water & Wastewater Treatment
- Neutralization Systems
- Effluent Monitoring
- Sanitization Systems
- Pool & Spa Control
- Aquatic Animal Life Support Systems
- Process Control
- Cooling Towers

System Overview

In-Line Installation		Submersible Installation	
Panel Mount Signet Instrument (sold separately) 5700 8750 8700	4 to 20 mA Input Chart Recorder Programmable Logic Controller	Panel, Pipe, Tank, Wall Mount Signet Instrument (sold separately) 5700 8750 8700	
Signet 2750 and Signet 2760 (sold separately) with	Signet 2750 (sold separately)	Signet 2750 and Signet 2760 (sold separately) with	Pipe extension or conduit with 3/4" NPT or ISO 7/1 R 3/4 threads (customer supplied)
Signet 2724-2726 DryLoc® pH/ORP Electrodes	Signet 2724-2726 DryLoc® pH/ORP Electrodes	Signet 2724-2726 DryLoc® pH/ORP Electrodes	
Signet And Threaded only for in-line installs (sold separately)			

Ryton (PPS) is a registered trademark of Chevron Phillips Chemical Co. LLC
© 2004 Honeywell International Inc. All rights reserved. Honeywell and the Honeywell logo are trademarks of Honeywell International Inc.

U.S. Patent No. 6,666,701

* Patents pending

Model 2724-2726

Ordering Notes:

- 1) pH and ORP electrodes require connection to model 2750 sensor electronics or 2760 preamplifier.
- 2) Use the flat glass electrodes when a self-cleaning feature is desired; especially useful in applications with abrasive chemicals.
- 3) Use bulb protected electrodes for general purpose applications.
- 4) ORP electrodes are generally used for chemical reaction monitoring, not control.
- 5) The 2750 "Easy Cal" feature recognizes common pH and ORP buffer values.

pH Electrodes	
3-2724	Flat glass pH
3-2726	Bulb glass pH
3-2726-HF	Bulb glass pH, HF resistant (2% HF)
3-2726-LC	Bulb glass pH, Low conductivity applications (20 µs/cm minimum)
Temperature Element	
-0	PT-1000; use with 2750 sensor electronics
-1	3KN Ealco; use with 2760 preamplifier
Threaded process connection:	
0	3/4" MNPT, Thread
1	ISO 7/1 R% Thread
ORP Electrodes	
3-2725-6	Flat ORP with 10k Ohm ID Resistor
Threaded process connection:	
0	3/4" MNPT, Thread
1	ISO 7/1 R% Thread

Preamplifiers & Sensor Electronics - Choose one (required for initial installation of any pH or ORP electrode)

The Sensor Electronics below can be used with the Signet 8900 as a blind transmitter with 4 to 20 mA output for connection to a PLC, PC, chart recorder, and other devices requiring 4 to 20 mA input.	
3-2750-1	In-line Sensor electronics w/ junction box
3-2750-2	In-line Sensor electronics w/ junction box and EasyCal
3-2750-3	Submersible Sensor electronics w/ 4.6m (15 ft) cable and 3/4 in. NPT threads
3-2750-4	Submersible Sensor electronics w/ 4.6m (15 ft) cable and 7/1 R% ISO threads
The Preamplifiers below can be used with the Signet 5700 or 8250 Instruments	
3-2760	pH/ORP Preamplifier or Connector (for use with other manufacturer's instruments) with 4.6m (15 ft) cable
Preamplifier/Connector Style: Choose one	
-1	Preamplifier with 3/4 inch NPT threads
-2	Preamplifier with ISO 7/1 R% threads
-3	Connector with 3/4 inch NPT threads
-4	Connector with ISO 7/1 R% threads
Mounting Configurations: Choose one	
-	Submersible mounting - gray body
!	In-line mounting - yellow body
3-2750	-2-1 Example Part Number

Mfr. Part No.	Code	Mfr. Part No.	Code	Mfr. Part No.	Code
3-2724-00	159 001 545	3-2726-10	159 001 555	3-2726-LC-00	159 001 557
3-2724-01	159 001 546	3-2726-11	159 001 556	3-2726-LC-01	159 001 558
3-2724-10	159 001 547	3-2726-HF-00	159 001 549	3-2726-LC-10	159 001 559
3-2724-11	159 001 548	3-2726-HF-01	159 001 550	3-2726-LC-11	159 001 560
3-2726-00	159 001 553	3-2726-HF-10	159 001 551	3-2725-60	159 001 561
3-2726-01	159 001 554	3-2726-HF-11	159 001 552	3-2725-61	159 001 562

Accessories and Replacement Parts

Mfr. Part No.	Code	Description
3-2750-1	159 000 744	In-line Sensor Electronics w/ Junction Box
3-2750-2	159 000 745	In-line Sensor Electronics w/ Junction Box and Easy-Cal
3-2750-3	159 000 746	Submersible Sensor Electronics with 15 ft. cable, 3/4 in. NPT threads
3-2750-4	159 000 842	Submersible Sensor Electronics with 15 ft. cable, ISO 7/1 R% threads
3-2760-1	159 000 939	Submersible Preamplifier with 3/4 in. NPT threads and 4.6 m (15 ft.) cable
3-2760-2	159 000 940	Submersible Preamplifier with ISO 7/1 R% threads and 4.6 m (15 ft.) cable
3-2760-3	159 000 941	Submersible Connector with 4.6 m (15 ft.) cable and 3/4 in. NPT threads
3-2760-4	159 000 942	Submersible Connector with 4.6 m (15 ft.) cable and ISO 7/1 R% threads
3-2760-11	159 001 367	In-line Preamplifier with 3/4 in. NPT threads and 4.6 m (15 ft.) cable
3-2760-21	159 001 368	In-line Preamplifier with ISO 7/1 R% threads and 4.6 m (15 ft.) cable
3-2760-31	159 001 369	In-line Connector with 4.6 m (15 ft.) cable and 3/4 in. NPT threads
3-2760-41	159 001 370	In-line Connector with 4.6 m (15 ft.) cable and ISO 7/1 R% threads
3-2759	159 000 762	pH/ORP System Tester (adapter cable sold separately)
3-2759-391	159 000 764	2759 DryLoc Adapter Cable (for use with 2750 and 2760)
3-0700-390	198 864 403	pH Buffer Kit (1 each 4, 7, 10 pH buffer in powder form, makes 50 mL of each)
3822-7004	159 001 581	pH 4 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle
3822-7007	159 001 582	pH 7 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle
3822-7010	159 001 583	pH 10 buffer solution, 1 pint (473 ml) bottle

Georg Fischer Signet LLC

3401 Aerogel Avenue, El Monte, CA 91731-2852 U.S.A. • Tel. (626) 571-2770 • Fax (626) 573-2057 • www.gfsignet.com • e-mail: signet.ps@georgfischer.com
 Specifications subject to change without notice. All rights reserved. All corporate names and trademarks stated herein are the property of their respective companies.

www.gfsignet.com

SJE-Rhombus



ISO 9001:2000 Certified

The best pump switches technology of SJE-Rhombus

About SJE-Rhombus®



Since 1975, SJE-Rhombus® has grown into one of the most trusted names in the water, wastewater and embedded control industries by bringing you products that offer reliability and performance that you can depend on.

SJE-Rhombus® offers a wide variety of control products for residential, commercial, municipal, and industrial markets. From control panels utilizing embedded circuit board technology, to complete control/monitoring systems designed and built to individual specifications.

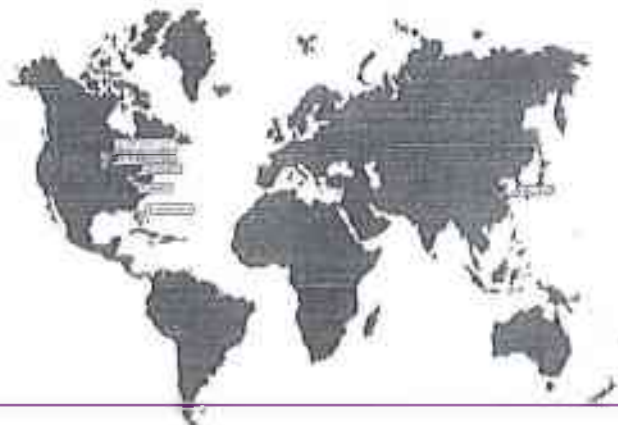
SJE-Rhombus® represents the most reliable integration of engineering and manufacturing in the industry.



New product designs endure extensive in-house and field testing before submit to recognized independent laboratories for safety testing and approval. This commitment to quality ensures you a dependable, trouble-free product. SJE-Rhombus® offers a quality warranty on all standard catalog products.

SJE-Rhombus® corporate headquarters are located in Detroit Lakes, Minnesota, USA. In addition to the Suzhou, China manufacturing facility, SJE-Rhombus® has multiple locations in the United States, including Minneapolis, Minnesota; Milford, Ohio; Ashland, Ohio; and Clearwater, Florida (see map left).

In January 2007, SJE-Rhombus® opened a new manufacturing facility in the Suzhou Industrial Park, China. SJE-Rhombus® (Suzhou) Co., Ltd. is well equipped to service pump manufacturers and distributors in Asia and across the world. With a longstanding reputation for producing products of the highest quality, SJE-Rhombus® recently earned ISO 9001:2000 certification for the Suzhou facility to ensure manufacturing processes exceed the strictest quality control requirements.



SJE-Rhombus® Float Switch – Quest™

FEATURES

1. CE Certificated.
2. In 3-wire SPDT version, normally open for pump down and normally closed for pump up.
3. Non-toxic, corrosion resistant, polypropylene float housing.
4. Includes an innovative one-piece cable weight for mounting; no clip-to-lose.
5. Mechanically-activated, snap action contact, wide-angle pump switch designed for preference and dependability.
6. Waterproof Epoxy Treatment. The float switch cable is fortified by Epoxy resin to strengthen its waterproof capability. This reinforcement can effectively prevent water and moisture ingress in the float switch through the cable and will substantially extend the life expectancy of the float switch.

SPECIFICATION

Cable:

Flexible rubber cable H07RNF, 1mm²
3 conductors.

Cable length optional: 3M, 5M, 10M, others

Float:

Non-toxic, corrosion resistant polypropylene housing for use up to 55°C (131°F)

Electrical:

Type Of Load R-M = Resistance-Motor Load

250 VAC Rated Voltage

Maximum Pump Running Current:

10(8) amps

Frequency:

50/60 HZ

Micro Disconnect:

Automatic Life Cycles: 50,000 times

Protection Rating:

Ip68

Note: This switch is not recommended for controlling:

- ⊗ Electric loads less than 100 milliamps, 12VAC
- ⊗ Non-arcing electric loads

Switch must be used with pumps that provide integral thermal overload protection.

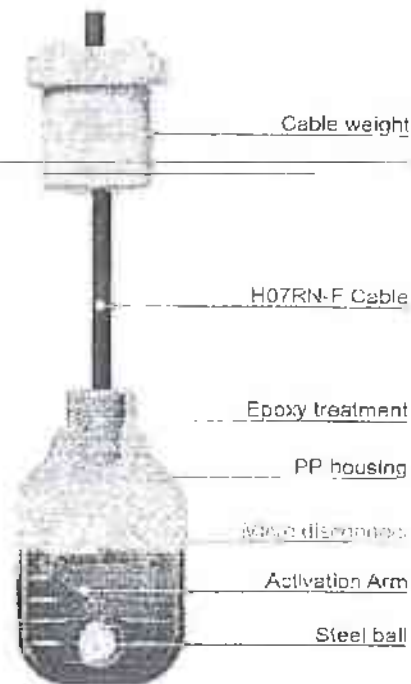
ORDERING INFORMATION

Model	Model Description	Cable*Length	Weight (kg)
QT3	3(M)QSTSPDT	H07RNF*3m	0.82
QT5	5(M)QSTSPDT	H07RNF*5m	0.95
QT10	10(M)QSTSPDT	H07RNF*10m	1.53

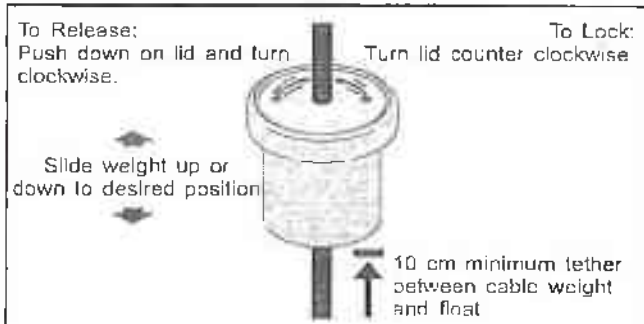
► SPDT = Single Pole, Double Throw

► Cable Weight is standard

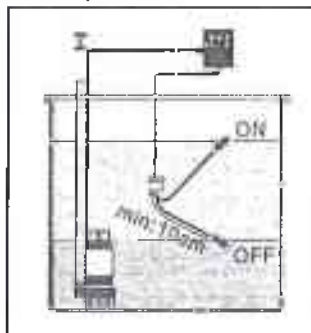
SECTIONAL DRAWING



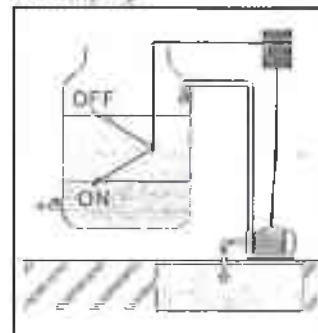
► Cable Weight Usage



► Pump Down



► Pump Up

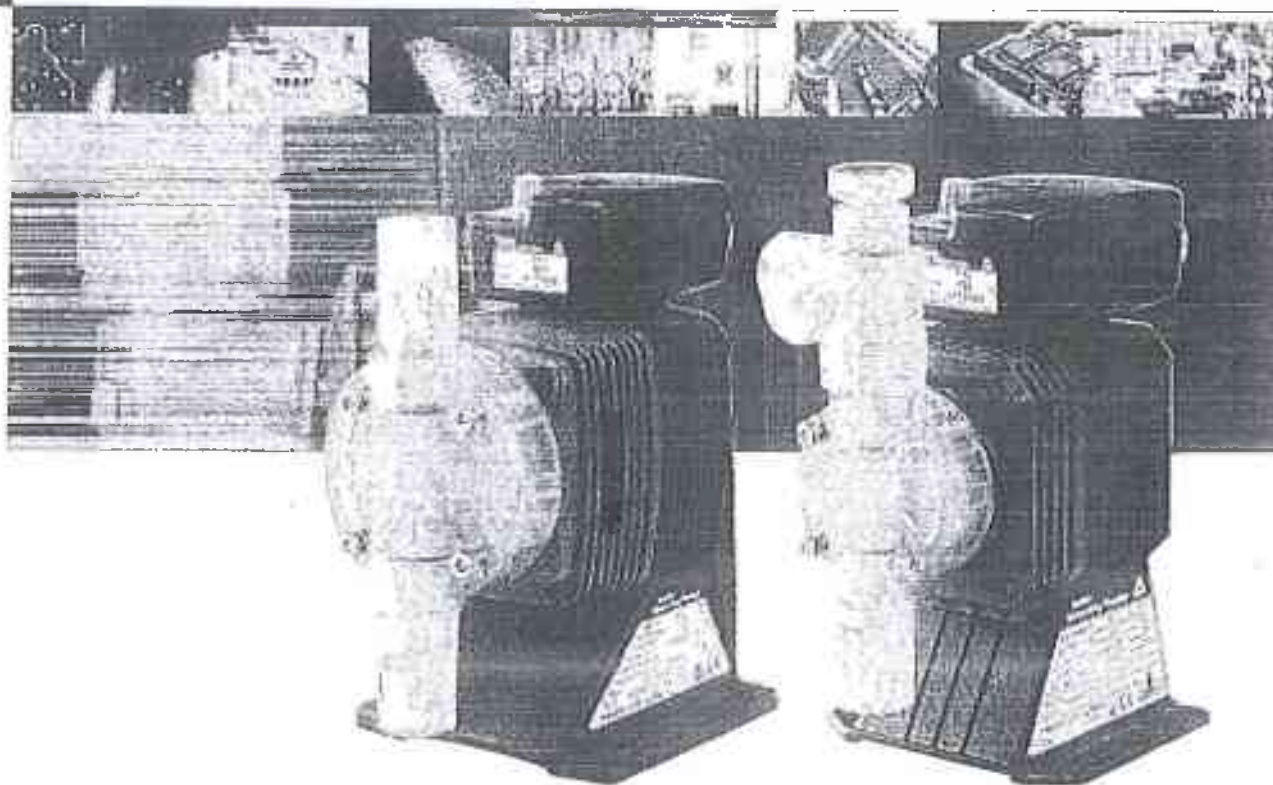


Customer:

IWAKI

Electromagnetic metering pumps

ES series



Precise chemical injection at low cost

The ES Series electromagnetic metering pump offers precise chemical injection at an economical cost. Manual, or on/off control for simple addition applications. Sophisticated engineering to provide effective, reliable performance.

High speed operation

Up to 360 strokes per minute results in high resolution chemical feed, elimination of slug-feed effects

Compact size

Ideal for OEM specifications, ES pumps are small, quiet, and lightweight

Double ball check valves

The ball, seat and guide assembly ensures a tight seal to prevent loss of prime.

Long lasting diaphragm

PTFE laminate over EPDM is molded onto a solid core. A retainer plate is provided to minimize flow rate changes as pressure varies.



B11/16/21, C16/21

B31, C31/36

Wet-end part materials

Material symbol	VC	VH
① Pump head	PVC	
② Valve	Alumina ceramic	Pasteloy C276
③ Valve seat	FKM	EPDM
④ Valve guide	PVC	
⑤ Gasket	PTFE	
⑥ O-ring	FKM	EPDM
⑦ Diaphragm	PTFE coated EPDM	

Pump identification

ES - B 16 VC - 230N 1					
①	②	③	④	⑤	⑥
① Series name			④ Wet-end part material symbol VC VH		
② Drive unit symbol B : 16W C : 22W			⑤ Power supply voltage symbol		
③ Diaphragm effective diameter 11 : 10mm 16 : 15mm 21 : 20mm 31 : 30mm 36 : 35mm			⑥ Hose connection (In mm) 1 : 4 X 9 3 : 6 X 8 4 : 8 X 13 5 : 9 X 12		

Specifications

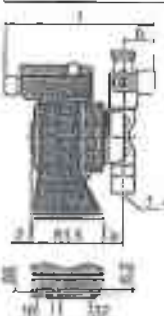
Model	B11	B16	B21	B31	C16	C21	C31	C36
Max capacity	2.28	3.9	5.7	12	4.8	7.8	16.2	24
	38	65	95	200	80	130	270	400
	0.11	0.18	0.26	0.56	0.23	0.37	0.76	1.13
Max. discharge pressure	1.0	0.7	0.4	0.2	0.7	0.7	0.35	0.2
Stroke rate	0 - 360 spm							
Power supply	AC220 - 240V, single phase, 50Hz / 60Hz							
Insulation type, etc.	B type insulation and built-in thermal protector, with a 2.0m power cable, without plug							

Note: • The max. discharge value in the table above represents the performance measured with clean water at max. discharge pressure, ambient temperature, and rated voltage.
 Actual discharge may increase if operation is conducted at a lower pressure.
 • Set the discharge pressure at 0.1 MPa or higher to prevent over-feeding trouble. (0.05 MPa or higher in the case of B31, C36.)
 • If the pressure is to be lower than these levels, make sure to use a check valve or a back pressure valve, which is supplied as an optional item.
 • Range of liquid temperature: 0-40°C.
 • Range of the ambient temperature: 0-40°C.
 • Max. viscosity: Up to 50mPa·s. If the viscosity exceeds 50mPa·s, please contact us.

Dimensions in mm

Model	W	H	L	a	b	c	d	e	f & g Tubing
ES-B11	100	(184)	(178)	(25)	(37)	(150)	80	(26)	4 X 9, 6 X 8
ES-B16		(184)	(178)	(25)	(37)	(150)		(26)	4 X 9, 6 X 8
ES-B21		(184)	(178)	(25)	(37)	(150)		(26)	4 X 9, 6 X 8
ES-B31	115	(172)	(159)	(27)	10	-	100	(8)	8 X 13, 6 X 12
ES-C16		(194)	(195.5)	(27)	(37)	(160)		(35)	4 X 9, 6 X 8
ES-C21		(194)	(195.5)	(27)	(37)	(160)		(35)	4 X 9, 6 X 8
ES-C31	115	(166.5)	(177.5)	(28)	(18)	(182)	100	(18)	B X 13, 9 X 12
ES-C36		(166.5)	(177.5)	(28.5)	(18)	(182.5)		(18.5)	B X 13, 9 X 12

B11/16/21, C16/21



B31, C31/36



Optional accessory

Check valve

This has the function of a non-return valve and prevents siphon and overfeed.

CA : Available in PVC.

CB : In line type to be connected in the middle of a hose, made of PVC.

Model	Connection		Set pressure MPa	Material			Applicable pump
	Inlet	Outlet		Body	Spring	O-ring	
CA-1VC	4x9	R3/8 and R1/2	0.17 ±0.04	PVC	Hastelloy C276	FKM	ES-B11, 16, 21
CA-1VE	6x8					EPDM	ES-C16, 21
CA-2VC	8x13 9x12		0.05 ±0.04 - 0.03			FKM	ES-C31
CA-2VE						EPDM	
CA-2VCL						FKM	ES-331
CA-2VEL						EPDM	ES-C35

Note: Please contact us for the specifications of CB.

www.iwakipumps.jp

IWAKI CO., LTD. 6-6 Kanda-Sudacho 2-chome Chiyoda-ku Tokyo 101-8558 Japan TEL : (81)3 3254 2335 FAX : 3 3252 8392

EUROPE / U.S.A.

European office: IWAKI Europe GmbH
 Austria : IWAKI (Austria) GmbH
 Belgium : IWAKI Belgium N.V.
 Denmark : IWAKI Nordic A/S
 Finland : IWAKI Suomi Oy
 France : IWAKI France S.A.
 Germany : IWAKI Europe GmbH
 Holland : IWAKI Holland B.V.
 Italy : IWAKI Italia S.R.L.
 Norway : IWAKI Norge AS
 Spain : IWAKI Iberica Pumps, S.A.
 Sweden : IWAKI Sverige AB
 Switzerland : IWAKI (Schweiz) AG
 U.S.A. : IWAKI America Inc.

TEL: (49)2154 9254 0 FAX: 2154 9254 48
 TEL: 41 26 674 93 00 FAX: 26 674 93 02
 TEL: (32)13 67 02 00 FAX: 13 67 20 30
 TEL: (45)48 24 2345 FAX: 45 24 2346
 TEL: (359)5 2745810 FAX: 5 2742715
 TEL: (33)1 69 63 33 70 FAX: 1 64 49 92 73
 TEL: 49 2154 9254 50 FAX: 2154 9254 55
 TEL: 31 287 24 121 FAX: 287 273302
 TEL: (39)02 990 3931 FAX: 02 990 42898
 TEL: (47)66 81 16 60 FAX: 66 81 16 61
 TEL: (34)943 630000 FAX: 943 627939
 TEL: 46 8 511 72900 FAX: 8 511 72922
 TEL: 41 26 674 93 00 FAX: 26 674 93 02
 TEL: (44)1743 23 363 FAX: 1743 356507
 TEL: (1)508 425 1400 FAX: 503 425 1336

ASIA / OCEANIA

Australia : IWAKI Pumps Australia Pty Ltd.
 China :
 Hong Kong : IWAKI Pumps Co., Ltd.
 Shanghai : IWAKI Pumps (Shanghai) Co., Ltd.
 Beijing : IWAKI Pumps Co., Ltd. (Beijing office)
 Guangzhou : GFTZ IWAKI Engineering & Trading Co., Ltd.
 Indonesia : IWAKI Singapore (Indonesia Branch)
 Korea : IWAKI Korea Co., Ltd.
 Malaysia : IWAKI Sdn. Bhd.
 Philippines : IWAKI Chemical Pumps Philippines, Inc.
 Singapore : IWAKI Singapore Pte. Ltd.
 Taiwan : IWAKI Pumps Taiwan Co., Ltd.
 Thailand : IWAKI (Thailand) Co., Ltd.
 Vietnam : IWAKI Pumps Vietnam Joint Venture Co., Ltd.

TEL: (61)2 9995 2411 FAX: 2 9399 2421
 TEL: (852)2607 1153 FAX: 2607 1000
 TEL: (86)21 6212 7502 FAX: 21 6272 6929
 TEL: (86)10 6442 7713 FAX: 10 6442 7712
 TEL: (86)20 8435 0633 FAX: 20 8435 6181
 TEL: (62)21 6906806 FAX: 21 6905612
 TEL: (82)2 2630 4500 FAX: 2 2630 4801
 TEL: (60)3 7803 6507 FAX: 3 7803 4800
 TEL: (63)2 898 0245 FAX: 2 843 3036
 TEL: (65)5316 2028 FAX: 6315 3921
 TEL: (886)2 8227 6900 FAX: 2 6227 6818
 TEL: (66)2 322 2471 FAX: 2 522 2477
 TEL: (84)313 833456 FAX: 613 933393

() Country codes



Caution for safety use: Before use of pump, read instruction manual carefully to use the product correctly.
 Actual pumps may differ from the photos. Specifications and dimensions are subject to change without prior notice. For further details please contact us.

PHỤ LỤC 6.
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI
TRƯỜNG

Số : 1261-11/23-5.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

2/ Địa chỉ : Đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2023

4/ Loại mẫu : 1261-11/23-5.6NT.Nước thải tại hồ ga tập trung đường số 10

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải KCX Tân Thuận		Phương pháp phân tích
					Tiêu chuẩn đầu nổi	Giới hạn tiếp nhận	
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,4 ⁰ C)	-	7,06	2÷12	5 - 9	3 - 11	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	8	1,5	200	500	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	26	2,0	400	800	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	11	1,0	100	500	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	33,3	1,50	60	90	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	3,81	0,016	8	16	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	KPH	0,010	15	45	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÔ GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
COSHET
TS. Thái Sanh Bảo Huy



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation.
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 028 /TTC-MTN.24

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Kính gửi : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

V/v: Thông báo kết quả xét nghiệm mẫu nước thải

Công ty TNHH Tân Thuận tổ chức kiểm tra môi trường và lấy mẫu nước thải định kỳ tại Quý Công ty ngày 30/11/2023. Hiện đã có kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong mẫu nước thải, Công ty TNHH Tân Thuận thông báo kết quả đến Quý Công ty (Bảng kết quả phân tích mẫu nước kèm theo).

Theo kết quả xét nghiệm, nước thải của Quý Công ty đạt tiêu chuẩn đầu nổi quy định. Đề nghị Quý Công ty tiếp tục thường xuyên xử lý nước thải cục bộ, thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, góp phần cùng Công ty TNHH Tân Thuận xây dựng KCX Tân Thuận ngày càng sạch đẹp.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: MT-N, TK

CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
P.TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN PHONG

Số : 212-03/21-3.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

2/ Địa chỉ : Đường số 10, KCX Tân Thuận, Quận 7, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 09/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL tại hố ga tập trung đường số 10 (X=608202; Y=1189633)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Tân Thuận		Phương pháp phân tích
					Tiêu chuẩn xả thải	Giới hạn tiếp nhận	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH** (31,6°C)	-	6,65	2 ÷ 12,5	5 - 9	3 - 11	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	92	5,0	200	500	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	144	2,0	400	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	68	1,0	100	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	18,4	1,56	60	90	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	7,51	0,017	8	16	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,011	15	45	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



TbS. Thái Sanh Bảo Huy



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation.
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 030/TTC MTN.21

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

V/v: Thông báo kết quả thẩm định lại nước thải

Kết quả xét nghiệm mẫu nước thải của Quý Công ty ngày 09/3/2021 trong đợt kiểm tra thẩm định đợt xuất nước thải do Công ty Tân Thuận phối hợp đơn vị đặc có chức năng thực hiện theo yêu cầu của Quý Công ty (công văn ngày 22/02/2021), cho thấy nước thải của Quý Công ty sau khi thu gom toàn bộ đưa về Hệ thống xử lý nước thải **đạt tiêu chuẩn xả thải quy định**. Công ty Tân Thuận sẽ ngưng thu phí xử lý nước thải hộ (F₁) **từ ngày 23/02/2021**.

Đề nghị Quý Công ty duy trì việc vận hành hệ thống xử lý nước thải cục bộ hiệu quả. Công ty Tân Thuận sẽ tiếp tục thực hiện việc giám sát, lấy mẫu đợt xuất nước thải và áp dụng tính phí xử lý hộ nếu nước thải của Quý Công ty không đạt tiêu chuẩn xả thải như các trường hợp tương tự khác trong Khu chế xuất.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

**CÔNG TY TÂN THUẬN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TSAO CHUNG HUNG



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation.
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/TTC-MTN.22

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

V/v: Thông báo kết quả xét nghiệm mẫu nước thải

Công ty Tân Thuận tổ chức kiểm tra môi trường và lấy mẫu nước thải định kỳ tại Quý Công ty ngày 02/8/2022. Hiện đã có kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong mẫu nước thải, Công ty Tân Thuận thông báo kết quả đến Quý Công ty (Bảng kết quả phân tích mẫu nước kèm theo).

Theo kết quả xét nghiệm, nước thải của Quý Công ty đạt tiêu chuẩn xả thải quy định. Công ty Tân Thuận hoan nghênh Quý Công ty đã quan tâm đầu tư xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối quy định.

Đề nghị Quý Công ty tiếp tục thường xuyên xử lý nước thải cục bộ, thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, góp phần cùng Công ty Tân Thuận xây dựng KCX Tân Thuận ngày càng sạch đẹp.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: MT-N, TK

CÔNG TY TÂN THUẬN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN PHONG

**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of Q.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 515-08/22-1.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

2/ Địa chỉ : Đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/08/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga tập trung đường số 10

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Tân Thuận		Phương pháp phân tích
					Tiêu chuẩn xả thải	Giới hạn tiếp nhận	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH** (30,1°C)	-	6,52	2 ÷ 12,5	5 - 9	3 - 11	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	200	500	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	47	2,0	400	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	24	1,0	100	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	1,59	1,56	60	90	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,69	0,017	8	16	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,10	0,011	15	45	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

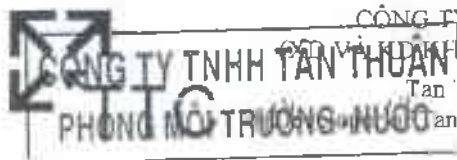
Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/1



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(Khu vực chế xuất Tân Thuận)
Tan Thuan Corporation
(Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 028G-MTN-BBKT.22



BIÊN BẢN KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG

(V/v lấy mẫu nước thải định kỳ đợt 2/2022)

Căn cứ:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Văn bản số 157/TTC-HC.17 ngày 10/8/2017 của Công ty TNHH Tân Thuận (TTC) về việc thành lập Phòng Môi trường - Nước (Phòng MT-N).

Hôm nay, lúc 15 giờ 00 Ngày 02 tháng 08 năm 2022, Chúng tôi gồm:

- Ông (Bà): Trần Đình Hải Chức vụ: Chủ nhiệm bộ phận Môi trường
- Ông (Bà): Nguyễn Thanh Long Chức vụ: Nhân viên B.P.M.T
- Ông (Bà): Trần Đình Hải Chức vụ: Nhân viên Coset

Làm việc với Công ty/Doanh nghiệp trong KCX Tân Thuận:

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam), đường: Số 10

Có sự hiện diện của đại diện phía Công ty/Doanh nghiệp:

- Ông (Bà): Nguyễn Ngọc Thanh Phong Chức vụ: Quản lý Tổng vụ
- Ông (Bà): Chức vụ:

Sau khi cùng trao đổi với đại diện phía Công ty, chúng tôi thống nhất nội dung biên bản như sau:

Thực hiện theo nội dung công văn số 073/TTC-MTN.22 ngày 11/7/2022 về việc kiểm tra tình trạng đầu nổi thoát nước, xử lý nước thải cục bộ và lấy mẫu nước thải định kỳ đợt 2/2022, Công ty Tân Thuận phối hợp với đơn vị đo đạc có chức năng (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động - COSIET) tiến hành kiểm tra tại Công ty và ghi nhận như sau:

+ Hiện trạng đầu nổi thoát nước, xử lý nước thải cục bộ:

- Tại thời điểm kiểm tra Công ty hoạt động bình thường.
- Ngành nghề: Sản xuất đồ gỗ, số lượng lao động khoảng 700 người.
- Nguồn nước: 04 VL để thoát ra miệng nước mưa của KCX trên đường số 10.
- Nguồn thải: Nước thải từ khu vực nhà ăn, nước thải từ bãi rửa xe, nhà bảo vệ, nước thải từ nhà vệ sinh sau khi thoát về hệ thống ga trung gian để bơm vào hồ thủy xử lý của nước 70m³/ngày đêm (tại hồ thủy kiểm tra hệ thống đang vận hành bình thường). Nước thải sau xử lý chảy vào 04 VL để thoát ra đường số 10.

+ Đơn vị đo đạc (COSHET) tiến hành lấy đột xuất 01 mẫu nước thải có niêm phong và chứng kiến của đại diện Công ty (đính kèm Biên bản lấy mẫu). Mẫu nước thải sẽ được “Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động” chịu trách nhiệm bảo quản và phân tích.

+Khác (nếu có):.....

- Sau khi có kết quả phân tích, Công ty Tân Thuận sẽ có văn bản thông báo đến Công ty.
- Yêu cầu:

Ý kiến của Công ty/ doanh nghiệp:

Thấy nhất hợp dung biên bản

Biên bản kết thúc lúc : 16 giờ 35 cùng ngày và được lập thành 02 (hai) bản gửi các bên liên quan, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Đại diện

CÔNG TY/ DOANH NGHIỆP


Nguyễn Ngọc Thanh Phụng

Đại diện

CÔNG TY TÂN THUẬN

Phòng Môi Trường Nước


Đông Thanh Long



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(XD VÀ KD KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN)
Tan Thuan Corporation.
(Developer of Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/TTC-MTN.22

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)**

V/v: Thông báo kết quả xét nghiệm mẫu nước thải

Công ty Tân Thuận tổ chức kiểm tra môi trường và lấy mẫu nước thải định kỳ tại Quý Công ty ngày 02/8/2022. Hiện đã có kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong mẫu nước thải, Công ty Tân Thuận thông báo kết quả đến Quý Công ty (Bảng kết quả phân tích mẫu nước kèm theo).

Theo kết quả xét nghiệm, nước thải của Quý Công ty đạt tiêu chuẩn xả thải quy định. Công ty Tân Thuận hoan nghênh Quý Công ty đã quan tâm đầu tư xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối quy định.

Đề nghị Quý Công ty tiếp tục thường xuyên xử lý nước thải cục bộ, thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, góp phần cùng Công ty Tân Thuận xây dựng KCX Tân Thuận ngày càng sạch đẹp.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: MT-N, TK

CÔNG TY TÂN THUẬN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN PHONG

**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of Q.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 515-08/22-1.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH GUNZE (VIỆT NAM)

2/ Địa chỉ : Đường số 10, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/08/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga tập trung đường số 10

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Tân Thuận		Phương pháp phân tích
					Tiêu chuẩn xả thải	Giới hạn tiếp nhận	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH** (30,1°C)	-	6,52	2 ÷ 12,5	5 - 9	3 - 11	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	200	500	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	47	2,0	400	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	24	1,0	100	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	1,59	1,56	60	90	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,69	0,017	8	16	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,10	0,011	15	45	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

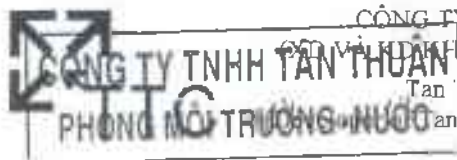
Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/1



CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN
(Khu vực chế xuất Tân Thuận)
Tan Thuan Corporation
(Tan Thuan Export Processing Zone)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 028G-MTN-BBKT.22



BIÊN BẢN KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG

(V/v lấy mẫu nước thải định kỳ đợt 2/2022)

Căn cứ:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Văn bản số 157/TTC-HC.17 ngày 10/8/2017 của Công ty TNHH Tân Thuận (TTC) về việc thành lập Phòng Môi trường - Nước (Phòng MT-N).

Hôm nay, lúc 15 giờ 00 Ngày 02 tháng 08 năm 2022, Chúng tôi gồm:

- Ông (Bà): Trần Đình Hải Chức vụ: Chủ nhiệm bộ phận Môi trường
- Ông (Bà): Nguyễn Thanh Long Chức vụ: Nhân viên B.P.M.T
- Ông (Bà): Trần Đình Hải Chức vụ: Nhân viên Coset

Làm việc với Công ty/Doanh nghiệp trong KCX Tân Thuận:

Công ty TNHH Gunze (Việt Nam), đường: Số 10

Có sự hiện diện của đại diện phía Công ty/Doanh nghiệp:

- Ông (Bà): Nguyễn Ngọc Thanh Phong Chức vụ: Quản lý Tổng vụ
- Ông (Bà): Chức vụ:

Sau khi cùng trao đổi với đại diện phía Công ty, chúng tôi thống nhất nội dung biên bản như sau:

Thực hiện theo nội dung công văn số 073/TTC-MTN.22 ngày 11/7/2022 về việc kiểm tra tình trạng đầu nối thoát nước, xử lý nước thải cục bộ và lấy mẫu nước thải định kỳ đợt 2/2022, Công ty Tân Thuận phối hợp với đơn vị đo đạc có chức năng (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động - COSIET) tiến hành kiểm tra tại Công ty và ghi nhận như sau:

+ Hiện trạng đầu nối thoát nước, xử lý nước thải cục bộ:

- Tại thời điểm kiểm tra Công ty hoạt động bình thường.
- Ngành nghề: Sản xuất đồ gỗ, số lượng lao động khoảng 700 người.
- Nguồn nước: Hệ xả VL để thoát ra miệng nước mưa của KCX trên đường số 10.
- Nguồn thải: Nước thải từ khu vực nhà ăn, nước thải từ bãi rửa xe, nhà bảo vệ, nước thải từ nhà vệ sinh sau khi thoát về hệ thống ga trung gian để bơm vào hồ thủy xử lý của nước 70m³/ngày đêm (tại hồ thủy kiểm tra hệ thống đang vận hành bình thường). Nước thải sau xử lý chảy vào hệ xả VL để thoát ra đường số 10.

+ Đơn vị đo đạc (COSHET) tiến hành lấy đột xuất 01 mẫu nước thải có niêm phong và chứng kiến của đại diện Công ty (đính kèm Biên bản lấy mẫu). Mẫu nước thải sẽ được “Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động” chịu trách nhiệm bảo quản và phân tích.

+Khác (nếu có):.....

- Sau khi có kết quả phân tích, Công ty Tân Thuận sẽ có văn bản thông báo đến Công ty.
- Yêu cầu:

Ý kiến của Công ty/ doanh nghiệp:

Thấy nhất hợp dung biên bản

Biên bản kết thúc lúc : 16 giờ 35 cùng ngày và được lập thành 02 (hai) bản gửi các bên liên quan, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Đại diện

CÔNG TY/ DOANH NGHIỆP

Nguyễn Ngọc Thanh Phong

Đại diện

CÔNG TY TÂN THUẬN

Phòng Môi Trường Nước

Đông Thanh Long

PHỤ LỤC 7.
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU GIÁM SÁT

